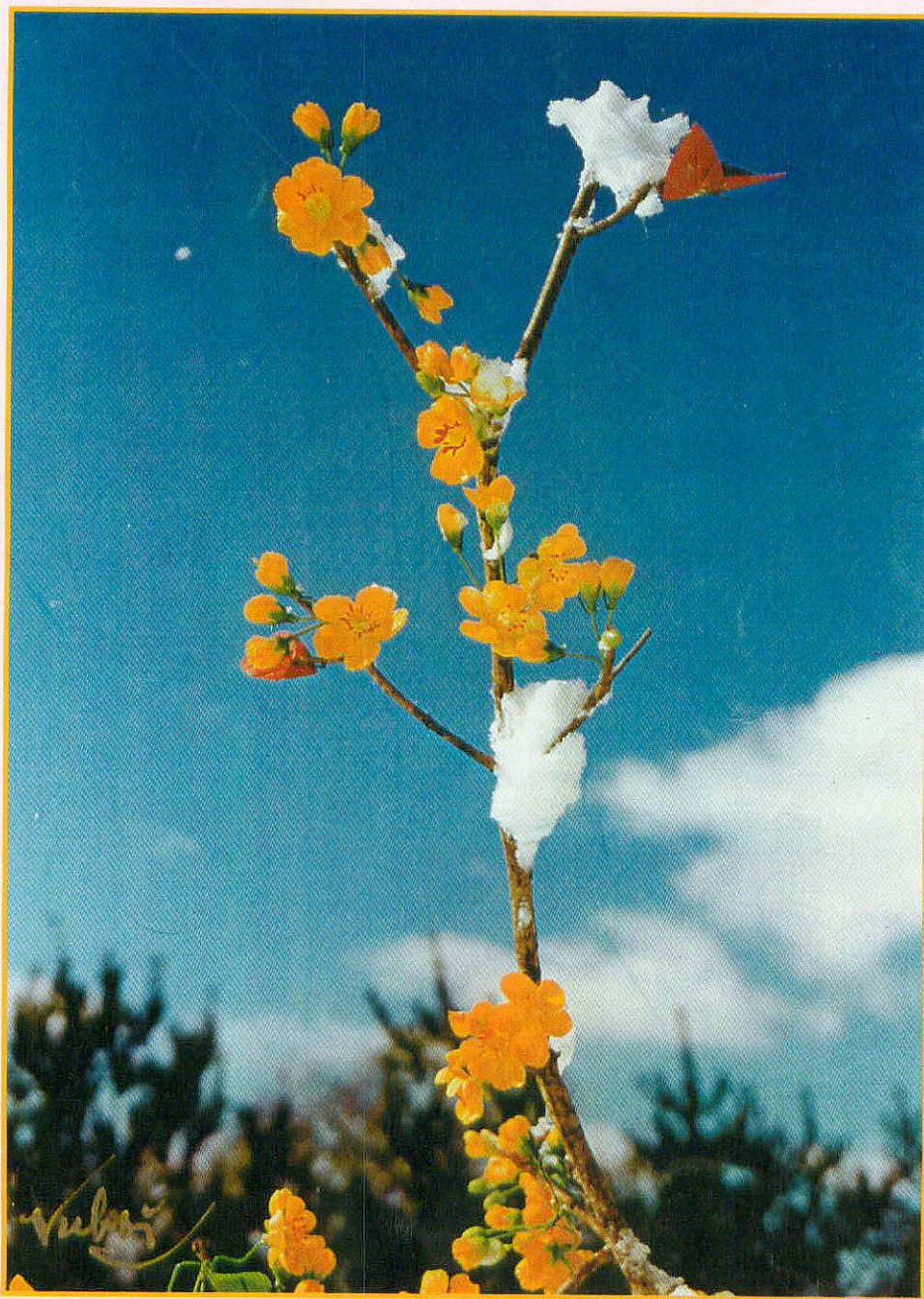


PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
10

MỪNG XUÂN ĐINH SỬU 1997

Bác Sĩ Nha Khoa TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG, D.D.S.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



Nhân dịp Xuân về
trân trọng kính chúc
quí vị một năm mới
An Khang và Thịnh vượng.
Xin thành thật cảm ơn
tất cả quí vị đã ủng hộ
và tin nhiệm văn phòng
nha sĩ Tâm Hương
trong suốt năm qua.

Hội viên Americal Dental Association
Hội viên Academy Of General Dentistry
Hội viên California Dental Association



- DÙNG MÁY SIÊU ÂM (ULTRASONIC)
- KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH KỲ
- TRỊ BỆNH NƯỚC RĂNG.
- NHA KHOA PHÒNG NGỪA
- CHỮA, NHỔ RĂNG CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI LỚN.
- NHA KHOA THẨM MỸ - DÙNG U.V. LIGHT SỬA VÀ LÀM ĐẸP CÁC RĂNG CỬA HƯ, XẤU HOẶC HỒ.
- TẮY TRẮNG RĂNG (BLEACHING)
- LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ (FIXED, REMOVABLE, PROSTHODONTIC)

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



818-708-7280

18554 Sherman Way, Reseda, CA 91335

Roscoe			
Saticoy			
Sherman Way			
Vanowen	Wilbur	Amigo	Reseda
			NHA SĨ TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

GIỜ LÀM VIỆC
THỨ BA-THỨ SÁU: 9AM-7PM
THỨ BẢY-CHỦ NHẬT : 9AM-4PM
NGHỈ THỨ HAI

Nhận bảo hiểm, Medical, trả góp.
Xử dụng máy móc tối tân và kỹ thuật hiện đại
để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi
điều trị

KHÁM BỆNH THEO HẸN, ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
Trường hợp khẩn cấp, xin đến thẳng văn phòng

CÔNG TY ĐỊA ỐC VÀ TÀI TRỢ

Imperial Realty

20201 SHERMAN WAY # 106B
CANOGA PARK, CA 91306

Tel: (818) 700-1111



TONY TOÀN BÙI

BROKER/OWNER

Pager: (818) 420-4848

HELEN HOA PHAN
BROKER ASSOCIATE

* ĐÃ TỪNG ĐƯỢC SỰ TÍN NHIỆM CỦA QUÍ THÂN CHỦ TỪ 14 NĂM QUA.

* CHỈ CẦN KHOẢNG \$5,000 QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ. TIỀN HÀNG THÁNG VẪN RẺ HƠN MƯỜN NHÀ.

DENNIS NGUYEN
BROKER ASSOCIATE

* ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI QUYẾT VỚI LENDER NHỮNG CĂN NHÀ GIÁ TRỊ THẤP HƠN SO VỚI NỢ MÌNH ĐANG TRẢ, HOẶC BÁN NHÀ KHÔNG TRẢ LỆ PHÍ.

* KINH NGHIỆM NHIỀU NĂM THƯƠNG LƯỢNG VỚI LENDER CÁC VẤN ĐỀ MÀ HẦU HẾT CHÚNG TA ĐỀU GẶP PHẢI.

* PHÂN LỜI THẤP, CƠ HỘI REFINANCE ĐỂ GIẢM TIỀN HÀNG THÁNG.

JOHN NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

PAULA NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

BORA NGAY
REALTOR ASSOCIATE

CÓ CHƯƠNG TRÌNH FHA VÀ VA.

ĐẶC BIỆT:

**CÓ THỂ VAY \$25,000 ĐỂ SỬA CHỮA NHÀ
CỬA TRONG VÒNG 2 TUẦN**

MASOOD MOHAMMADI
REALTOR ASSOCIATE

DAVID VU
MANAGER

KEVIN VU
BROKER ASSOCIATE

TIFFANY VU
REALTOR ASSOCIATE

HOWARD HAI VU
REALTOR ASSOCIATE

BINH NGO
REALTOR ASSOCIATE

ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ!

PHỤC VỤ THÂN CHỦ Ở CÁC VÙNG MIỀN NAM CALIFORNIA, LOS ANGELES, ALHAMBRA, MONTEREY PARK, ROSEMEAD, POMONA, GLENDALE, HAWTHORNE, GARDENA, LONG BEACH, RESEDA, VAN NUYS, SIMI VALLEY, VENTURA COUNTY, ORANGE COUNTY, RIVERSIDE, SAN BERNADINO, PALM SPRING VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN

TỔ HỢP VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

RICHARD LENARD & JOHN CANSDALE

CHUYÊN LO TAI NẠN XE CÔ

Tổng Giám Đốc điều hành : JIMMY HẢI



Luật Sư John Cansdale E.S.Q. - Luật Sư Richard Lenard E.S.Q. - Nữ Luật Sư Marjorie Johnson E.S.Q.
Nữ Luật Sư Kathleen A. Brown E.S.Q. - Luật Sư K. Sean Singh E.S.Q. - Luật Sư Jerry Morgan E.S.Q.

ĐẶC BIỆT: Với sự tin nhiệm của thân chủ ủy thác trong nhiều năm qua

LỆ PHÍ LUẬT SƯ CHỈ CÓ: 11.99%

UY TÍN - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO - NHANH CHÓNG

Sau khi tai nạn xảy ra dù có bảo hiểm hay không, có cảnh sát hay không. Để được mọi mặt và giải quyết toàn diện vấn đề. Đừng ngần ngại, xin quý vị gọi **điện thoại miễn phí cho các vùng:**

1-800-540-6466

Ngoài ra Luật Sư còn đảm trách mọi lãnh vực pháp lý & tranh tụng của quý vị

- * Tai nạn trong sở làm.
- * Trượt té trong hàng quán, siêu thị.
- * Bộ hành bị thương tích.
- * Chó cắn, v.v...

- * Khai phá sản
- * Ly dị, ly thân.
- * Thành lập công ty.
- * Uống rượu lái xe.

- * Bất cẩn y tế của Bác Sĩ
- * Luật di trú.
- * Luật địa ốc.
- * Trộm cắp, ma túy, hành hung.

ORANGE COUNTY OFFICE

625 City Driver Iâu 4,
Orange, CA 92668

(714) 550-1099 TEL
(310) 320-7344 TEL
(714) 208-0967 PAGER
(310) 980-9450 PAGER

LOS ANGELES SAN FERNANDO OFFICE

18541 Sherman Way, suite 202
Reseda, CA 91335

(818) 881-9724 TEL
(213) 224-0339 TEL
(818) 494-8210 PAGER
(213) 829-7313 PAGER

SAN BERNADINO OFFICE

395 D. St., San Bernadino, CA

RIVER SIDE OFFICE

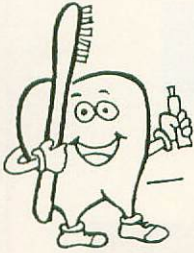
3620 13Th st. Riverside.

(909) 622-3397 TEL
(818) 680-4535 PAGER

TRUNG TÂM NHA KHOA PACIFIC DENTAL GROUP, INC.

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
* Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo ráp.

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.

All Real Estate Funding

CÔNG TY TÀI TRỢ ĐỊA ỐC CHUYÊN NGHIỆP

19762 Sherman way., Canoga Park, CA 91306
(góc đường Corbin & Sherman Way)

Tel. (818) 347-9798 * Fax. (818) 347-3924

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ

*uy tín và nhiều kinh nghiệm nhất trong vùng San Fernando Valley
và phụ cận. Tận tình giúp quý vị mua bán bất động sản, vay tiền
và mượn tiền từ các ngân hàng hay các nhà đầu tư địa ốc.*

.....
QUÝ VỊ CẦN VAY TIỀN
Mua Nhà * Refinance
.....

Xin Gọi

ALL REAL ESTATE FUNDING



RICHARD MUÔI TRƯƠNG
BROKER / OWNER

ĐẶC BIỆT

- LỆ PHÍ NHẸ, TIỀN LỜI THẤP
- TIỀN PHÍ TỔN KHI HỒ SƠ HOÀN TẤT SẼ ĐÚNG NHƯ LÚC BAN ĐẦU QUÝ VỊ ĐÃ ĐỒNG Ý.
- NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH.
- 30 NĂM CỐ ĐỊNH: 7.25%
- 15 NĂM CỐ ĐỊNH: 6.75%



MONA MUÔI TRƯƠNG
REAL ESTATE BROKER
SR. LOAN OFFICER

UY TÍN * TẬN TÂM * NHANH CHÓNG * KINH NGHIỆM

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI
TẠI HOA KỲ và VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO**

Trân trọng kính chúc

- *Chư Tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Toạ,
Đại Đức, Tăng Ni*
- *Chư vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo*
- *Quý văn thi hữu đóng góp bài vở cho tạp chí PGHN*
- *Toàn thể đồng bào và Phật tử trong và ngoài nước*
 - *Quý ân nhân ủng hộ, quý thân chủ quảng cáo
và chư độc giả tạp chí PGHN*

Trọn hưởng một năm mới vô lượng an lạc, vạn sự như ý

*Nguyện cầu Dân tộc Việt Nam sớm hưởng thái bình
đất nước Việt Nam sớm giải trừ quốc nạn để chuẩn bị bước vào
một kỷ nguyên mới xán lạn, vui tươi, thịnh vượng.*

Tạp Chí
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: **Quảng Thành**

Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**

Tổng thư ký: **Tâm Quang**

Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

P.O. BOX 7659

Van Nuys, CA 91409-7659 USA

☎ : (818) 893-5317

Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất
thiết phải ảnh quan điểm của tòa soạn.

Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy,
computer (hoặc gửi floppy disk càng tốt)
hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm
lẫn về nội dung cũng như hình thức bài
gốc.

Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa
chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc
khi cần.

SỐ 10, XUÂN DI LẶC 2541, THÁNG 02/1997

Mục Lục

Thông điệp Xuân Đinh Sửu của GHPGVNTNHN-HK	3
Thư Chúc Xuân, HT Thích Huyền Quang	5
Lá thư Đầu Xuân, HT Thích Đức Nhuận	6
Vi Diệu Không, Chim Vẩn Hót Ca, thơ Thuyền Ẩn	7
Thiền Sư và Mùa Xuân, Vĩnh Hảo	8
Xuân đầu có một ngày, Đường về Tịnh thổ..., thơ TQ Nguyên Thơ	15
Vai trò của Tánh Không..., Huỳnh Kim Quang	16
Những mùa Xuân của Ứng Bình Thúc Giạ, Thái Văn Kiểm	20
Tự do tôn giáo, Thế nước lòng dân..., Lý Đại Nguyên	31
Biểu cảnh, thơ Như Yên — Xuân mới, Nhớ nhà, thơ Hoàng Việt Thi	35
Tôn giáo vận, Nguyên Tường	36
Phật giáo và Khoa học, BS Trần Xuân Ninh	40
Thi sĩ Đông Hồ và Hà Tiên, Phạm Thăng	43
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, Th. Thắng Hoan	51
Cuộc du hành sang Lạp Tát của Tây Tạng, HT Thích Trí Chơn	55
Thấm, Ngắm, thơ Phù Du	57
Cái Chết có thật đáng sợ không? Thích Tâm Quang dịch	58
Mai em về Quê hương, thơ Hạ Thi Nhân	61
Theo tiếng Chuông ngân, Việt Dương	62
Nhân quả thế gian, Thiện Bửu	67
Tô canh Bù ngọt, truyện ngắn Huỳnh Trung Chánh	72
Bài thơ Chúc Thọ, Sáng mùa Xuân, thơ Thúy Trúc	84
Cõi tịnh, truyện ngắn Diệu Nga	85
Xuân về, Gửi bạn, thơ Đức Niệm, thư họa Vũ Hối	100
Cánh chim mùa bão, truyện ngắn Trần Trung Đạo	104
Em bé Việt Nam và viên sỏi, thơ Trần Trung Đạo	110
Tin tức sinh hoạt của Giáo Hội trong và ngoài nước	111
Hình ảnh sinh hoạt	119
Tri ân	131
Thư kêu gọi của Tòa soạn PGHN	132
Thư mục kinh sách của Phật Học Viện Quốc Tế	133
Quảng cáo	138

Hình bìa: Mai vàng điểm tuyết, của họa sĩ Vũ Hối

Thư Chúc Xuân

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nhân dịp Xuân Đinh Sửu lại về với vũ trụ muôn loài, với cỏ hoa sông núi, tôi kính gửi đến chư Tôn giáo phẩm Cao cấp, Trung cấp, Chư Đại đức Tăng Ni xa gần lời chúc mừng Năm mới và mong rằng tất cả chúng ta hãy vận dụng tâm Từ Bi, Trí Tuệ và dũng mãnh để đưa con thuyền Đạo pháp vượt qua biển khổ đến bờ an vui hòa bình.

Và cũng nhân Xuân mới này, tôi cũng kính gửi đến chư vị Thiện hữu Tri thức, đồng bào Phật tử các giới mười phương, lời chúc mừng năm mới được mọi sự hạnh phúc an vui, bồ đề tâm kiên cố, chí tu học vững bền, phò trì Đạo pháp, xây dựng quê hương.

Riêng tôi sức khỏe dĩ nhiên ngày một đi xuống, nhưng hiện giờ chưa phát sinh bệnh hoạn gì khó chữa.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Nay kính,



Hòa thượng Thích Huyền Quang

Lá Thư Đầu Xuân

Nam mô Dương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính bạch Liệt vị Hòa thượng và Chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni,

— Liệt vị Tôn đức Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN-Hải Ngoại,

— Và toàn thể quý vị nam nữ Cư sĩ Phật tử.

Thưa quý Liệt vị,

Mùa xuân là mùa đổi mới! Nên mỗi độ Xuân đến là mỗi lần lòng người cũng tùy thuận mà đổi mới theo. Cảnh vật đổi mới! cây cỏ xanh tươi, trăm hoa đua nở, chim chóc cũng hoan ca, trời đất muôn sao bùng sáng như để đón mừng một mùa Xuân mới đã đến với cõi nhân gian.

Theo truyền thống của nền Văn hóa “nông nghiệp thảo mộc” vùng Đông Nam Á và sự vận hành của vũ trụ, sự thay đổi thời tiết trong bốn mùa xuân-hạ-thu-đông, tính theo Âm lịch thì cứ mỗi định kỳ, đến ngày cuối của 365 ngày là chấm hết một năm. Và một Năm Mới tràn nguồn Hy Vọng lại đến với muôn loài vạn vật.

Là Phật tử, trong buổi đầu năm, không chỉ riêng mừng vui với một mùa Xuân mới, mà đồng thời, chúng ta còn tấm gột tâm hồn mình cho trong sáng, thắp lên ánh Lửa Trí Tuệ để đón mừng ngày **Bồ Tát Di Lạc** đản sinh cũng vào ngày mừng một Tết mỗi năm. Theo đức **Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni** phó chúc, thì **Bồ Tát Di Lạc** sẽ là vị giáo chủ tương lai của cõi Trời và cõi người. Cúi xin **Bồ Tát** rủ lòng thương xót - **Chúng sinh vì nghiệp chướng sâu dày, không tin nhân quả, không minh chính pháp nên đã gây biết bao tội lỗi ở đời!**- mà thị hiện ra đời **MỞ PHÁP HỘI LONG HOA, TUYÊN DƯƠNG CHÍNH GIÁO, CỨU ĐỘ CHÚNG SINH** thoát khỏi khổ đau, mê tối, biết lấy **TÌNH THƯƠNG** xóa bỏ hận thù, để con người đối với con người không còn coi nhau là kẻ thù xa lạ, để không còn gây đau khổ phiền não cho nhau, và mọi người, mỗi người thương yêu đùm bọc, giúp đỡ vui sống bên nhau, để ai nấy cũng sống trong một cảnh giới an vui của đạo Từ Bi, Đạo Phật.

Nhân dịp đầu năm mới, mọi sự... đều đổi mới! Trong một năm thật không có gì tốt đẹp hơn ngày Tết! Là Phật tử, chúng ta cũng có chung một tâm niệm giống nhau là giữ bỏ mọi ác nghiệp, phiền não... (như sự phân hóa của nội bộ giáo hội — Sự thật lại không do chúng ta chủ động, mà bởi những nghịch cảnh thời thế ngoại tại gây nên!).

Đã từ ba mươi năm nay giáo hội chúng ta bị chia rẽ, **MỠI ĐOÀN THỂ, MỠI NGƯỜI LÀM PHẬT SỰ TÙY TIỆN THEO Ý RIÊNG MÌNH**. Ngày nay, trước sự tiến hóa của nhân loại, thế giới năm châu không còn xa cách nữa, nền văn minh vì tính khiến con người gần lại với nhau. Không lẽ gì, Phật giáo chúng ta lại không liên kết được với nhau?

Với cương vị của bậc “Chúng Trung Tôn” và là tăng sĩ, Trưởng tử của Đức Như Lai, chúng ta nguyện khép mình trong nếp **LỤC HÒA**, ví như ánh sáng với hư không, như sữa với nước thấm vào lòng đất (làm chất liệu) giúp cho bông hoa nở đẹp làm tươi mát hồn người và cuộc sống từ đó trở nên có ý nghĩa hơn.

Để làm quy củ gương mẫu cho tứ chúng đồng qui; để hàn gắn và xây dựng lại những đổ vỡ; để hình ảnh Tăng sĩ là những đóa sen sáng ngời mọc lên tự đáy hồ mà không bị ô nhiễm... Chỉ có như thế mới mong có Hy Vọng để tự cứu mình và cứu đời, làm tròn **SỨ MỆNH PHỤNG SỰ DÂN TỘC, NHÂN LOẠI** và **ĐẠO PHÁP** một cách hữu hiệu.

Tin tưởng vào sự thành đạt của ngày mai, tôi xin dâng lễ liệt vị Tăng già và cầu chúc quý ngài “Pháp thể được khinh an, chúng sanh dị độ”, và thành tâm nguyện cầu Đức Phật từ bi ban phúc lành đến với toàn thể quý Phật tử và nhân loại trong năm Đinh Sửu được mọi sự tốt lành, như ý.

NAM MÔ HOAN HỖ TẶNG **BỒ TÁT CHÚNG MINH**

Sa môn: Thích Đức Nhuận

Thơ THUYỀN AN

Chim Vãn Hót Ca

Lúc Anh chưa sinh ra,
Thời gian Anh đang sống,
Sau khi Anh chết đi,
Mặt trời, mặt trăng vẫn soi sáng,
Suối vẫn reo,
Gió vẫn thổi,
Hoa vẫn nở,
Chim vẫn hót ca.
Có Anh hay không Anh,
Cỏ, cây, sông, núi, vũ trụ nhiệm mầu này
vẫn không hề thêm bớt.
Anh chết, đi về đâu?
Anh đến đây, từ nơi nào?
Có thêm bớt gì cho chiếc lá vàng rơi?
Cho hạt sương mai lung linh đầu ngọn cỏ?
Con nai vàng ngấm trăng bên bờ suối,
Bướm hồng bay trong nắng,
Anh lững thững đi trên đường đời.
Trong số đó
Ai là giải thoát?
Tâm hồn ai thanh thản?
Ý sống ai hồn nhiên?
Rồi khi Anh chết đi,
Suối vẫn reo,
Sóng vẫn vỗ,
Cuộc đời bào ảnh của Anh
sẽ trôi giạt chốn nào?
Anh có biết không?
Ngoài kia,
Trong nắng vàng,
Một đóa hoa hồng đang nở,
Chào đón vũ trụ nhiệm mầu.

(Bài thơ này làm trong vườn hoa trường đại học Wisconsin,
vào một sáng mùa xuân nắng vàng năm 1970)

Vi Diệu Không

Nhìn lại chính mình trong bóng đêm
Sương khuya đang rung động bên thềm
Trăng mờ xa vắng không gian vắng
Lông lộng mênh mang hồn nhẹ êm.

Ngàn năm một thoáng phút giây qua
Giác ngộ trần gian hư ảo mà
Tức Có, tức Không đều huyễn mộng
Phật tâm bất diệt vốn trong ta.

Sao sáng trời đêm tâm tịnh minh
Trầm trầm ngộ lại Phật ngay mình
Ngàn năm còn đó chân như hiện
Quên hết thặng trầm quên tử sinh.

Tâm tịnh là tâm không nào phiền
Không triền, không phược, không oan khiên
Sát-na vạn kiếp ai hay biết
Sương động bên đời, trăng vắng yên.

Mười phương thế giới hiện trong tâm
Pháp Phật vô biên quá thậm thâm
Vương bản mà chi nhân với ngã
Niết bàn xuất hiện tại dương trần.

Cõi Phật hằng sa vi diệu Không
Chúng sinh cùng Phật bản nguyên đồng
Một là tất cả viên dung hết
Phật tính tỏa ngời vạn pháp thông.

(1994)

THIÊN SƯ VÀ MÙA XUÂN

Vĩnh Hảo

Người ta thường có thói quen nói về xuân vào dịp xuân sắp đến, đang đến hay mới đến. Nói một cách rầm rộ lao xao trên tất cả những tờ báo từ đặc san, nguyệt san, bán nguyệt san, tuần san, báo biểu hay báo bán. Nói về một thứ mùa xuân thời tiết báo hiệu sự chuyển mình vươn dậy của đất trời thiên nhiên lay động cả những chồi lộc của muôn hoa muôn lá, ảnh hưởng đến tâm cảnh, hoàn cảnh hay gia cảnh riêng của mỗi người. Mùa xuân là biểu tượng của tươi vui, phúc lạc, may mắn, dồi dào, thịnh vượng, sức khỏe, trẻ đẹp... Đến khi xuân qua rồi, mọi thứ đều xẹp xuống như chiếc bong bóng xì hơi. Mọi người lại lãng xãng, tất tả, xuôi ngược chạy gạo chạy cơm, hàng quán mở lại, chợ búa lại họp, rồi người vào sở, người ra ruộng...; tuổi trẻ thì lại tiếp tục cặp sách đến trường. Người ta biết vậy, biết rằng mùa xuân đến sẽ đi, hạnh phúc có rồi sẽ tàn, nhưng người ta vẫn cứ bằng lòng, chấp nhận sống theo cái vận hành trời sut đó, cho là điều tất nhiên, không thể lay chuyển hay thoát ra được. Được thì vui, mất thì buồn. Biệt ly thì đau khổ, gần gũi thì hạnh phúc. Ai khen thì nở mặt, ai chê thì ủ rũ. Vừa ý thì hân hoan, trái ý thì cáu giận. Sống như vậy là sống theo thời tiết. Mùa xuân như vậy chỉ là mùa xuân thời tiết.

Thiên sư không sống theo thời tiết, dù rằng đã có vị nghịch ngợm nói:

"Nực thì đổ mồ hôi,

Lạnh thì run rẩy."

Làm bộ như là mình cũng tâm thường như ai, mà kỳ thực là nói cái an nhiên tự tại giữa sự chuyển xoay của vạn hữu vô thường.

Thiên sư là ai?

Nói nôm na là kẻ tu tập thiền định và có khả năng hướng dẫn được kẻ khác thực hành thiền định. Còn nói theo danh nghĩa lý tưởng thì đó là kẻ đã đứng ở ngoài cái giới hạn của không gian và thời gian tương đối, không còn vướng mắc vào mọi tương đối đả nhị nguyên, liễu đạt và thực chứng được thực tại tối hậu, thấy được mùa xuân thường tại bất diệt ngay trong huyền tượng sinh diệt của thế gian.

Hai mươi năm trước, giới tu tập Phật giáo hãy còn "húy kỵ" hai chữ "thiên sư" này, như thể nó chỉ được dùng cho những sư tổ đắc đạo và lưu danh trong sử sách. Thảng hoặc có dùng để xưng gọi các vị sư chuyên môn về thiền và còn đang sống, đang hành đạo đi nữa, cũng rất hiếm hoi (mà có thể là người viết bài này không được nghe tới), đến nỗi người ta có thể tưởng được rằng Việt Nam không có thiên sư. Vài nhà sư chuyên tu tập thiền và dạy thiền cho thính chúng đệ tử thì cũng chỉ được đệ tử xưng gọi một tiếng thân mật "Thầy" hay xa cách hơn một chút thì gọi là "Thượng tọa," "Hòa thượng" — cách gọi thông thường có thể dùng để xưng hô với bất cứ vị cao tăng nào. (Phải chăng chính vì hiện tượng này mà có vị đồng đạo tuyên bố một "khám phá" rất học đường rằng: "Việt Nam không có thiên" hoặc một số người khác thấy ở hải ngoại rầm rộ nổi lên phong trào thiền với khá nhiều thiên sư liền cho rằng thiền Việt Nam mới được khai sáng tại nước ngoài những năm gần đây?)

Nhưng bây giờ thì từ ngữ "thiền" hay "thiên sư" không còn mới lạ hay phải "húy kỵ" nữa. Chúng ta được chứng kiến và sống cùng thời với

các thiền sư như là đã trở lại thời kỳ Tượng pháp, hay xa hơn nữa, thời kỳ Chánh pháp của thời Phật. Chúng ta có thể học thiền với những vị thiền sư nổi danh khắp thế giới, mà chúng ta cũng có thể tham vấn về thiền với một vị thiền sư chẳng ai nghe tiếng. Ai cũng có thể dạy thiền được cả. Thiền sinh hay thiền sư cũng đều tu thiền và nói về thiền. Ai nói được một vài điều gì đó về “kiến thức” thiền hay “kinh nghiệm” về thiền, thì đều có thể được xem như thiền sư. Rồi ngay cả những người chỉ viết một tập sách hay một bài báo về thiền, cũng là thiền sư nốt. Thậm chí những người chưa bao giờ thực tập thiền định hoặc có một chút kiến thức gì về thiền, nhưng là người cùng hội cùng thuyền với thiền sư ở một mặt nào đó, thì cũng thành thiền sư luôn. Ôi là điều đại hạnh cho thiền học Việt Nam với sự xuất hiện hàng loạt những thiền sư có dáng điệu và ngôn ngữ na ná rập khuôn nhau, rầm rộ lao xao như chợ xuân chợ tết! Trăm năm sau, những người tìm đọc lịch sử Phật giáo nước ta, nhìn vào thời kỳ này, hẳn là phải giật mình kinh ngạc, sửng sốt, ngưỡng phục một thời kỳ thiền đạo còn rực rỡ hơn cả thời kỳ của Bồ Đề Đạt Ma và năm vị Tổ sư Thiền Trung Hoa.

Nói dài dòng và có vẻ hơi lạc đề như trên, chẳng qua là muốn bổ túc thêm rằng, nếu những gì chúng ta bàn nói đến sau đây có vẻ không phù hợp lắm với các “thiền sư” thời nay, điều đó chẳng qua là vì chúng ta đã không muốn đề cập đến những thiền sư sống theo thời tiết—những thiền sư ưa thích được ca tụng và nếu tình cờ đọc đến các đoạn trên bỗng thấy nóng ran trong người, không muốn đọc tiếp—bởi vì những thiền sư này chưa bao giờ có được mùa xuân thường tại.

Mùa xuân là gì?

Lại là một câu hỏi thừa thãi. Ai lại chẳng biết mặt mũi mùa xuân. Đó là mùa của hoa lá đâm lộc nảy mầm. Mùa của khí trời ấm áp êm

địu, nắng nhẹ, trời trong. Mùa của sức sống rừng rục dâng lên khiến cho lòng người hân hoan thư thối và lạc quan yêu đời, yêu người hơn. Mùa của sự vươn dậy sau giấc ngủ co mình buổi thu đông. Nhưng mùa xuân ấy—cái mùa xuân ngỡ như sẽ đem lại sinh phong hoan lạc dài lâu cho cuộc đời—vẫn chỉ là mùa xuân thời tiết mà chính nó cũng phải co mình ngủ vùi ở tuổi xế chiều như vận hành quen thuộc của vạn hữu. Ai cũng biết nó và cũng có thể thưởng thức được nó theo tâm cảm thức cạn cợt một cách tội nghiệp rằng: “Cái lý của nó là như vậy, có bao nhiêu hưởng bấy nhiêu.” An ủi nhau mà sống. Làm thơ không hay thì cứ mượn thơ của ai đó mà ngâm nga để tự an ủi. Rồi cứ chộp lấy thi kệ của các thiền sư làm cái phao cứu vớt thân phận hẩm hiu tuổi xế chiều:

“Xuân đi trăm hoa rụng

Xuân đến trăm hoa cười”

Nó đi rồi nó sẽ đến, đừng lo, đừng buồn. Cứ chờ hết hạ, sang thu, hết thu, sang đông, hết đông rồi lại đến lượt nó. Rán đi, chờ đợi đi, mùa xuân sẽ trở lại. Ôi, niềm an ủi của xuân sao mà nghèo thảm! Cái mùa xuân mà ai cũng có thể biết là như vậy đó.

Còn mùa xuân thường tại thì không ai biết. Có biết chẳng là biết theo lời diễn tả của kẻ khác, hoặc biết như là một sự chụp bắt hụt hơi cái bóng hình linh động của nó. Chỉ có thiền sư là không săn đuổi chạy với theo, mà **sống** ở trong nó. Không phải ông sống trong thứ *mùa xuân lưu niệm* tồn đọng từ cái tâm già mù nuôi tiếc dĩ vãng vàng son; cũng không phải ông sống trong *mùa xuân mơ ước* được phóng ảnh từ niềm tin nghèo nàn vào phần thưởng tương lai. Ở chính giây phút hiện tiền này, ở chính nơi chốn đương hiện này, ông **sống** mùa xuân thường tại. Ông **sống** — không phải “thấy,” hay bắt gặp trong một thoáng vút qua.

Các thi sĩ thân cận với thiền sư hoặc bị *hợp hồn* bởi một thiền sư, thường bắt chước thiền sư

tưởng tượng ra một thứ mùa xuân thường tại, và diễn tả nó bằng một vài câu thơ hay hàng loạt bài thơ thiên; nhưng dù bài thơ nặn ra có đạt thần cách mấy cũng chỉ là một cuộc hì hục đuổi bắt để chạm phớt ngoài da một cái gì na ná như là mùa xuân thường tại mà thôi. Rồi người ta cứ thế mà tán tụng, cho rằng những thi sĩ này chẳng khác gì thiên sư, hoặc đây là những bài thơ đạt thiên. “Thiên sư thi sĩ” và “thi sĩ thiên sư” từ đó nướm nướp qua lại nơi họp chợ của thi và thiên với những hàng xén bày biện ê hề loại văn chương tải đạo. Ngôn ngữ thơ từ đó trở nên thâm sâu, cao kỳ, khó hiểu một cách cố ý. Ừ, chỗ này, câu này cứ bỏ vào chữ đó, chữ kia thì nghe nó “thiên” ngay. Câu nào mà chính tác giả cũng không hiểu nổi thì ắt độc giả sẽ bái phục, tin rằng tác giả phải cao đạo, nếu không nói là đã chứng đạo. Rồi chính cái chỗ họp chợ của thiên và thi ấy vẽ nên một thứ mùa xuân rộn rịp khác. Mùa xuân của sự bằng lòng. Mùa xuân của sự chấp nhận. Mùa xuân này khá hơn thứ mùa xuân thời tiết và thứ mùa xuân an ủi; nhưng nghèo nàn thì vẫn là nghèo nàn, sinh diệt thì vẫn là sinh diệt, vọng tưởng thì vẫn là vọng tưởng, tôn thờ và chấp chặt thì vẫn là tôn thờ chấp chặt.

Rồi những người học thiên ngày nay có nên bám víu vào những câu thơ đi quanh đi quẩn đó mà nhập thiên không nhỉ? Có chẳng một cái gì thường tại được nảy sinh bằng cách đọc lầm nhằm một bài thơ như tụng đọc thần chú và cứ để ngữ nghĩa của thơ dẫn dắt và khơi động một phương cách vọng tưởng? Có chẳng một thứ nhiệm mầu, một thứ an lạc, được kết trái y hệt với tâm cảnh của tác giả bài thơ? Chẳng hạn cứ việc đọc:

“Nhậm vận thịnh suy vô bố úy”

(Tha hồ lẽ thịnh-suy, lòng không chút hãi sợ)
thì tự khắc sẽ đạt được tâm vô úy? — Không. Không làm gì có chuyện đó. Thiên sư phải tu tập, thực hành thiên định, sống trong thiên định, suốt cả một đời, mới có thể thốt ra được một câu

như thế. Các thi sĩ thừa sức làm một ngàn câu khác hay hơn, nhưng khi gặp chuyện thịnh-suy thì vẫn vui mừng hơn hở hoặc âu sầu ủ dột như thường. Thiên sư nói không phải cho có nói. Cũng không nói cái gì ông không thực chứng. Mà cho dù lời ông là một thứ biểu tượng diễn tả thực tại tối hậu, kẻ khác cũng không thể lầm nhằm đọc nó để đi vào thực tại tối hậu đó. Hãy lấy một ví dụ cụ thể.

Một người vừa thoát ra được căn nhà lửa, thốt lên: “Ồ, thoát rồi! Ta không còn sợ lửa bỏng nữa!” Một người khác còn ngồi trong nhà lửa, nghe vậy thì cũng nhái theo mà không chịu tìm cách thoát ra: “Ồ, thoát rồi! Ta không còn sợ lửa bỏng nữa!” Thật là khôi hài. Chuyện nhại thơ thiên, đọc thơ thiên để giải thoát an lạc, để thấy thực tại nhiệm mầu, cũng khôi hài như vậy, không khác một mảy may.

Hãy nghe thi sĩ Quách Thoại với bài *Thược Dược* vào một buổi sáng mùa xuân nào đó. Có thể ông không nghĩ rằng ông làm thơ thiên, cũng không có ý diễn tả một cái gì thậm thâm ẩn nấp đằng sau hiện tượng đẹp đẽ là sự hé nụ kỳ diệu của một đóa hoa. Ông chỉ trong một thoáng xuất thần, bất gặp vẻ run rẩy khép nép khai nhụy của một đóa hoa dưới trời xuân ấm áp, và ngay trong phút xuất thần ấy, ông thấy được một cái gì có vẻ như là sự trường cửu bất diệt nơi đóa hoa ở chính khoảnh khắc hiện tiền ấy—một cái gì vượt khỏi thời gian và có thể cất được tiếng ca của nó để chạm đến vô cùng.

Đứng im ngoài hàng giậu

Em mím nụ nhiệm mầu

Lặng nhìn em kinh ngạc

Vừa thoáng nghe em hát

Lời em ca thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu.

Đây có thể nói là bài thơ xuất thần thâm thúy và thơ mộng nhất của nền văn học nước nhà. Thấy được cái trường cửu nơi một sinh thể nhỏ bé hữu hạn là một cái thấy trí tuệ. Thấy

được nụ cười của đóa hoa và nghe được cả tiếng ca của nó thì chỉ có xúc cảm nồng nàn nhạy bén của nghệ nhân trong phút giao thần ngàn năm một thuở giữa anh và đối tượng—qua đó, theo cách thông thường cạn kiệt, người ta hay kết luận vội vàng rằng thi nhân đã thể nhập làm một với vũ trụ thiên nhiên, hoặc nói theo ngôn ngữ thiền học thời thượng thì thi nhân đã sống trong giây phút hiện tiền, thấy được thực tại tối hậu, và dĩ nhiên là an lạc vô cùng.

Nhưng trên thực tế thì—nói theo lối phân tích của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa—vẫn có một cây thước dưng hay một đóa thước dưng “đứng im ngoài hàng giậu,” và chuyện đóa hoa đó mỉm miệng cười một cách nhiệm mầu, hoặc cất tiếng ca thiên thu, chỉ là sự tưởng tượng cao độ của nhà thơ mà thôi; còn chuyện sụp lạy cúi đầu, có lẽ là hành động hay nghi lễ mê tín tôn thờ đa thần vốn ăn sâu vào đời sống những nhà thơ tiểu tư sản!

Chắc chắn chúng ta không thể hiểu bài thơ một cách nông cạn và thiếu chất thơ như những nhà phê bình văn học hiện thực nói trên. Và có lẽ chúng ta cũng chưa đủ thẩm quyền để phân tích hay hiểu bài thơ của thi sĩ Quách Thoại một



cách nghiêm túc trung thực theo phương pháp lý luận và phê bình văn học của các nhà chuyên môn trong lãnh vực này.

Tuy nhiên, khi bài thơ ấy được giới học thiền vẽ rắn thêm chân, gán cho nó một chức năng to lớn hoặc nhiều ý nghĩa cao siêu để rồi từ đó, sản sinh ra muôn ngàn bài thơ “xuất thần” na ná như vậy, rồi xúm xít nhau lâm râm tụng niệm những câu thơ loại này như một thứ bí quyết để thể nhập vào thực tại tối hậu, để thực chứng thiền... thì quả là thậm cấp chí nguy cho con đường tu tập giải thoát giác ngộ!

Hãy đọc thử mấy câu thật ngắn này, chúng ta thấy gì:

*“Chư pháp từng bốn lai
Thường tự tịch diệt tướng*
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng”*

Tạm dịch lấy ý:

(Muôn vật từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng
Xuân đến trăm hoa khai
Hoàng oanh hót đầu cành)

Cũng là thơ nói cái lẽ trường cửu của muôn vật, nhưng ngay trong lúc đọc lên từng chữ, từng câu, và toàn bài ấy, rõ ràng là chúng ta không có chỗ bám víu. Bài thơ của thiền sư vẫn mượn ngôn ngữ thế gian và vần điệu khuôn khổ của thể ngũ ngôn tứ tuyệt để biểu đạt thực tại; như vậy, nhìn vào hình thức, chúng ta ngỡ như là bài thơ cũng có những nấc thang, những chặng mốc, để leo, để bám víu, để nương tựa, để qui hướng... mà bước tới một nơi chốn nào đó. Nhưng kỳ thực, đọc qua bài thơ, chúng ta chỉ thấy một cái

* Hai câu này từ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*; hai câu kế tiếp được một thiền sư Việt Nam đời nhà Lý (?) do thâm nhập lý Chân Không Diệu Hữu, đã cảm tác nối theo để thành bài ngũ ngôn tứ tuyệt rất phổ biến trong nhà thiền Việt Nam. [Người viết đã tra tìm mà không tìm ra thiền sư tác giả bài thơ này. Mong được mách bảo về tác giả hoặc xuất xứ bài thơ nếu có truyền thuyết hay tư liệu khác hơn.]

gì trơn tuột vụt qua, không nắm bắt được, không mơ tưởng được, không ghi nhận được. Chúng ta bị đánh rơi, bị bỏ lại, hụt hẫng, chơ vơ. Khả năng suy luận và phán đoán bị chặt đứt. Không có sự liên lạc mà cũng không có sự phân cách giữa các câu thơ. Đang chạy theo câu đầu một cách suông sẻ bỗng té hụt ngay câu thứ nhì, từ câu thứ nhì lại lọt tồm một cách bất ngờ vào câu thứ ba, từ câu thứ ba lại choáng váng sẩy chân vào câu thứ tư, rồi từ câu thứ tư đang tả cảnh nên thơ bỗng dứt phụt một cái, chấm hết. Thơ gì mà kỳ cục! Đang nói một cái gì thâm sâu tự dưng lại trở về cái chuyện rất bình thường là xuân đến hoa nở, chim hót trên cành, rồi hết!

Có lẽ đây là thơ đạo, thơ thiền. Nhưng thơ đạo hay thiền thì đọc vào phải thấy khoan khoái nhẹ nhàng thư thả nhàn hạ để cho nụ cười đồng loạt nở toét trên môi, để cho mọi người cùng nắm tay nhau hồ hởi đi vào cái chỗ mầu nhiệm chứ!

Đàng này, bài thơ chặt đứt hết mọi vọng tưởng về tự ngã biệt lập với muôn sự muôn vật:

“Chư pháp tùng bốn lai”

Muôn vật từ xưa đến nay. *Muôn vật* có nghĩa là hoa thực được hay thi nhân, hay sợi tóc mỹ nhân, hay con cóc, hay lá vàng, hay đờm dãi, hay thiền sư, hay thiền sinh, hay người niệm Phật, hay đồ tể, hay Như Lai... đều được bao gồm trong hai chữ ấy. *Muôn vật từ xưa đến nay*, cho thấy tính cách bình đẳng bất phân giữa con người và vạn hữu. Chỉ vài chữ thôi mà người đọc từ cái tâm phàm phu chấp trước một thứ tự ngã kiêu kỳ nhỏ mọn bỗng phút chốc bị đẩy xô vào khung trời bát ngát của vô ngã, bình đẳng.

“Muôn vật từ xưa nay”

Không có tự ngã và tha nhân. Không có năng và sở. Không những vậy, muôn vật đồng lúc hiện hữu trong cùng cái vô thủy vô chung của thời gian. *Bản lai*, có thể nói là một thuật ngữ tương đối nhất của thiền học có thể diễn tả

được tính cách vô cùng của thời gian. Từ ngữ ấy diễn tả một thứ thời gian không có chỗ bắt đầu, hoặc bắt đầu từ một cái mốc rất mơ hồ mà không có bất cứ công trình nghiên cứu lịch sử nào có thể ghi chú phân định được (*bản*—nguồn gốc, chỗ nguyên thủy) và không có kết thúc (*lai*—cái đang đến, sắp đến). Nói *từ xưa đến nay* theo thói quen của dịch giả Việt Nam là đã nói sai, dịch sai; chứ đúng ra phải nói:

“Muôn vật từ xưa lại”

Mà ngay chữ “muôn vật” cũng không phải là chữ đúng để dịch chữ “chư pháp,” vì chư pháp còn bao gồm cả những thứ không phải “vật.” Dẫu sao, cũng không nhất thiết phải chấp nhứt từng chữ như vậy. Trở lại vấn đề, câu đầu của bài thơ đã dẫn ngay chúng ta vào một thế giới bao la không có giới hạn giữa người và vật, con người và vũ trụ, quá khứ và hiện tại và tương lai, để từ đó chúng ta mới thấy được:

“Tướng thường tự vắng lặng”

Câu này nói cho rõ là “tự nó đã hàm tàng cái tướng vắng lặng.” Thông thường, người học đạo thiền hay nói đến “tánh” vắng lặng, chứ không nói “tướng” vắng lặng. Ở đây, thiền sư nói “tướng vắng lặng.” Cái chỗ thâm áo này phải trầy trệch lắm mới leo qua nổi—còn thường khi thì chỉ tạm hiểu đôi chút theo lối lý luận thông thường, hoặc hiểu một cách sai lạc để rơi vào thứ kiến chấp cho rằng các pháp hằng hữu (thường kiến). Còn nếu chỉ y cứ vào kinh *Kim Cang*: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (hễ cái gì mà có sắc tướng thì đều là hư vọng), mà không chịu đọc cho hết câu: “nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai” (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng thì mới thấy được Như Lai), thì chắc chắn sẽ rơi vào kiến chấp cho rằng các tướng đều huyễn hóa, vô thường, đoạn diệt (đoạn kiến).

Thấy các tướng không phải là tướng là thấy như thế nào? — Là thấy mà không chấp, không phân biệt, không gán ghép, không đặt

tên, không đo đếm, không đối chiếu, không ôm giữ. — Là “thấy” cái tự tính của tướng. Tự tính của tướng hay tự tính của tất cả các pháp, vốn không có tự tính (vô tự tính), tức là nó chỉ được hiện hữu một cách tùy thuộc, vay mượn, chứ không có tính độc lập của nó. Nhưng chính vì tính cách không thực của tất cả các pháp mà đưa đến hệ luận rằng, mọi tướng hiện hữu dù có trải qua các tướng sinh, trụ, dị, diệt, thì cũng chỉ là sự sinh diệt không thực hữu, một thứ sinh diệt giả tạo mà thôi. Như vậy, cái tướng sinh diệt của các pháp thực ra cũng luôn luôn “nằm trong” cái thể vắng lặng, tịch diệt. Huyền hóa chính là Không. Không chính là vô tự tánh. Vô tự tánh chính tự tánh. Tự tánh chính là tướng sinh diệt. Tướng sinh diệt chính là tướng vắng lặng. Tướng chính là tánh.

*“Muôn pháp từ xưa lại
Tướng thường tự vắng lặng”*

Thấy được tướng vắng lặng là thấy cái tánh vắng lặng. Không có cái tướng nào mà không phải là tánh. Không có chúng sanh nào lại chẳng là Phật.

Từ chỗ vắng lặng phá bỏ tất cả mọi biên giới giữa chủ thể và đối tượng, cắt đứt mọi vọng niệm vọng tướng phân biệt của tự ngã, thiền sư đẩy chúng ta trở về lại với hiện tiền trước mắt:

*“Xuân đến trăm hoa khai
Hoàng oanh hót đầu cành”*

Nếu hai câu này không cùng chung một bài thơ với hai câu trên thì e rằng đọc nghe cũng thường lắm, không có gì đặc sắc. Sao bằng những câu của Quách Thoại:

*“Đứng im ngoài hàng giậu
Em mím nụ nhiệm màu”*

hay của Nhung Dục:

*“Hoàng oanh trụ cửu hồn tương thức
Dục biệt, tân đề tứ ngũ thanh”*

(Oanh vàng ở lâu quen biết quá
Chia tay, hót vội bốn năm thanh).

Nhưng cái hiện tiền tâm thường ai cũng biết

như “xuân đến, hoa nở” kia, cuốn theo mạch thơ mang mang ở trước, lại mở vào một cõi diệu hữu sinh động dị thường của thế gian huyền mộng:

*“Xuân đến trăm hoa khai
Hoàng oanh hót đầu cành”*

Không thấy được cái tướng vắng lặng hay cái thể tịch diệt của vạn hữu thì suốt đời chỉ lạch bạch chạy theo mùa xuân thời tiết: xuân đến, hoa nở, chim hót, người cười. Rồi khi xuân qua, ta lại mượn thơ của Bà Huyện Thanh Quan để ngậm ngùi:

*“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương”*

Diệu hữu—dịch rõ nghĩa tiếng Việt là *hiện hữu nhiệm màu*—có được là do thực chứng cái tướng tịch diệt sẵn có của vạn hữu. Không chứng chân không thì không thể nào sống được trong diệu hữu. Cứ loanh quanh luẩn quẩn ca tụng sự nhiệm màu của hiện hữu mà không thấy được tướng tịch diệt của nó thì chẳng khác gì kêu gọi sự quên lãng, hưởng thụ.

Nhưng bốn câu thơ trên của thiền sư, dù rằng diễn tả một cách linh động thực tánh thực tướng của các pháp, cũng không thể là bí kíp cho tất cả những người khác đọc vào là tức khắc giác ngộ. Bài thơ ấy diễn tả giai đoạn chín muồi sau một quá trình tu tập của thiền sư, không phải của ta. Thiền sư đã dày công tu tập, chứng nghiệm Phật tánh, tự tại trong sự sinh diệt của cuộc đời; còn chúng ta, người đọc thơ thì sao? Có thể ngậm nga bài thơ của thiền sư để chứng đạo chăng?

Chỗ buồn cười là một số người học thiền thời nay khá biếng nhác, chỉ chặn đón thành quả mà không bỏ công tu tập. Tưởng rằng chỉ một câu kinh của Phật hay một bài thơ của thiền sư là có thể giữ bỏ công phu, ung dung hưởng nhàn, cho rằng mình cũng như thiền sư: chứng được đạo quả ở ngay cái phút hiện tiền; nhân chính

là quả; an lạc là niết bàn! Kinh Phật còn phải vượt qua không chấp trước như vậy, huống chi là những câu thơ của một thi nhân hay một người chưa chứng đạo:

*"Em mỉnh nộ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngọc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời em ca thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu"*

Có một con đường, một lối thoát nào mở ra từ những câu thơ trên chăng? Có phải là chỉ cần đọc lướt bắm một bài thi kệ nào đó thì tự khắc có giải thoát ngay trong phút hiện tiền? Hãy thử nhìn lại xem, ôi là đây sự phân biệt ngã-nhân, năng-sở, trong những bài thơ, những bài thiền kệ nở rộ của thời nay!

*"Lặng nhìn em kinh ngọc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời em ca thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu."*

Cái bản ngã lộ liễu to tướng của thi nhân cúi đầu sụp lạy trước âm thanh và sắc tướng nhiệm mầu của đóa hoa. Cứ cho đóa hoa là tượng trưng cho Phật, cho Thượng Đế hay tượng trưng cho thể tính bất sinh bất diệt đi, ta thấy gì? Cũng chỉ là một đoạn thi kệ tán Phật, lễ Phật hàng ngày trong chùa—một đoạn thi kệ dành cho Phật tử ở tầm mức sơ cơ nhất trong đó “năng lễ” (người lễ bái) và “sở lễ” (đối tượng lễ bái) hãy còn phân biệt rành rành chứ chưa được “không tịch” (vắng lặng như hư không).

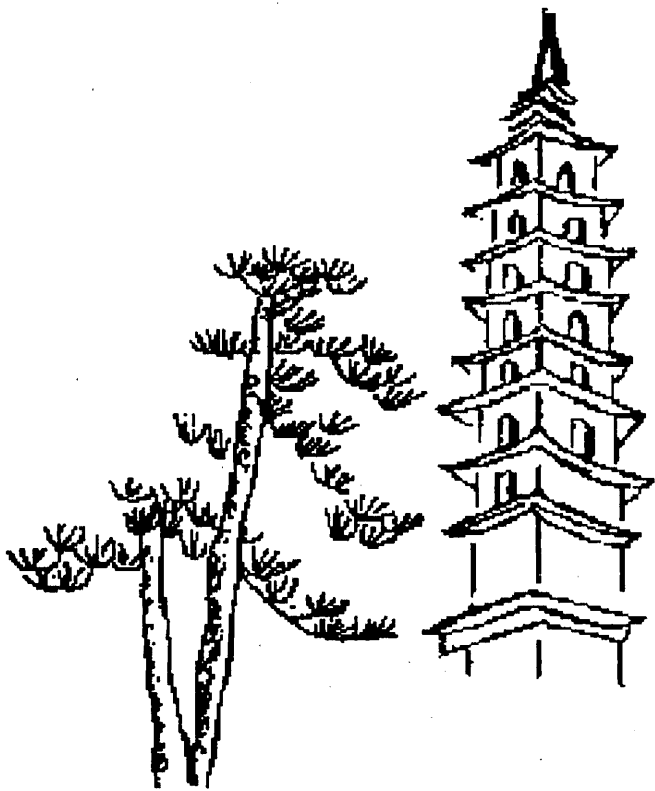
Tất cả những bài thi kệ khác mang ý nghĩa tầm tầm bậc trung hay sơ cơ như vậy, đều để đọc cho vui (nếu không nói là để dậm thêm một ít chấp trước vào sự ly cách giữa tự ngã và thể giới), không nên khư khư tôn thờ chúng như thầy pháp tôn thờ bùa chú.

Hãy trở về với mùa xuân thường tại của thiền sư. Các thiền sư tìm thấy mùa xuân ấy ở đâu? Ở niết-bàn? Ở giây phút hiện tiền? Niết-bàn là gì, ở đâu? — Là ở giây phút hiện tiền, ở đây. Nhưng giây phút hiện tiền là giây phút nào? Phải chăng là cái giây phút mà bản ngã hoàn toàn chú tâm chánh niệm vào cái gì đang xảy ra trước mắt? Phải chăng có một cái bản ngã đang ý thức về thực tại trước mắt? Phải chăng có một bản ngã đang thưởng thức một tách trà, một bài thơ, một bản nhạc, một tiếng chuông, một câu kinh, một làn gió, một áng mây bay qua trời, một chiếc lá rụng bên hiên...? Nếu chủ thể và đối tượng hãy còn ly cách (hoặc đang cố gắng phá bỏ ly cách) mà có thể gọi là đạo, thì làm sao có thể ngăn cản người ta nói giao hợp nam nữ hay đánh bạc, cũng là đạo! Khi nam nữ giao hợp, người ta cũng chú tâm chánh niệm đấy! Những gã cờ bạc cũng chú tâm chánh niệm vào hiện tại chứ có biết vợ con chờ đợi ở ngoài cái sòng bài đâu! Cái bản ngã và các đối tượng (mà nó hân thưởng để tâm vào) hãy còn sờ sờ ra đó thì có chẳng niết-bàn giải thoát, có chẳng an lạc hạnh phúc trường cửu? Còn nếu nói rằng chánh niệm vào giây phút hiện tiền sẽ là cái nhân đưa đến quả giải thoát giác ngộ mai sau, thì cũng không đúng, vì cái nhân *có ngã và pháp* thì cũng dẫn đến cái quả là *có ngã và pháp*. Có ngã có pháp mà không gieo ác nghiệp thì có thể sanh lên các cõi trời Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới, nhưng vẫn là luẩn quẩn trong ba cõi luân hồi, không thể đạt được niết-bàn tuyệt đối.

Tóm lại, phải dụng công mà không dụng công, tu mà không tu, hành mà không hành, chánh niệm mà không chánh niệm—tức là làm tất cả mọi việc với một cái tâm vắng bật bóng dáng phân biệt giữa tự ngã và các pháp—mới có thể bước vào được nhà Như Lai (tức Tánh Không). Chỉ ở nhà Như Lai mới có được mùa xuân thường tại bất diệt.

Mùa xuân thường tại không ở đâu xa. Các

thiền sư có thể nhìn thấy nó ở bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, không nhất thiết phải vào mùa xuân thời tiết, không nhất thiết là ở nơi chốn đạo tràng thanh tịnh. Chúng ta cũng thường học đòi các thiền sư đắc đạo, huênh hoang cho rằng chúng ta làm được điều đó dễ dàng như họ. Nhưng kỳ thực, chúng ta chỉ tự lừa dối mình, lừa dối kẻ khác, để cùng sống lắt lầy trong những mùa xuân thời tiết, bằng lòng với những xung động bất thường của bao cảm giác buồn-vui, ưa-ghét, mừng-giận, hy vọng và thất vọng... Trong khi đó, để sống trong mùa xuân thường tại bất diệt, các thiền sư không phải là thiền sư; và mùa xuân thường tại chẳng phải là mùa xuân thường tại.



thơ

TQ NGUYỄN THƠ

Xuân đâu có một ngày

*Xuân nơi miền đất lạ
Sao trời thay hoa lá
Người ta làm thiên nga
Bay vào đời lấy quả
Xuân nơi này lạ quá
Say sưa niềm xi xóa
Xuân tàn rơi ngoài ngõ
Xanh xuân vừa mới ngó.*

12, 1996

Một ngày vẫn trọn

*Làn da xanh ngắt
Vất nghểnh đầu non
Đối đời trầm mặc
Ngọc thạch vương tròn
Khi màu đỏ lợt
Lưng đồi như son
Vàng mau hơi hướm
Chút tình cỏ con
Biển màu xanh ngắt
Trời chiều vắng bật.*

11, 1996

Đường về Tịnh thổ

*Đêm về ngồi đếm tóc rơi
rụng dăm ba sợi đối đời thể thân
tâm không, lễ Phật ân cần
tay nâng chuỗi hạt đếm lần nẻo ra
đường về tịnh thổ di đà
từ bi phổ độ ta bà bất phân.*

VAI TRÒ CỦA TÁNH KHÔNG TRONG PHƯƠNG THỨC TRI LIỆU HÝ LUẬN

Huỳnh Kim Quang

Trong cuộc sống thường nhật của con người, ngôn ngữ đóng vai trò vô cùng trọng yếu. Không có ngôn ngữ con người không thể diễn đạt được bất cứ điều gì, từ những cảm quan thường nghiệm đến những tư duy siêu việt.

Nhưng cũng chính từ ngôn ngữ, con người biết sử dụng trò chơi duy lý dẫn đến những biện giải có tính cách thuần lý hoặc chỉ đưa đẩy con người vào mê lộ của tư tưởng đảo điên. Tự buổi ban sơ, ngôn ngữ là phương tiện truyền thông thực tại trung thực nhất. Rồi lần hồi, con người biến ngôn ngữ thành công cụ đáp ứng những thao tác buông lung của ý thức vọng niệm quay cuồng. Bấy giờ, ngôn ngữ không đơn thuần là biểu thị của thực tại mà trở thành đầu mối cho mọi hành tác vọng động của thức tâm. Từ đó, vọng niệm và ngôn ngữ như một cặp nhân duyên tương ứng, tương hệ. Từ vọng niệm lưu lộ qua ngôn ngữ. Từ ngôn ngữ mở lối cho vọng niệm phát sinh. Cái thế tương quan, tương duyên này giữa vọng niệm và ngôn ngữ đã đặt thân phận chúng sanh vào trận đồ vô minh và triền phược không biết khởi thủy từ lúc nào.

Vì vọng niệm và ngôn ngữ quện vào nhau biến thành đám mây mờ che khuất chân tâm, cho nên, con người đã rơi vào thế trận nhị nguyên, đa nguyên, nhất nguyên của tư tưởng và ngôn ngữ mà không có lối thoát. Trong mê lộ này, con người dựng lập các triết thuyết theo quan kiến chủ quan và cục bộ rồi bám chặt vào đó xem như là những chân lý tối hậu. Nào là

chủ trương các pháp tự nhiên sinh không do bất cứ tác nhân và trợ duyên nào. Nào là lập thuyết vạn hữu do một đấng thần linh hay thượng đế toàn năng toàn quyền tác tạo, mà đấng siêu nhiên này thì vượt ra ngoài tất cả mọi tương quan tương đối, là vĩnh hằng bất diệt. Nào là quan điểm cho rằng vạn pháp thường còn bất biến không lệ thuộc vào bất cứ quy luật biến thiên nào cả. Nào là chủ trương vạn vật sau khi chết rồi thì đoạn diệt vĩnh viễn không còn tái sanh. Có chỗ thì cho rằng tổng thể của ngũ uẩn là giả danh nhưng cá biệt từng uẩn là thật thể thường trụ. Có nơi thì quan niệm rằng các pháp là biểu tượng hiện hành của thức tâm và ngoài thức tâm ra không có gì khác.

Dựa vào vô số những luận thuyết, những quan kiến đó, con người suy diễn ra chân thân của thực tại theo vị thế nhận thức mà mình đang đứng. Thực tại, vì vậy, là cái này mà không là cái kia. Chân lý, vì thế, chỉ là chân lý của người này, nhóm này, chủ thuyết này mà không là chân lý của người kia, nhóm kia, chủ thuyết kia. Ngôn ngữ bấy giờ không đứng ở vị thế là chức năng thông truyền chân lý mà là hiện thân bất động tĩnh chết của thực tại, vì chân thân sinh động của thực tại đã bị khái niệm hóa, phạm trù hóa trong ngôn ngữ. Chính vì lý do này, con người chỉ cần nghe nói đến hai chữ “thực tại” hay “chân lý” là có thể hình dung ra cái thực tại hay chân lý như thế nào đó theo ý thức vọng niệm của riêng mình. Nhưng thực ra đó không

là thực tại, không là chân lý mà là sản phẩm của thức tâm điên đảo, là con đẻ của đôi phối ngẫu vọng niệm và ngôn ngữ. Làm sao những khái niệm ấy có thể là thực tại hay chân lý trong khi chính khái niệm và ngôn ngữ tự nó biến thiên sinh diệt không ngừng, tự nó chỉ là giả danh? Khái niệm nào là chân lý? Là khái niệm của sát na trước hay của sát na sau? Khái niệm của sát na trước đã diệt rồi và khái niệm của sát na sau thì chưa đến. Là khái niệm của sát na hiện tiền? Khái niệm của sát na hiện tiền thực ra không là khái niệm vì nó trôi chảy liên li không ngừng lấy đâu mà bám víu để hình tượng khái niệm.

Tất cả chỉ là hý luận, là trò đùa của luận thuyết tư tưởng. Bám víu vào đó chỉ dẫn dắt con người đến mê lộ của vô minh và triền phược mà không là giác ngộ giải thoát chân thật. Tai hại này thật không lường! Tất cả những danh ngôn ước lệ đã trở thành thực tại tuyệt đối. Con người không bận tâm khai phát chân lý bị vùi dập sâu dưới bản thể của vạn hữu mà chỉ nỗ lực săn đuổi theo quán lệ của vọng niệm và ngôn ngữ ứ đọng ở lớp vỏ bề ngoài. Nhưng càng đi càng không thấy bến bờ, vì ý thức vọng niệm là dòng thác lũ không bao giờ dừng lại. Ý niệm sau xô đẩy ý niệm trước tạo thành những chuỗi xích ý niệm chập chùng. Bằng vào ý thức phân biệt vọng chấp, con người nỗ lực đào bới trong ngôn ngữ nội dung của thực tại, có khi thậm chí còn biện biệt ngôn từ đến mức như sợi tóc bị chẻ làm tư. Trận đồ của ngôn ngữ như vậy đã đạt đến tình trạng như tơ tằm rối rắm, càng vùng vẫy càng bị buộc trói nhiều hơn. Hý luận giờ đây đã là chướng ngại lớn lao nhất đối với người tìm cầu giác ngộ.

Làm thế nào con người có thể đoạn diệt hý luận để chứng ngộ thực tại? Tánh Không và toàn bộ tư tưởng Bát Nhã đều tập chú vào việc giải quyết vấn nạn thiên nan vạn nan này.

Hãy bình tâm mà liễu giải lại tất cả nguồn

cội của vấn đề may ra có thể nhìn thấy được đâu là đầu mối cần phải tháo gỡ. Vấn đề không là ngôn ngữ, vì ngôn ngữ chỉ là hoạt dụng tự nhiên của nguồn tâm. Vấn đề cũng không nằm ở nguồn tâm, vì nguồn tâm vốn không động không tịnh. Vấn đề là ở chỗ vọng niệm, vì từ vọng niệm đẩy ngôn ngữ thành trò chơi hý luận, từ hý luận trở lại làm nhân duyên cho vọng niệm tồn tục. Vậy phương thức trị liệu là gì? Phải chăng con người chấm dứt mọi hoạt dụng của ngôn ngữ, ngày đêm câm lặng không mở lấy lời nào thì có thể tận diệt được hý luận và ngộ chứng thực tại tức khắc? Không, tuyệt đối không! Bởi lẽ sự câm lặng của lời nói không bảo chứng được sự vắng mặt thật sự của ngôn ngữ, hơn nữa nó cũng không có nghĩa là sự câm lặng thật sự của vọng tâm thác loạn không ngừng. Vậy phải chăng con người cần chặt đứt dòng thác lũ vọng niệm để trả bản tâm về lại thể viên minh? Phải! Nhưng bằng cách nào? Bằng cách ngồi im như gỗ đá để cố gắng diệt trừ từng ý niệm khởi sanh? Không, vì làm như vậy thì có khác gì là gỗ đá?

Như trước đã nói, ngôn ngữ hiện đang là phương tiện kiến hiệu của trò chơi hý luận, ngôn ngữ tự chân thân cũng là biểu thị của thực tại. Vậy hãy bắt tay vào chính ngôn ngữ để thực hiện phương thức trị liệu hý luận này. Tại sao phải là ngôn ngữ? Bởi vì, hý luận đã dựa vào ngôn ngữ như là phương tiện trọng yếu thì phương thức trị liệu hý luận không thể không nhắm vào ngôn ngữ. Hý luận thực hiện trò chơi của nó y cứ trên nền tảng nhận thức rằng ngôn ngữ, và rộng hơn là tất cả các pháp, đều là thật hữu hay là thật không xét như là một thực thể. Nếu không thừa nhận nguyên tắc này, trò chơi hý luận không thể thực hiện được. Tại sao? Tại vì con người trước hết phải tin chắc rằng ngôn ngữ hay các pháp hoàn toàn là thực thể rồi họ mới có thể đặt niềm tin của họ vào những gì mà ngôn ngữ diễn bày. Vấn đề là ở đây. Ở chỗ con người bị lừa gạt một cách tinh vi bởi trò chơi

hý luận, chấp giả làm thật, lấy không làm có. Trong trò chơi hý luận, con người bị đánh lừa để ngộ nhận rằng thực tại là cái này hay là cái kia, là sinh hay diệt, là thường hay đoạn, là đồng nhất hay dị biệt, là đến hay đi. Nhưng thực ra, khi con người chưa thể nhập thực tại, chưa giác ngộ chân tâm thì làm sao biết được nó là cái gì. Cho nên, mọi ước định về thực tại khi chưa giác ngộ đều là ảo tưởng, là hý luận. Muốn tháo gỡ cái gút mắc này thì cần phải mở nó ra từ chính trong ngôn ngữ. Nhưng hãy coi chừng, vì ngôn ngữ đang là công cụ của hý luận, nếu không khéo con người chỉ chuốc lấy tai họa vào thân giống như người chơi lửa có thể sẽ bị lửa đốt thân. Cái khó khăn tột bậc của phương thức trị liệu hý luận là ở chỗ này. Dùng ngôn ngữ mà không để nó trở thành công cụ của hý luận. Đây là chức năng ưu việt bậc nhất của Tánh Không của Bát Nhã.

Chính trong ý nghĩa đó, Tánh Không thận trọng tối đa và đã không để một kẽ hở nào cho hý luận có cơ may đột nhập. Hễ đi qua thì tức khắc bôi xóa dấu vết như chim nhận không lưu bóng giữa hư không, như lằn dao rạch xuống nước lấy lên là không còn vết tích nào. Sử dụng ngôn ngữ nhưng là thứ ngôn ngữ có công năng tẩy trừ tất cả mọi vướng mắc của tâm thức vọng niệm có thể bám víu. Dưới lằn kiếm của Tánh Không thì không một ý niệm thiên chấp nào, không một mầm mống khởi sinh hý luận nào mà không bị chặt đứt một cách tận gốc. Xin hãy nghe Bồ Tát Long Thọ dạy trong *Trung Quán Luận*, phẩm Quán Nhân Duyên thứ nhất của Ngài:

*“Bất sanh diệt bất diệt
Bất thường diệt bất đoạn
Bất nhất diệt bất dị
Bất lai diệt bất khứ
Năng thuyết thị nhân duyên
Thiện diệt chư hý luận.”*

Không sanh khởi cũng không diệt mất
Không thường hằng cũng không đoạn tuyệt
Không đồng nhất cũng không dị biệt
Không tụ đến cũng không ra đi
Có thể diễn nói pháp nhân duyên như vậy
Để diệt trừ một cách rốt ráo các hý luận.

Khi thấy các pháp có sanh diệt, thường đoạn, nhất dị, lai khứ là vì khảng quyết rằng các pháp có thực thể, rằng các pháp thực hữu. Nhưng các pháp từ một ý niệm vi tế đến sơn hà đại địa đều không có thực thể, không thực hữu. Vì sao? Vì các pháp do duyên khởi. Do duyên hay điều kiện tụ họp mà một pháp được hình thành, như cái bàn nhờ các duyên là gỗ, đinh, thợ mộc, bào, đục, vân vân, tụ họp lại mà có. Nếu trả tất cả các duyên ấy về lại bản vị của chúng thì cái bàn không còn hiện hữu. Như thế, cái bàn ngay trong lúc đang hiện hữu ở đó đã là một tập hợp giả tạm của các duyên rồi và tất nhiên nó không thực có tự thể như là thực thể. Rồi từng duyên của cái bàn đó như cái đinh chẳng hạn cũng là một tập hợp giả tạm của nhiều duyên khác như nhân công, kim loại, nhà máy, vân vân, mà hiện hữu, tự nó không có thực thể, nó là giả hợp, là không.

Quán chiếu như vậy cho đến khắp cùng vũ trụ pháp giới không có gì ra ngoài ý nghĩa của duyên khởi, và do đó, không có gì không là giả danh, là không tự thể, là không. Không có tự thể tức là không thực thể, không thực thể tức là không hiện hữu như một pháp, như vậy làm sao còn nói đến việc sinh hay không sinh. Đã không sinh làm sao có diệt? Không sinh thì không tồn tại, như thế làm sao có thể nói là thường hằng. Không diệt thì làm sao có thể nói là đoạn tuyệt. Pháp không sinh diệt hay thường đoạn, như thế làm sao nói là đồng nhất hay dị biệt. Các pháp đã không sinh tức là không đến và không diệt tức là không đi.

Bốn cặp song quan luận này chính là Bát

Bất (bất sanh bất diệt, bất thường bất đoạn, bất nhất bất dị, bất lai bất khứ) là phương thức tinh diệu tối thắng của Tánh Không để trị liệu hý luận. Tâm thức hý luận không còn có chỗ khởi phát vì Bất bất như thanh kiếm sắc bén chặt phẳng tất cả những đầu mối của vọng niệm. Khởi ý niệm sanh đã không được mà ý niệm diệt cũng không xong. Quay đầu về lối ngõ thường đoạn thì cũng bị đốn tận gốc rễ. Trở lui lại nẻo đồng nhất và dị biệt thì đã bị đốt sạch sành sanh. Dự tính vượt qua sông lai-khứ thì chiếc cầu duy nhất cũng bị phá sập tự bao giờ.

Vạn pháp mặc dù là không có thực thể, nhưng chính do ở chỗ chúng không thực thể cho nên chúng có thể tụ họp lại với nhau để làm khởi sinh ra pháp. Giống như một hóa chất khi muốn hòa hợp vào với hóa chất khác thì tự nó phải hủy thể để cùng với hóa chất kia hình thành nên hóa chất mới. Nếu các hóa chất cứ giữ nguyên bản chất của mình thì chúng không thể hòa tan vào nhau để sinh khởi một hợp chất mới. Một hóa chất có thể hủy đi bản chất của mình để hòa nhập vào với hóa chất khác là vì tự nó hóa chất ấy vốn không có tự thể. Đấy chính là ý nghĩa do không có tự tánh nên các pháp mới có thể duyên sanh. Và cũng do chúng duyên sanh nên cho thấy rằng chúng không có tự tánh, chúng là không. Vì vậy trong *Trung Quán Luận*, phẩm Quán Tứ Đế thứ 24, Bồ Tát Long Thọ đã dạy:

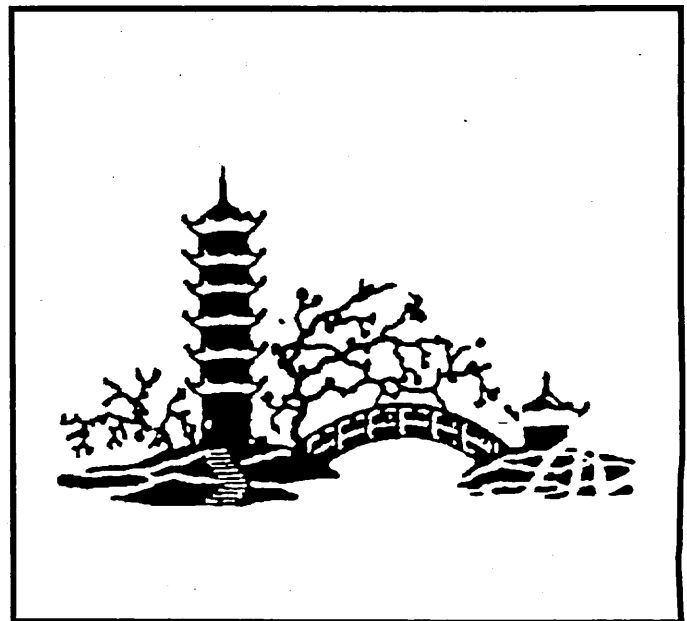
*“Dĩ hữu không nghĩa cố
Nhất thiết pháp đắc thành
Nhược vô không nghĩa giả
Nhất thiết pháp bất thành.”*

Do có diệu nghĩa Không cho nên
Tất cả các pháp được sinh thành
Nếu không có diệu nghĩa Không thì
Tất cả các pháp không thể sinh thành được.

Đến đây con người không thể nói các pháp

là có bởi vì chúng vốn không có tự tánh. Con người cũng không thể nói các pháp là không vì chúng do các duyên tụ họp mà sinh thành. Con người lại càng không thể nói các pháp là vừa không có vừa không không bởi vì không có tức là không, không không tức là có; có và không đã không thể thành lập thì phi hữu phi không làm sao thành lập được. Con người cũng không thể nói các pháp là không phải phi hữu, không phải phi không, bởi vì không phải phi hữu tức là cách nói khác của hữu và không phải phi không tức là cách nói khác của không; nhưng phủ định trong ý nghĩa xác lập một thực thể nào đó đều là cách thế vướng kẹt trong ý niệm giữa có và không; như thế đã rơi vào chiều hướng khẳng quyết các pháp có hoặc không, điều này đã không thể được thành lập.

Nói có cũng không được. Nói không cũng chẳng nhằm. Khởi niệm, mở miệng đều sai. Tánh Không quả thật đã đẩy ý thức vọng niệm và trò chơi hý luận vào tuyệt lộ! Nhưng có lẽ ngay chính trong tình cảnh không bám víu được vào đầu ấy, thức tâm mới có thể giữ sạch tất cả mọi hệ phược, mọi u khuất, mọi vô minh từ vạn kiếp để một lần rồi vĩnh viễn soi chiếu vào tận cùng bản thể viên minh.



NHỮNG MÙA XUÂN CỦA THI ÔNG ỨNG BÌNH THỨC GIÀ

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Giữa mùa Hạ Nhâm Thân 1992, tôi hân hạnh nhận được Thi tập Thơ Ca của *Ứng Bình Thúc Già Thị* (Tuyển), ấn hành bởi nhà Xuất Bản Thuận Hóa, mà nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương, ái nữ của Cụ, đã có nhã ý gửi tặng với mấy giòng ưu ái, nhắn nhủ “*nhớ mãi Quê Hương mình, qua câu hò điệu hát còn vang vọng mãi trên giòng nước trong xanh của Con Sông Hương đầy thơ mộng, núi Ngự Bình nên thơ.*”

Sách dày 510 trang, bìa trước in hình ảnh của một cô gái Huế yêu kiều, đang gảy đàn tỳ bà nơi phượng các, còn bìa sau có in chân dung của Thi Ông, do Phan Chi bút họa. Thi Tập gồm có 5 phần:

1. Lời Giới Thiệu
2. Thơ chữ Việt
3. Thơ chữ Hán
4. Ca Huế
5. Ca Trù
6. Hò
7. Tuồng.

Tất cả đều do Nữ sĩ Hỷ Khương dày công sưu tập, sắp xếp có thứ tự rõ ràng và trông coi công việc ấn loát, với tấm lòng hiếu thảo hiếm có và niềm ngưỡng mộ chân thành của những nhà hảo tâm thiện ý trong nước và ngoài nước.

Xuyên qua Lời Giới Thiệu của Vương Hồng (viết nhằm tháng 11 năm 1991), chúng ta được biết những nét chính yếu về thân thế và Sự nghiệp của Thi Ông Ứng Bình Thúc Già:

Ứng Bình Thúc Già quê phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, sinh ngày 9 tháng 3 năm 1877,

mất ngày 4 tháng 4 năm 1961. Ông là cháu nội Tuy Lý Vương Miên Trinh, một nhà thơ danh tiếng với *Vỹ Dạ Hợp Tập*.

Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa hai chữ *Vỹ Dạ*, thôn *Vỹ* mà từ xưa tới nay đã có nhiều văn nhân thi sĩ ca ngợi, trong đó có nhà thơ Hàn Mặc Tử, tác giả bài thơ bất hủ “*Đây Thôn Vĩ*” mở đầu với mấy câu:

*Sao anh không về thăm thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Thuở thanh bình tôi đã về *Vỹ Dạ* nhiều lần, để viếng thăm các Cụ Ứng Bình Thúc Già và Thảo Am Nguyễn Khoa Vi. Các Cụ đã ân cần giải thích cho tôi là kẻ hậu sinh hai chữ *Vỹ Dạ*, mà đáng lẽ phải viết là *Vi Dã*, theo chữ Hán, có nghĩa là *Cánh Đồng Lau Sậy*: *Vi*, vi lô là lau sậy; *Dã*, *Dạ* (theo giọng Huế) là cánh đồng, đồng quê. Còn một chữ nữa là *Địch* cũng có nghĩa là lau sậy, lau lách, như ta thấy trong bài *Trường Ca Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị:

*Tầm dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.*

mà Phan Huy Vịnh xưa kia đã dịch ra thơ như sau:

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.*

Thế là chúng ta đã hiểu thấu nguyên nghĩa của địa danh *Vỹ Dạ*, quê quán của nhà thơ danh tiếng, đồng thời cũng là nguồn cảm hứng và nơi hành hương của nhiều văn nhân thi sĩ. Còn ba

chữ “*Thúc Giạ Thị*” có nghĩa là dòng họ (thị) nơi hoang vu (hoang dã) của chú (thúc), vốn là đàn em Tùng Thiện Vương.

Thân sinh của nhà thơ Ứng Bình là Cụ Tiểu Thảo Hường Thiết, Hiệp tá Đại Học Sĩ, con của Tuy Lý Vương. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huệ, thông thạo chữ Hán, có cảm tác nhiều thơ Nôm. Cụ Ứng Bình đỗ Cử Nhơn Hán học năm 1909, tốt nghiệp Trường Quốc Học Huế, giỏi tiếng Pháp, đã đỗ đầu kỳ thi Ký Lục năm 1904. Ông ra làm quan trên ba mươi năm, lúc về hưu trí Cụ được Vua ban hàm Thượng Thư, Hiệp Tá Đại Học Sĩ.

Về hưu được ít lâu, Cụ được triệu ra giữ chức Viện Trưởng Viện Dân Biểu Trung Kỳ, niên khóa 1939-1940. Cụ cũng đã đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Truyền Bá Quốc Ngữ Trung Kỳ từ 1940 đến 1945.

Theo ký giả Vương Hồng thì “tuy làm quan suốt cả đời người, Cụ Ứng Bình không màng danh lợi, ghét nịnh hót, luôn cúi và:

Ghét cụm bèo trôi che bóng nước

Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.

Phẩm hàm, chức tước của Triều Đình và Nhà Nước Bảo Hộ ban cho, Cụ tỏ thái độ xem thường đến mức châm biếm. Thêm một chức tước đối với Cụ, giống như “*Hàng ghế dịch lên năm bẩy tác*”, thặng một ngạch trật quan trường, chỉ là “*Thẻ bài thêm lớn một vài ly.*”

Sự nghiệp Thơ Ca của Cụ, do bà Hỷ Khương kiểm điểm, bằng Việt ngữ trên 1,000 bài, còn thơ chữ Hán có “*Lộc Minh Thi Tập*” gồm 227 bài, hát bộ có vở *Tuồng Lộ Dịch* dựa theo cốt truyện *Le Cid* của Pierre Corneille, nhưng đoạn sau thì hoàn toàn thay đổi, đã được trình diễn nhiều lần trong hai năm 1937 và 1938.

Ngoài ra, Cụ còn sáng tác vở tuồng *Tào Lao*, lấy cốt truyện cổ, có tính cách trào lộng. Những Thơ ca và Tuồng đã xuất bản trước kia, gồm có: *Tình Thúc Giạ* (1942), *Đời Thúc Giạ* (1961), *Bán Buồn Mua Vui* (1954), *Tuồng Lộ Dịch* (xuất bản

lần đầu năm 1936, tái bản năm 1959), mà chúng tôi còn giữ được một ấn bản 1936, Imprimerie Tiếng Dân (của Cụ Huỳnh Thúc Kháng) 123 rue Đông Ba, Huế, với lời đề tặng Pháp ngữ như sau:

“*À Monsieur Paul Doudet, Directeur des Archives et des Bibliothèques de l’Indo-chine*”
Homages de l’auteur: 31.3.42, Ký tên: Ứng Bình, Đóng dấu chữ triện “*Thúc Giạ Thị Bình*”.

Mở đầu quyển *Tuồng Lộ Dịch* có bài Tựa của Giáo sư Ứng Quả, Tốt nghiệp Thủ Khoa Trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội ngày xưa, ân cần giới thiệu tác giả Pierre Corneille và dịch giả Ứng Bình, đồng thời lược thuật cốt truyện *Lôi Xích* (*Le Cid*) với những thay đổi cần thiết của dịch giả. Giáo sư Ứng Quả, cũng như GS Từ Ngọc Nguyễn Lân, cùng với GS Bửu Cân, tác giả Hán Việt Thành Ngữ (1933) là những bậc Thầy của tôi, đã cho tôi nhiều ánh sáng trong thời niên thiếu, nơi Trường Quốc Học. Và hơn mười năm sau khi Cụ mất, ái nữ Hỷ Khương đã góp nhặt một số ca hò để in thành “*Tiếng Hát Sông Hương*” (1972), với ít nhiều tính cách thời sự.

Và mở đầu *Thi Tập Thơ Ca* của Cụ Ứng Bình, chúng ta rất cảm xúc đọc bài thơ *Khóc Cha* của Nữ Sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương, mà chúng tôi xin chép đoạn tiêu biểu như sau:

Khóc Cha

.... Cha với con như bóng với hình,
Vui già tóc bạc, trẻ mây xanh.
Mến đời Lý Đỗ, say ngâm vịnh,
Ưu thú thanh nhàn, cảnh đẹp xinh.
Mà nay cha vội bỏ đi đâu?
Nỡ để mình con dạ héo sầu.
Một bóng, một mình, con lủi thủi
Ra vào ngõ ngẩn suốt canh đầu!
Hôn cha, già biệt, lệ tuôn trào.
Càng nghĩ, càng thêm nỗi ngán ngao!

*Có có, không không, không lại có,
Cuộc đời như một giấc chiêm bao!*
(Tôn Nữ Hỷ Khương)

Sinh tiền, Thơ Ca của Cụ đã cảm tác với mùa Xuân, ngày Xuân, hội hè, đình đám thì nhiều lắm, thật ra kể không hết, có bài đã ghi trong sách, có bài còn nằm trong ký ức của các cô lão, và cũng có nhiều bài đã đương nhiên nhập vào ký ức quần chúng (mémoire collective) như là của chung của thiên hạ, kho tàng của nhân dân, đúng với thành ngữ “*Văn thành công khí.*”

Theo truyền thống gia phong, mỗi độ Xuân về Tết đến, Cụ Thúc Giạ đều khai bút đề thơ, yết tại nhà và gửi tặng Thi Hữu khắp nơi, từ Nam chí Bắc, với những lời cầu chúc cổ điển:

*Minh niên khai bút, bút khai hoa,
Vạn sự giai thành, phúc lộc đa:
Đa tử, đa tôn, đa phú quý,
Đắc tài, đắc lộc, đắc vinh hoa.*

Ban ngày thì đốt hương trầm, khấn vái tổ tiên, tiếp nhận những lời chúc tụng của con cháu và gia nhân, quá Ngọ thì mở rộng môn quan để đón tiếp thân hữu gần xa, nâng cốc mừng xuân, thi ca xướng họa, mạn đàm đồng tâm kim cổ.

Đêm tới thì các Cụ rủ nhau đi dạo sông Hương, sông Bồ, qua ngã Ba Sinh, với vài ba tiểu đồng xách lồng đèn, theo thói người xưa ưa “*cổ nhân bình chúc*” (“*carpe diem*” của người La Mã), nhìn trời nước mông lung mà ngâm vịnh, như được diễn tả trong bài thơ:

Đêm Xuân cùng bạn dạo thuyền Chơi Trăng sông Bồ

*Con thuyền vũng lái gió không bê,
Ra giữa dòng khơi mái chèo xê.
Trộ sáo sông sâu chài bủa cá,*

*Tiếng tiêu đồng ruộng trẻ chăn dê.
Gương in bóng nước đôi vành nguyệt,
Liễu triệu ngành xuân mấy dặm dê.
Cụm lách ngửa nghiêng bầu Lý Bạch,
La Phù một giấc cũng đà ê.*
(Thúc Giạ, 1920)

Tám năm sau, 1928, nhìn Cây Nêu Ngày Tết Mậu Thìn, Cụ Thúc Giạ đã cảm tác bài thơ sau đây:

Cây Nêu Ngày Tết

*Cây nêu ngoài ngõ ngó vu vu
Kẻ chán tin xuân kẻ đợi chờ.
Cái én đưa thoi dồn tuổi mới,
Con tầm kéo chỉ vện lòng xưa.
Hỏi bao nhiêu Tết từng qua lại?
Thưa: bốn nghìn năm có lẽ thừa.
Chửa biết mai sau còn mấy nữa,
Tĩnh, say, cười khóc với hơn thua.*

Đầu năm 1929, nhân Cụ làm Án Sát Hà Tĩnh, Cụ đã hành hương làng Tiên Điền, viếng mộ thi bá Nguyễn Du (1765-1820), thấp nén hương chiêu hồn thi bá số một của nước Việt, đồng thời kính dâng bài thơ sau đây:

Kính chiêu mộ Cụ Nguyễn Du

*Áo xiêm triều Nguyễn lúc khai kỳ,
Chạnh nỗi Lê vong đã thế thì!
Sóng vỗ sông Lam mời Ngụ Tử,
Mây giăng ngàn Hống Hạc Đình Uy.
Bể dâu một cuộc đời không mấy
Hương lửa ba sanh bạn thiếu gì.
Hồn Cụ có thiêng e cũng biết,
Văn chương quốc ngữ chuyện đời ni.*

Bài trên này có nhiều điển tích mà chúng ta nên tìm hiểu: Mời Ngụ Tử là ngọn sóng biểu

trung hồn Ngũ Tử Tư, một danh tướng thời xưa bên Tàu. Ngàn Hồng là Hồng Sơn 99 ngọn Hồng Lĩnh, mộ Nguyễn Du táng tại làng Tiên Điền, phía bắc chân núi Hồng Sơn, giáp bờ sông Lam về phía nam. Còn Hạc Đình Uy là theo điển Đình Lệnh Uy hóa hạc về đậu trên trụ biểu, mà chiêm ngưỡng thành quách xây dựng từ xưa.

Đến năm 1931 thì Cụ Ứng Bình được bổ nhiệm Tuần Vũ tỉnh Phú Yên; để ghi nhớ ngày vào đây, Cụ cảm tác một bài thơ nhan đề: **Tết Trùng Dương ở Phú Yên**, tức là Trùng Cửu (mồng chín tháng chín), mà chúng tôi xin chép lại toàn bài:

*Năm ngoài trùng dương đỉnh núi Hồng,
Năm nay lại đỉnh Núi Cù Mông.
Nhành ngô đã muộn khi thay lá
Cụm lách bùa vừa tiết trở bông.
Gảy khúc Nam Ai thêm chạnh nhớ,
Ngâm câu Đường Đệ những ngùi trông.
Non xưa cảnh cũ nhìn quen lạ,
Ai khách mà ai lại chủ ông?*

Với bài thơ này, Cụ Thúc Giạ đã nhắc lại một biến cố lịch sử xa xưa nửa thế kỷ: Năm Nhâm Thân (1872), Công tử Tuy Lý bị vua Tự Đức buộc đi an trí ở Phú Yên, sau những âm mưu biến loạn tại Huế bị dập tắt. Lúc bấy giờ, cậu bé Ứng Bình mới lên 7 tuổi, phải đi theo ông nội vào đây. Nay chừ, đã 55 tuổi, lại trở về trấn nhậm Tuần Vũ Phú Yên, thành ra cảm thấy bùi ngùi trong tắc dạ! Lúc nhàn hạ, Cụ dạo chơi bờ sông Cầu, nhìn bèo trôi nước chảy mà:

*Cảm thương danh lợi cả hai thăng,
Kẻ chống người chèo bộ xí xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng!*

Gần Tết năm Giáp Tuất (1934), Cụ Ứng Bình về hưu nơi Gia Hương Vỹ Dạ, lúc bấy giờ

Cụ mới được 57 tuổi, là vì Cụ có ngờ ý với Triều đình: Cụ muốn về hưu sớm, để vui thú điền viên và cầm kỳ thi họa. Tết năm ấy, Cụ hoan hỷ ăn Tết nơi quê nhà với bầu đoàn thể tử, canh mục ngư tiêu, cho hợp với sở nguyện của Cụ, từ nay phong trần nhẹ gánh:

*Khoa danh có sẵn, quan quyền có,
Của cải không gì, ruộng đất không.*

Và đây là bài:

Tết năm Giáp Tuất

*Tết mấy năm xưa ở tỉnh đường,
Ngày rày ăn Tết ở Gia Hương.
Ba La lễ Phật chùa quan Bó,
Gia Lạc chen người chợ Đức Vương.
Mùi áo Bông Bay chùng lấm về,
Nước hoa Viễn Đệ có mùi thương.
Chuyện đời mới mãi theo năm mới,
Nhưng cũng trong vòng sắc với hương.*

(Thúc Giạ, 1934)

Bài này cần được giải thích thêm cho các bạn trẻ thương yêu Cố Đô Huế: Chùa Ba La do quan Bó Chánh Nguyễn Khoa Luận kiến lập. Chợ Gia Lạc là chợ do Định Viễn Vương sáng lập. Chợ này chỉ đông một ngày đầu năm mà thôi, mà vui lắm, là vì đó là nơi gặp gỡ của trai thanh gái lịch chốn kinh kỳ, mặc sức trang phục với hàng Bombay Ấn Độ giá rẻ, màu sắc như cầu vồng tùy theo sở thích. Còn nước hoa *Mười Thương* (Les Dix Amours) do nhà kinh doanh Viễn Đệ (cháu tăng tôn Định Viễn Vương) là chủ nhưn thứ dầu *Khuynh Diệp*, chế với lá tràm (Melaleuca leucadendron L.) mà các cô thời đó ưa thích cả hai thứ, thì còn lo nỗi gì?

Đầu năm sau, 1935, Cụ Thúc Giạ cũng mừng Xuân với bài thơ Đường luật như thường lệ:

Hoa đào cợt gió liễu giăng tơ,
Gặp chúa xuân đâu dám hững hờ.
Thăm viếng nhau không người ở bạc,
Ăn chơi cũng lắm chuyện tình cờ.
Giật mình đứa trẻ châm phong pháo,
Vách mây thầy nho mở túi thơ.
Vận cũ chúc mừng năm mới tới
Ngâm nga nhớ lại cảnh giao thừa.

(Thúc Giạ, 1935)

Tiếp đến là năm Bính Tý (1936), Cụ ngẫu hứng “măng” một bài, lời thơ trong suốt, ý tứ thâm trầm, tâm tình nhạy cảm, xem chừng như Cụ còn trẻ trung yêu đời lắm:

Mỗi năm thoi én mỗi đưa dòn,
Rạng bóng thiếu quang về nước non.
Giỏi phấn văn minh em rủ chị,
Ra trường khiêu vũ bố thua con!
Tro tàn chữ Hán nhen còn đượm,
Rượu lạt nhà Nho uống cũng ngon.
Ngay thảo khuyên nhau chùng nấy chuyện,
Dám đâu tóc bạc đổi lòng son.

(Thúc Giạ, 1936)

Tháng 11 năm ấy, Cụ Thúc Giạ đi “Ô Tô” ra xem Hội Chợ Hà Nội, bạn đồng du là vợ chồng ông Đỗ Phong, bà Đốc Sử, với cô Phùng Xuân. Đúng trưa thì dừng xe nơi phà Quảng Khê (Sông Gianh, tức Linh Giang, cũng gọi là sông Ranh, làm ranh giới hồi xưa cho Đàng Ngoài (Bắc Hà) và Đàng Trong (Nam Hà), để ăn cơm trưa. Cụ nhớ ngày trước, có làm Án Sát Quảng Bình, thường ra Sông Gianh đưa đón các thượng khách, nhiều khi phong ba dồn dập, dò lạt như chơi. Nay về hưu, Cụ được đi du ngoạn thong thả, tự do, nên cảm thấy thích thú hơn trước, không còn bận bịu lợi danh, sân si hoa mắt. Cụ có để lại bài thơ:

*

Tết trọng Đông dạo chơi Hà Nội

Hỏi tiết bưa vừa tiết trọng đông,
Ở nơi Long Quận rét như đồng.
Theo đoàn trẻ dạo đi chơi với,
Thử sức già coi có mạnh không?
Làm khách cũng chung phiên Hội Chợ,
Hơn ai là thấy cảnh vườn bông.
Chả lo chi lạnh choàng thêm áo,
Sẵn quán Đông Hưng quán rượu nồng.

(Thúc Giạ, 1936)

Đây là Chợ Phiên Hà Nội thứ 13. Còn Vườn Bông ghi trên đây là Vườn hoa của kỹ sư Nông Chánh tại làng Ngọc Hà, gần Hà Nội. Vườn này ở phía Nghi Tàm (Hồ Tây) trồng đủ thứ hoa, đua nở quanh năm, trong vườn có đường đi qua lại ngay thẳng. Cụ nói: “Không thấy một cánh hoa rụng, một cái lá rụng trên bồn hoa, hoặc ở lối đi, chúng tôi tình cờ được vào xem, thật là một cuộc du lãm có nhân phước đặc biệt!”

Còn quán Đông Hưng là phạm điểm trú danh Hà Thành, chuyên làm các thứ bánh trong dịp Tết và Trung Thu, ngày nay vẫn còn thịnh hành.

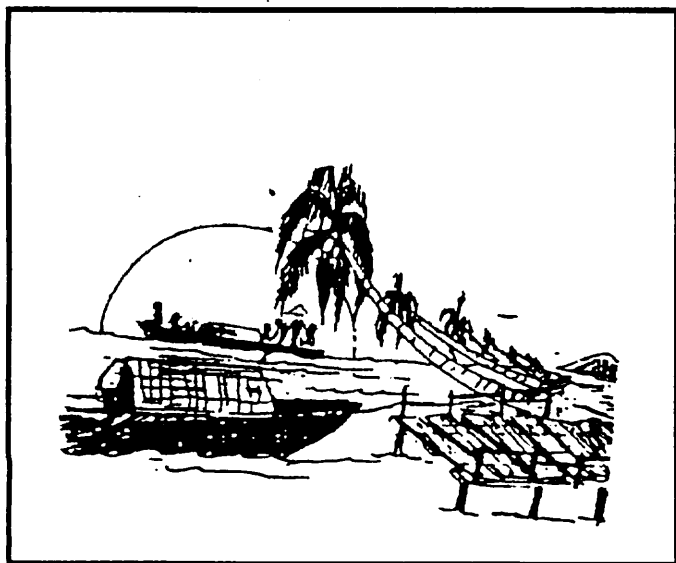
Từ Hà Nội trở về Huế, Cụ phải trông coi việc tập luyện đào kép sắp diễn tuồng *Lộ Dịch*, phỏng theo tuồng Pháp *Le Cid* của Pierre Corneille. Ngày mồng 4 tháng giêng Đinh Sửu, nhằm ngày chủ nhật 14 Fevrier 1937, liền sau 3 ngày Tết, *Tuồng Lộ Dịch* đã được Cụ Thúc Giạ phiên chuyển sang Việt ngữ với nhiều thay đổi, để cho phù hợp với luân lý Á Đông, đã long trọng khai diễn tại rạp Bà Tuấn, ở Ngã Giữa, tức là đường Đông Ba, Huế. Rạp này của Bà Đặng Ngọc Oánh, chồng bà đã từng làm quan to nơi Phủ Thống Sứ Bắc Kỳ, về sau được chuyển sang ngành Hành Chánh cao cấp ngoài Bắc (Tuần Vũ), lúc hưu trí thì về Huế rồi mất. Bà vợ mở rạp Đông Xuân Lâu quen gọi là Rạp Bà Tuấn.

Tuồng Lộ Dịch đã được Cụ Thúc Giạ thay

đổi đoạn cuối, nơi phần nói về viễn tượng Nhà Vua khuyên Chi Mạnh nên để cho thời gian băng bó vết thương lòng, rồi sẽ lấy chồng là Lộ Địch, vừa là người yêu, vừa là kẻ thù đã giết cha mình để phục hận cho cha đã bị hạ nhục bởi cha của Chi Mạnh. Về đoạn này, Cự Thúc Gia đã có sáng kiến đặc biệt Á Đông, buộc nường Chi Mạnh phải xuống tóc đi tu nơi chốn Thiền môn, cố gắng tiêu sâu giải muộn với kinh kệ nầu sồng, thoát khỏi bờ mê, trở về bến giác...

Cự Thúc Gia đã nhẹ nhàng ghi lại một công tác văn hóa đặc biệt đã từng đánh dấu với hòn bạch thạch, cuộc gặp gỡ giữa Đông và Tây, qua Tuồng Lộ Địch, với diễn viên người Việt, với ca nhạc Việt, và nhất là cuộc mở màn (lever de rideau) theo kiểu Đông Phương: có vai kép chánh bịt khăn đen và áo rộng xanh ra đứng giữa sân khấu, đọc chúc lời Giáo đầu như sau:

“Phong hòa vũ thuận, hải yến hà thanh, non sông rạng vẻ thái bình, cây cỏ khoe màu thanh trị, nhà nhà phu phi, chốn chốn ăn chơi, trước vũ đài trông lắm trò vui, trên văn án tìm thêm vẻ lạ, dũ màn Đông Á, xem truyện Tây Âu, nét phong tao, mĩa chuyện hồng lâu, tranh thanh tú cũng phường bạch bích, trai tài là Lộ Địch, gái sắc gọi Chi Mạnh, xi xăng xe múi tơ mảnh, bồng chốc hừng cơn lửa đỏ, gương đại hiếu soi cùng



Phật Giáo Hải Ngoại Số 10, trang 25

kim cổ, gương vô tình thẹn với non sông, căn răng bề một chữ đồng, mở mắt chia hai hàng lụy, nổi oán ân, câu phi thị, cơn biển huyễn, sự hy kỳ, tình say, cười, khóc mấy khi, nam, khách, niêu nổi đủ chuyện, xem qua vừa một quyển, kể lại dặng đôi hồi, xin khách quan lặng lạng mà coi, tuồng hát gọi là Đông Lộ Địch.”

Đông Lộ Địch là phiên âm phương danh của Don Rodrigue, vai chánh trong tuồng, còn Chi Mạnh là hương danh của đào thương Chimène. Cả hai vai đều do đàn bà, con gái sắm: vai Lộ Địch do “ấu phụ” Phương Lan, 25 tuổi, đóng, còn vai Chi Mạnh do cô Hữu Hạnh, 18 tuổi sắm, khiến chúng ta thời nay nhớ tới Hát Bộ (Nô) của Nhật Bản và phần nào của Trung Hoa, phần nhiều ngược lại, nghĩa là đàn ông đóng vai đàn bà. Và đồng thời, chúng ta cũng nhớ tới Tuồng cổ *Phụng Nghi Đình*, trong đó có màn Lã Bố hí Điêu Thuyền, cả hai vai được trình diễn bởi cô Phùng Há và cô Bích Thuận, hoặc ngược lại, đều xuất sắc cả.

Việc trình diễn *Tuồng Lộ Địch* đã được Cự Thúc Gia ghi lại trong bài thơ sau đây:

Khai diễn tuồng Lộ Địch

*Rạp hát Vương tôn đã khoát màn,
Đã ra sân khấu giữa Tràng An.
Hiếu tình ngấm rõ gương bi kịch,
Thanh sắc mừng thêm vẻ lạc quan.
Giá ngọc treo cho đào Hữu Hạnh,
Nhà vàng dựng để kép Phương Lan.
Ham vui điệu cũ câu tuồng mới,
Tri kỷ xin chào bạn khán quan.*

(Thúc Gia, 1937)

Lần lửa tháng ngày, chẳng mấy chốc mà đã tới năm Mẹo (1939). Cự Thúc Gia khai xuân với bằng hữu qua một cuộc “*Xuân du phương thảo địa*” nơi Hồ Tịnh Tâm trong Kinh thành Huế, mà Cự còn ghi lại trong bài thơ:

Cảnh Hồ Tịnh Tâm

Tháng giêng năm Mẹo bữa mồng hai,
Vô Tịnh Tâm chơi buổi tốt trời.
Mừng tuổi tiếng oanh reo trước gió,
Tin xuân cái én liệng ngoài khơi.
Mây xanh liễu lại giăng tơ mới,
Môi thắm sen chưa trở nụ cười.
Vội vội thần tiên đâu chẳng thấy,
Lòng theo mặt nước cũng vui vui.

(Thúc Giạ, 1939)

Giữa năm 1939, nhà thơ Quách Tấn gửi tặng CỤ THÚC GIẠ cuốn “Một Tấm Lòng”, CỤ cũng ghi lại tấm lòng vàng của nhà thơ miền Nam Trung:

Cảm tạ nhà thơ Quách Tấn

Một quyển Ly Tao một tấm lòng,
Lấy lừng ngọn bút Quách thi ông.
Bầu trời mở rộng kho trăng gió,
Mặt đất chùng đầy cảnh núi sông.
Ngọc thốt vàng reo xen lẫn tiếng,
Sa thêu gấm dệt rõ ràng bông.
Thanh bình điệu cũ ưa người mới,
Bạn tác mình đây té cũng đông.

(Thúc Giạ, 1939)

Đến năm Canh Thìn (1940) cuộc Thế chiến đã lan tràn khắp nơi trên địa cầu. CỤ THÚC GIẠ, nhằm ngày Tết, cũng gắng nâng cốc rượu gượng mừng Xuân, nhưng cũng thốt đôi lời than thở trước thời cuộc biến loạn đảo điên, chưa biết đưa nhân loại đi về đâu. Và đây là bài thơ nửa vui nửa buồn của CỤ:

Tết Canh Thìn 1940

Chưa rồi Đông Á đã Tây Âu,
Cuộc chiến tranh lan cả địa cầu.

Ông Tào vẫn xây chi rúa mái,
Chúa Xuân qua lại cũng đà lâu.
Đóa hoa Thượng Uyển mừng mưa móc,
Chén rượu Sa Trường khóc bể dâu.
Tình gọi anh em chung bốn biển:
Thái Bình hai chữ chúc cho nhau.

(Thúc Giạ, 1940)

Vào tiết Thanh Minh năm ấy, CỤ THÚC GIẠ đã tiếp và tặng CỤ MỘNG NHAM LÊ NHỮ LÂM (Tiến sĩ Nho học, Đông Cung Giáo Đạo của Thái Tử Vĩnh Thụy đi Tây du học, trong 10 năm, 1922-1932, CỤ mới về nước) bài thơ sau đây:

Gởi Mộng Nham Lê Nhữ Lâm

Sự nghiệp thầy Nho rúa cũng hay,
Dạy vua, vua nhớ mãi ơn Thầy.
Cấp tay mấy quyển văn Tiên Hán
Hộ giá mười năm cõi Thái Tây.
Lưu giản túi thi tình tự đó,
Tương tư chén rượu tiễn đưa này.
Tiện đây cho hỏi khi làm Sứ,
Thêm chuyện năm châu chép mộng đây?

(Thúc Giạ, 1940)

CỤ LÊ NHỮ LÂM quê quán làng Vân Trình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, giáp giới với tỉnh Quảng Trị, có con sông Ô Lâu chảy qua, cạnh làng Chí Long của CỤ NGUYỄN TRI PHƯƠNG. Cha tôi kể rằng: CỤ LÊ NHỮ LÂM, lúc ở bên Pháp để “dạy vua” thường hay nói với Thái Tử Vĩnh Thụy rằng tên Thầy là Lê Dữ Lãm (nói theo giọng Huế), nhằm khuyên đệ tử nên coi chừng mà chăm lo học hành!

Đến năm Nhâm Ngọ (1942), Tết đến mà chiến tranh thế giới vẫn còn tiếp diễn, khiến CỤ thán Xuân với thời cuộc nhiều nhưng:

Nhâm Ngọ năm ni cũng rúa à!
Cũng bầu thế giới rộn kinh qua,

Mỹ Anh đang phá vòng vây Nhật,
Phổ Ý chưa rời mặt trận Nga;
Mừng tuổi chinh phu trên chiến địa,
Thương xuân thiếu phụ ở quê nhà.
No say lẫn dưới trời Nam Việt,
Lặng lặng chờ nghe tiếng khải ca.

(Thúc Giạ, 1942)

Đến năm Quý Mùi (1943), Cụ Thúc Giạ khai
xuân bằng một cuộc dạo phố mà Cụ có ghi nhiều
chi tiết trong bài:

Dạo Phố Ngày Xuân

Rảo đường Gia Hội đến Pôn Be (1)
Túc cảnh câu thi lại giữa nghề.
Chú Chệt mừng xuân không đốt pháo,
Anh Mừng dạo phố cũng ngồi xe!
Nhiều cô Đất mới bôi son cũ,
Đôi chỗ Hàng dinh giữ mực quê
Ngưỡng mặt nhìn xem câu quảng cáo,
Năm nay chữ tốt lẫn năm tê.

(Thúc Giạ, 1943)

Lần lửa đã tới năm Ất Dậu 1945, là năm
mốc xảy ra lăm chuyện, can qua Nhật-Pháp
bùng nổ giữa đêm 25 qua ngày 26 tháng giêng,
tức là đêm 9 rạng 10 tháng 3 Dương lịch, khiến
cho nước ta lâm vào vòng chiến, thay ngôi đổi
chủ một cách bất ngờ! Và đây là bài thơ lược
thuật vừa chính xác, vừa trào lộng:

Nhật Pháp Chiến tranh

Tháng giêng năm Dậu tới hăm lăm,
Súng đạn mô đây tiếng nổ rầm.
Đóp đóp lượt ba rồi lượt bảy,
Đùng đùng canh một đến canh năm.
Ngõ đêm trừ tịch nhưng không phải,
Gọi tiết Nguyên Tiêu cũng chẳng nhằm.
Tảng sáng vừa nghe tin chiến trận,

Ngậm ngùi chi tiết nỗi kinh tâm!

(Thúc Giạ, 1945)

Sau cuộc đảo chính Nhật, đến tiết Thu thì
nghe tin vua Bảo Đại thoái vị trên Lầu Ngọ Môn
(25/8/1945), rời Cố Đô Huế ra thẳng Thăng
Long nhận chức Tối Cao Cố Vấn của Chính Phủ
Cách Mạng. Cụ bùi ngùi cảm tác bài thơ bày tỏ
nỗi niềm riêng tư của mình trước thời cuộc:

Vua Bảo Đại thoái vị

Nỗ tiếc không thương cái bệ rồng,
Ngự xe cờ phát đến Thăng Long.
Trải qua non nước nhìn quanh rặng,
Ngoảnh lại lâu đài bỏ trống không.
Gió tạc cánh thu chim ngái tổ,
Trăng soi cửa cấm nhện giăng mùng.
Có ai vô Nội cho mình hỏi:
Thần Tử còn lưa lại mấy ông?

(Thúc Giạ, 1945)

Đầu năm Bính Tuất 1946, nhằm ngày Tết,
Cụ Thúc Giạ dạo chơi thành Nội, nhìn cảnh cũ
điều hiu, nhớ người xưa, nay mất dạng, mà cảm
thấy xúc động, ray rứt trong lòng, bèn ghi lại đôi
chút tâm tình trong bài thơ:

Ngày Tết năm Bính Tuất

Ngày Tết năm nay chẳng ngự Triều,
Ngó vô trong Nội cảnh buồn thiu.
Ngựa ra cửa khuyết chưa mòn dấu,
Én liệng sân chầu đã đóng rêu.
Rầm rọt kiếm cung oai tướng sĩ,
Ủ ê son phấn bạn đồng liêu.
Biết ai nhấn hỏi vài câu chuyện,
Trước Ngọ Môn lâu buổi xế chiều.

(Thúc Giạ, 1946)

Cuối năm 1946, Cụ Thúc Giạ phải đột ngột

lên đường chạy giặc Việt Minh đột kích quân đội Pháp, đôi bên nổ súng dữ dội, già trẻ lũ lượt sang sông, tìm đường về quê để tránh bom đạn, khiến Cụ vừa chạy, vừa “nực cười cho lão tánh phiêu phiêu”:

Đi lánh nạn

*Nực cười cho lão tánh phiêu phiêu,
Đợi nước lên trôn mới nhảy liêu.
Mang gói giã từ thôn Vỹ Dạ,
Sang sông ở trọ xóm Giang triều.
Trăng lồng, gió lọt, đêm thê thảm,
Rèm mát, phên xưa, cảnh quạnh hiu.
Nhưng rứa không lo mà khởi sợ,
Hơn nơi nệm gấm lẫn màn thêu.*

(Thúc Giạ, 1946)

Đầu năm Canh Dần 1950, Cụ Thúc Giạ lại được mời cầm chầu Hát Bội nơi rạp Đồng Xuân



Lâu (Bà Tuân), nhìn lại đào xưa, kếp cũ, tưởng tích thâm trầm, càng thêm thấm thía so với trò đời đầy vơi đen bạc:

Coi hát rạp Đồng Xuân

*Rạp hát Đồng Xuân tiếng thuở nay,
Hoa thêu gấm dệt cảnh phô bày.
Kếp đào vai cũ không ai lạ,
Trung nịnh tuồng xưa lăm vở hay.
Cứu Tiết Đình San cho khỏi nạn,
Cậy trình Thiên Tuế phải ra tay.
Tẻ vui cười khóc trên sân khấu,
Lặng lặng ngồi xem lớp đổi thay.*

(Thúc Giạ, 1950)

Trong đời Cụ Thúc Giạ có điều hy hữu, khác lạ hơn người là đương khi còn sống mà Cụ biểu con cháu và thân hữu làm lễ sinh táng, xem như đã chết, với phúng điếu, ca hát đủ thứ, để Cụ được chứng kiến ra sao, kéo tới lúc chết rồi thì đâu còn hay biết gì nữa, lúc đó dù có làm linh đình, to lớn bao nhiêu thì cũng bằng thừa, lại thêm tốn kém mà “đương nhân” không hơi hưởng chi được cả! Thế là năm 1951 vào tiết Hạ, Cụ đứng ra tổ chức *Đám tang giả* của Cụ, gọi là *Sanh điếu*, rồi Cụ góp nhặt tất cả thơ văn phúng điếu, cất kỹ làm lưu niệm. Hồi đó, chúng tôi đang đảm trách ngành Thông Tin, Báo Chí miền Trung, đã được hân hạnh Cụ gọi về chơi Thôn Vỹ để dự lễ tiễn đưa Cụ về Trời! Quang cảnh như mộng ảo, hư hư thực thực, đúng chữ siêu thực (surréaliste), cả đời tôi chưa bao giờ trông thấy một quang cảnh tương tự như vậy!

Sự việc kỳ lạ này được Cụ ghi lại trong bài thơ cảm tác vào đầu năm sau, Nhâm Thìn 1952:

Khai bút năm Nhâm Thìn

*Bảy lăm sanh điếu chuyện hy kỳ,
Bảy sáu nay mảng những chuyện chi?*

Say tỉnh với đời ba cốc rượu,
Dở hay theo bạn mấy vần thi.
Sẵn tay gậy trúc vui thì múa,
Nhẹ bước đường hoa khỏe cứ đi.
Gặp khách nhà Nho nơi cửa Phật,
Khuyên mình hãy phát nguyện qui y.
(Thúc Giạ, 1952)

Tiếp đến năm Quý Ty 1953, Cụ Thúc Giạ tiếp được thơ và Thi của bà Tương Phố Đỗ Thị Đàm (1898-1973) từ ngoài Bắc gửi vào thăm. Cụ ân cần phúc thơ cảm tạ và họa lại bài thi của Bà, với lời lẽ bình dị và ý tứ cao sang:

Đáp họa vần Thi của Nữ Sĩ Tương Phố gửi thăm

Bướm Trang sinh bổng đậu rồi bay,
Giấc mộng xưa còn phượng phát đây.
Gió thổi ngọn tùng, cây đứng vững,
Mưa chan cội liễu, vóc chưa gãy.
Da môi tóc bạc tuy thay đổi,
Dạ sắt gan vàng khó chuyển lay.
Kính đáp vần thi xuân Quý Ty,
Nương theo cánh nhạn gửi tờ mây.
(Thúc Giạ, 1953)

Cuối năm ấy thì Cụ Thúc Giạ cáo từ chức **Hiệp Lý Phủ Tôn Nhơn**, như được ghi trong bài thơ sau đây:

Vai tồng Hiệp Lý Phủ Tôn Nhân
Phụng sự Quân Vương lễ Thánh Thần.
Kính cẩn không sai ngày tế tự,
Chầu hầu phải rạng nét y cân.
Những lời tấu đối tuy quen miệng,
Nhưng lối xu bồi chữa thạo chân.
Tai nặng mắt quàng e dễ vấp,
Lui về Nội lách dưỡng thiên thân.
(Thúc Giạ, 1953)

Thấm thoát mà đã đến năm Mậu Tuất 1958,

lúc này Cụ đã được 82 tuổi thọ:
"Phước của Trời cho, lộc của trời,
Lần lên tuổi thọ tám mươi hai"

Cuối năm ấy Cụ ngẫu hứng làm một bài thơ với tựa đề khá dài, vốn là một câu ca dao hai vế, có tính cách châm biếm:

Tham giàu đã thấy giàu chưa?
Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng mười.

Kén nhà thiên hộ để làm dâu,
Không ngờ gia nường việc lút đầu.
Vàng trít cổ tay cam lỗ dại
Cơm chan nước mắt chịu ôm sâu.
Khóa chìa mù nhạc nằng kêu hỏi,
Chăn gối ông chồng ít gặp nhau.
Mới biết chị em mình xuất giá,
Lựa nơi thanh nhã sướng hơn giàu!

(Thúc Giạ, 1958)

Qua tháng 3 năm 1959 (Kỷ Hợi), Cụ Thúc Giạ đã gửi tặng Bà Thái Mộng Tuyết (Thất Tiểu Muội) ở Gia Định một bài thơ Đường luật ca ngợi Nữ Sĩ tài hoa của xứ Đồng Nai:

Tặng Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội

Nữ lưu thanh giá bạc phi thường,
Quê ở Hà Tiên Mộng Tuyết Nương.
Sửa bút mài nghiên bao tuế nguyệt?
Phun châu nhả ngọc lấm từ chương.
Tinh hoa vẫn chuộng văn tiên Hán,
Tao nhã ham vui luật thạch Đường.
Du lịch sao chưa tìm thắng cảnh?
Kìa mây đỉnh Ngự nước sông Hương.
(Thúc Giạ, 3/1959)

Và đây là bài thơ cuối cùng mà Thi Ông Thúc Giạ đã cảm tác vào mùa Thu 1960 (Canh Tý), như là một lời tiên tri sắp sửa đi về Tây phương Thiên Trúc, và đồng thời cũng là lời

nhấn nhủ, bức thông điệp cho phướng hậu thế nên sinh sống đậm bạc hiền lương, tương thân bác ái, giữ vững tinh thần và đạo lý:

Tiếng Chuông Lòng

*Tiếng chuông lòng dội buổi tan sương
Đỉnh lễ qui y trước Phật đường
Soi tỏ tâm linh nhờ đuốc tuệ,
Rước tan tục lụy sẵn cành dương.
Giữ niềm bác ái không sai chạy,
Thời bệnh sân si khỏi vấn vương.
Tôi cũng như ai phướng đạo hữu,
Mong vào cửa Phật đến Tây Phương.*

(Thúc Giạ, đầu Thu 1960)

Và từ đó Thi Ông chống gậy trúc, dạo bước vườn hoa, tiên phong đạo cốt, trà thánh cờ tiên, thanh thân tìm về cõi Phật đúng ngày 4 tháng 4 năm 1961, hưởng thọ 85 tuổi.

Paris, Chiêu Anh Các.

Chú thích:

(1) Paul Bert (1833-1886) là một nhà bác học, kiêm chính trị gia, đã làm Tổng Trưởng Giáo Dục và Toàn Quyền Đông Dương.



GIỚI THIỆU SÁCH CỦA VĨNH HẢO

• *Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt*, tập truyện ngắn viết về Mẹ và Quê hương qua bao biến thiên đổi dời của đất nước và lòng người. Sách dày 200 trang, giá \$10US.

• *Thiên Thần Quét Lá*, tập truyện ngắn viết về công hạnh và cuộc đời các chú tiểu quét lá đa ở chùa. Sách dày 200 trang, giá \$10US.

• *Biển Đời Muôn Thuở*, tập truyện ngắn soi rọi nhiều khía cạnh cuộc sống, hạnh phúc và niềm đau của con người. Sách dày 200 trang, giá \$10US.

• *Núi Xanh Mây Hồng*, truyện vừa, viết về một tu sĩ trẻ lang thang, quan sát cuộc đời đổi thay quanh mình bằng con mắt ngạc nhiên của đạo nhân. Sách dày 180, giá \$10US.

• *Chạnh Lòng Tiếng Thơ Rơi*, tập thơ viết về nhiều đề tài: thiên học, thi ca, tình yêu, quê hương và cuộc sống. Sách dày 90 trang, giá \$6US.

• *Sân Trước Cành Mai*, tạp bút nói về liên hệ thầy trò, tình phụ tử, quan niệm thiên học, dẫn thân... Sách dày 200 trang, giá \$12US.

• *Phương Trời Cao Rộng*, truyện dài, viết về chuyện một chú bé xuất gia, dốc cả cuộc đời vào con đường tìm cầu giải thoát giác ngộ, trải qua bao thử thách và chướng nạn vẫn ôm giữ chí nguyện ban đầu của mình. Dày 370 trang, giá \$15US.

• *Bụi Đường*, truyện dài: cuộc phấn đấu của nhà tu trẻ đối với ái dục và nghịch cảnh xã hội. Dày 350 trang, giá \$15US.

• *Ngõ Thoát*, truyện dài về nhà tu trẻ trong ngục tù, biến trại giam thành nơi trau luyện ý chí, hưng phát bồ đề tâm. Dày 350 trang, giá \$15US.

• *Cởi Trói*, truyện dài, viết về cuộc phấn đấu cam go của tu sĩ Phật giáo trong ngục tù để thể hiện tính Phật. Mới phát hành tháng 1/1997. Truyện gồm 2 tập, mỗi tập dày 350 trang, giá mỗi tập \$15US (ngoài Hoa Kỳ giá mỗi tập \$17US).

Mua sách xin gửi ngân, chi phiếu đến:

Chiêu Hà Publisher

P.O. Box 2303,

North Hills, Ca. 91393 - USA

TỰ DO TÔN GIÁO

THẾ NƯỚC LÒNG DÂN - GIÁO HỘI TẠI VIỆT NAM

Lý Đại Nguyên

Càng dùng cảm nhận bằng Tâm-từ-bi hay nhìn bằng Mắt-trí-tuệ vào thực tại Việt Nam thì càng thấy thật rõ chân tướng của Cộng đảng Việt Nam đang hiện nguyên hình là một thế lực vô minh tàn độc tham lam cùng cực ở cõi ta bà này.

Thật vậy, Cộng đảng Việt Nam không những đang mù quáng chặn bước tiến của dân tộc, đà phát triển của đất nước và khát vọng tự do dân chủ của dân chúng, mà còn vì lòng tham ác độc địa mất tính người, họ đã nhập lậu bạch phiến vào Việt Nam bán rẻ đến độ cho không các sinh viên học sinh nhằm đầu độc nguồn sống của dân tộc, hy vọng của đất nước.

Họ có thể chối trách nhiệm được không? Một khi họ đang nắm và bằng mọi thủ đoạn, duy trì quyền toàn trị đất nước? Họ có thể chối được không khi hệ thống kinh tài của đảng đã điều động và tham dự vào hầu hết mọi lãnh vực kinh tế hợp pháp cũng như buôn lậu?

Một Đảng lãnh đạo chính quyền toàn trị: ba cơ chế Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp nằm gọn trong tay Đảng. Vẫn chưa chắc ăn, Đảng nắm luôn mọi phương tiện truyền thông trong tay, thu luôn mọi mối lợi kinh tế về cho Đảng. Kiểm soát Nghiệp đoàn và khống chế các tôn giáo, nhốt chung vào tổ chức Mặt Trận Tổ Quốc, công cụ chính trị của Đảng. Tất cả các trường sở và chương trình giáo dục đều nằm trong tay Đảng.

Thế mà, tuổi trẻ Việt Nam mang tiếng được chen chúc đến trường, lại chẳng được học hành

tới nơi tới chốn. Đức đực hoàn toàn vắng mặt tại nhà trường; trí dục thì què quặt chỉ được nhái lại những sáo ngữ tuyên truyền; chuyên môn thì lẻo đẻo theo đuôi thế giới cách nhau hàng thế kỷ.

Xã hội thì cướp bóc, giết người, lừa đảo; ngập ngụa những tụ điểm ăn chơi sa đọa để cho cán bộ Đảng viên có nơi xài tiền kiếm được bằng cách tham ô và buôn lậu. Thật là tội lỗi đầy trời ngập đất không bút mực nào viết đủ. Nguyên nhân chính của những hiện tượng đen tối đồi trụy này, đều do nơi người Cộng sản đã dùng tư tưởng Duy Vật để dạy nhau.

Cốt lõi luận lý của Duy Vật là triệt hạ mọi giá trị tinh thần nơi con người, vật hóa tư tưởng con người, hướng tình cảm và suy nghĩ của con người vào sự đấu tranh hận thù giai cấp, đồng thời kích thích tinh thần ác và những ham muốn thú vật hạ cấp nơi con người.

Lối giáo dục nêu trên đã biến được những người theo Đảng thành những bầy người chỉ biết nghe lệnh. Còn dân chúng thì Cộng đảng triệt để áp dụng phương pháp “bạo lực trấn áp” đánh thẳng vào sự sợ hãi của con người, nếu chưa đủ thì nắm cho bằng được phương tiện sinh sống và lương thực của xã hội để điều khiển con người.

Nhưng thực tế thì lối giáo dục, nhồi sọ kiểu Duy Vật chỉ làm chậm bước tiến của xã hội, làm thui chột mọi khả năng đóng góp của con người, chứ chẳng thể biến con người thành con vật được. Con người vẫn âm thầm đề kháng và chờ

ngày vùng dậy. Riêng về cán bộ Đảng thì lối giáo dục đó lại có hiệu quả: trong chiến đấu họ là những kẻ mê muội chỉ biết mệnh lệnh cấp trên. Đến khi có được chính quyền trong tay thì lại biến thành những con vật ham hưởng thụ, không có liêm sỉ, không biết hổ thẹn, không cả tình cảm, thích cái gì thì lấy cái đó, không cần biết đến sự chê bai khinh bỉ của người khác, miễn là họ che được mắt cấp trên, hoặc thỏa hiệp được với cấp trên để ăn chia với nhau. Chính vì có lớp cán bộ cầm quyền như thế mà chủ nghĩa xã hội đã ung thối.

“Đổi mới” để tồn tại thêm được ngày nào hay ngày đó. Sự đổi mới vừa là sự nhượng bộ của đảng đối với dân chúng, đồng thời cũng tạo ra sự cởi trói cho cán bộ Đảng viên được rộng tay hơn để lạm dụng chức quyền làm ăn riêng lẻ, và tha hồ tham ô. Vì bị “đổi mới” cũng có nghĩa nhận rằng: chủ nghĩa Cộng sản đã thất bại. Mọi giá trị xã hội do Duy Vật đề ra đều là bánh vẽ. Vậy cái bánh thực đang nằm trong tầm tay của Đảng là TIỀN; tiền bất cứ từ đâu lại; tiền bất cứ bằng cách nào, miễn là chạy vào được túi Đảng viên các cấp; THAM Ô và BUÔN LẬU là hai cách kiếm tiền nhanh nhất của những người có quyền thế trong tay.

Kinh tế thị trường nằm trong tay một Đảng toàn trị mà Đảng đó lại không tham những thì



lịch sử cổ kim đông tây từ xưa tới nay và mãi mãi về sau chắc chẳng bao giờ xuất hiện trên trái đất này đâu. Thế nên để ngừa tình trạng đó, các cơ chế chính quyền Dân chủ đã phải tổ chức theo ba quyền độc lập mà tương quan đó là Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp.

Thế mà vẫn chưa đủ để bảo đảm tốt được chế độ Dân chủ pháp trị, con người đã phải đưa ra các luật lệ để bảo vệ Nhân quyền và Dân quyền nhằm xây dựng các nền tảng xã hội công dân do chính người dân đồng tham dự. Bốn cái trụ xây dựng xã hội dân chủ tự do công dân là tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do đảng phái và tự do nghiệp đoàn. Bốn thế lực tự do của dân chúng này vừa kiểm soát chính quyền, vừa thúc đẩy chính quyền vừa sẵn sàng ôn hòa thay thế chính quyền, nếu chính quyền không làm đúng ý dân.

Tôn giáo hướng dẫn cho con người hướng thiện, mở rộng thế giới tâm linh vô hạn để nâng tinh thần con người lên ngang tầm trời đất, xây dựng nhân cách, phẩm hạnh và thế cách sinh hoạt của con người mỗi ngày một thêm tốt đẹp, tốt đẹp tự thân và tốt đẹp trong đời sống cộng đồng. Bởi vậy, tôn giáo từ ngàn xưa đã do nhu cầu tâm linh con người mà xuất hiện, ngày nay vẫn vì bảo vệ con người và mọi giá trị thuộc về người mà tồn tại và phát triển.

Trong quá khứ, chính tôn giáo đã có vai trò tích cực trong việc đấu tranh hình thành chế độ tự do dân chủ cho thế giới. Và trong hiện tại cũng đã quy tụ được dân chúng hậu thuẫn cho phong trào Dân chủ tại Đông Âu và Liên Xô ở cuộc đổi đời vừa qua. Và tôn giáo còn là thành lũy cho tự do ngôn luận xuất hiện.

Ngôn luận. Tự do ngôn luận là một biểu tượng chói sáng nhất của chế độ Dân chủ. Không có tự do ngôn luận thì chẳng làm gì có Dân chủ nữa. Ngôn luận là tiếng nói chủ động của con người, phát biểu về xã hội mình hiện sống... biểu hiện tâm ý của mình cho mọi người

cùng hội ý, góp ý, vừa vạch đường, vừa thúc đẩy, vừa bảo vệ, cho những việc làm đúng của cộng đồng... Do đấy các chế độ độc tài sợ nhất là tự do ngôn luận. Các chế độ Dân chủ cần nhất là tự do ngôn luận, vì chỉ có tự do ngôn luận mới làm cho các người có quyền thế không dám làm bậy. Trong thế giới hiện nay, ngành Truyền thông quan trọng chỉ thua có ngành Tài chính.

Đảng phái. Tự do ngôn luận vừa định hướng cho xã hội, vừa quy tụ được những người cùng lối nhìn, lại với nhau để thành Đảng phái. Hướng đi đúng của xã hội chỉ có một, nhưng phương pháp thực hiện thì nhiều cách, cách này hoặc cách kia tuy có đối lập nhau, nhưng lại bổ sung cho nhau để làm tốt cho xã hội. Bởi thế tính cách Đa Đảng là bản chất của chế độ Dân chủ. Độc đảng độc tài là phản nghĩa của Dân chủ.

Các Đảng đối lập là áp lực cần thiết khiến chính quyền phải nghiêm chỉnh làm tốt, đi đúng với nguyện vọng của dân hơn nếu muốn được bầu cử lại. Các Đảng đối lập lại càng phải cố gắng hơn nữa để mà chứng tỏ mình đúng, mình tốt hơn chính quyền, để được dân chúng tín nhiệm bầu lên thay thế chính quyền hiện thời. Rõ ràng là chế độ tự do dân chủ tạo ra điều kiện để cho các lực của dân chúng ráo riết thúc đẩy nhau phát triển không ngừng.

Nghiệp đoàn là các tổ chức nhằm bảo vệ các sinh hoạt ngành nghề và quyền lợi của công nhân lao động, bảo đảm được tương đối sự công bằng xã hội, tránh cảnh người bóc lột người, mà trước đây Cộng Sản thường lên án, nhưng hiện nay thì Đảng Việt Cộng lại độc quyền nắm nghiệp đoàn để buộc công nhân phục vụ cho các công ty Quốc doanh, bất chấp quyền lợi và nguyện vọng của người lao động, thậm chí còn làm ngơ đi cho các chủ nhân nước ngoài hành hạ ngược đãi đánh đập, nhục mạ người công nhân Việt Nam nữa!

Thực sự Cộng sản đã bị trào lưu thế giới

vượt bỏ, đổi mới kiểu Cộng sản đang tạo ra thảm trạng Ô Lậu tồi tệ nhất trong lịch sử Việt Nam (Chữ Ô Lậu là ghép bởi hai chữ Tham Ô và Buôn Lậu, vừa diễn tả đúng bản chất của Cộng Đảng Việt Nam, vừa có tính cách gợi hình: Ô Lậu là đen tối, ngu muội và thối nát, vì trước đây Cộng sản chủ trương Độc tài Vô sản chuyên chính thì nay đã biến chất thành độc tài Ô Lậu Chuyên chính, đúng với chủ trương: Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa). Toàn dân Việt Nam đang sống cơ cực tủi nhục dưới chế độ độc tài thối nát đó.

Các cuộc đấu tranh đòi tự do tôn giáo của Việt Nam không bao giờ ngừng dưới chế độ Cộng sản, lúc âm thầm khi bộc phát, vì tất cả mọi người đều hiểu Cộng sản luôn luôn coi tôn giáo là kẻ thù căn bản của chế độ. Chính Cộng sản đã chủ động tiêu diệt tôn giáo, cấm đoán việc hành đạo, biến các nơi thờ tự thành nhà kho và nơi nuôi súc vật.

Cộng sản dạy cán bộ của họ phải thẳng tay tiêu diệt và dứt khoát coi tôn giáo là kẻ thù căn bản tiến của Cộng sản. Cho nên khi Cộng sản cướp được miền Nam Việt Nam thì ngay lập tức họ đã thẳng tay đàn áp các tôn giáo buộc mỗi tôn giáo phải sinh hoạt, phải đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của Mặt Trận Tổ Quốc, công cụ chính trị ngoại vi của Đảng.

Nhưng Cộng sản chỉ nắm được cái vỏ của Tôn giáo mà thôi. Hầu hết các tu sĩ và tín đồ của các tôn giáo đều hướng vào các nhà lãnh đạo đã và đang đề kháng lại chính sách độc tài vô đạo của Cộng đảng, dù nhất thời họ đứng ở vị thế nào cũng vậy. Chứng cứ hiển nhiên là việc Hòa thượng Từ Mãn và Thượng Tọa Tâm Thanh, Trị sự trưởng và Phó GHPGVN tỉnh Lâm Đồng đã từ chức để phản đối việc Cộng sản bắt sự và phá chùa Long Thọ tại Đà Lạt. Đây là biến cố tức nước vỡ bờ, và tình trạng tức nước đó sẽ được nhân rộng ra khắp nước trong những ngày tới.

Vì rằng, không ai có thể ngờ được Cộng sản đã cầm quyền ở Miền bắc trên nửa thế kỷ, với chủ trương tiêu diệt tôn giáo quyết liệt và không ngừng. Như vậy, tưởng là đã tiêu diệt được tận gốc rễ tôn giáo trong lòng dân rồi. Nhưng chỉ vì muốn chứng tỏ với thế giới họ không đàn áp tôn giáo để khỏi bị cô lập, nên đã phải Đổi Mới. Đây được xem như một trận mưa xuống đất khô, khiến cho nấm vạch đất trời lên trắng xóa đồng nội. Các đền chùa được dân chúng trùng tu và làm mới, mọc lên khắp nơi khắp chốn ở các vùng nông thôn lẫn thị thành, đã làm ngạc nhiên cho khách quốc tế. Không chỉ là nơi thờ tự, mà hầu như toàn dân đều đua nhau, tìm hiểu kinh sách các tôn giáo và tu tập tâm linh, vốn là một lãnh vực thiếu vắng trong chế độ Cộng sản.

Mặt khác, vì tâm lý toàn dân đề kháng Cộng đảng, nên bất kỳ dịp lễ hội tôn giáo nào, dân chúng, nhất là thanh niên càng đổ xuống đường đến nơi thờ kính. Điển hình là lễ Phật Đản năm ngoái, không chùa nào không đầy áp người, nhất là chùa Vĩnh Nghiêm, hàng trăm ngàn người chen chúc tụ hội; họ gồm cả những người không cùng tôn giáo. Đêm Giáng sinh vừa qua, Saigon toàn là người đi bộ, phải nói hàng triệu người kéo nhau xuống đường tập trung về Vương cung Thánh đường. Họ đã nói lên tiếng nói mãnh liệt nhất tự đáy lòng: Tự do tôn giáo phải về với dân Việt Nam. Độc tài Cộng sản phải ra đi khỏi Việt Nam.

Lòng dân đã là như vậy, thế nước thì sao? Thế nước nằm trong hướng thời đại: Cả thế giới đều rầm rộ tiến lên mở mùa Tự do Dân chủ. Các chế độ độc tài lần lượt cáo chung. Nhân loại đều đòi hỏi thế, và ngay các thế lực tư bản, những người từ trước tới nay chỉ biết tới quyền lợi tài chánh, cũng thấy rằng, đầu tư vào các chế độ độc tài không đem lại lợi nhuận cho họ bằng đầu tư vào các xã hội tự do Dân chủ. Vì chỉ có chế độ tự do mới tạo ra một môi trường thích hợp cho việc đầu tư về kỹ thuật, có các chuyên

viên tốt, các công nhân tốt, bỏ vốn vào đó chỉ có lợi chứ không lỗ. Và thị trường tự do cũng sẽ phát triển khi dân có đời sống cao, tiêu thụ nhiều.

Đã rõ nhu cầu Tự do Dân chủ đúng là nhu cầu của thế nước và lòng dân. Đứng đầu của thế giới tư bản hiện nay là Hoa Kỳ, tất cả chiến lược của Hoa Kỳ từ trước tới nay trở thành chính sách của Lương Đảng là vì nó đã được Tư bản đổ vốn vào đầu tư cho các ngành kỹ nghệ mà chiến lược đó đòi hỏi; thế nên bất cứ vị Tổng thống nào cũng không “dám” đi ra ngoài chiến lược mà vốn Hoa Kỳ đã dồn vào đó.

Sau chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ lấy vấn đề Nhân quyền làm mục tiêu chiến lược của mình cũng có nghĩa là hướng về phía dân chúng của các nước đối tác của Hoa Kỳ (khác với 50 năm qua Hoa Kỳ chỉ biết tới các chính quyền độc tài, ngoan ngoãn tuân theo chính sách Mỹ). Thế nên, đã bị các chính quyền mà ở đó chế độ tự do chưa thực sự được thi hành đầy đủ. Chỉ mới đang tập sự Dân chủ, phản đối, cho rằng: nhân quyền chỉ là sản phẩm của Mỹ. Sự chống đối này dù là “cãi cối cãi chày” nhưng họ vẫn là những nước đối tác cầu và trên đường tới tự do. Nên sách lược mới của Hoa Kỳ đã cụ thể hơn, không đòi nhân quyền khơi khơi nữa mà xoáy vào điểm: Tự do Tôn giáo, đó là điều kiện thực hiện nhân quyền căn bản nhất của con người, mà chỉ các nước Cộng sản là chưa có.

Lập tức, Fidel Castro, Chủ tịch Cuba xin sang triều kiến Giáo Hoàng và thừa nhận để Giáo Hội Thiên Chúa Cuba chính thức xuất hiện trước công luận để chuẩn bị đón Giáo Hoàng. Còn Trung Cộng vốn là nơi các Tôn giáo chưa có nhiều ảnh hưởng bằng Đạo Khổng, mà Đạo Khổng thì chỉ là Đạo học, không phải là một tôn giáo có đền thờ, nghi lễ, tu sĩ, giáo hội, cho nên Trung Cộng không mấy sợ điều này. Còn Tây Tạng tuy là có vấn đề tôn giáo, nhưng tôn giáo gắn liền với vấn đề Độc lập của Tây Tạng, cùng

lắm thì Trung Cộng để cho Tây Tạng tự trị là yên, không có vấn đề đấu tranh tôn giáo trong nội tại Trung Cộng.

Vậy chỉ riêng Việt Nam là vấn đề đấu tranh tôn giáo tự do của toàn dân mỗi ngày mỗi dâng cao, thế mà chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ lại đặt tự do tôn giáo làm mục đích chính thì liệu cuộc vận động xin Mỹ cho Việt Nam tối huệ quốc, và việc tư bản Mỹ đổ vốn đầu tư vào Việt Nam của Cộng Đảng tính sao đây?

Tôn giáo là ánh sáng của tâm hồn, ánh sáng tối thì bóng tối phải tan, mà bóng tối đen đặc nhất đối với toàn dân Việt Nam và tương lai dân tộc, tiền đồ đất nước, là Cộng Đảng.

11-1-1997

Thơ

NHƯ YÊN

Biểu Cảnh

Phong cảnh êm đềm
Em gửi Chị xem
Xem qua rồi thích
Trầm lặng ngộ vô biên

Song cửa: khung lòng
Gương sáng: tịch trong
Bất động: tâm lỏng
Rọi khắp: tận mênh mông

Tặng Chị tàng liễu
Hoa giấy mình yêu
Hoa vàng mình thích
Bình yên suốt sáng chiều

Trời lặng: tâm yên
Mây lững: lơ duyên
Vòm cao: nhất tánh
Trắng, xanh: tánh tuyệt duyên

Chim cô xa vắng
Bướm cô đi vắng
Giọt nắng lòà xòa
Thảm xanh hòa yên vắng

Gió lặng: định ngừng
Giọt nắng: chẳng lung
Bụi hồng: lắng đọng
Cảnh tịnh: tỏ muôn trùng

Hôm qua chớm nở
Hôm nay bùng mở
Ngắm nghĩa phút này
Hay thay! Duyên gặp gỡ

Hương thơm: không tưởng
Âm vang: không tưởng
Khí thoảng: không hình
Xúc giác: không định hướng.

HOÀNG VIỆT THI

Xuân mới

Xuân mới, vườn xanh mới
Ngào ngạt đất hương xông
Đi trong màu hoa cải
Niềm vui như trắng rằm.

Nhớ nhà

Nhớ giàn bông giấy ra hoa
Nhớ sân gạch nhỏ đã già mấy xuân
Chớm theo cơn mộng ngập ngừng
E rằng cửa ngõ quá chừng xa xăm.

TÔN GIÁO VẬN

Nguyễn Tường

Có 2 Việt kiều từ thủ đô người Việt tỵ nạn tại quận Cam ở Ca Li, Hoa Kỳ về nước dưới hình thức tu sĩ Phật giáo đến diện kiến Hòa Thượng Trí Quang, mục đích cung thỉnh Ngài đứng ra lãnh đạo cuộc vận động thành phần Tăng Già trung kiên với G.H.P.G.V.N.T.N tại Việt Nam hãy chấp nhận và hợp tác với “Giáo Hội Thừa Sai”. Rất ngắn gọn mà xúc tích, Hòa Thượng chỉ nói một câu: “*Mấy ông ngủ chưa dậy!*”

Nếu 2 vị đó là cán bộ nằm vùng của Đảng Cộng Sản thì không cần bàn tới. Nhưng nếu 2 vị đó được sanh ra và lớn lên nhờ mái nhà Đạo Phật Việt Nam, được sống còn cho đến hôm nay ít nhất nhờ bao hy sinh xương máu và những bức hại tù đày của các Phật Tử Việt Nam suốt từ mấy chục năm vẫn còn đang tiếp diễn mà ngu si nhận giặc làm cha thì thật chẳng có lương tri hay liêm sỉ. Nhưng thường thì những kẻ không liêm sỉ đương nhiên không biết xấu hổ là gì và chỉ những kẻ đó mới cam tâm tình nguyện nối dài công tác Tôn Giáo Vận ra tận hải ngoại tự do.

Vấn đề Tôn Giáo Vận được nêu lại không phải cho tất cả Phật tử Việt Nam chân chính (Phật tử ở đây bao gồm cả 2 giới Xuất gia và Tại gia). Tất cả Phật tử Việt Nam chân chính từ trước tới giờ đã, đang và tiếp tục không gián đoạn hộ trì Chánh Pháp. Vấn đề được nêu ra nhằm vào 2 đối tượng, đó là (1) Hạng người vì quên gốc phá nguồn vong ơn bội nghĩa tự khinh thị khi chôn vùi phẩm cách của mình, lợi dụng danh tướng Đạo Phật để mưu đồ danh lợi riêng tư, điển hình là những kẻ tự xưng người Phật tử

Việt Nam mà không chấp nhận G.H.P.G.V.N.T.N còn cố tình phá hoại vì cho rằng đã cản bước tiến trên đường lợi danh tự kỷ, và (2) Hạng nghiên cứu Phật học sơ cơ phân vân trước nẻo chánh, tà, chơn, ngụy vì ma thuật của một số tà nhơn và Đảng C.S.V.N loạn biến, điển hình là thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên tại Việt Nam từ 1975 cũng như những người Việt mới bắt đầu nghiên cứu về Đạo Phật Việt Nam.

Với hạng người thứ nhất, vấn đề được thảo luận trong hy vọng chỉ bày vài sự sai lầm căn bản để họ biết sám hối ăn năn vì tội tự khinh thị; và với hạng người thứ hai như trình bày vài nhận thức căn bản về Chánh Pháp.

Vấn đề tuy chẳng mới lạ gì nhưng trong tình thế hiện tại lại vô cùng phức tạp không giản đơn như một lời nói: “Tu học Phật Pháp tức hộ trì Chánh Pháp”.

Đương nhiên tu học tức hộ trì Chánh Pháp nhưng nếu cứ ngồi im nhắm mắt thì khác gì ngồi ngủ? Hoặc chỉ lo dựng xây từng viên gạch mà không để ý ngăn chặn những kẻ phá hoại đang cầm búa tạ đập tan thì luống công vô ích. Học Phật là học cái gì? Trước hết là cần học hiểu vì sao Đức Phật xuất hiện thế gian? Vì sao Đức Phật Hiện Chánh Pháp Tà? Vì sao Đức Phật xóa bỏ mọi bất công trong xã hội Ấn Độ đương thời?...

Nếu chỉ nói suông “tu học Phật Pháp tức hộ trì Chánh Pháp” thì đúng là khẩu hiệu tuyên truyền của tập thể Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam do bạo quyền Hà Nội chính thức thành lập từ cuối năm 1981.

Tám tháng sau khi Đảng C.S.V.N thôn tính trọn cả nước Việt Nam, ngày 1 tháng 1 năm 1976, tờ báo *Giác Ngộ* (Tiếng Nói Phật Giáo Yêu Nước) ra đời dưới sự chỉ thị của Đảng trong công tác Tôn Giáo Vận đối với Đạo Phật Việt Nam, là tờ báo độc quyền độc diễn về Phật Giáo để vận động khai sinh cái gọi là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Tôn Giáo Vận nghĩa là gì?

Có phải Tôn Giáo Vận là xem tôn giáo như bạn để dụ dỗ tôn giáo về phe mình? Minh là ai? Minh đây là Đảng C.S.V.N. Nếu vậy, cần phải dịch ngược từ Việt ngữ sang Hoa ngữ: “Khán các tôn giáo đồ như bạn hữu, khuyến tha minh tông nhập Việt Cộng đảng lưu” rồi rút gọn thành “Tôn giáo tông Đảng vận”. Tôn giáo tông Đảng vận không thể là Tôn Giáo Vận. Diễn dịch Tôn Giáo Vận ra thành “tôn giáo tông Đảng vận” rồi ra thành “Khán các tôn giáo đồ như bạn hữu, khuyến tha minh tông nhập Việt Cộng đảng lưu” là một thứ ma thuật trên chữ nghĩa của Đảng C.S.V.N đã khiến không ít người lầm đường lạc lối.

Tôn Giáo Vận nghĩa là gì?

Đây là một cụm từ Hán Việt mới do Họ sử dụng (ngược với chủ trương cách mạng mà bất cứ người bình dân nào cũng hiểu thành những cụm từ chẳng mấy hay ho như “Hỏa tiễn” sửa thành “tên lửa”, “máy bay trực thăng” sửa thành “máy bay lên thẳng”, “nhà bảo sanh” sửa thành “xưởng đẻ”...). Nếu y theo cú pháp Hán Việt thì “vận” có nghĩa là lay động, vận chuyển, xoay chuyển; “Tôn Giáo Vận” nghĩa là lay động, xoay chuyển các tôn giáo. Nhưng xoay chuyển theo chiều hướng nào, phát triển hay hoại diệt? Bất cứ một học sinh Trung học sau năm 1975 đều đã phải học qua: “Tôn giáo là thuốc phiện

của quần chúng”, “Ngoài bốn phạm tiêu diệt Đế quốc và tư bản, người thanh niên Cộng Sản cần tiêu diệt tôn giáo, đó là vấn đề thứ yếu”... Vậy thì “Tôn Giáo Vận” được người Cộng Sản đặt ra là gì? Câu trả lời đã rất rõ ràng đúng theo chữ nghĩa: “Tôn Giáo Vận” nghĩa là lay động để hủy diệt tôn giáo!

Hơn 20 năm qua, phát hành hơn 130 số báo, mỗi số đều dành riêng trang đầu tiên có tựa đề riêng, khi thì ký tắt là G.N, khi thì ký tên vị chủ nhiệm hay Tổng biên tập báo *Giác Ngộ* nhưng có thể gom chung để nói đó là những lá thư ban chủ trương (Đảng) gửi cho Phật tử (mà hơn 80% dân số Việt Nam là Phật tử) và chúng tôi không thấy có một bài viết nào đúng như Chánh Pháp, vì rằng nếu Họ không bảo người Phật tử vô cùng hồ hởi với văn thư số... thì cũng phải tiên phong phấn đấu cho đạt chỉ tiêu với chỉ thị số... của Đảng hay Mặt Trận Tổ Quốc vân vân; hoặc nếu không buộc tội G.H.P.G.V.N.T.N phản động thì cũng kêu gọi người Phật tử thực hiện tốt đường lối quan hệ với nhân dân, với Đảng, với Nhà Nước... trong phương châm của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam: “Đạo Pháp - Dân Tộc - Chủ Nghĩa Xã Hội”.

Một tờ báo độc nhất độc quyền thông tin “Phật sự” cho cả nước, phát ngôn chính thức cho một tôn giáo độc tài là Cộng Sản Giáo trá hình qua danh nghĩa Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thì sự ăn nói phi pháp là lẽ đương nhiên. Nhưng từ sự ăn nói phi pháp dẫn đến mục đích tiêu diệt Đạo Phật là một trong những cách thức nòng cốt của Tôn Giáo Vận đối với Đạo Phật Việt Nam, và tờ *Giác Ngộ* được xem như kẻ tiên phong.

Từ Tôn Giáo Vận, ma thuật lộng thi, không người Phật tử Việt Nam chân chính nào không đau xót. Đau nỗi đau mất Nước, xót nỗi xót Đạo suy; đau cái đau vì những kẻ phản bội giống nòi buôn bán quê hương, xót cái xót vì những kẻ quên gốc phá nguồn mạo danh Phật tử.

Người ngoại quốc có thể căn cứ vào hình

thức tổ chức Phật giáo do Đảng C.S.V.N dàn dựng mà gọi đó là P.G.V.N, căn cứ vào sắc thái tín ngưỡng Đạo Phật mà gọi là Phật tử Việt Nam thì không lạ lắm vì họ chẳng từng nghiên cứu để học hiểu về Đạo Phật, nhất là Đạo Phật Việt Nam. Nhưng những người Phật tử Việt Nam có ý thức đều không thể nào chấp nhận điều này.

Thế nào là Chánh Pháp, thế nào là Phi Pháp, thế nào là người Phật tử, thế nào là người Phật tử Việt Nam, cái gì làm Đạo Phật Việt Nam trở thành Đạo Phật Việt Nam, cái gì làm người Phật tử Việt Nam trở thành người Phật tử Việt Nam đúng như danh xưng đã gọi?

Đã là người Phật tử mà chưa phân biệt được thế nào là Chánh Pháp và Phi Pháp thì không thể tu hành để gọi là hộ trì Chánh Pháp. Đã là người Phật tử mà chưa để ý đến vấn đề hộ trì Chánh Pháp thì chưa trọn vẹn là Phật tử. Nếu tự xưng mình là Phật tử Việt Nam mà không học hiểu được những vấn đề sơ đẳng về Đạo Phật Việt Nam thì không xứng đáng là một Phật tử Việt Nam huống gì bàn đến chuyện hộ trì Chánh Pháp.

Chánh Pháp là gì?

Một cách giản đơn, Chánh Pháp nghĩa là sự thật, là Thật Tướng của sự vật tức thật tướng của sự thật. Sự thật ấy không sanh không diệt không cấu không tịnh không tăng không giảm không trước không sau không hữu hình cũng chẳng vô hình... tạm gọi là Bản Thể Không của các Pháp, còn gọi là Bản Lai Diện Mục, còn gọi là Pháp Thân, là Phật Tính. Chúng ta có thể hiểu sự thật ấy trên 2 phương diện theo tương đối và tuyệt đối. Về tương đối, Sự thật là những Pháp do sự đối đãi mà có, Đạo Phật gọi là Nhân Duyên Sanh và Chánh Pháp tương đối là những pháp hành theo lý Nhân Duyên để gạt bỏ tất cả những mê hoặc, nghiệp hành và khổ đau trên tiến trình hướng thiện và hướng thượng cho mình

và người (tức tu hành) hầu chứng đắc Chánh Pháp tuyệt đối. Cũng có thể nói Chánh Pháp tuyệt đối là Như Thực Tướng và Đạo Phật là những phương tiện trở về Như Thực Tướng. Như Thực Tướng là danh từ tạm vay mượn để phổ diễn bản thể thanh tịnh của các pháp tức Tính Thể chúng sanh. Ngay cả danh từ *chúng sanh* trong Đạo Phật cũng đã biểu lộ tính thanh tịnh ấy bởi chúng sanh nghĩa là "*chúng duyên nhi sanh*" nên chúng sanh không từ đâu đến mà cũng chẳng đi về đâu tức thường thanh tịnh bởi Không Tánh mà không bao giờ là trống rỗng, hư vô. Do vậy, Đức Phật từng khẳng định: "Tất cả chúng sanh đều có Phật Tính". Bởi Phật Tính là Không Tính nên Phật Tính là Tính Thể thanh tịnh không ô nhiễm của chúng sanh và Phật Tính ấy nơi Đức Phật không hơn nơi chúng sanh không kém. Nói thế không có nghĩa chúng sanh không cần làm gì hết mà hiển lộ được Phật Tính, cũng không có nghĩa làm mà không chấp trước theo kiểu Khẩu Đầu Thiền của hạng Tà Sư nên thiện cũng làm mà ác cũng làm, làm một cách vô ý thức như bản năng của súc sanh. Không chấp trước chỉ có nghĩa là không chấp trước vào những thành quả đạt được trên tiến trình tu Đạo vì Không, Vô Tướng và Vô Tác tức gọi là Vô Sở Đắc.

Chánh Pháp hay Phật Đạo do vậy còn gọi Trung Đạo hay Hiển Chánh Pháp Tà vì Trung có nghĩa là đi trên con đường Chánh mà không chấp trước. Hành Chánh Đạo mà không chấp trước vào thành quả đạt được mới gọi là hành Trung Đạo chứ không hề là tạo oan khiên mà không chấp trước hay vì bạc nhược yếu hèn bắt tay với các thế lực bạo động vô minh để được vinh thân phì gia mà gọi là không chấp trước. Cứu độ chúng sanh mà không hề thấy có chúng sanh nào đã được cứu độ mới gọi là không chấp trước chứ không phải nhắm mắt làm ngơ mọi chúng sanh đau khổ mà gọi là hành Trung Đạo. Vậy thì Trung Đạo hay Phật Đạo hay Chánh

Đạo chỉ có nghĩa là “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành và tự tịnh kỳ ý*”.

“*Tự tịnh kỳ ý*” rõ ràng vì Vô Sở Đắc nên đời đời kiếp kiếp tận tụy cứu độ chúng sanh mà không ôm giữ những thành quả đạt được để trở thành bất cứ một vị Trời, Thần hay Quỷ, Vật nào.

“*Chúng thiện phụng hành*” rõ ràng vì không chấp trước các thứ Tà thuyết mê hoặc sinh linh nên thực hành, phản đối và hiển lộ những nẻo đường trở về nguồn cội.

“*Chư ác mạc tác*” rõ ràng vì muốn lánh xa mọi điều tội lỗi gây nên khổ não như căn bản để hưởng thượng nên chẳng những tự mình không làm ác mà không bao giờ tiếp tay với các bạn ác, đảng tà.

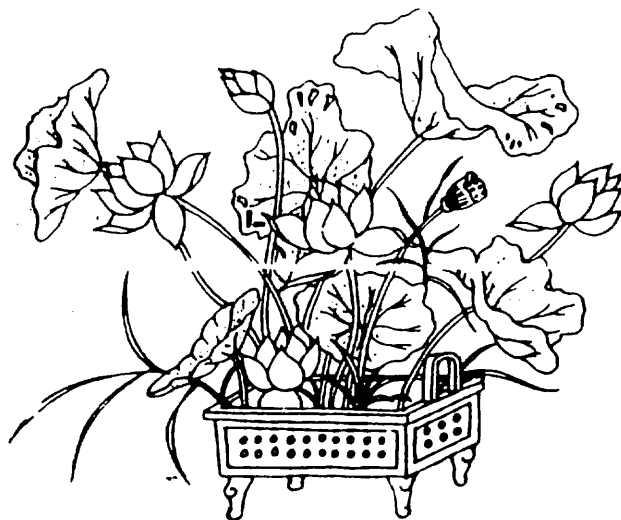
Cho dầu bất cứ ai tự xưng mình là Thánh sống hay Vô Thượng Sư hay Đại, Tiểu Thiên Sư gì gì đi nữa mà không bước đi trên Trung Đạo thì cũng chỉ là tôi tớ của Ma vương. Cho dầu bất cứ tổ chức qui mô nào mang nhãn hiệu Phật Giáo mà cố tình dấu che Bi Trí Dũng thì cũng chỉ là một thế lực vô minh hay biến tướng của một thế lực vô minh.

Bước đi trên con đường Hiển Chánh Pháp Tà, từ khởi thủy, Đạo Phật Việt Nam không bao giờ lánh xa dân tộc mà ngược lại, đã là mạch sống tô thắm nét son trong dòng sử Việt.

Sau khi chế độ độc tài Ngô Đình Diệm sụp đổ, tất cả tổ chức Đạo Phật Việt Nam đều đồng thuận kết hợp dưới danh xưng G.H.P.G.V.N.T.N. mang tính truyền thừa chính thống của Đạo Phật Việt Nam nên tuy chỉ mới 30 tuổi mà đã có dòng sử cội nguồn trên 2,000 năm dẫn đạo dân tộc đi lên. Trừ phi có một Đại Hội do chính Giáo Hội tổ chức đồng ý giải tán nếu không thì trên pháp lý, chỉ có G.H.P.G.V.N.T.N. mới đủ thẩm quyền đại diện cho Đạo Phật Việt Nam. Đây cũng là một sự thật lịch sử mà nếu ai phủ nhận tức phủ nhận Đạo Phật Việt Nam. Nếu ai tự xưng mình là Phật tử Việt Nam mà phủ nhận

điều này thì chứng tỏ kẻ đó chẳng hiểu gì về Đạo Phật Việt Nam. Nếu một tổ chức nào tự xưng là Phật Giáo Việt Nam mà không những chối bỏ G.H.P.G.V.N.T.N. còn quay trở lại đánh phá thì tổ chức ấy đối với Đạo Phật Việt Nam là tổ hợp những đứa con hoang đảng bất hiếu thật đáng thương; với dân tộc là những kẻ phản bội giống nòi; nhưng với Đảng C.S.V.N thì Họ đáng trao tặng bằng khen hay huy chương vàng Tôn Giáo Vận.

Gần đây nhất, giữa năm 1994, Cộng Sản Việt Nam cho “Lưu Hành Nội Bộ” một quyển sách nhan đề “*Luận Văn Viết Về Phân Tâm Học Tôn Giáo*” nói nhiều và nói rõ về Đạo Thiên Chúa và Tin Lành là “Hai Chứng Loạn Thần Kinh Đại Chúng” như ví dụ cụ thể để bàn rộng đến các tôn giáo khác, trong đó có Phật giáo, đều là những chứng loạn thần kinh, cung cấp những người Duy Vật thêm tư liệu kinh nghiệm suy tư cơ sở tạo những chiến lược uyển chuyển tiêu diệt tôn giáo một cách có hiệu quả. Và người viết tin rằng Ban Biên Tập báo *Giác Ngộ*, bộ chỉ huy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã có trong tay quyển sách kể trên và có thể Họ cũng đã vạch ra được những chiến lược thích ứng từng giai đoạn hầu rút ngắn thời gian tiêu diệt Đạo Phật Việt Nam trong công tác Tôn Giáo Vận.



PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC

Bác sĩ Trần Xuân Ninh

Khoa học bản chất là duy lý, đặt trên nền tảng quan sát, lý luận, chứng minh, kiểm nghiệm. Quan sát đòi hỏi phải qua trung gian ngũ quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, tay sờ. Lý luận kiểm nghiệm thì cần khả năng trí tuệ. Tùy theo mức độ phát triển và tùy ngành khoa học, vai trò của ngũ quan và trí não có những tầm quan trọng khác nhau. Trong khoa học thực nghiệm, ở những giai đoạn ban đầu, quan sát bằng ngũ quan đóng vai trò chủ yếu trong những phát kiến. Archimède tìm ra sức đẩy của nước, Newton tìm ra trọng lực, Franklin tìm ra điện trong sấm chớp vân vân... tất cả đều do quan sát rồi tiếp theo là suy nghiệm. Trong khoa học thuần lý, trí não đóng vai trò chủ yếu, đưa ra giả thiết lý luận rồi kiểm nghiệm, thực hiện. Dù là khởi đầu bằng quan sát, hay khởi đầu bằng lý luận thì yếu tính của chân lý khoa học vẫn là sự tuyệt đối khách quan, chứng minh được, kiểm nghiệm được, thực hiện được.

Trong khoa học, không có lòng tin mù quáng, mà chỉ có giả thiết được kiểm chứng gián tiếp hay trực tiếp. Những hiện tượng khoa học mà người ta thấy được thì đa dạng phức tạp, nhưng chân lý khoa học khi đã hiểu ra thì thực là đơn giản, có thể tóm gọn lại thành một công thức hay một câu.

Tôn giáo nói chung dựa trên lòng tin. Tin ở trời, ở thượng đế, ở thần thánh... Tin vì không chứng minh được, không giải thích được. Ở những thời kỳ đầu tiên của lịch sử loài người,

khi có quá nhiều sự kiện chung quanh mình không thể giải thích, không thể hiểu, người ta sẵn sàng tin. Vì thế người ta tin ở thần gió, thần mưa, thần sông, thần biển, thần đất vân vân. Trên hết cả, là thượng đế, là trời... tức là những đấng siêu phàm có khả năng thưởng phạt, quyết định vận mạng con người, vận mạng đất nước...

Với sự phát triển khoa học, con người hiểu biết nhiều hơn và do đó có thể giải thích nhiều điều bằng khoa học. Không còn thần mưa, thần gió, thần sấm nữa vì tất cả đều giải thích được là những hiện tượng tự nhiên do những yếu tố nóng lạnh, ẩm khô, điện từ di chuyển, thay đổi. Không còn cung Quảng và Hằng Nga, vì mặt trăng được biết là một hành tinh với những mấu đất đá mà con người không thể sống. Vì những phát kiến khoa học đã thay đổi một cách to lớn cuộc sống con người, tinh thần duy lý của khoa học càng ngày càng phát triển, lòng tin con người vào những yếu tố thần linh và siêu nhân giảm đi. Điều này thấy rõ tại các nước văn minh, nơi số tín đồ cũng như các tu sĩ truyền đạo giảm sút. Số người tham dự các hoạt động tôn giáo, như đi nhà thờ, rước lễ vân vân, bớt nhiều.

Tìm hiểu suy nghĩ về những lời căn bản Phật dạy, ta thấy đặc tính duy lý, và tinh thần khách quan của khoa học. Hãy nghe lời đức Phật giảng cho chư tăng ở vùng Vesali, trên chặng cuối cuộc đời hành đạo của ngài từ Beluva tới Mahavali: "*Này các đệ tử! Pháp mà ta nghiệm thấy đã nói cho các người rồi. Các người hãy suy*

tướng, hành Pháp và truyền giảng ra rộng rãi vì lòng thương thế giới, cho điều lành và hạnh phúc của thân và người.”

Trong lời dạy trên, Phật không đòi hỏi lòng tin tuyệt đối nơi Pháp, ngài chỉ kêu gọi các tăng già “suy tưởng,” “hành pháp” và “truyền giảng.” Suy tưởng để thấy là đúng, hành Pháp để có thể kiểm nghiệm, và truyền giảng là vì lẽ từ bi. Đức Phật đã truyền đạo như một nhà khoa học, đưa ra chân lý khoa học để cho người nghe suy nghĩ, kiểm chứng và phổ biến.

Đức Phật cũng không đòi hỏi phải tin tưởng tuyệt đối ở ngài, mà được quyền nghi vấn.

Hãy nghe lời Phật dạy ông A-nan-đà và chư tăng lúc ngài gần viên tịch:

“Này A-nan-đà! Có thể có người trong các người nghĩ rằng: Không còn lời thầy dạy nữa. Chúng ta không còn thầy nữa. Nhưng, này A-nan-đà, người không được nghĩ thế. Pháp và Giới (Dhamma-vinaya) mà ta đã đặt định ra và giảng giải cho các người, sẽ là thầy của các người, sau khi ta viên tịch. Có thể có những tăng, mà trong đầu có nghi ngờ về Phật, về Pháp (Doctrine-Dhamma), về Đạo (Path-Magga), hay về phương cách tu tập (Method-patipadà). Này các tăng chúng, hãy tự nhiên mà hỏi đi. Đừng để sau này tự trách mình rằng: Lúc Thầy chúng ta còn mặt đối mặt với chúng ta, chúng ta đã không hỏi bậc Đại giác cho tường tận.”

Sách chép rằng đức Phật đã nhắc lại những câu này ba lần cho các chư tăng.

Không những nhắc nhở tự mỗi người suy nghiệm, không những khuyến khích mọi người đặt câu hỏi với mình, đức Phật còn tách sự tôn kính mình ra khỏi quá trình suy nghĩ mỗi người để cho kết luận được khách quan. Sau khi giảng pháp cho Kalamas, ngài đã hỏi chư tăng rằng “Sau khi các người đã thấu hiểu và ghi giữ điều ta giảng thì các người có tự nhủ rằng ‘Chúng ta tôn vinh thầy chúng ta và vì kính trọng người, chúng ta kính trọng những lời người dạy’ hay

không?” Chư tăng đáp: “Bạch thế tôn, không.” Đức Phật liền nói “Này các đệ tử! Điều các người vừa nói phải chăng là vì chính các người đã công nhận, nhìn ra và thấu hiểu đó chăng?” Chư tăng trả lời “Bạch thế tôn, chính phải.”

Hiểu rõ tâm lý con người, ngài tách bạch rất rõ Phật và Pháp, để cho chân lý ngài tìm ra (tức là Pháp), và con đường ngài chỉ (tức là Đạo) thực sự phục vụ được chúng sinh, đức Phật đã nói với ông A-nan-đà khi nằm chờ giờ viên tịch trong rừng Sala giữa hai cây Sala như sau: “Người mà làm tròn nghĩa vụ lớn cũng như nghĩa vụ nhỏ, người mà ngay chính trong cuộc đời tuân theo pháp giới, thì chính là người vinh danh, tôn kính và thờ phụng bậc Đại Giác, Đại Toàn bằng cách xứng đáng nhất. Bởi thế, hỡi A-nan-đà, hãy kiên định thi hành những nghĩa vụ lớn và những nghĩa vụ nhỏ, hãy ngay chính trong đời, tuân theo pháp giới. Này A-nan-đà, đấy là cách người phải tự tu tập.”

Đặt vấn đề, suy nghĩ và chiêm nghiệm khách quan, chính là đặc thù của khoa học.

Ngày nay, ta không lạ gì tinh thần khoa học này. Nhưng thời đức Phật cách nay hai ngàn năm trăm năm, khi con người còn bị bao vây bởi vô số điều không hiểu biết và mê tín, thì trí huệ này chính là trí huệ bậc đại giác.

Trong một buổi giảng khác cho chư tăng về cách thức tập luyện cho một người muốn tìm phương giải thoát, đức Phật nói rằng một người mà tâm ý trong lành, cuộc đời thanh sạch trọn vẹn thì tức là tu tập viên mãn, và có thể coi như một người đã tắm rửa sạch nội tâm. Có người Bà la môn tên là Sundarika Bhàradvaja bèn hỏi đức Phật:

“Ngài Gotama có đi tắm ở sông Bàhuka không?” Phật trả lời: “Này người Bà la môn! Sông Bàhuka có gì tốt? Sông Bàhuka có thể làm gì cho người?” Người Bà la môn đáp “Bạch ngài Gotama, sông Bàhuka người ta tin là sông thánh. Nhiều người có những hành động xấu xa ghê

tóm (pàpa) đã được nước sông Bànhuka rửa sạch.” Phật liền dạy rằng nước sông không thể rửa sạch sự xấu xa của con người, và nói: “Hỡi người Bà la môn! Tắm ở đây (trong Pháp và Giới) sẽ cho mọi người yên lành. Nếu người đừng nói dối, đừng sát sinh, đừng trộm cắp, đừng xấu xa, thì đi đến sông Gayà làm gì? Giếng sau nhà người cũng là sông Gayà đó!”

Nhìn thẳng vào vấn đề, tìm ra phương kế giải quyết thích đáng, không dựa vào những tiền đề chủ quan, những tin tưởng mù quáng dễ dàng, là cách nhìn khoa học của đức Phật dạy trong chuyện kể trên.

Đức Phật xuất gia vì nhìn thấy cảnh sinh lão bệnh tử bao trùm cuộc đời và muốn giải cứu chúng sinh. Trong quá trình tu tập học đạo, ngài đã suy nghĩ, thể nghiệm và sau cùng giác ngộ tìm ra chân lý giải quyết khổ nạn cuộc đời. Tóm tắt lại là tứ diệu đế (khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế) và bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Trong tiến trình giải quyết khổ, vai trò mỗi người là chủ yếu. Như Phật nhắc nhở nhiều lần:

*“Người phải tự mình cố gắng,
Bậc Đại toàn (Tathàgata) chỉ đường”
(Dhammapada, 276)*

và:

*“Do mình việc xấu sinh
Vì mình mà bị bôi xấu
Chính mình việc xấu ngừng
Tự mình tiếng xấu giải
Trong sạch hay dơ bẩn tùy thuộc ở mình
Không ai tẩy sạch được cho người khác”
(Dhammapada, 165)*

Trong nỗ lực tự giải cứu này, kết quả cao thấp tùy cá nhân. Ở mức toàn hảo là trở thành bậc đại giác, như hoa sen nở giữa chốn bùn lầy. Suy nghĩ cho kỹ, lời Phật dạy mỗi người

phải tự cứu cũng là một chỉ dẫn khoa học, kết hợp biết và làm, lý thuyết với hành động, giải quyết việc người mà không phục vụ việc thần. Vì thế, Phật không quan tâm giải thích những vấn đề siêu hình, không dựa trên những yếu tố thần linh để thuyết phục, xoa dịu hay giải quyết những vấn đề con người. Phương thức giải quyết khổ nạn Phật chỉ ra là triệt để và đơn giản, trên nguyên lý nhân quả, như trong quan hệ vận hành của những hiện tượng khoa học.

Một cách rất tổng quát, ta đã nhìn ra tính chất khoa học trong một số lời Phật dạy nguyên thủy và qua một vài ý niệm cơ bản trong Phật pháp. Sự nhận định này không vì yêu cầu vinh danh hay đề cao đức Phật và Phật giáo. Vì như lời Phật dạy ông A-nan-đà đã dẫn ở trên, vinh danh, tôn kính và thờ phụng đáng Thế tôn cách cao quý nhất chính là tuân theo pháp giới. Mặt khác, cũng vì hiểu rằng Phật giáo là đạo cứu khổ, mà tiến trình cứu khổ là dựa trên nỗ lực cá nhân, chứ không vì ân phúc huyền bí, nên tự thấy không cần đề cao Phật giáo. Ngoài ra, nói đức Phật có tinh thần khoa học hay nói Phật giáo có tính chất khoa học thì thật ra cũng không phải là một cách đề cao.

Những phân tích trên đã được viết trong quan ngại chung về viễn ảnh tôn giáo trong thời đại văn minh vật chất ngày nay, khi những khám phá khoa học làm lu mờ yếu tố huyền bí, khi những phát triển kỹ thuật, thương mại làm xã hội ngày càng phức tạp và con người bị trói buộc chặt chẽ vào trong những khổ nạn chằng chịt, tế vi khó định, khó thoát. Trong hoàn cảnh này, vai trò giải cứu con người, ổn định xã hội của tôn giáo cổ điển dựa trên sức mạnh huyền bí giảm đi, như ta đã thấy.

Nhận ra tinh thần khoa học trong những lời Phật dạy và khai triển tinh thần này phải chăng là điều cần quan tâm chú ý để Phật pháp có thể được hoàng dương mà giải cứu cho con người duy lý trong thời đại ngày nay? ■

Thi sĩ ĐÔNG HỒ

và

Hà Tiên

Ngày 23 tháng 3 dương lịch là ngày giỗ thứ 27 của thi sĩ Đông Hồ. Tôi chân thành viết lại đây vài kỷ niệm của Thầy coi như nén hương tưởng nhớ Thầy xưa -

Phạm Thăng(Canada)

Thi sĩ Đông Hồ tên Lâm Tấn Phác, tự Quốc Tí, Trác Chi, biệt hiệu Đại ẩn Am, sanh năm Bính Ngọ (10-3-1906) tại làng Mỹ Đức, Hà Tiên, và đã qui tiên trong lúc ngâm thơ tại giảng đường của Đại học Văn Khoa mà thi sĩ là Giảng sư trước các môn sinh ngày 25-3-1969. Trước những năm chinh chiến, thi sĩ sống tại thị xã Hà Tiên hiền hòa thơ mộng đó nên nơi nào cũng có vết chân lưu dấu. Năm 1926, thi sĩ đã mở Trí Đức học xá tại Hà Tiên để dạy học trò. Khoảng năm 1940 thi sĩ là Thầy của chị em tôi với sáu, bảy người trẻ tuổi khác cùng chung thị xã, học về môn quốc văn. Thi sĩ không dạy chúng tôi suốt ngày trong thảo đường như các ông giáo khác, mà thường dẫn học trò dạo cảnh để hòa cùng thiên nhiên mà dạy dỗ hoặc xướng họa những thi tứ vừa nảy nở trong đầu. Chúng tôi biết nhiều về Hà Tiên là nhờ ở Thầy.

Thầy sống ở đất địa đầu miền Tây nam nước Việt, vùng đất nhiều thắng cảnh, có bãi biển cát mịn trải dài theo hàng dừa xõa ngọn dưới gió, những hải đảo thơ mộng ...

Thị xã Hà Tiên diện tích không lớn nhưng có đồi núi nhỏ dễ leo, cây xanh quanh năm, đến mùa hoa huệ và hoa phượng vĩ nở, dân thị xã vừa được thưởng thức cảnh đẹp màu đỏ cam rực rỡ vừa được đón làn hương thơm nhẹ nhẹ của hoa rừng trong không khí pha lẫn âm ba ngân nga của tiếng chuông chùa mỗi khi chiều xuống.

Thi sĩ đã chọn bút hiệu Đông Hồ thật đúng với mẩu người nho nhã thơ sinh, ăn nói từ tốn trầm mặc, sống về nội tâm như mặt nước Đông Hồ quanh năm phẳng lặng.

Đông Hồ là một vịnh nhỏ, không sâu lắm và mặt nước lúc nào cũng phẳng lặng, một bên có núi Tô Châu, một bên là đất liền của thị xã Hà Tiên nằm dựa lưng vào núi Ngũ hồ, và núi Bình Sơn. Ngoài khơi hồ, nơi tiếp giáp với vịnh Thái Lan có một rặng cây xanh mờ mờ vừa chắn sóng gió vừa tạo cho vịnh nhỏ này giống như một cái hồ to lớn menh mông. Ghe thuyền loại nhỏ có thể từ ngoài vịnh khơi đi vào giữa khoảng trống của rặng cây để vào Đông Hồ mà cập bến chợ, nơi cửa sông Giang Thành, con sông nối liền với kinh Vĩnh Tế từ Châu Đốc chảy qua.

Với núi Tô Châu soi bóng, Đông Hồ tạo cho thị xã một phong cảnh hữu tình và nhiều truyền thuyết nên thơ: "nơi đây là chỗ tắm mát của các tiên nữ. Những người đẹp trên trời thường hay xuống vùng hồ yên tịnh này trong những đêm trăng sáng để nờ đùa nên mới có danh từ Hà Tiên" (sông của Tiên). Đối với các cụ có đầu óc phong thủy thì nói với nhau: "Các huynh có nhìn thấy núi Tô Châu cúi mình xuống hồ? Đó là đầu con rồng đang cúi xuống uống nước, thân nó là dãy Bình Sơn nằm dọc từ thị xã đến biên giới. Đông Hồ đúng là nơi tụ thủy !"

Thầy trò chúng tôi thích đi dạo theo con đường trải nhựa ven hồ. Buổi chiều, mặt trời từ từ lặn sau rặng cây ngoài xa, tỏa ánh sáng đỏ hồng trên mặt nước lăn tăn, chúng tôi đi từ chợ về phía nam, cách dinh quan chủ tỉnh người Pháp cất trên ngọn đồi nhỏ, khoảng 500 thước, đến chỗ có cây da sum suê đứng bên bờ đá sóng vỗ róc rách. Thầy trò chọn mấy tảng đá bằng

phẳng ngồi đón gió mát từ ngoài khơi thổi vào, bàn chuyện văn chương.

Khoảng đường này vắng vẻ ít kẻ thừa lương đến hóng gió nên thầy trò tha hồ gieo vắn đặt thơ. Riêng tôi lúc đó còn nhút nhát sợ ma nên dù phong cảnh hữu tình vẫn lâu lâu nhìn lên ngọn da. Cây da này nổi tiếng ở Hà Tiên lúc bấy giờ, người dân Hà Tiên gọi là "cây da Đông Hồ". Cây da có hai ngọn cành lá um tùm. Thật ra không phải cây da có hai ngọn mà người đời thêu dệt cho có vẻ lạ lùng để đối lại cây dừa cũng ở ven hồ có tới ba ngọn với ba tùm lá rõ ràng, mà cây da này trước đây đã bị sét đánh gãy ngọn, sau đó mọc lại hai chồi để trở thành hai nhánh lớn với nhiều cành nhỏ. Mọi người thì thăm đôn đãi quanh chuyện cây da bị sét đánh: "nào là buổi khuya thanh vắng có nghe tiếng người hát ầu ơ và tiếng kéo kệt đưa vông của... con ma nào đó trên ngọn cây nên trời mới đánh v.v..." Nhưng thầy tôi chỉ mỉm cười khi có lần tôi hỏi về chuyện ma này. Ông nói nhỏ nhẹ: - các em có cảm thấy gió nơi này trong lành hơn phía chợ? và các em có nghe tiếng gió rì rào trong tán cây làm tâm trí ta lâng lâng không?

Ông bình thản chỉ cho chúng tôi cách gieo vắn, giải nghĩa từng câu điển tích cho đến lúc hoàng hôn xuống, trên trời tím thẫm đã có nhiều ngôi sao lấp lánh, mới ra về. Đến lúc này tôi mới thấy lòng lâng lâng, vì thú thật, tôi ngồi đó mà lòng thấp thỏm, tuổi còn nhỏ, chuyện ma nghe đầy lỗ tai, nên đó ai biểu tôi ra chơi chỗ này một mình vào lúc tối, hoặc khi thầy trò ra về mà biểu tôi đi phía sau.

Sống tại thị xã Hà Tiên không ai là không một lần được nghe chuyện cây da Đông Hồ với tiếng hát lãnh lót trong đêm khuya, hoặc câu chuyện Cô Năm hiện hình giữa trưa để răn đe những cậu trai dê xồm hoặc người buôn bán tham lam. Họ càng tin chuyện huyền bí đó khi thấy mỗi sáng có hai anh lính tập, lưng quần khố đỏ, đi ác ề từ thành lính sau dinh chủ tỉnh ra tận gốc da bên hồ để phùng mang thổi kèn đồng. Dân chúng thì thầm: "Hai ông thổi kèn cho ma sợ bỏ đi đó, chớ đâu phải họ tập dượt.

Tập thổi kèn gì mà có hai người mà ngày nào cũng có một câu:

*Tồ Tồ Tồ Tồ, Tồ Tồ Tồ Tồ... Tồ Tồ Tồ Tồ... Tồ Tồ Tồ... Tồ Tồ Tồ... Tồ Tồ Tồ... Tồ Tồ Tồ... Te... mà đám học trò trường tỉnh chúng tôi nghe mãi thành thuộc nằm lòng rồi có thằng đọc trại ra theo âm thanh đó: *Thằng nào thức chưa, thằng nào thức chưa... thằng nào chưa thức... Thằng nào thức rồi, thằng nào thức rồi... Thằng nào ngồi đây...**

Với những chuyện hoang đường đó, thi sĩ Đông Hồ nhẹ nhàng giải thích cho chúng tôi. Ông không phủ nhận mà chỉ nói: "Các em biết đó, những chuyện huyền bí này đều mang tánh cách khuyên dạy người đời..."

Hà Tiên có lăng ông Mạc Cửu tọa lạc tại triền núi Bình Sơn phía đông thị xã. Lăng có nhiều cỗ thụ thật quý được trồng từ lâu đời nên cành lá um tùm cả một vùng rộng. Cùng với dây leo có những hoa lan rừng thơm ngát, những dây thanh long màu xanh ươn ẻo như mấy con rồng nhỏ bơi trong gió. Nơi đây tiếng ve sàu, tiếng chim hót quanh năm. Dù vùng cây của lăng u tịch nhưng được chăm sóc chu đáo nên có thể đi dạo dưới vùng cây râm mát đó, vậy mà ít ai dám léo hánh tới vì sợ oai linh của ông.

Ông Mạc Cửu nguyên quán ở Lôi Châu bên Tàu, vì không chịu phục tùng nhà Mãn Thanh nên đem gia quyến và thuộc hạ sang ở tại đất Chân Lạp vào khoảng đầu thế kỷ thứ 18. Ông và thuộc hạ ra sức khai phá phủ Sài Mạt của đất Chân Lạp, lấy tiền chiêu mộ lưu dân lập ra 7 xã thành đất Hà Tiên. Năm Giáp Ngọ 1714, Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho Chúa Nguyễn, được chúa phong chức Tổng Binh cai trị Hà Tiên. Đến năm 1736, Mạc Cửu mất, giao cơ đồ lại cho con là Mạc Thiên Tứ (sau đổi là Mạc Thiên Tích) cũng được chúa Nguyễn cho nối nghiệp cha, cai trị đất này. Ông lo việc đắp thành, mở chợ, làm đường sá, rước thầy về dạy nho học cho dân nên Hà Tiên đã sớm có thi đàn nổi tiếng mà Mạc Thiên Tứ là chủ tịch của thi đàn Chiêu Anh Các đã để lại cho văn học sử mười bài vịnh cảnh Hà Tiên được người đời nhắc nhở. Họ Mạc

được dân chúng trong vùng nhớ ơn, sùng bái nên lăng miếu lúc nào cũng nghi ngút khói hương.

Thi sĩ Đông Hồ thường dẫn chúng tôi đến nơi này. Tiết Thanh minh năm đó thầy trò chúng tôi đem bánh trái, đèn cầy, hương hoa để viếng lăng Mạc Cửu nhân dịp tảo mộ người thân của thầy cũng chôn gần đó.

Triền núi Bình Sơn vì là núi thấp dễ đi, nằm cạnh thị xã nên mờ mả rất nhiều. Vào ngày Thanh minh dập đầu thiên hạ đi tảo mộ. Lác đác trên triền núi cây xanh bóng mát, nơi nào cũng có nhiều tà áo dài màu, những bộ bà ba trắng, vài cụ già áo dài the đen, đầu đội nón dứa tay cầm nhang quỳện khói. Thầy tôi mặc áo dài trắng vẻ mặt trầm ngâm.

Các ngôi mộ được dầy cỏ sạch sẽ, phủ nhiều rêu giấy màu xanh đỏ tím vàng rung rinh theo gió. Khói nhang tỏa trắng quanh vùng, hương thơm át cả mùi thơm của hoa huệ núi. Mùa này khắp dãy Bình Sơn, Tô Châu hoa huệ núi nở rộ chen lẫn với loại hoa mai nhụy vàng, cánh trắng hương thơm ngạt ngào. Đây là loại cây giống như cây mù u trong Nam. Chúng ta có thể tìm thấy giống bạch mai này ở chùa Phụng Sơn (đồn Cây Mai ngày trước) tại Chợ Lớn. Ngôi mộ nào cũng được trồng hoa huệ và lối đi nào loại hoa này cũng được trồng thành hàng nên trông lên núi thấy màu đỏ cam chen với sắc áo của người đi tảo mộ ta có cảm tưởng như mùa xuân vẫn còn hiện diện.

Sau khi cúng mộ người thân, thi sĩ và chúng tôi ngồi ăn bánh tại chỗ, nhìn dân chúng viếng mộ, du sơn. Một vùng Hà Tiên sống trong thái bình hoan lạc.

Lúc bấy giờ Hà Tiên có tiếng là vùng đất đạo đức nhất miền Nam. Từ ngày ba tôi đổi về đây làm việc, hơn năm năm, gia đình tôi cũng như nhiều gia đình khác, đêm đêm nhà không cần đóng cửa cài then vì ai ai cũng biết thị xã Hà Tiên không có trộm cắp. Chúng tôi không biết tự bao đời rồi thị xã này đã đạo đức như vậy và nhờ động lực nào? Thầy tôi có giải thích: "Hà Tiên ở xa đô thị phồn hoa, mật độ dân với số

ruộng phì nhiêu của các quận huyện đủ sức nuôi sống, và nhờ thiên nhiên ưu đãi cho vùng này những hải sản như đôi mòi, tôm cá trong vịnh Thái Lan, nhất là tôm nhỏ để làm tôm khô nhờ hải lưu của vùng này thích hợp nên sinh sản vô số. Đất Hà Tiên trồng được loại tiêu để làm gia vị, núi vôi Hà Tiên để làm xi măng và rừng trầm có nhiều ong mật v.v.. Trong vùng lại có nhiều sông núi u nhã, nhiều chùa chiền. Mỗi sáng tinh mơ cũng như mỗi hoàng hôn, tiếng đại hồng chung và chuông nhỏ trong các chùa ngân nhẹ khắp nơi. Âm ba của tiếng chuông mõ lướt trên đầu cây ngọn cỏ của núi đồi bao quanh thị xã khiến lòng người cảm thấy gần gũi với mùi thiền, với lời giảng dạy trong kinh Phật, mầm đạo đức từ đó nảy nở dần. Sự ấm no và lòng đạo đức đã ngăn che lòng tham cho nên dù có người làm rớt tiền ngoài đường cũng không sợ mất. Họ cứ đi tìm trên con đường đã đi qua sẽ gặp lại. Nếu có người thấy tiền rơi cũng không tham lam nhặt lấy. Họ nghĩ rằng: không phải của mình thì đừng lượm, mà nếu lượm thì biết ai để trả lại?, vậy cứ để đó, người bị rớt tiền trở lại sẽ tìm gặp ...

Ngoài những nguyên nhân trên, thi sĩ còn kể chuyện Cô Năm cho chúng tôi nghe:

- Các em đã có dịp nghe đồn đãi về Cô Năm hiện hình? Đó cũng là một động lực để răn dạy người đời. Cô Năm là người của họ Mạc, không ai biết rõ vì chết đã lâu nhưng rất linh thiêng nên mọi người rất kính ngưỡng khi nhắc đến cô. Dân chúng thì thăm kể cho nhau nghe nhiều chuyện về "một cô gái trẻ đẹp giữa trưa đã trừng trị mấy anh trai sàm sỡ và người bán tham lam.."

Con đường từ Mũi Nai về thị xã phải đi ngang lăng Mạc Cửu. Trước cửa lăng là một hồ nước rộng lớn mà người dân quen gọi là giếng nước. Đây là công trình giúp dân của quan Tổng Bình từ mấy trăm năm còn lại. Quan Tổng Bình cho đào cái hồ này để có nước ngọt cho dân thị xã đến lấy về dùng. Vì Hà Tiên là thị xã ven biển nên nước ngọt rất quý cho người dân. Một con đường chạy theo bờ hồ (giếng) ngăn cách

lăng Ông với cái hồ mênh mông lác đác hoa sen đỏ. Lăng Ông Mạc Cửu là một quần thể kiến trúc cổ kính với tam quan, nhà thờ và lăng mộ trong vòng tường kiên cố. Hai đầu của bờ tường trước lăng có hai tượng bằng gạch vôi tạc hai người lính xưa, tô màu xanh đỏ, đã phai mờ và sứt mẻ với thời gian và đóng đầy rêu. Dưới chân hai tượng có hai bảng nhỏ đề chữ "khuy nh cái, hạ mã". Lúc sau này vì có nước máy của thị xã nên người đến lấy nước rất ít nhưng hồ nước thoang thoảng hương sen lại có bờ tường nhỏ bao quanh là nơi ngồi nghỉ mát lý tưởng của người rảnh rỗi. Một quán lá nhỏ bán nước dừa xiêm và nước trái thốt nốt.

Hôm đó, giữa trưa nắng chang chang có bốn chàng trai ngồi tán dóc nơi đó, chờ các cô gái đến gánh nước để trâu chọc. Từ xa một chiếc xe kéo chạy đến, trên xe có một cô gái xinh đẹp che dù xanh. Cô gái có làn da trắng, mắt đen lay láy, môi đỏ hồng, tóc đen búi tròn sau ót. Xe chạy ngang, một anh cao húng kêu chọc: "Em hai đi đâu đó, ghé lại cho "qua" nói chuyện chút coi". Cô gái nghiêm trang nhìn thẳng. Một anh khác đứng lên ra sát đường nói:

- Em bậu ơi, giận nhau có chút xíu mà ... bỏ anh, để anh ở mình ên sao?

Bác kéo xe đã chạy qua khỏi nhưng cô gái ra lệnh cho xe ngừng lại. Cô khoan thai bước xuống xe đi lại quán lá chỗ bốn chàng trai ngồi, điềm nhiên nói với chủ quán: "Bán cho tôi ly nước dừa".

Chủ quán lui cui chặt dừa trong khi cô gái cười chúm chím. Bốn chàng trai thấy cô gái đẹp đi một mình nên thả lời đùa cợt sỗ sàng. Cô nhắc nhở họ nên trọng lễ nghĩa, đừng ăn nói bất nhã, nhưng bốn chàng trai cứ làm tới. Cô gái cười, nhỏ nhẹ nói: "Trời nắng quá, em mời mỗi anh uống nước dừa tươi nghe" Bốn chàng khoái chí chịu liền. Chủ quán lựa bốn trái dừa để làm bốn ly nước. Được người đẹp mời, bốn chàng uống cạn ly nước dừa tươi, chưa kịp nói thêm lời nào, cô gái đứng lên trả tiền. Anh chủ quán tham lam thấy cô gái lạ không phải người của thị xã nên tính tiền sáu trái dừa thay vì năm. Cô

gái khẻ liếc ông chủ quán, cười nhẹ rồi bước lên xe kéo, sau khi trả một cát (muỗi xu) cho bác kéo xe. Bác kéo xe chạy vừa qua cổng lăng Ông Mạc Cửu khoảng trăm thước bỗng thấy xe nhẹ hổng, ngoái lại nhìn để hoảng hồn vì không thấy cô gái áo xanh ngồi trên xe trong khi vắng vắng tiếng cười the thé: "Ta là Cô Năm đây. Tụi bây dám chọc ghẹo đàn bà con gái ngoài đường và tham lam tính tiền gian lận, ta phải cho tụi bây biết tay để làm gương... há... há..."

Bác phu xe điếng hồn, tay chùn run rẩy, da thịt nổi ốc thì phía quán lá, anh chủ quán và bốn chàng trai đang nằm lăn lộn dưới đất, tay ôm bụng, một tay tự vả vào mặt, miệng rên hừ hừ. Họ bị Cô Năm trừng phạt vì chọc ghẹo phụ nữ và tham lam.

Câu chuyện đồn ra nên từ đó Cô Năm nhà họ Mạc được kính nể, gia đình nào cũng nhắc nhở con em giữ đạo đức. Về sau, dù có gặp phụ nữ đẹp đi một mình trên quảng vắng, không ai dám sỗ sàng trâu chọc. Họ sợ nếu đây là hồn Cô Năm, thì ... đời tàn".

Thầy tôi kể xong rồi nói thêm:

- Họ Mạc có Cô Năm hiện hình răn đe dân chúng làm ai cũng hãi sợ nhưng họ Mạc không lấy quyền uy tối thượng của mình để hiếp đáp ai.

Thầy chỉ vùng cây u tịch lâu đời, thân cao thẳng tắp quanh lăng, kể thêm câu chuyện xưa:

- Cách đây lâu lắm có một ông tiều phu lấu lỉnh vào phía sau lăng Ngài một củi. Khi thấy lăng Ngài có nhiều cỏ thụ bèn nảy ra ý gan góc: xin đốn vài cây cỏ thụ kia, nhưng vì sợ uy linh Ngài nên lão ta vào đền thờ lạy Ngài và khẩn: "Thưa quan lớn, nhà con nghèo mà lăng mả của quan lớn um tùm quá, quan lớn cho con đốn bớt vài cây, vừa quang đảng mà con bán đi để có tiền nuôi gia đình. Nếu quan lớn cho phép thì con xin gieo quẻ âm dương". Vái xong lão lấy hai đồng tiền kẽm để trên bàn. Hai đồng kẽm này để sẵn trên bàn thờ để mọi người xin xăm gieo quẻ. Mỗi đồng tiền kẽm có hai mặt, một có khắc niên hiệu, ví dụ: Khải Định thông bảo và mặt kia không có chữ. Lẹ thường sau khi rút

được lá xâm thì người xin phải gieo (tung) hai đồng kẽm. Hễ xin được keo (nghĩa là được chấp thuận) thì hai đồng kẽm sẽ một ngựa, một sấp. Lão tiều phu gieo hai đồng kẽm. Ngài không cho nên hai đồng đều sấp cả. Lão tiều phu vái lạy, nói:

- Đội ơn Ngài, hai đồng đều sấp cả, vậy là Ngài cho con đốn hai cây bên trái chớ gì? Thế là lão ung dung xách rìu qua phía trái lảng để chọn và đốn hai cây. Ông Mạc Cửu tức lắm mà không làm gì được lão vì lão có xin phép đàng hoàng mà.

Vài tuần sau lão trở lại cũng khấn vái gieo quẻ. Ngài chưa biết mưu mô của lão, nên lần này cho hai đồng đều ngựa. Lão quì lạy: "Cám ơn Ngài". Và lão qua phía mặt của lảng chọn đốn hai cây.

Tuần sau lão lại vác rìu đến. Ông Mạc Cửu đã biết lão lấu lĩnh nên kỳ này quyết định: "cho chú mày hết cách". Ngài làm cho hai đồng tiền quay tít hoài, không ngã để thấy sấp ngựa gì hết. Lão tiều phu thấy vậy, lạy bốn lạy, miệng nói: "Dạ dạ... con đội ơn Ngài, kỳ này Ngài cho con đốn hết cây quanh lảng, nhưng con chỉ xin sáu cây xung quanh mà thôi. Với sáu cây, gia đình con đủ sống rồi, con không dám xin nhiều".

Và lão ta chọn sáu cây già quanh lảng. Cũng may cho lão là biết kinh sợ uy danh linh hiển của ông Tổng Bình ngày xưa nên đốn cây cũng biết lựa chọn những cây già cỗi, không đốn bừa bãi, nên Ngài dù thấy lão lấu lĩnh cũng không nỡ hại lão. Và với nụ cười bao dung như tự thuở nào, Thầy tôi kết luận:

- Câu chuyện xa xưa không biết có thật không nhưng đã nói ra tính nhân hậu của Ông Mạc Cửu.

Thi sĩ Đông Hồ còn dẫn chúng tôi đi nhiều nơi để vừa giảng quốc văn vừa dạy đạo lý.

Hà Tiên có nhiều cảnh đẹp được nói trong bài "Thập Cảnh" của Thi đàn Chiêu Anh Các:

*Mười cảnh Hà Tiên rất hữu tình,
Non non nước nước gấm nên xinh.
Đông Hồ, Lộc Trì luôn dòng chảy,*

*Nam Phố, Lư Khê một mạch xanh,
Tiêu Tụ, Giang Thành chuông trống òi,
Châu Nham, Kim Dự cá chim doanh,
Bình Sơn, Thạch Động là rường cột.
Sừng sững muôn năm vẫn để danh.*

Hà Tiên có Thạch Động, một trái núi nhỏ, cao 96 thước (sách địa chí đã ghi) cách thị xã khoảng ba cây số, không cao lại nằm cạnh đường tỉnh lộ nên khách nhàn du, các học sinh thường đến đây học cho yên tĩnh.

Từ thị xã đi đến còn cách một cây số, núi Thạch Động giống cái mào của ông quan, tròn và cao. Những tàn cây nhỏ mọc trên sườn núi trông giống những ngù tròn xanh đỏ trên mào các quan. Mang tên Thạch Động vì núi có nhiều động. Trước kia Thạch Động là một hòn nhỏ ngoài vịnh Thái Lan có nhiều hang, do phù sa bồi dần mà thành núi ở đất liền.

Ngay cửa động có hai nhũ đá to hai bên. Mạch nước từ trong đá rỉ ra, chảy xuống đầu nhũ, rõ thánh thót vào một cái lu lớn của chùa để khách viếng núi uống và rửa mặt. Lúc bấy giờ (1942) chỉ có thạch nhũ bên trái còn rỉ nước, cái bên mặt không còn giọt nào. Tương truyền vì một vị vua nhà Nguyễn đến đây táy máy rờ vào nên nhũ đá hết chảy nữa.

Thầy tôi bảo: Mạch nước trong lòng đất cũng phải có lúc khô, lúc đầy. Khi dân chúng thấy một cái khô nước thì tuyên truyền chuyện vị vua có chơn mạng Đế vương nên khi rờ đến là nhũ đá mắc cở không chảy nữa. Đáng lẽ khi vua rờ đến thì nước phải chảy nhiều hơn cho dân chúng được ơn mưa móc chớ, sao lại khô? Và vị vua nào đây? Chỉ có vua Gia Long khi còn tranh đấu với Tây Sơn đã bôn ba vùng này thôi. Lý nào nhũ đá lại mắc cở với vị vua khi còn thất thế này?

Trong động có chùa nhỏ thờ Phật tên Tiên Sơn tự và ba cửa hang, trên vách động có nhiều thạch nhũ nhỏ màu sắc lunh linh. Lòng thành tin tưởng nơi Phật cũng như óc tưởng tượng của người đời phong phú nên đã nhìn các hình trên vách đá thành tượng Phật Bà Quan Âm đứng

trên tòa sen, cạnh bên có tượng con nai, con hạc, mâm xôi v.v...

Bước vào cửa gặp hang Thạch Sanh, đây là cái hang sâu xuống lòng đất đã bị lấp kín không cho du khách leo xuống nữa. Trước đây, hang này được nhiều người gan dạ đốt đuốc bằng dầu chai xuống thám hiểm, nhưng hang sâu có rắn và nhiều dơi. Dân chúng đồn đãi là hang có cặp rắn thần có móng đỏ, con cháu của chần tinh, nên đặt tên là hang Thạch Sanh chém chần. Nhà chùa đã lấp kín cửa hang để tránh nguy hiểm. Vào sâu phía sau bệ thờ Phật có một cái hang tối âm u được xây thêm bờ rào để cho du khách khỏi chồm té. Nhìn xuống chỉ thấy lờ mờ những khối đá xù xì, vắng nghe tiếng nước chảy róc rách. Gió lộng từ hang lên mát rượi. Hang này được gọi là hang Âm phủ để đối lại với hang Lên Trời ở phía trong, hướng lên cao. Hang Lên Trời sáng sủa dễ đi. Càng lên cao, hang lớn dần và trở ra một cửa lớn nằm dưới vòm đá to de ra ngoài. Du khách bạo dạn bước ra cửa hang mới thấy cái đẹp của vùng đất địa đầu biên giới. Nhìn xuống sẽ thấy con đường trải đá xanh pha đất đỏ nối liền với thôn xóm. Nhìn theo đường này, không xa, ta thấy một cái cổng sài bằng cây tre chắn ngang. Đó là cổng quan thuế nằm ngay biên giới của ta và đất Miên. Nói là cổng quan thuế, nhưng dân buôn của hai nước đều cần sử dụng đường này. Ranh giới của hai nước là đất liền, thiếu gì nơi họ đi qua. Phóng tầm mắt nhìn xa hơn ta sẽ thấy rặng núi ở Kép của Cao Miên.

Nhìn về phía Tây Nam thấy núi Châu Nham, dân chúng gọi tên là núi Đá dựng. Núi này chỉ cách núi Thạch động khoảng 3000 m nhưng không có đường xe chạy, phải lội băng đồng. Núi trước kia là hòn đảo như núi Thạch động đã được đất bồi liền vào đất Việt. Núi không cao, nhiều vòm đá chập chùng mà lại có nhiều hang lóng lánh thạch nhũ, nổi tiếng là hang Trống. Khi có người chui vào hang nhỏ đó, đứng thẳng người lấy tay vỗ vào ngực mình, người bên ngoài sẽ nghe như có tiếng trống bung bung. Có hang tên động Điện Bà, có hang gọi là Hang

Mai, không phải có nhiều hoa mai rừng mà vì có nhiều... khí. Người dân ở đây không gọi khí là... khí, mà gọi là con mai. Có lẽ vì nơi tu hành, các sư bà, sư cô mà người địa phương gọi một cách thân mật là bà vải hoặc thiện nam, tín nữ đi hành hương có lòng từ nên không đánh đập đuổi xô nên bọn khí tụ về rất đông và dạn dĩ. Các cụ già bày trái cây, nhang đèn để cúng Phật, vừa quay lưng, đám khí nhào đến chụp giựt liền. Lại có hang có mấy nhũ đá lòng thông mang tên Hang Đờn năm đây. Khách vào đây cầm một thanh đá gõ nhẹ vào mấy nhũ thạch đó để nghe chúng phát ra âm thanh trầm bổng khác nhau. Chúng tôi chỉ theo thầy đến núi Đá dựng vài lần, vì đường không xa nhưng ngại băng đồng đầy nắng. Thầy trò chỉ thích đến núi Thạch động để ngồi nơi Hang Lên Trời nhìn núi đó thôi.

Ngồi tại hang Lên Trời lộng gió, thầy tôi nhắc đến khí tiết của một vị sư già tu tại đây:

- Khoảng cuối thế kỷ thứ 18, quân Xiêm thường quấy phá biên giới nước ta. Những người giàu có sợ bị cướp nên hay chôn dấu tiền của, và núi Thạch động có nhiều hang hóc, họ đem lại nhờ vị sư già cất dấu giùm. Vị sư già từ bi trụ trì lâu đời, nên họ yên tâm. Một thời gian sau, có lẽ bọn cướp biển đoán biết, đang đêm lên vào bắt vị sư tra khảo chỗ dấu của. Vị sư can đảm chịu tra tấn không chỉ nơi dấu, nhưng bọn chúng lục lạo cũng tìm ra. Chúng âm thầm rút lui với toàn bộ vàng bạc, ngọc ngà. Hôm sau vị sư báo tin cho các người gởi biết tự sự. Nhưng lòng trần của các bá hộ chỉ biết làm giàu này không nghĩ tốt cho vị sư khả kính đáng thương đã vì của phù vân của người đời, nên bị cướp đánh đập tàn nhẫn, họ không tin bị cướp lấy mà nhỏ to là vị sư đã dấu làm của riêng tư.

Vị sư già đau khổ chỉ biết kêu than với Phật. Một đêm trăng sáng, sau thời kinh tối, vị sư già ra cửa hang này nhảy xuống tự tử cho tròn danh tiết. Hay thay, vị sư nhảy từ trên cao gần 100m xuống những tảng đá ở chân núi, đã tắt thở mà thân xác không hề bị thương tích, vẫn ngồi

trong tư thế kiệt giả, và linh hồn đã được Phật rước đi.

Dân chúng hay tin đem xác vị sư nhập tháp.

Hà Tiên ! Vùng đất đẹp nhiều huyền thoại ở miền biên giới Tây nam nước Việt có nhiều chùa vì nơi đây phong cảnh u tịch không mang nhiều sắc thái trần tục đầy đua chen như các tỉnh khác. Hà Tiên không quá thắm u nắng cháy như miền Thất sơn, núi đồi ở đây gần biển hoặc do biển bồi đất tạo thành nên rất nên thơ, vì vậy không riêng người dân ở đây nhờ nghe tiếng chuông mõ hoặc thường đến chùa lễ Phật, nghe các sư ông giảng giáo lý để thấy lòng mình càng ngày càng hướng về với đạo Pháp, mà dân chúng các tỉnh lân cận cũng đến đây lễ Phật, thấp nén nhang tưởng nhớ các vị tăng đạo cao đức trọng, sau lại được thăm viếng thắng cảnh. Như đã nói ở trên, người dân ở đây lúc bấy giờ không tham lam vì không quá đua chen với cuộc sống nên thần kinh ít căng thẳng. Ngoài những buổi viếng chùa để nghe Tăng, Ni kể lại hành trạng nhuộm mùi từ bi, đượm màu giác ngộ của chư Phật, Bồ tát, và nghe giảng giáo lý, họ được ngồi trên tảng đá dưới bóng mát tàn cây nghe chim hót líu lo trong khung cảnh tịch mịch của nhà chùa, khiến tâm hồn lâng lâng thoát tục, họ càng mộ đạo và muốn được sống ở thiền môn.

Hà Tiên còn nhiều di tích và thắng cảnh như hòn Phụ tử ở cạnh bờ Hòn Chong với hòn đảo có hai khối đá một cao một thấp đứng song song, ở bờ nhìn ra giống như hai cha con đang đứng trên chiếc thuyền. Người đời thêu dệt và cho đó là hai cha con làm nghề biển từ ngoài Bắc trôi dạt vào đây bị chết, vì lòng thương vợ, thương mẹ, đã hoá đá đứng muôn đời nhìn về quê nhà... Hà Tiên có Mũi Nai, vì bờ bể này có mỏm đá giống hình con nai, dù cát trong vịnh không có sóng vỗ như Vũng Tàu nhưng cũng là nơi tắm biển lý tưởng trong mùa hè cho học sinh các tỉnh miền Tây. Những danh lam cổ tự nổi tiếng là chùa Tam Bảo và chùa Phù Dung.

Chùa Tam Bảo cổ kính do Tổng Binh Mạc Cửu xây dựng cho mẹ ông tu hành rất cổ xưa và nổi tiếng nhờ các vị cao tăng nối tiếp trụ trì

hoàng dương Phật pháp. Tương truyền bà đã qui thiên trong lúc tham thiền, không đau khổ phiền muộn gì cả. Ông Mạc Cửu đã đúc tượng đồng bà mẹ và thờ ngay trong chùa. Riêng Phù Dung tự được người đời nhắc nhở không phải nhờ vị trí của chùa ở nơi danh thắng mà vì tiểu sử của người trụ trì đầu tiên đã đi vào lòng thương kính của người dân trên hai thế kỷ nay: Lúc ông Mạc Thiên Tích làm Tổng Binh, có một tiểu thư con học sĩ Nguyễn Nghi, tên Phù Cừ, có học thức, làm thơ hay lại xinh đẹp. Duyên số đưa đẩy hay mền nhau vì tài, tiểu thư không ưng ai mà bằng lòng làm thiếp cho quan Tổng Binh và được gọi triu mền là Ái Cơ. Dù được Tổng Binh thương yêu kính mền nhưng nàng Ái Cơ là thiếp thì làm sao tránh khỏi cơn ghen của bà, nhứt là ông Tổng Binh thường phải đi dẹp đám quân Xiêm sang quấy phá. Và một ngày nọ ông Tổng Binh đi duyệt binh, ngày trở về không thấy nàng Ái Cơ đâu. Ông đi tìm thì ra nàng Ái Cơ bị bà Tổng Binh bắt nhốt trong một cái chậu men sành úp lại để bỏ đói cho chết. May cho số kiếp nàng Ái Cơ nên ông Tổng Binh về đến dinh, thấy trời mưa lớn mà có cái chậu đang nằm úp ngoài sân không được lật lại để hứng nước mưa, nên ông bước ra lật lại. Đúng là số kiếp nàng Ái Cơ chưa tận nên khiến Ông Tổng Trấn tự làm việc này mới cứu được người thiếp xấu số gần chết lã... Bắt đầu từ đó nàng Ái Cơ chán ngán tình đời nên xin ông Tổng Binh cho nàng đi tu. Đành phải chịu lòng người thiếp hiền hậu, ông cho xây dựng ngôi chùa bên sườn núi Bình Sơn để nàng làm đệ tử Phật môn, trước chùa có giếng nước cần đá ong, dưới thả sen trắng. Chùa tên Phù Dung, vì phù dung hay phù cừ cũng là tên một loài sen trắng (tố liên). Câu chuyện thương tâm này được truyền tụng từ đời này qua đời nọ trên 200 năm nay, và nữ sĩ Mộng Tuyết, hiền nội của thầy tôi, đã có viết một chuyện ngắn kể lại câu chuyện này. Truyện mang tên "Nàng Ái Cơ trong chậu úp" đăng trên báo ở Sài Gòn khoảng thập niên 60 đã làm cho nhiều độc giả ngậm ngùi.

Thi sĩ Đông Hồ chỉ thích sống ở Hà Tiên nhưng từ 1924 đã viết báo, gửi thi văn đến báo

chí Hà Nội và rất danh dự là một trong ban Biên tập Nam Phong tạp chí, một tạp chí mà hầu hết là các học giả miền Bắc lúa bấy giờ, chỉ có vài vị gốc miền Trung. Trong những năm chinh chiến, thi sĩ lên Sài Gòn với vợ hiền là Cô Bảy Mộng Tuyết. Thầy được mời làm Giảng sư bộ môn Văn học Miền Nam của Đại học Văn khoa, Bà lập nhà sách Yiêm Yiêm Thư Trang và nhà xuất bản Quỳnh Lâm trên đường Nguyễn Thái Học, gần ngã tư Trần Hưng Đạo, nhưng thầy tôi ít ở nơi nhà sách ồn ào đó. Thầy ở thảo trang trên Phú Nhuận có vườn cây rộng mát để tiếp bạn nói chuyện văn chương, và những lúc rảnh rỗi, tự tay viết những bài thơ của mình theo lối bút thiếp. Chữ của thầy bay bướm, hùng mạnh với những đường ngang nét sổ sắc bén, không thua các đại tự danh tiếng của Trung Hoa. Những bức danh bút này treo trong phòng khách đẹp như tranh thủy mặc.

Để đền ơn nơi chôn nhau cắt rún, Thầy tôi đã khảo cứu về Hà Tiên, về họ Mạc để cho mọi người biết lòng yêu quê hương của ông đối với mảnh đất vùng biên giới này. Ngay từ khi gia nhập làng văn, thi sĩ giới thiệu quê hương với độc giả Nam Phong, năm 1926 thi sĩ viết *Hà Tiên Mạc Thị sử* (Nam Phong số 107) Năm 1927 nhân đi chấm thi ở Phú Quốc, thầy được đi hết các nơi trên đảo, khi về viết thiên du ký đầy đủ đăng trên Nam Phong số 124 nhan đề *Thăm đảo Phú Quốc*. Trong khoảng mấy năm sau, thầy cho đăng trên Nam Phong nhiều thi và văn: *Bơi thuyền chơi Đông Hồ, Lên chơi núi Đại Tô Châu, Cảnh trăng trên Đông Hồ, Chơi núi Châu Nham* (tức núi Đá Dựng). Hai mươi năm sau, khi lên Sài Gòn, thầy và cô Bảy Mộng Tuyết cùng ra chung một tập sách tên *Hà Tiên Thập Cảnh* và *Đường vào Hà Tiên* (nhà xuất bản Bốn Phương)

Thầy lại tiếp tục khảo cứu thêm về Hà Tiên, thu thập các báo Pháp, Việt nói về nơi này, các bài thầy giảng tại Đại Học Văn Khoa, thầy ghi chú tỉ mỉ và thận trọng, chú giải những bài thơ của nhóm Chiêu Anh Các, nhất là Mười bài thơ Hán văn của Mạc Thiên Tích về *Mười cảnh Hà*

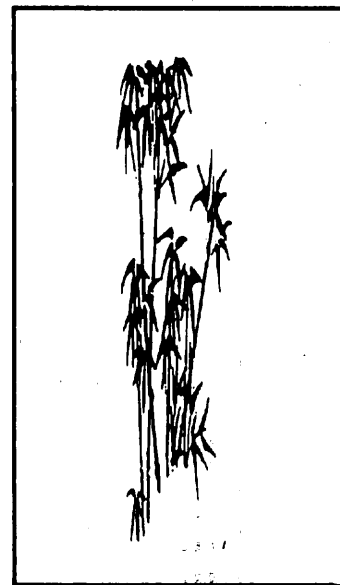
Tiên... để mong trình bày cho hậu thế... Đó là công của thi sĩ Đông Hồ đối với Hà Tiên...

Thi sĩ cặm cụi làm với tinh thần yêu quê hương cho đến lúc thở hơi cuối cùng trong tâm hồn sáng khoái của một thi bá giảng sư tại bục giảng, trong vòng tay của các học trò Đại học Văn khoa...

Thi sĩ Đông Hồ mất, chôn ở nghĩa trang Mạc Đình Chi, đến năm 1984, nghĩa trang bị giải tỏa, mộ phần thi sĩ bị đào lên để chôn nơi khác. Thân nhân đau buồn vì thầy bị chôn hai lần, nhưng lại là duyên may cho thầy vì Cô Bảy Mộng Tuyết đã mượn xe tang đưa được hài cốt thi sĩ về Hà Tiên, nơi mà thi sĩ đã lớn lên, đã nổi danh, đã lấy tên Đông Hồ làm bút hiệu để mãi mãi lưu danh trên văn đàn...

Thi sĩ đã thỏa lòng nằm cạnh tổ tiên của mình nơi triền núi quen thuộc, có nhiều hoa huệ núi màu cam, được nghe lại tiếng lá dương rì rào trong gió... và chiều chiều nghe tiếng đại hồng chung, tiểu hồng chung ngân nga không dứt...

(Calgary, Lạp đông 1996)



QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: *Pháp Sư Pháp Phảng*
Người dịch: *Thích Thắng Hoan*

(tiếp theo)

III. TRIẾT HỌC VÀ DUY THỨC HỌC:

Theo Triết Học giải thích, danh từ Triết Học nghĩa là tìm cầu sự hiểu biết hoặc tìm cầu trí tuệ. Tìm cầu trí tuệ là truy cứu để tìm ra chân lý cho sự nhận thức. Những Học Thuyết suy cứu về chân lý của vũ trụ và nhân sinh đều gọi là triết học. Triết Học vừa kể còn có tên nữa là Hình Nhi Thượng Học. Hình Nhi Thượng Học là học thuyết tìm cầu nguyên lý thâm sâu của vũ trụ và nhân sinh. Nguyên lý thâm sâu ở đây không phải là hiện tượng khách quan mà nó chính là bản thể của sự thật. Cũng từ Triết Học Hình Nhi Thượng này, hai hệ phái Bản Thể Luận và Tri Thức Luận được xuất hiện.

Triết Học tây phương gồm có các hệ phái khác nhau như: Duy Tâm Luận hoặc gọi là Quan Niệm Luận, Duy Vật Luận, Tâm Vật Nhị Nguyên Luận v.v... Riêng Duy Tâm Luận cũng có rất nhiều hệ phái riêng biệt và họ không thể ngồi chung với nhau để thảo luận mọi vấn đề. Nhưng ngày nay, người ta chỉ đề cập đến Duy Tâm và Duy Vật mà thôi. Chữ Tâm ở đây có nghĩa là nhận thức của chúng ta, là một thứ quan niệm. Quan niệm tự trung không ngoài những thứ “Hình Tượng” hoặc một thứ ý tượng và cũng gọi là lý tánh. Giờ đây một vài quan niệm xin được lược kê như sau:

■

1. Tổ Phác Thật Tại Luận:

Triết Học tại Trung Quốc có học thuyết Vô Cực và Thái Cực. Học Thuyết này chủ trương cũng tương tự như Quan Niệm. Họ cho rằng chỗ thấy và nghe của con mắt và lỗ tai chính là thực tại của sự vật và nhờ đó chúng ta mới có thể hiểu biết thật thể phù hợp với sự vật. Những thật thể như: nặng nhẹ, dày mỏng, lớn nhỏ, vuông tròn đều là tánh chất thật tại của sự vật. Những tánh chất thật tại này đã có sẵn từ nơi sự vật và những thứ đó không phải mang đến từ bên ngoài. Mặc dù những tánh chất thật tại đây nơi sự vật không lia phạm vi của Tâm Thức. Riêng Tâm Thức của chúng ta chỉ nhận thức hoặc không nhận thức về chúng nó mà thôi và những tánh chất thật tại nói trên vẫn tồn tại như thế nơi sự vật. Tâm Thức chẳng qua căn cứ nơi hình thức của sự vật để hiểu biết về sự vật.

Chỗ kiến giải của những Thật Tại Luận này được phân làm hai loại: Nhất Nguyên Luận và Đa Nguyên Luận. Nhất Nguyên Luận cho rằng thật thể của sự vật chỉ do một nguyên nhân sanh ra và Đa Nguyên Luận lại cho thật thể của sự vật đều do nhiều nguyên nhân sanh ra. Những luận thuyết trên nếu so sánh với luận lý của Duy Thức thì chỉ có giá trị chân thật nơi sự thành quả trong thế gian. Còn như căn cứ nơi nguyên tắc rằng tất cả pháp đều do Duy Thức biến hiện, học thuyết của những phái này đều bị phủ định.

2. Chủ Quan Duy Tâm Luận:

Phái này chủ trương chỉ có Tâm chủ quan của tri giác mà không có tất cả ngoại vật, nghĩa là tất cả ngoại vật chỉ do quan niệm nhận thức của chúng ta từ nơi Ý Thức và không thể có ngoài Ý Thức. Cho nên phái này phủ định sự tồn tại của tất cả ngoại vật. Theo quan niệm của họ, sự tồn tại của tất cả ngoại vật đều là ảnh tử từ nơi Tâm chủ quan biến hiện. Như đặc tánh của các pháp thế gian, như các Khoa Triết Học v.v... các đạo đức nhân luân v.v... cũng như các nhân cách huân tập v.v... tất cả đều bị phủ định. Chỗ luận thuyết của phái này nếu đem so sánh với học thuyết Ngoại Cảnh Phi Hữu (Ngoại cảnh không phải có) của Duy Thức thì xem qua có hơi giống nhau. Nhưng xét cho kỹ thật ra chủ trương của hai phái này đều hoàn toàn khác nhau. Duy Thức thì không phủ định sự tồn tại của ngoại vật giống như sự phủ định của Chủ Quan Duy Tâm Luận. Duy Thức sử dĩ chủ trương rằng, Ngoại cảnh không thật có là trình bày ngoại vật không thể lìa khỏi sự quan hệ của Tâm Thức, nghĩa là trình bày cảnh vật bên ngoài hoàn toàn không có thể tách chân thật. Cảnh vật bên ngoài chỉ có giả tướng của nhân duyên kết thành mà thôi.

3. Khách Quan Duy Tâm Luận:

Phái này cho rằng, vạn hữu vũ trụ đều là khách quan tồn tại của Tâm cộng đồng nhân loại trong thế gian. Các pháp tuy muôn hình ngàn tướng không giống nhau, nhưng tất cả đều là biểu hiện của tâm lý cộng đồng nhân loại. Tâm lý cộng đồng là một thứ Ý Thức của cộng đồng mà phái Hách Cách Nhĩ gọi là Quan Niệm Luận. Nếu công nhận rằng, Ý Thức chúng ta là nguồn gốc quan niệm của sự vật, là bản thể của sự vật thì Tâm cộng đồng ở nơi mỗi con người

chỉ hiện hữu một phần mà nó không phải là toàn thể của tâm lý chúng ta. Tâm cộng đồng đây không thể chứng minh cũng giống như một vị Thần không thể chứng minh. Tâm cộng đồng không thể chứng minh là chỉ cho Ý thức cộng đồng và Ý Thức này chính là vạn năng. Học thuyết Hoán Cú Thoại cho rằng, Phái Hách Cách Nhĩ dùng phương pháp Biện Chứng để đả phá “Nhất Thân Luận” nên mới gán cho Tâm Lý cộng đồng là Quan Niệm Luận! Tâm cộng đồng hay Ý Thức cộng đồng cũng gọi là Tâm Thần và Tâm Thần này chính là Chủ Tạo Vật của vạn pháp (Chú thích 4). Học thuyết này rất tương phản với học thuyết Duy Thức của Phật Giáo.

4. Cơ Giới Duy Vật Luận:

Phái này cùng với phái Duy Tâm đã nói ở trước đều thuộc về loại tương đối. Nguyên vì vật và tâm mà hai phái này trình bày cũng là tương đối. Vật thì có hình thể có hạn lượng và Tâm thì không có hình thể không có hạn lượng. Vật thì chiếm một khoảng không gian gồm tất cả toàn diện của tự nhiên giới, là đối tượng của Khoa Học Tự Nhiên, nên gọi chung là vật. Hiện tượng sai biệt của tất cả thế gian đều là do quan hệ lẫn nhau của mọi vật sáng tạo nên. Do đó bản thể vũ trụ là vật chất, không phải là Duy Tâm và lại cũng không phải là Thượng Đế. Lịch sử diễn biến của nhân sinh cũng là sự diễn biến của Duy Vật Luận. Nhờ sự diễn biến này, Triết Học Sản Sanh của Duy Vật Sử Quan được thành lập. Lịch sử diễn biến của nhân loại đều lấy kinh tế làm bối cảnh. Như vậy, thế nào là kinh tế?

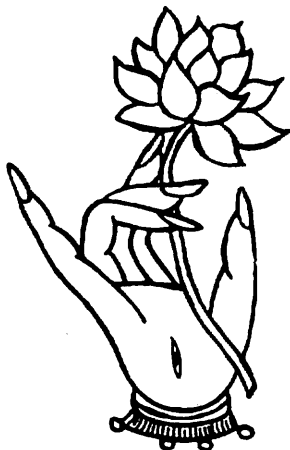
Bản thân của kinh tế đều là vật chất hoặc gọi là sinh hoạt vật chất. Đó là điểm xuất phát Tư Bản Luận của Mã Khắc Tư. Cho nên từ cổ chí kim, tất cả sự diễn biến của Lịch Sử Nhân Loại đều là Duy Vật Luận. Hơn nữa, các học giả Duy Vật cận đại cũng đều cho rằng, Ý Thức

của nhân loại đều là do phản ảnh của vật chất sanh ra. Sự hoạt động của Ý Thức chính là sự hoạt động của Đại Não và Đại Não nếu như không hoạt động phản ảnh thì Ý Thức hoàn toàn không có. Cho nên nói Đại Não là nơi quyết định sự tồn tại của Ý Thức. Đại Não thì thuộc về vật chất và có khả năng hoạt động, do đó phái Cơ Giới Duy Vật Luận chủ trương tất cả đều là Duy Vật và quan niệm cho Tâm chẳng qua là điều kiện của vật chất mà thôi.

Thứ Duy Vật này có một điều khuyết điểm là chỉ gom góp những diễn biến để thành lập Định Mệnh Luận, nguyên vì vạn vật nương nhau sanh khởi trong định luật nhân quả làm điều kiện xác định. Định Mệnh Luận giả như thành lập theo phương thức nói trên nếu đem so với Duy Thức Học thì có chỗ giải thích không được thông suốt. Và có một điểm quan trọng, phái Duy Vật Luận đều phủ định luật nhân quả của thiện ác nghiệp, cho nên phái này giải thích cũng không được thông suốt.

5. Tâm Vật Nhị Nguyên Luận:

Tâm thì ở bên trong là phần nhận thức của chúng ta và vật thì ở bên ngoài là chỉ cho tất cả toàn diện của tự nhiên. Phái Tâm Vật Nhị Nguyên Luận chủ trương rằng, tất cả ngoại cảnh



đều là đối tượng của ý thức chúng ta. Ngoại cảnh thì thuộc về vật và ý thức của chúng ta thì thuộc về tâm. Khi chúng ta xem thấy một đóa hoa, ý thức lúc đó liền khởi lên quan niệm (hoặc khái niệm) về một loại hoa. Sự khởi lên quan niệm đó của ý thức thì thuộc về tâm. Còn quan niệm về đóa hoa kia là căn cứ nơi toàn diện của đóa hoa bên ngoài để sanh khởi thì thuộc về vật. Sự nhận thức của chúng ta là hiểu biết lẽ toàn diện của đóa hoa và sự hiểu biết đây về đóa hoa được phát sanh từ nơi quan niệm. Chúng ta sở dĩ đề cập đến ngoại vật và nội tâm là nói lên sự quan hệ lẫn nhau không thể phân ly của chúng. Một học phái căn cứ nơi sự quan hệ lẫn nhau giữa ngoại vật và nội tâm để thành lập chủ thuyết Tâm Vật Nhị Nguyên Luận. Tâm Vật Nhị Nguyên Luận là trình bày bốn nguyên của vạn pháp và bản thể của vũ trụ. Lối lý luận của phái này so với học thuyết Sắc Tâm huân tập hỗ tương (Sắc và Tâm quan hệ lẫn nhau trong sự huân tập) của Tiểu Thừa Kinh Lượng Bộ thì hơi giống nhau. Sắc Tâm hỗ tương làm nhân là thuộc về Chung Tử Luận.

Tâm Vật Nhị Nguyên Luận chỉ căn cứ nơi Khoa Học Tự Nhiên và Sinh Lý Học để giải thích. Theo họ, chúng ta nhận thức một ngoại vật nào, như một đóa hoa chẳng hạn, là phải nhờ đến bản thân của đóa hoa đó và cũng phải nhờ đến quan hệ của quang tuyến v.v... đem ảnh tử của đóa hoa nói trên vào nơi trong Nhãn Cầu. Ảnh tử đóa hoa trong Nhãn Cầu liền xuyên qua Nhãn Mô để đến nơi Thần Kinh con mắt và ấn vào nơi con mắt. Ngay lúc đó, Ý Thức khởi lên sự nhận thức (quan niệm) về đóa hoa ảnh tử được ấn vào nơi con mắt. Tiếp theo Thần Kinh con mắt lại đem sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức truyền đến (hoặc cung cấp để báo cáo) Thần Kinh Đại Não. Nơi đây, sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức trình tự hoàn thành. Ý Thức tạo ra hoặc truyền xuất quan niệm về một loại hoa là thuộc về Tâm. Còn Thần Kinh con mắt

truyền vào Đại Não sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức không một mảy may nghi vấn là thuộc về tánh chất của cơ giới. Riêng vấn đề sự tác dụng của đóa hoa nói trên như thế nào sau khi vào trong Trung Khu Đại Não để có thể dẫn phát một loại khái niệm của Ý Thức cho đến ngày nay chưa thấy các nhà khoa học và các học giả Nhị Nguyên Luận giải thích? (Chú thích 6) Sự biến hiện tất cả vạn pháp của Duy Thức giải thích thì hoàn toàn không giống như lối giải thích ở đây của Tâm Vật Nhị Nguyên Luận.

6. Phật Giáo Duy Thức Duyên Khởi Luận:

Duy Thức Học của Phật Giáo và các triết học vừa đề cập ở trên thì hoàn toàn không giống nhau. Hệ thống luận lý của Duy Thức sau này sẽ theo thứ lớp tường thuật. Trong đây xin trình bày tổng quát một vấn đề. Kinh nói: “Vạn pháp duy thức, ba cõi duy tâm, tất cả đều do tâm tạo.” Căn cứ nơi lời nói này, người ta vội cho rằng Duy Thức chủ trương không có ngoại cảnh. Thật ra Duy Thức đối với thế giới và sự vật ngoại cảnh đều không phủ định sự tồn tại của chúng. Theo Duy Thức, sự sanh khởi vạn pháp trong thế gian đều bị năng lực của Tâm Thức ảnh hưởng rất lớn. Nhưng không thể cho rằng sự sanh khởi vạn pháp duy nhất chỉ có Tâm Thức sáng tạo. Tâm Thức chẳng qua là một cái vòng trọng yếu, một cái vòng có năng lực của nhân duyên trong sự sanh khởi vạn pháp mà thôi. Nếu nói rằng, Tâm Thức là yếu tố chính trong sự sanh sản các pháp thì Tâm Thức của chúng ta phải nhờ vào các quan hệ (Duyên) như căn, cảnh, ánh sáng v.v... thuộc vật chất để sanh khởi. Luận thuyết trên đây thuộc về Nhị Nguyên Luận và Đa Nguyên Luận. Nhưng thực tế cho thấy Thức và cảnh không thể tách rời nhau, từ đó nói rằng ngoài Thức không có cảnh và Thức đóng vai trò thù thắng nên gọi là Duy Thức. Duy Thức xem trọng đạo lý Duyên Sanh, cho nên tuyệt đối

không chủ trương chỉ có Thức tồn tại và phủ định sự tồn tại của tất cả khách quan. Học thuyết của Duy Thức có thể cho là Tâm Cảnh Hợp Nhứt Luận.

Trong các học thuyết được xem qua ở trên, Phật Học, đặc biệt Duy Thức Học là môn học lý trí và nó không phải là Tông Giáo. Duy Thức Học nếu như cho là Tông Giáo thì thuộc về Tông Giáo lý trí và quyết định nó không phải là Tông Giáo mê tín. Duy Thức Học, Triết Học và Khoa Học đều rất tương đắc với nhau. Duy Thức Học có thể sửa chữa sự sai lầm của tư tưởng, có thể cải chánh những lý luận xuyên tạc. Cho nên người nghiên cứu Duy Thức Học không chỉ phát dương Phật Học và lại còn xướng minh khoa Triết Học càng thêm thăng tiến. Vì nguyên nhân đó, gần bốn mươi năm nay, các giới học thuật rất chú ý đến Duy Thức Học của Phật Học.

Chú Giải:

Chú thích 4: Nơi Pháp Tướng Duy Thức Học và Pháp Tướng Duy Thức Học Khái Luận.

Chú thích 6: Phật Giáo Tỉnh Yếu của Vương Quý Đồng.

(còn tiếp)



CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: *Giuseppe Tucci*
Phóng tác: *H.T. Thích Trí Chơn*

(tiếp theo)

TỬ GYANTSE ĐI BRAHMAPUTRA

Nhìn vẻ đẹp của một pho tượng thiêng liêng, người Tây Tạng không chỉ xem nó như một công trình nghệ thuật mà còn tỏ vẻ kính sợ khi đứng trước pho tượng ấy. Tác phẩm nghệ thuật của Tây Tạng là một lễ thức không ai dám chạm sờ đến nó và một nghệ phẩm như thế rất liên quan mật thiết với hành động của sự lễ bái. Người ta có thể bảo rằng nó là một tác phẩm Phật Giáo bằng hình ảnh hay nói khác một sản phẩm tâm linh tinh thần chứ không phải là công trình của sự huyền hoặc hay không tưởng.

Nhà nghệ thuật Tây Tạng vừa là một họa sĩ có óc sáng tạo, một kỹ hà học và là một nhà sư. Khi vẽ, chạm khắc một pho tượng, họ không thể làm theo tùy hứng mà phải chú tâm, kiên nhẫn nỗ lực làm việc ngày đêm hầu mong tạo nên một bức tượng thực toàn hảo và sống động. Pho tượng còn là nơi ẩn trú tạm thời hay thường xuyên của vị thần linh và nhờ sự lễ bái chú nguyện của chư Tăng mà vị Thần có thể hiện về ở nơi pho tượng ấy.

Cảnh giới của loài người và thần linh hoàn toàn khác hẳn nhau. Con người sống trong thế giới vô thường tạm bợ còn thế giới của thần linh thì vĩnh cửu bất diệt. Rất khó liên lạc hay tiếp xúc giữa hai thế giới này. Các thần linh có thể hiện ra trong khoảnh khắc qua sự cầu đảo, tụng kinh của chúng ta, nhưng các ngài không thể hòa nhập với cuộc sống vô thường ở thế gian. Cho

nên nếu vị thần chỉ được cầu xin hiện về trong thời gian ngắn của một buổi lễ thì sau đó ngài sẽ ra đi. Và khi sự đọc kinh trì chú tạo sức mạnh tâm linh nhằm khiến ngài đến nhập vào pho tượng của chúng ta kết thúc thì bức tượng sẽ trở thành một vật thể vô tri không có sự sống như cũ.

Tại Ấn Độ, một trong những ngày hội lớn của dân chúng thường được tổ chức vào dịp lễ “Đại Thánh Mẫu” (Great Mother). Biểu tượng cho ngài là hai nữ thần ban phúc Durga và giáng họa Kali. Các vị thần này tượng trưng cho cuộc đời vô thường, biến chuyển của thế gian, và kiếp sống con người từ khi sinh ra cho đến lúc chết đi. Vào cuối tháng chín dương lịch khi mùa mưa chấm dứt nữ thần hiện xuống trong vài ngày nhập vào những pho tượng được làm bằng đất bởi các thầy bà la môn theo Ấn Độ giáo. Dân chúng khắp nơi hân hoan vui mừng chào đón sự hiện diện thiêng liêng của nữ thần. Hàng ngàn tín đồ lễ bái cầu nguyện suốt ngày đêm trước tượng nữ thần kéo dài đến ngày thứ mười, dân chúng tổ chức lễ rước pho tượng trên kiệu hoa, theo sau là những đoàn người nhảy múa, ca hát, đánh trống thổi kèn, và cuối cùng pho tượng được mang ra bờ sông thả chìm xuống nước để hoàn trả đất làm nên pho tượng trở về với đất.

Khi tạc hay vẽ các ảnh tượng Phật Giáo ngoài nét thẩm mỹ, cân xứng, linh động, các nhà họa sĩ, điêu khắc Tây Tạng còn chú trọng nhiều

đến màu sắc. Phần lớn các pho tượng Tây Tạng, dù làm bằng gỗ, đất hay chất bơ đều được sơn nhiều màu sắc rực rỡ. Nếu đúc bằng đồng thì pho tượng được dát vàng lá hoặc sơn mạ vàng bên ngoài.

Tại Ấn Độ cũng như Tây Tạng du khách bị lôi cuốn đập vào mắt khi nhìn thấy các pho tượng với những sắc diện khác nhau từ hung dữ, hiền lành, vui tươi đến buồn rầu mà quý vị ít gặp thấy ở những quốc gia Tây Phương. Khi bước vào một ngôi chùa các bạn khó nhận biết được giá trị và sự khác biệt hiện ra trên khuôn mặt của từng mỗi pho tượng. Qua bóng tối mờ mờ lần lượt du khách sẽ khám phá nhận ra trên những vách tường, bàn thờ và ngay cả trên trần nhà nhiều ảnh tượng vẽ màu sắc các vị hộ pháp, thiện thần và ma quỷ khiến các bạn cảm thấy như lạc vào một thế giới đầy dẫy những ngẫu tượng.

Hàng chục, hàng trăm và hàng nghìn pho tượng thần linh hiện ra trước mặt các bạn chẳng khác gì vô số ngôi sao lấp lánh mà quý vị nhìn thấy chúng xuất hiện trên bầu trời vào một đêm hè quang đấng. Du khách không làm sao mà đếm cho xuể và mới nhìn qua lần đầu tiên quý vị trông các ảnh tượng có vẻ giống nhau nhưng nếu tinh tường nhìn kỹ hơn, các bạn sẽ thấy chúng hoàn toàn khác biệt trong mỗi đường nét vẽ chi tiết từ những khuôn mặt, thân hình bàn tay đến mảnh áo và màu sắc. Những du khách mới đến Tây Tạng họ cảm thấy bối rối hầu như bị tràn ngập bao vây bốn phía bởi vô số hình tượng đủ các loại thần linh lẫn ma quỷ. Họ cũng không biết hay phân biệt được giữa pho tượng của một vị thiện thần với ngài hộ pháp hay ma vương v.v...

Mặc dù ở Tây Tạng khi du khách đến viếng thăm bất cứ ngôi chùa nào cũng đều thấy mình như rơi vào giữa cảnh giới huyền bí của hàng ngàn chư thần linh, nhưng khi được nghe các vị Lạt Ma thuyết giảng hay xem nhiều kinh sách

Phật Giáo thì những hình tượng các vị thần và ma quỷ thiêng liêng kia hầu như sẽ không còn là những hình ảnh thực trước chính cặp mắt trần của họ, chẳng khác gì màn đêm sẽ tan biến khi bình minh ló dạng. Thực sự là không còn một hình ảnh thần linh nào nữa, không có gì hết khi một người đã nhận chân được giáo lý thâm huyền là tất cả vạn pháp đều không thì lúc bấy giờ chính xác thân họ, các ảnh tượng thần linh, ma quỷ và cả đạo giáo mà họ đang theo cũng đều là không thực có.

Giác ngộ được chân lý cao siêu ấy, con người không còn bị chi phối bởi luật vô thường của thế gian với mọi khổ đau phiền não trong cuộc sống hằng ngày mà họ có thể chứng đắc, hòa nhập với bản thể chân như thanh tịnh, trường cửu và bất biến. Dân chúng Tây Tạng vẫn thường tin rằng kiếp sống con người tựa hồ như giọt sương trên lá hay ánh trăng phản ảnh trên mặt nước hồ, nay còn mai mất, có đó rồi không đó.

Họ nghĩ rằng chân lý không nằm ở vật thể chúng ta nhìn thấy, không ẩn tàng nơi sự việc làm con người sợ hãi, âu lo, đam mê, vui buồn, hạnh phúc hay khổ đau mà nó chính là “Không”, nói lên ý tưởng vạn vật luôn biến đổi vô thường, giả dối không thực có. Bất cứ người Tây Tạng nào, từ vị Lạt Ma, vua chúa, nông dân cho đến hạng người giàu có, làm công hay buôn bán, khi được hỏi thế giới vũ trụ, sơn hà đại địa, vạn pháp do đâu mà có thì tất cả đều trả lời rằng từ “Chân Không” hay tiếng Tây Tạng là “Tompanyi”.

Cho nên những nhà tu khổ hạnh thực sự muốn giải thoát luân hồi sanh tử, khi vào chùa Tây Tạng họ có thái độ bất kính, không cúi đầu sợ sệt trước các pho tượng thiêng liêng vì tâm họ đã sáng suốt rửa sạch hết bụi vô minh phiền não. Tuy nhiên các ảnh tượng sẽ trở nên cần thiết và hữu ích cho những ai chưa giác ngộ đang còn đắm chìm trong cuộc sống đam mê trần tục, tranh đoạt lợi danh nên thường hay cầu nguyện

thần linh phù hộ che chở để được mua may bán đắt hoặc khỏi bị ma quỷ phá quấy ám hại.

Đối với người Tây Tạng, “Không Tánh” là một triết lý cao siêu huyền diệu không dễ dàng thuyết giảng cho tất cả mọi người vì không phải ai cũng có thể lãnh hội được. Nếu trình độ hiểu biết Phật Pháp của họ kém cỏi mà đem giáo lý “Không Tánh” giảng cho họ thì không những chẳng lợi ích gì mà đôi khi còn có hại cũng giống như người bắt rắn không biết cách dụ dỗ cho nó nằm yên mà đưa tay ra bắt có thể bị rắn cắn chết. Giáo lý xem cuộc đời như hư vô, vạn vật đều giả dối, vô thường tạm bợ khiến người đời đâm ra chán nản bi quan yếm thế. Khi nhìn thấy cuộc đời quá ngắn ngủi phù du, tâm lý con người thường mong thích vội vã hưởng thụ ngay trong hiện tại chứ không còn nghĩ đến tương lai.

Cho nên muốn hiểu được “Tánh Không” hành giả cần phải tiến bước chậm rãi, mỗi ngày tìm học một ít như người leo lên chiếc thang có nhiều nấc từ thấp lên cao. Những bậc thang dưới tượng trưng cho các ảnh tượng của chư Phật, Bồ tát mà lúc ban đầu con người cần nương vào để quán tưởng trong khi lễ bái cầu nguyện. Sau một thời gian hành giả đạt được nhiều kết quả trong việc tu tập chẳng khác gì con người leo lên những nấc thang cao hơn; lúc ấy các ảnh tượng và thần linh kia đều trở nên không cần thiết và biến tan đi.

Giờ đây tôi xin trở lại kể cho quý vị biết thêm về tu viện Ralung nói trên. Cảnh tượng Phật A Di Đà tôi nhìn thấy tượng ngài Dugparinpoche, vị sáng lập giáo phái Dugpa. Bên phải là tượng Phật Thích Ca thờ giữa tượng hai đại đệ tử của Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Cảnh đó là điện thờ đức Phật Dược Sư. Xa hơn một chút ở giữa là chánh điện thờ đức Phật Di Lặc (Champa). Các hướng dẫn viên cũng đề nghị tôi nên viếng thăm chùa Drolma thờ đức Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn và tượng ngài Dorjechang (Hộ Pháp).

Chùa Ralung còn giữ một bảo vật rất quý giá là cây đèn đồng mạ vàng có hình dáng hoa sen và trên mỗi cánh hoa có khắc một ảnh tượng Phật. Khi đèn tắt những cánh hoa này có thể xếp lại trông như một hoa sen thật nhờ ở những bản lề đặc biệt. Được biết cây đèn này gốc làm tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ 12 Tây lịch. Tầng trên của chùa trong một phòng rộng, tôi thấy đặt thờ nhiều vị Bồ Tát, các vị lạt ma và danh sư Phật Giáo Tây Tạng. Phía trên khung vòm nóc chùa bên trong người ta đặt thờ tượng ngài Hộ Pháp (Dorjechang) với nhiều vị lạt ma danh tiếng khác.

(còn tiếp)

thơ PHÙ DU

Thăm

Tôi ra đứng giữa phố đông
Râm rì muôn sắc long rong đổ vào
Hồn phơi như thước lụa đào
Sắc hình lấm tấm ngả nhào xuống thơ.

Ngắm

Tôi ngồi uống rượu trên cây
Lá xuân biếc lá xuân lay động mùa
Rượu lay động ý trong thơ
Đời lay động một bến mơ mịn màng.

CÁI CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG?

Nguyên tác: Tiến sĩ K. Sri Dhammananda

Dịch giả: Thích Tâm Quang

SUY GÃM VỀ CÁI CHẾT

Tại sao chúng ta phải nghĩ về cái chết? Tại sao ta phải suy gẫm nó? Đức Phật không những chỉ khuyến khích chúng ta nói về cái chết, Ngài cũng khuyên chúng ta suy gẫm nó và nghĩ đến nó thường xuyên. Đó là có sanh thì có chết. Tâm trí và cơ thể được tạo nên trong lúc thai nghén, phát triển, lớn lên và trưởng thành. Nói một cách khác, chúng theo cái tiến trình của già nua. Đầu tiên, chúng ta gọi tiến trình đó là lớn lên, rồi trở về già. Thật ra đó chỉ là một tiến trình của sự lớn lên, nảy nở, và cuối cùng là cái chết không sao tránh được.

Ngày nay, theo thống kê trên thế giới, mỗi ngày có hai trăm ngàn (200,000) người chết hay độ 70 triệu mỗi năm.

Chúng ta không quên suy gẫm cái chết và mà cả với nó. Điều chúng ta thường làm là để tránh nó và sống như chẳng bao giờ phải chết cả. Chừng nào mà chúng ta còn sợ chết, chúng ta không bao giờ sống một cuộc đời đầy đủ và tốt đẹp nhất. Cho nên một trong những lý do chính yếu để suy gẫm cái chết là để chúng ta hoàn toàn tỉnh thức để khỏi sợ hãi. Suy gẫm về cái chết không làm cho chúng ta chán nản hay không lành mạnh, mà chỉ có mục đích giúp cho chúng ta thoát khỏi sợ hãi.

Lý do thứ hai suy gẫm về cái chết sẽ thay đổi lối sống và thái độ của chúng ta với cuộc đời. Giá trị trong cuộc sống hoàn toàn thay đổi một khi chúng ta không nghĩ rằng chúng ta sống

mãi ở đời, chúng ta sẽ bắt đầu một lớp sống mới.

Lý do thứ ba là có khả năng tiến tới và đương đầu với cái chết một cách xác đáng và yên lành.

Suy gẫm về cái chết có ba điều lợi ích:

— bớt sợ hãi

— đem lại phẩm chất mới cho đời sống để chúng ta sống cuộc đời có giá trị thích đáng và

— giúp chúng ta chết trong vinh dự

— giúp chúng ta sống lương thiện và chết xứng đáng.

Suy gẫm về cái chết chúng ta còn cần gì nữa?

Đạo Phật khuyến khích suy gẫm về những sự kiện sau đây:

— Tôi sống với tuổi của tôi, tôi không lo già;

— Bệnh tật là lẽ thường, tôi không quá nghĩ về nó;

— Tôi gánh chịu Nghiệp quả của tôi và tôi không thoát khỏi Nghiệp lực;

— Chết là lẽ thường, tôi không quá lo nghĩ về cái chết và

— Tất cả những gì dễ thương và thích thú của tôi sẽ thay đổi và bỏ tôi.

Khi chúng ta bình tâm suy gẫm về những thực trạng ấy, và giữ trong tiềm thức, nó sẽ có tác dụng mạnh mẽ để khuất phục sợ hãi, tuổi già, bệnh tật, cái chết, và chia ly. Điều này không phải là làm chúng ta kém lành mạnh mà chính là giúp chúng ta thoát khỏi sợ hãi. Cho nên tại sao chúng ta suy gẫm về cái chết? Không

phải là chúng ta mong mỗi cái chết đến mà chúng ta không muốn sống hay chết trong sự sợ hãi.

CHẾT LÀ MỘT PHẦN CỦA ĐỜI SỐNG

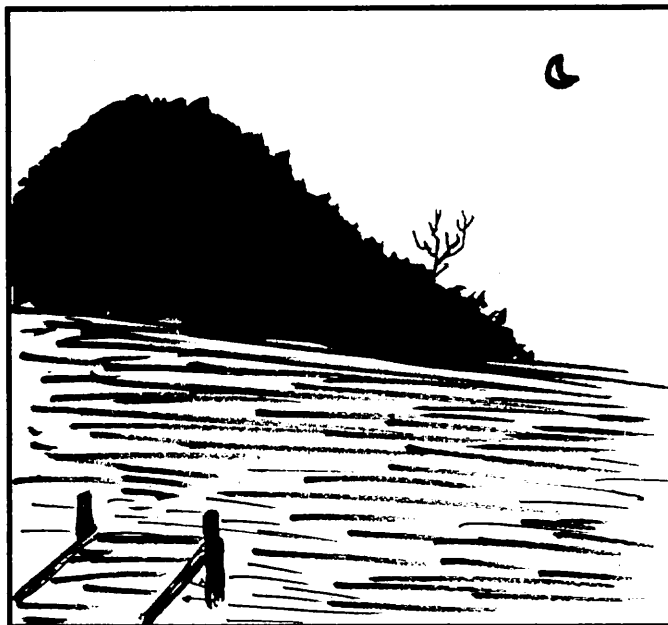
Chết đến với tất cả mọi người và là một phần của cái vòng sinh tử. Người chết trẻ, kẻ chết già, chẳng ai không chết. Chẳng ai mời chúng ta đến thế giới này, và chúng ta cũng chẳng từ biệt ai khi từ già thế giới này. Tôi không tránh được cái chết, và mọi người, mọi cỏ cây, mọi hình thức, mọi chúng sanh đều theo con đường đó. Thu về, lá rụng. Chúng ta không khóc vì cuối mùa lá rụng là điều tất nhiên. Cái chết của loài người cũng thế.

Những người có đạo hạnh, ít sợ chết hơn là những người thế tục vì lẽ những người này chỉ muốn sống để thỏa mãn năm giác quan của họ.

Theo viễn tưởng của nhà Phật, chết chưa phải hết, và sanh cũng không phải là sự bắt đầu của cuộc đời. Đúng ra, chết chỉ là một phần của toàn bộ tiến trình, toàn bộ cái chu trình sanh tử, tử sanh. Nếu chúng ta hiểu được tiến trình đó, cái chết không làm ta khiếp sợ bởi vì chết chưa phải là hết. Nó chỉ là đoạn cuối của cái vòng sanh tử, đi hết vòng này đến vòng khác, và tiếp diễn không ngừng. Lá lìa cành chưa phải là hết. Chúng vào lòng đất và nuôi rễ cây, sang năm cây lại có lá mới. Đời sống của con người cũng như vậy. Trạng thái của cái chết là tái sanh. Hiểu biết được nguyên tắc căn bản đó, chúng ta sẽ nhẹ bớt sợ hãi.

SỐNG CÓ Ý THỨC

Chúng ta sống một cách điên rồ, không nghĩ rằng mình đã tốn biết bao nhiêu thì giờ cho những việc vô bổ. Hôm nay, chúng ta phí thì giờ lo cho những chuyện năm tới, cho 20 năm tới, và lo lắng cho tương lai đến độ chúng ta chẳng



sống trọn vẹn mỗi ngày?

Và giá trị trong đời sống của chúng ta sẽ thay đổi. Đời sống có gì quan trọng? Những gì thúc đẩy chúng ta? Những gì lôi cuốn chúng ta? Nếu chúng ta thực sự suy gẫm cái chết, chúng ta sẽ xét lại giá trị của chúng ta. Có nhiều tiền, chúng ta không thể đem theo được. Thân xác chúng ta phải bỏ lại bằng cách này hay cách khác. Chúng ta phải bỏ lại quá nhiều. Chúng ta không thể mang theo cái xác thân quý giá với chúng ta khi chúng ta lìa bỏ cõi đời này.

Phẩm chất của cuộc đời quan trọng hơn sự thủ đắc vật chất. Phẩm chất của cuộc đời trước tiên là phẩm chất của tâm trí chúng ta. Chúng ta sống thế nào ngày hôm nay quan trọng hơn nhiều ngoại vật khác. Chết là trạng thái của tái sanh, và tái sanh điều kiện hóa bởi cái chết và là phẩm chất của tâm trí. Đó là cái độc nhất mà chúng ta mang theo. Đó là cái gia tài để chúng ta thừa hưởng mà không để lại cho người khác.

Tôi tạo Nghiệp, tôi phải thọ Nghiệp.

Nghiệp sanh ra tôi, tôi phải tôn trọng và gánh chịu.

Nghiệp lành hay Nghiệp dữ tôi tạo ra, tôi đều phải gánh chịu hết, do đó tôi là người thừa kế.

Những gì theo ta là những phẩm hạnh có ở trong ta: phẩm hạnh của tâm trí, của tinh thần, cùng những phẩm hạnh khác tốt hay xấu. Đó là tất cả những thứ chúng ta được thừa hưởng. Đó là điều kiện quyết định việc tái sinh và tương lai của chúng ta. Đến lượt những phẩm hạnh đó đem lại một giá trị cho đời sống của chúng ta. Chúng ta có thể vui về bạc triệu mà chúng ta đã kiếm được nhưng điều quan trọng hơn là chúng ta cần sống yên ổn và trau dồi đạo đức. Điều này có tác dụng tốt vào lối sống của chúng ta, và vào những giá trị mà chúng ta phát triển. Không phải là vấn đề thành công, mà là vấn đề làm sao để thành công.

CHẾT MỘT CÁI CHẾT XỨNG ĐÁNG

Sau khi đã nhận xét các điều trên, nếu chết không còn là một sự đe dọa mà là một kinh nghiệm thực tế, chúng ta có thể trực diện nó với lòng tin tưởng. Chẳng riêng những điều nói trên, chúng ta cần có nhiều hành động khác để chết một cách xứng đáng. Nếu chúng ta sống lương thiện, chúng ta chết dễ dàng hơn. Mặc dù chúng ta sống như thế nào, chúng ta vẫn cố gắng chết một cách xứng đáng. Để giúp cho cái tiến trình của cái chết, chúng ta cố gắng bỏ nhiều sức lực trong việc phát triển phẩm hạnh của sự không sợ hãi.

Có một số người sợ chết hơn sợ đau đớn và sợ chia lìa người thân hơn là những thứ đáng sợ khác. Khi một người sắp chết, nên gọi lòng can đảm và trấn an họ. Nhưng trước tiên, mình phải trấn an mình đã. Dĩ nhiên, đau đớn sẽ hành hạ và không thể chịu đựng nổi. Nhưng ngày hôm nay, nhờ những tiến bộ y khoa, những đau đớn của chúng ta được giảm thiểu trước khi chết. Đau đớn không còn là một đối tượng sợ hãi không đối kháng được.

Tôi thường trấn an người sắp chết, như trường hợp một người không còn sống nổi vì ung

thư: người đó không cần phải đau đớn vì việc điều trị ngắn hạn sẽ giảm bớt đau đớn. Một kết quả quan trọng là người bệnh có được thoải mái và chết một cách êm đềm.

Một số người khác lo âu vì sợ mất của cải. Nhưng nếu họ biết suy gẫm về cái chết thì không có gì phải lo. Chúng ta hiểu có hợp thì có tan. Nếu một người sắp chết không suy gẫm điều trên, chúng ta cần nhẹ nhàng khuyến khích và trấn an họ là con cái và những người còn sống sẽ được chăm sóc. Những người này phải được an lòng là mọi việc đều tốt đẹp, bạn hữu sẽ lo lắng cho họ, họ cần có can đảm để được thoải mái, an tâm, và tất cả mọi việc sẽ được lo lắng chu đáo.

Trọng tâm của việc này là gọi lòng can đảm của người sắp chết để họ được an lòng. Làm thế nào để chết xứng đáng? Theo Phật giáo là tạo một bầu không khí bình an trong phòng người sắp ra đi. Không ích lợi gì nếu có người gào thét, kêu la và khóc lóc. Làm như vậy để làm gì chứ khi người sắp chết, trong lúc hết sức quan trọng này, phải làm để ra đi? Làm như vậy, người sắp chết không an tâm ra đi. Điều tốt hơn là bạn bè và thân quyến có mặt cần chứng tỏ họ quan tâm, yêu mến, và sẵn sàng giúp đỡ người sắp ra đi.

“Biểu tượng tôn giáo” rất hữu ích và tiện dụng trong lúc này. Nếu người sắp chết là một Phật tử, một tượng Phật nhỏ cùng sự có mặt của các nhà Sư với những lời cầu nguyện êm dịu sẽ rất ích lợi và giúp người chết niềm an lạc và phẩm hạnh cao quý nhất. Đó là điều tuyệt diệu cho người ra đi, đi tìm cuộc sống mới trong đường lối tốt đẹp nhất” (Ajahn Jagaro).

CÁI CHẾT ÊM Ắ

Mọi người đều mong muốn chết êm ả sau khi đã làm tròn nhiệm vụ và bổn phận trong lúc sanh thời. Sự thật ra có bao nhiêu người đã sửa soạn cho cái chết này? Chẳng hạn, có bao nhiêu

người đã chịu khó nhọc chu toàn nhiệm vụ với gia đình, thân nhân, bạn bè, xứ sở, đạo giáo và thân phận của chính mình? Họ sẽ không yên tâm ra đi khi họ không chu toàn được một trong những nhiệm vụ đó.

Chúng ta phải học cách khuất phục cái chết khi hiểu rằng các thần linh cũng phải chịu số phận như vậy. Những ai phung phí thời giờ vô ích, sẽ than van khi mình đến ngày tận số.

Khi con người nhìn thấy đời sống của mình chỉ là một giọt nước trong con sông dài, họ sẽ hoạt động để góp phần nhỏ của mình vào dòng đời vĩ đại. Người khôn hiểu rằng, muốn sống phải tìm cách giải thoát bằng cách tránh tội lỗi, làm điều thiện, và thanh tịnh tâm trí. Người hiểu đời sống theo giáo lý của Đức Phật không bao giờ lo lắng về cái chết. Cái chết không gây ra phiền não, nhưng nó thật sẽ đáng buồn nếu ta không làm gì cho mình và cho nhân loại.

CHẾT NGÀY HÔM NAY

David Morris là một học giả Phật giáo Tây phương, chết lúc 85 tuổi. Ít lâu sau khi ông chết, kẻ viết tập sách nhỏ này nhận được lá thư của ông (hiển nhiên ông đã viết thư này trước đây và dặn thư này gửi đi khi ông chết). Thư như sau:

“Ông sẽ vui khi biết tôi chết ngày hôm nay. Có hai lý do: Điều thứ nhất, Ông sẽ được nhẹ nhàng khi biết được sự biết đau đớn của tôi do bệnh tật cuối cùng đã hết. Điều thứ hai, từ khi tôi trở thành Phật tử, tôi đã giữ năm giới một cách nghiêm chỉnh. Kết quả, Ông biết kiếp tới của tôi sẽ không đau khổ.”

Đời sống như một giấc mộng. Cái chết là một điều xảy ra thực tế và tái sinh là điều xuất hiện tự nhiên. Để trực diện với biến cố này, ta phải tiếp tục hay chấm dứt cái vòng sanh tử luân hồi để thoát khỏi khổ đau, và đó là cái trí thông minh của con người. ■

Thơ HẠ THI NHÂN

Mai Em Về Quê Hương

Mai em về quê hương
Sau nhiều năm xa cách
Tìm thăm lại phố phường
Dấu đèn khuya hiu hắt

Mai em về quê hương
Đốt giùm tôi ngọn nến
Thắp giùm tôi nén hương
Trên bàn thờ tổ quốc

Mai em về quê hương
Đắp giùm tôi nắm mộ
Người chiến sĩ can cường
Đã liệt oanh ngã xuống

Mai em về quê hương
Tìm giúp tôi người mẹ
Lạc mất con giữa đường
Chiều ba mươi khói lửa

Mai em về quê hương
Đốt giùm tôi ngọn lửa
Sưởi ấm những tình thương
Của đồng bào nơi đó

Mai em về quê hương
Tìm thăm người tàn tật
Xoa dịu nỗi đau thương
Của đồng bào ruột thịt

Mai em về quê hương
Mang giùm tôi tiếng hát
Cùng ý chí quật cường
Hẹn một ngày chiến thắng.

Theo Tiếng Chuông Ngân

Việt Dương

*Chùa ẩn non mai trắng
Bóng in hồ liễu xanh
Mai chiều chuông đã tạnh
Vòng sóng còn long lanh.
Quách Tấn*

1

Những tiếng khóc mất hút cùng với đoàn người đi đưa đám biến dần vào rẫy bắp, để lại ngôi mộ chơ vơ với dấu chân lầy lội của mấy chục người. Ở dưới đám đất mới kia là cô Hà, chủ quán cà phê Bông Giấy ngoài chợ Gia Ray, một cô quán mặn mà phúc hậu, mới buổi sáng hôm kia còn đơn đả mời chào khách vào quán mà đến chiều đã chết vì tai nạn xe honda. Ở cái xã nghèo này, đa số dân chúng làm rẫy, gia đình cô Hà là một trong số ít gia đình khá giả. Ngoài quán cà phê, nhà còn xe lam chở khách chạy đường Gia Ray—Xuân Lộc. Vì thế đám tang cô Hà đã rộn lên cả một khu chợ và có lẽ linh đình nhất trong một năm qua, đầy người thăm viếng mà tiếng khóc than cũng nhiều.

Thường là người cuối cùng ra khỏi nghĩa địa. Trên đường ra phía hướng lộ, anh đi chậm lại sau hai cậu thanh niên khoảng 18, 20, khi nghe mấy tiếng: “Vụ này chắc khá, cả năm mới được một lần,” rồi cả hai cùng cười. Tới gần ngã ba hướng lộ, hai cậu đi vào quán cà phê. Thường

dừng lại lưỡng lự một lát, rồi cũng bước vào quán. Anh gọi một ly cà phê nhỏ và 4 điếu thuốc Hoa Mai, ngồi lặng lẽ nhìn những con ruồi đậu ngổn ngang trên mặt bàn gỗ tạp. Nghe hai thanh niên đầu bù, tóc dài gần phủ vai đùa cợt với cô bán quán, anh đoán đây là những tay la cà quán xá quanh vùng, nhưng chưa từng gặp. Thường theo vào đây là muốn nghe thêm câu chuyện, nhưng cả hai không nói gì thêm liên quan đến câu nói ở ngoài đường. Mãi tới khi họ ra khỏi quán, anh mới nghe cậu tên Vũ nói với cậu tên Hưng (biết tên qua sự xưng hô của cô quán):

“Chiều nay qua tao, nhớ kêu cả thằng Nhã.”

Cô quán ngồi cầm cúi đọc tiểu thuyết. Thường cũng im lặng nhìn qua rẫy bắp về hướng nghĩa địa. Câu nói của hai thanh niên nhắc anh về nạn đào mộ mới để lấy quần áo và đồ liệm, đã xảy ra nhiều lần ở vùng này. Cảnh nghèo khó đã biến đời sống thành khổ nạn của nhau. Chỉ sau chiến tranh khoảng một năm, người ta đã khổ về chuyện mất cắp từng chiếc quần đùi phơi hờ hênh, nuôi heo phải làm chuồng trong bếp, mùa rẫy phải đi canh. Tới nay thì người chết và tang gia không yên vì nạn đào mộ. Nghe lời của hai cậu thanh niên, linh tính báo cho anh biết là cô Hà sẽ không yên với thứ nạn này.

Thường lên tiếng hỏi cô quán:

“Cô Thanh này, cô ở đây lâu chắc biết nhiều về nạn đào mộ?”

Cô quán ngược lên trả lời:

“Cháu cũng chẳng biết gì hơn người khác. Khi việc xảy ra thì người ta đồn nhau, rồi ít ngày lại quên hết.”

Thường hỏi:

“Hơn một năm qua, có lẽ tới 4, 5 vụ, thế cô không nghe người ta nghi cho ai à?”

Cô cười:

“Nghe thì nhiều, nào đám thanh niên buồn than, đám du đặng, cả mấy ông du kích nữa. Nhưng chỉ nói vậy thôi, chứ đâu có chứng cứ gì.” Cô ngừng một lúc, rồi nói thêm: “Sau mỗi vụ

đều có cuộc họp dân ở khu A, cháu có đi họp mấy lần, nhưng chỉ nghe gia đình nạn nhân khóc lóc, than phiền. Người ta bàn cãi tùm lum, rồi đi về là hết chuyện.”

Thường hỏi:

“Họp như vậy mà không đưa ra giải pháp nào à?”

Cô quán nhìn Thường tỏ vẻ ngạc nhiên:

“Trời đất ơi! Chú tưởng người ta quan tâm đến chuyện người chết à. Quan họ đi quần lại cũng chỉ nhắc đến trách nhiệm của mấy cậu du kích. Nhưng du kích nào lo mấy chuyện này. Chúng nó còn là tổ sư ăn cắp nữa.” Thấy Thường trầm ngâm, cô nói: “Chuyện trời đất, hơi đâu mà lo chú. Chính quyền giữ không nổi thì gia đình người chết phải giữ lấy.” Cô chép miệng: “Thời buổi gì, sống khổ mà chết cũng không yên.”

2

Ở tù ra, Thường về khu kinh tế mới Gia Ray theo địa chỉ của người em gái. Nhưng về đây được ít tháng thì gia đình người em di chuyển sang Lăng Minh, nên anh ở lại một mình làm rẫy trên 5 sào đất người em để lại. Căn nhà lá vách gỗ bìa, từ ngày anh ở, đã thay đổi hẳn. Anh đổ nền cao lên và làm thêm hàng hiên. Quan họ nhà, anh trồng cây dâm bụt làm giậu, trong sân trồng nhiều thứ cây thuốc nam như ngải, gừng, tía tô, nghệ, mã đề, rau đắng và sả. Việc theo mấy ông bác sĩ cải tạo chữa bệnh cho bạn tù đã giúp anh có một số kinh nghiệm về định bệnh cho thuốc. Khi về đây, anh đã phối hợp cả thuốc nam (cũng học trong tù) với thuốc tây, chữa bệnh cho một số đồng bào quanh vùng trong hoàn cảnh vật lộn với nắng mưa mà thiếu thuốc. Nhưng cũng do chuyện chữa bệnh mà anh đã cứu được một thiếu niên bị trúng đạn.

Đêm ấy, cách đây gần một năm, nửa khuya có người vừa khóc, vừa đập cửa kêu:

“Chú Thường! Chú Thường! Làm ơn cứu con tôi với, chú ơi!”

Khi Thường mở cửa, người khóc cầm lấy tay anh:

“Chú ơi, thằng Tân nhà tôi bị bắn sắp chết.”

Thường kéo người phụ nữ vào nhà, vắn to đèn, rồi nói:

“Chuyện thế nào, chị bình tĩnh cho tôi rõ đầu đuôi.”

Chị vừa khóc, vừa nói:

“Cháu nó chết mất chú ạ. Trời đất ơi!”

Thường phải nhắc lại:

“Chuyện ra sao, chị phải nói rõ, tôi mới biết phải làm gì chứ.”

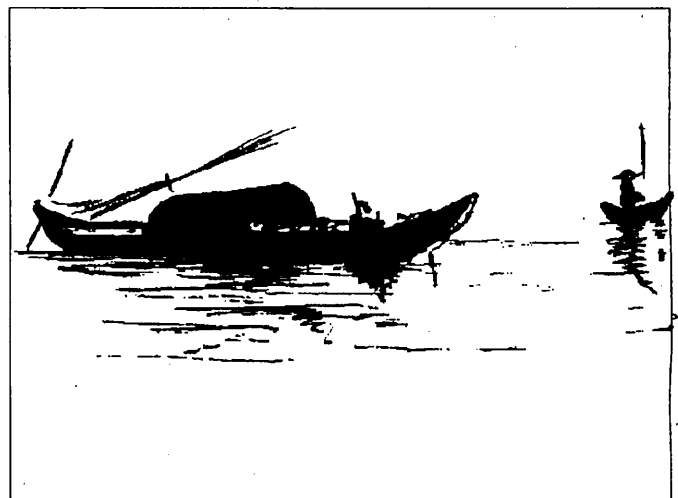
Hình như chợt tỉnh, chị lấy tay áo lau mắt:

“Tôi đang ngủ, ông Ba Chấn, đội trưởng du kích, gọi tôi dậy, bảo: ‘Thằng Tân lên vào nhà tôi ăn cắp gà. Tôi đã bắn nó bị thương, sang mà đem về.’ Chú ơi, cháu nó bị bắn vào bụng. Ruột đổ ra một đồng.”

Nghe đến đây, Thường mặc vội cái áo, tháo chiếc võng ny-lông, vợ túi thuốc đeo vào người, nói nhanh:

“Thôi, đi chị.”

Khi Thường đến thì thằng Tân mắt vẫn mở, nhưng đã thất thần. Mấy chục gia đình quanh xóm, người đứng kẻ ngồi trên bãi cỏ đằng sau nhà Ba Chấn. Trong tiếng thì thầm bàn tán, có lẫn tiếng khóc của mấy phụ nữ. Dưới ánh sáng



leo lét của mấy ngọn đèn dầu hỏa, Thường tìm cách đẩy vào bụng cậu bé phần ruột lòi ra ngoài, dùng thuốc tím lau sạch quanh miệng vết thương, rồi lấy chiếc khăn dài của bà mẹ buộc chặt quanh bụng Tân. Xong việc, anh nói với mọi người:

“Phải đưa cháu đi bệnh viện Xuân Lộc ngay bây giờ thì may ra mới có thể cứu được, nhưng làm cách nào đưa đi bây giờ?”

Một người nói:

“Đem nó lên nhờ xã.”

Có tiếng phản đối:

“Giờ này, đâu có ai ở xã. Gọi được các ông ấy cũng phải tới sáng mai.”

Một người khác đề nghị:

“Đến nhờ ông Bảy xe lam.”

Nghe thế, Thường nói như reo lên:

“Phải đấy, tôi đem theo chiếc võng đây. Cô bác buộc võng vào một thanh tre dài, rồi khiêng cháu tới nhà bác Bảy.”

Đoàn người phải chờ tới hơn 15 phút, ông Bảy mới càu nhàu mở cửa. Ông ngạc nhiên khi nhìn thấy đám đông đứng đầy trước nhà, nhưng sau khi nghe Thường trình bày sự việc và ngó ý thì ông nhìn đám đông và nhìn người nằm trên võng, rồi lắc đầu nói:

“Phải để đến sáng thôi, chứ giờ này đi không được. Công an, du kích ở Ông Đồn sẽ hỏi rắc rối. Chưa chắc họ đã cho đi.”

Một bà nói lớn:

“Người sắp chết đem đi cứu. Hỏi gì, rắc rối gì?”

Ông Bảy xằng giọng:

“Tới đó mà cãi. Còn bây giờ tôi đi không được.”

Nói xong ông ta quay vào.

Nhưng bỗng có tiếng nói:

“Ba không chở, để con chở.”

Người mới lên tiếng là cô Hà, con gái ông Bảy và là chủ quán cà phê Bông Giấy (gọi như thế, vì trước quán có giàn bông giấy đỏ thắm).

Vừa bước vào nhà cô vừa nói:

“Cô bác chờ cháu nhe.”

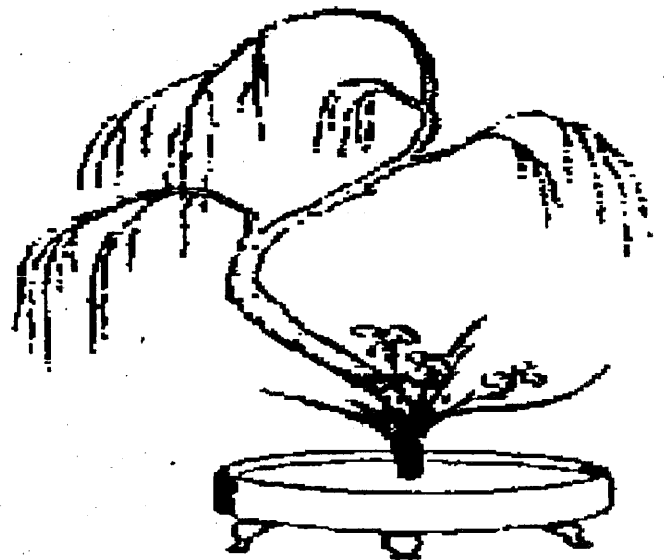
Khi cô Hà lái xe lam ra đường, ông Bảy cũng bước ra theo, giọng đău dậu với con gái:

“Thôi để tao lái, còn mày đi theo xem công an hỏi gì thì liệu mà trả lời.”

Thế là nhờ cô Hà mà Tân được cứu sống, còn Thường thì trở thành khách thân của quán Bông Giấy.

Sáng nay, nhìn đất ướt trên ngôi mộ mới, Thường hình dung lại nụ cười tươi của cô gái mỗi lần anh bước vào quán. Nay thì nụ cười ấy đã biến mất trên thế gian. Cô đã yên nghỉ. Nhưng thế gian nghèo khó sẽ không để cô yên. Nghe chuyện cô quán Thanh, rồi nghĩ đến đời sống bầm dập, đầu tắt mặt tối ở vùng này, anh thấy thật vô phương. Lòng người đã đến thế thì lấy gì ngăn cản. Giải pháp canh giữ nếu có, cũng chỉ là cách tạm thời của gia đình nào có nhiều người, nhưng hình như đó chỉ là lời nói, chứ thực sự chưa có gia đình nào dám làm.

Trời đã về chiều. Thường bồn chồn nghĩ đến thời gian và sự bất lực của hoàn cảnh. Nhưng khi nhìn vào cái chuông đặt trên miếng ván kê giữa nhà, anh bỗng nảy ra một ý, và như reo lên trong lòng: “Tiếng chuông có thể giải quyết chuyện này!”



Anh đứng dậy, thỉnh mấy hồi chuông, lắng nghe tiếng ngân vang xa, rồi gật đầu nhìn ra ngoài trời âm u, lác đác có giọt mưa tạt vào vách.

3

Trong ánh trăng lu, lúc mờ lúc biến mất theo những đám mây bay, ba bóng người xuất hiện từ phía rẫy bìa rừng, đi nhanh tới ngôi mộ mới mai táng sáng nay. Họ thì thầm một lúc, rồi một tên đi ra phía trước nghĩa địa. Hai tên ở lại bắt đầu đào đất. Tiếng chân đạp vào mai và sừng tạo thành những âm thanh sột soạt mỗi lúc một nhanh. Mây đã che ánh trăng. Những cơn gió thổi ào ào qua bụi cây từng chập, với tiếng chó tru ở phía xa. Khoảng 20 phút sau, một tên nói:

“Gần tới rồi. Mày đem theo mấy xà beng?”

Tên kia trả lời:

“Hai.” Nhưng sau tiếng hai, bỗng tên này la thất thanh: “Ma! Ma!” rồi quăng sừng lao đầu chạy.

Tên thứ hai quay lại, kêu hự lên một tiếng, cũng quăng mai chạy thục mạng.

Liền đó là những tiếng hú lạnh lạnh phát ra từ ngôi mộ như đuổi theo chúng.

4

Vừa bước vào nhà, Tân, cậu bé chịu ơn cô Hà, đã liến thoắng:

“Chú ạ, đêm rồi, thằng Vũ, thằng Hưng và thằng Nhã tới đào mộ cô Hà, cô đã hiện lên vật ngã hết.”

Thường hỏi:

“Sao cháu biết?”

Tân nói:

“Cháu theo người ta tới mộ ngay lúc đó mà.”

Thường nói:

“Chuyện lạ nhỉ. Kể lại chú nghe coi.”

Tân nói:

“Thằng Nhã kể lại là khi nó đang đứng gác ở ngoài đường thì nghe tiếng la và tiếng hú, rồi thằng Hưng lao ra bỏ nhào xuống rãnh. Nó sợ quá vừa chạy ra đường cái vừa la. Du kích nghe tiếng la, chặn lại, bắt nó trở vào nghĩa địa.”

Thường hỏi:

“Chuyện xảy ra trong đêm, sao cháu nghe được?”

Tân cười:

“Trời đất ơi! Người ta gọi nhau âm ĩ từ khu A đến khu B. Khi cháu đến thì người ta đã vây quanh mộ cô Hà. Mộ bị đào lên hết, nhưng chưa tới áo quan. Thằng Hưng té gãy chân, còn thằng Vũ nằm chết giắc cách đó mấy cái mộ. Lúc cháu còn ở đó, người nhà đã đến khiêng chúng về. Sáng nay cháu nghe nói thằng Vũ đang đau và nói lảm nhảm. Thật đáng kiếp. Hai thằng này có sống thì cũng tởn đến già.”

Nghe Tân kể, Thường gật gù, rồi nói:

“Cô Hà lúc sống cũng như lúc chết. Thế là cô ấy đã giúp người sống trừ nạn đào mộ.”

Khi Tân về rồi, Thường đứng dậy đốt nhang, thỉnh mấy hồi chuông. Nghe tiếng chuông ngân, anh mừng là mình đã thấm nhuần tiếng chuông ngân.

Đạo Phật là đạo giải thoát. Ai cũng hiểu như thế, nhưng cảm được và sống được với hương vị giải thoát thì lại tùy căn cơ từng người và tùy cảnh ngộ. Theo cảm nghiệm thì Thường thấy ở trong những nghịch cảnh, gian nguy, khổ ải, người ta dễ cảm được chất giải thoát này, và mỗi người, cũng lại có thể do căn cơ, đã nương vào, hương vị giải thoát này ở một số phương tiện nào đó. Riêng Thường thì từ thuở thiếu thời, anh đã thấy được hương vị giải thoát ở tiếng âm vang trầm trải dài của tiếng chuông chùa. Rồi đến thời gian chiến tranh thì anh nghiệm là tiếng chuông đã giúp anh tìm được sự bình thản, nhẹ nhàng trong những ngày lặn lội ở trận địa. Trạng thái này đã đến dần theo thời gian. Nhưng một lần anh cảm nghiệm sâu xa nhất là ở một

ngôi cổ tự đổ nát trên chiến trường phía bắc Thừa Thiên vào những ngày sau Tết Mậu Thân. Buổi chiều đó, Thường cùng đại đội ngồi bên cạnh hồ sen trước chùa, chờ đến giờ di chuyển tới địa điểm khác thì tiếng chuông ngân lên. Tiếng chuông và màu sen nở hình như đã đem lại một hương vị sống lung linh cho cả một vùng làng mạc tiêu điều, hoang vu. Theo tiếng chuông ngân và nhìn hoa lá sen lay động, Thường buột miệng hỏi mấy binh sĩ ngồi cạnh:

“Nghe tiếng chuông trong cảnh này, các cậu thấy thế nào?”

Có lẽ câu hỏi bắt nguồn từ tâm cảm khó trả lời, nên mấy binh sĩ chỉ nhìn anh im lặng. Cuối cùng một cậu lên tiếng:

“Em có cảm tưởng như mình đang sống trong cảnh thanh bình. Chùa làng em cũng có một hồ sen như thế này, nhưng nhỏ hơn.”

Thường mỉm cười:

“Tôi cũng có ý nghĩ như cậu. Sống yên bình như tiếng chuông, như màu sen kia ai cũng muốn, nhưng chuyện thế gian lại đi ngược lại lòng người.”

Từ buổi đó, trên đường hành quân, ngồi hút thuốc bên những dòng sông hay trên núi đồi trong những chiều lửa đạn vùng hỏa tuyến Trị Thiên, Thường đã tìm được sự yên bình trong âm hưởng của tiếng chuông. Rồi âm hưởng an bình ấy lại vực Thường dậy qua những năm tù dài đói khát và bệnh tật. Trong mấy năm tù cuối cùng, trước khi được thả, trại tù của Thường ở gần một làng ven rừng, nên anh lại được sống với tiếng ngân của chuông từ một ngôi chùa hay từ một nhà dân giả nào đó. Vì thế, thức sớm để nghe tiếng chuông từ xa lọt vào nhà giam lại trở thành một nếp sống của Thường. Một bạn tù nằm cạnh, có lần hỏi:

“Hình như anh có một xúc cảm gì đó, khi nghe tiếng chuông?”

Thường trả lời:

“Anh bén nhạy nhỉ. Tôi nghe chuông để tìm

sự an nhiên, để vượt qua đời sống tàn nhẫn, bầm dập này.”

Người bạn hỏi lại:

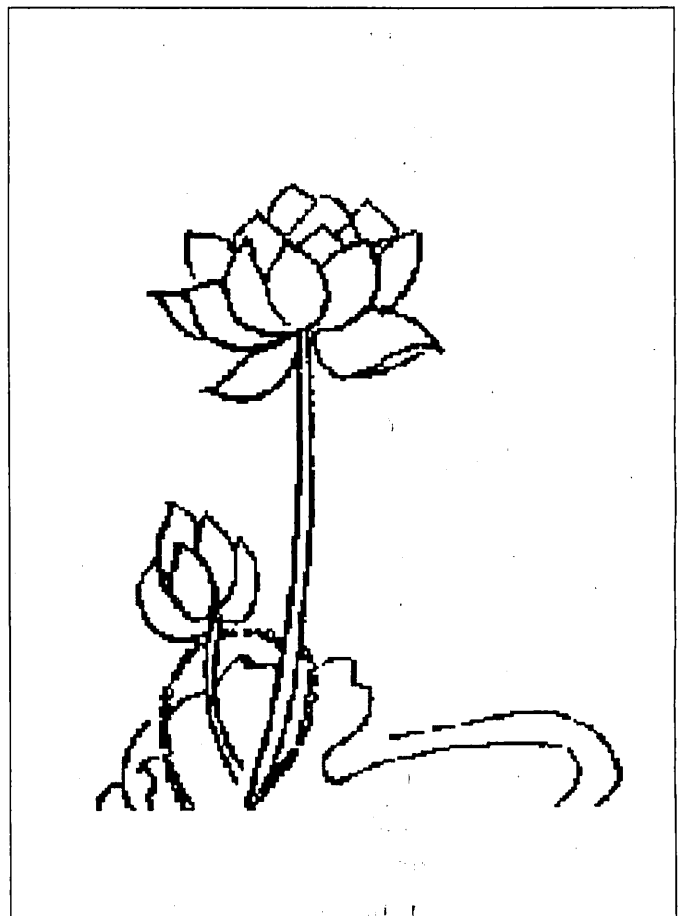
“Nhưng nếu ở một trại khác thì sao?”

Thường cười:

“Ở đây thì nghe âm thanh, còn ở nơi khác thì nghe âm hưởng. Vì tiếng ngân của chuông đã theo tôi trong suốt cuộc chiến.”

Khi ra khỏi tù, về vùng kinh tế mới này, Thường đã mua được một cái chuông ở hàng đồng nát bên ngoài chợ Xuân Lộc. Từ đó, căn nhà lá có nhiều loại hoa bên ven rừng đã vang lên những hồi chuông ngân sớm chiều.

Chuyện giả làm ma đêm qua cũng bắt nguồn từ ý định dùng tiếng chuông để giải trừ nạn đào mồ, nhưng Thường mừng là đã thay đổi kịp thời cách làm để dân làng do việc này sẽ nói đến sự hiển linh của cô Hà, mà không đồn đãi về tiếng chuông ma quái ở trong nghĩa địa. ■



Nhân Quả Thế Gian

THIỆN BỬU

(tiếp theo)

— Có người ngu dần u mê cũng do từ nhiều nhân duyên hợp lại. Có thể người đó đã từng làm thú liên tiếp mấy đời rồi mới sanh lại làm người. Hoặc đã đốt sách Phật, xé kinh, phỉ báng Tam Bảo, lừa dối lương gạt người, giấu giếm điều mình biết, giải thích sai lạc sự thật, nguy giải kinh điển, giả tạo Phật chế.

* Tôn giả Châu Lợi Đà Đặc là vị A La Hán thời Đức Phật tại thế. Trước khi chứng được thánh quả, Tôn giả là người có trí tuệ kém cỏi, học một bài kệ ngắn đến mấy tháng cũng không thuộc. Sau này có người hỏi nguyên nhân thì được Đức Phật bảo: Thuở quá khứ, Tôn giả là một Pháp Sư tài giỏi, nhưng không nói hết những điều mình biết vì sợ người hơn mình, nên đời nay cảm quả báo phải tối tăm một thời gian.

— Cái Nghiệp Tà Dâm. Nghiệp này chịu quả báo đáng sợ. Cái mê mẩn của tham dục luyến ái là cái gốc đưa chúng sanh đến đau khổ triền miên bất tận. Nếu không phạm tà dâm với người ngoài nhưng còn nghiệp ái dục là còn mầm gốc sanh tử tử sanh ngu si tội lỗi vẫn chất chứa chờ đợi sanh khởi để sai sử người tạo ác. Phạm tà dâm là cảm quả báo làm thú, loại thú không biết hổ thẹn tầm quý phơ bày giao cấu lộ liễu. Nếu quá nặng thì phải bị đọa địa ngục, nếu có được trở lại thân người thì phải làm thân nữ ở chốn lầu xanh!

— Làm người mai mối tác hợp nam với nữ

hoặc nữ với nam, sẽ cảm quả báo bị ái dục nung nấu thúc bách không yên.

Xin tha thiết lưu ý người tu Phật phải giữ giới thanh tịnh, đừng bao giờ làm việc đại dột này.

— Người viết sách, tiểu thuyết dâm ô đồi trụy, kích thích dâm dục, diễn tả ái dục để lôi cuốn độc giả, sẽ cảm quả báo địa ngục.

— Người chuyên hát những bài tình tứ lãng mạn, ca ngợi yêu đương ái dục khiến người nghe mê say chìm đắm tình cảm, trở nên kém cỏi trí tuệ, yếu đuối lý trí, mơ màng kích thích tình dục, thì cả soạn giả, thính giả, người ca hát đều cảm quả báo đọa lạc vào những loài tối tăm nhiều luyến ái.

— Một vị cao tăng có đặt một gốc cây khô tại Chùa, được đặt tên là “Si Ái Triền Miên”. Lạ kỳ gốc cây này có hai nhánh song đôi hợp thành một, nhánh trên nhánh dưới kết hợp với nhau. Ngài giải thích đây là vô lượng kiếp về trước có một đôi nam nữ thương yêu nhau rất sâu đậm, cả hai đồng phát nguyện rằng: “Tại thiên, nguyện tác tử dục điếu. Tại địa, nguyện vi liên lý chi,” có nghĩa là: Nếu sinh lên trời thì làm đôi uyên ương hai cánh liền nhau; nếu sinh dưới đất thì nguyện làm gốc cây liền cành.

Đôi nam nữ này rất ư chung tình, kết làm chồng vợ. Cả hai đều có sở thích giống nhau là ham tiền. Người đàn ông thì tham tiền, còn người đàn bà thì thích phung phí tiền. Vì quá tham lam nên cái tội nghiệp cũng hết sức sâu dày. Đời đời kiếp kiếp sanh ra trầm luân đọa lạc, cuối cùng phải bị đọa địa ngục rồi trở thành ngạ quỷ súc sanh. Lời phát nguyện ấy đã biến đổi vợ chồng này thành thảo mộc: Cái gốc cây đáng lẽ gồm có hai nhánh gốc, nhưng nó lại sanh trưởng cùng một chỗ nên mãi mãi ràng buộc với nhau không xa lìa. Cái nhánh bên trái bao quanh trùm lấy nhánh bên phải. Cái nhánh bên phải cũng nhào sang ôm sát lấy nhánh bên trái, giống như đôi nam nữ ôm sát nhau. Như vậy thấy rõ

rằng đôi nam nữ này tập khí ái tình si mê hạ liệt bao kiếp rất là sâu đậm. Nay đã hình thành loại thảo mộc mà cũng không buông bỏ được lòng si ái đó. Nhìn thấy gốc cây đó không cầm lòng thương xót. Như thế tình yêu càng sâu đậm thì càng nguy hiểm! Nhưng người đời có mấy ai tin?

Cái phương pháp tránh rơi vào cảnh thương tâm đó là tu thanh tịnh. Không phải người đời không biết lý ấy, nhưng vẫn phạm là vì chẳng chịu tu tĩnh để dứt bỏ tập khí của nhiều kiếp đó. Nếu chúng ta khuyên họ rằng thôi bỏ đi những thứ luyến ái tham dục đó để tu là điều cao quý, thì chắc chắn họ sẽ cố chấp không muốn quay đầu lại. Cho nên:

“Thiên vũ tuy khoan, nan nhuận vô căn chi thảo

Phật môn tuy quảng, nan độ bất tín chi nhân.”

Nghĩa là: Trời mưa tuy rưới khắp, khó tưới nhuận cây cỏ không gốc; cửa Phật tuy rộng lớn, khó độ đặng kẻ chẳng lòng tin.

— Chỉ nên hát những lời ca ngợi đức hạnh, tuyên dương giáo pháp, trọng Phật kính Tăng, gợi tâm cao thượng cho người đời, sẽ cảm quả báo đẹp đẽ nghiêm trang sanh về cõi lành, danh thơm đồn khắp.

— Người hay nói lời ly gián chia rẽ, sẽ cảm quả báo sút môi, môi bị chẻ đôi, sống đời cô độc.

— Người mê thích danh vọng tiền bạc tranh giành địa vị quyền lợi, xem thường khinh khi mọi người, sẽ cảm quả báo hạ liệt đê tiện hèn hạ.

— Người khiêm cung hòa nhã lễ độ nhường nhịn tôn trọng mọi người, sẽ cảm quả báo được phước lớn có địa vị cao.

— Người biết che giấu điều dở của người khác, chỉ bày cái hay, sẽ cảm quả báo đẹp đẽ tài hoa danh tiếng và dễ dàng thành công.

— Người biết im lặng nhún nhường ít nói mà khi nói ra thì ai ai cũng ưa thích quý mến,

không khoe khoang khoác lác cho cái tốt của mình, sẽ cảm quả báo phước tích chứa không bị tổn hại.

Trên cuộc đời tương đối này cũng có những trường hợp một việc được phước ở khía cạnh này, nhưng lại có tội ở khía cạnh khác.

Ví dụ:

— Người chiến sĩ cầm súng giết kẻ thù (tội) để bảo vệ quê hương đồng bào (phước).

— Người nông dân xịt thuốc giết sâu rầy (tội) để làm ra lúa gạo cho mọi người dùng (phước).

— Người hiệp sĩ hạ một tên cướp để cứu đoàn du khách.

— Lương y bào chế thuốc trị bệnh từ mạng sống một số động vật.

— Thầy giáo la rầy quở phạt, đôi khi đánh học trò, để nó cố gắng học.

— Bác sĩ giết con thú để thí nghiệm tìm phương pháp chữa bệnh cho người.

— và v.v...

Rất nhiều trường hợp mà Tội - Phước cùng thành lập một lúc và thừa quý độc giả Quả báo sẽ đến cả hai tội phước như vậy. Chúng ta hãy cân nhắc tội phước để làm một việc gì đó để được “lợi” hơn, phước lớn hơn tội.

Luật Nhân Quả có thể chuyển đổi Tội hay Phước tăng hay giảm. Một nắm muối “tội” bỏ vào một tô nước “phước” thì quá mặn không uống được. Một nắm muối “tội” bỏ vào một lu nước “phước” thì tạm tạm uống được. Một nắm muối “tội” bỏ vào một ao nước “phước” thì kể như không có gì.

Chúng ta đã từng gây biết bao tội từ nhiều kiếp cho đến nay. Đó là điều hiển nhiên, nhưng nếu tạo cho mình một hồ nước “phước” lớn lao, thì tội lỗi sẽ được hóa giải.

— Người gây duyên lành với nhau, đời khác gặp lại vừa trông thấy mặt nhau là đã có thiện cảm rồi. Ngược lại đã tạo ác với nhau, khi gặp lại liền sanh ác cảm.

— Người có duyên luyện ái với nhau nhiều đời, khi gặp lại nhau là tình xưa bộc phát ngay mà ngôn ngữ thế gian gọi là “tiếng sét ái tình.”

— Người giết hại các loài thú như heo, bò, trâu, dê, ngựa, chó, khỉ v.v... các loại này một khi trở lại thân người, sau này kẻ giết hại kia sẽ phải bị rơi vào cuộc đấu tranh ác liệt với những kẻ thù mới được thành người. Do đó, tùy theo Phước mà phải đền nợ nhiều hay ít không tránh khỏi.

— Đốt cháy núi rừng cây cỏ làm chết nhiều chúng sanh, sẽ cảm quả báo chết cháy, bị phỏng thân thể, người thú không ưa.

— Người muốn tự tử theo cách thức nào đó là tùy ở nghiệp lực đã gây nên. Nếu giết chúng sanh bằng cách nào thì về sau tự tử cũng theo cách đó.

— Đời trước thông thạo ngành nghề gì thì đời nay cũng y theo đó mà phát triển. Hiện tượng thần đồng, đứa trẻ từ nhỏ đã xuất sắc các môn của người lớn là do kiếp vừa qua đã nghiên cứu tài giỏi.

— Rất tài giỏi một hay nhiều ngoại ngữ là do kiếp trước làm người của nước đó nay sanh qua nước khác, hoặc đã từng học nhiều ngoại ngữ tài giỏi kiếp trước.

— Người sống thâm lặng ít quấy rầy ai, ăn nói khiêm cung từ tốn lễ độ, mỗi khi người ấy xuất hiện thì khiến cho những người khác hân hoan an ổn, sẽ cảm quả báo có nội tâm thanh thản.

— Người bị điên loạn là do tích chứa nhiều tư tưởng ác độc tội lỗi, hoặc phỉ báng Hiền Thánh, hoặc thiêu hủy kinh sách đạo đức, hoặc tà dâm quá độ, hoặc giết hại chúng sanh quá nhiều, hoặc làm tan nát điều linh người khác. Vì vậy, muốn cứu giúp người điên loạn thì phải kiên nhẫn hướng dẫn họ làm rất nhiều việc phước thiện, hy sinh rộng rãi cho mọi người, bỏ dần thói quen độc ác vị kỷ, thì tâm trí họ sẽ dần dần bình tĩnh trở lại.

— Càng về già càng có sắc diện thanh tao tốt đẹp là do trong đời hiện tại người ấy biết tạo phước báu vô lượng, đến khi lâm chung sẽ về nơi lạc cảnh.

— Đang khỏe mạnh bình thường, bỗng nhiên ngã ra chết đột ngột nhanh chóng ít đau đớn, đó là do nghiệp ít phước nhiều, được sanh về chỗ an vui.

— Trước khi chết phải trải qua tình trạng lặn lội u ám tối tăm hôi hám bệnh hoạn, là do hiện đời tạo tội quá nhiều, chết về cảnh khổ.

— Khi sống làm võ sĩ đấu đài cho chủ này phe nọ để kiếm sống, chết sẽ làm thân con gà chọi để trả nợ.

— Người hay nuôi chim trong lồng, cá trong chậu, sẽ cảm quả báo ở tù vô cơ, nhưng ở tù không đến nỗi quá cực khổ.

— Người đến Chùa làm công quả, bề ngoài tỏ ra rất tích cực không quản ngày đêm, nhưng trong thâm tâm là vì danh vì lợi, ăn xén của Chùa, lấy cắp đồ vật của Chùa, ăn nói vô duyên kênh kiêu cống cao ngã mạn, xem thường các Tăng Ni chân tu đạo hạnh, bán rao, coi rẻ bạn đạo... Những người này không thật tâm bố thí, cúng dường hộ trì Tam Bảo. Sẽ thấy rõ mặt thật người ấy và quả báo sau này như thế nào rồi!

NHÂN HOA QUẢ CỎ

— Sư Phụ chúng tôi có kể chuyện được Phật tử cho ít giống hoa. Thầy đem gieo gần Đài Quán Thế Âm lộ thiên. Thời gian sau nơi ấy chỉ thấy cỏ mọc đầy còn hoa thì không thấy cây nào. Thầy ngạc nhiên tự hỏi tại sao Nhân hoa lại ra Quả cỏ, Thầy đến vạch cỏ thấy có đường kiến di chuyển. Thầy theo dấu đàn kiến bò cho đến hang kiến mới khám phá hạt giống hoa bị đàn kiến tha hết đem về tổ làm kho lương thực.

Kể chuyện đó, Thầy bình phẩm rằng có những Nhân lành chúng ta gieo không thành Quả vì có nhiều Duyên khác phá hoại mà chúng

ta không biết.

Một bà nuôi thêm một đứa con nuôi, đến lớn nó phản bội bà. Bà rất ngạc nhiên vì quá báo kỳ lạ này. Sau khi nghe Thầy giải thích điều trên, bà tự xét và tìm ra nhiều con kiến nhỏ đã phá hư việc tốt của bà. Đứa con nuôi đó được bà thương yêu y như con ruột, nhưng các quyền lợi thì lại luôn luôn bị các con ruột của bà tìm cách tranh giành hết mà bà không hay biết gì cả! Sự bất mãn đó âm ỉ kéo dài bao năm tháng cho đến khi nó đủ lông đủ cánh.

Có khi chúng ta gieo nhân bố thí nhiều, nhưng song song theo đó chúng ta thường gây nghiệp sát sanh không ít, cho nên khiến quả báo lành bị tắc nghẽn không làm sao phát sanh ra được.

— Trong trứng gà trứng vịt do có trống sanh thì đã có thần thức chúng sanh rồi, thế mà đem chiên luộc hay đập bể đều bị tội.

— Rượu làm điên loạn tâm não con người. Tự uống thì tự mình gây hại cho mình đã đành, lại còn mời rượu cho người khác uống và buôn bán rượu, sẽ cảm quả báo si mê điên loạn, có thể đi đến thảm kịch giết người. Nếu mình có phước trí không bị si mê rượu thì cũng phải chịu quả báo bị hành hạ bởi người thân điên loạn vì say rượu.

— Nếu cùng nhau tùy hỷ nhúng tay vào nghiệp giết hại sẽ chiêu quả báo chết tập thể trong một tai nạn giao thông, hoặc chết tập thể vì bom đạn hay hỏa hoạn.

— Tùy theo phong tục tập quán tánh tình hành vi chung của một quốc gia, khiến có thể bị thiên tai ngập lụt, hạn hán, giông bão, động đất, các chứng bệnh thời đại nan y v.v... hoặc được lợi lớn như trúng mùa, kinh tế phát triển, sản xuất rất nhiều hàng hóa mà vẫn không đủ cung cấp cho nhu cầu trong nước cũng như ở ngoại quốc, thời tiết mưa thuận gió hòa, dân chúng an lạc âu ca, nhà nhà hạnh phúc ấm no... Đây là do đạo đức chung của một dân tộc cảm thành.

— Chiến tranh là đại nạn cho một quốc gia hay cho cả thế giới, thế mà chiến tranh vẫn luôn luôn xảy ra hầu như không ngừng nghỉ, do vì con người càng ngày càng giết thịt quá nhiều.

Thái bình thật sự vững chắc chỉ khi nào mỗi con người chấm dứt nghiệp sát sanh. Nhưng thưa quý độc giả, cái thế giới Ta bà này đến bao giờ mới trở thành tịnh độ? Vậy thì già trẻ bé lớn chúng ta còn chần chờ gì nữa mà không sớm mau thức tỉnh quay về nương tựa Phật Pháp Tăng?

Thực tế chúng ta thấy, dầu ở một quốc gia nào bị chiến tranh khói lửa chết chóc, hoặc ở dưới một chế độ tàn độc, cũng vẫn có nhiều người thức tỉnh biết ăn chay, không mang nghiệp giết hại, biết cúng dường hoặc bố thí giúp đỡ kẻ khổ đau. Tuy chiến tranh áp bức, họ vẫn sống trong môi trường thanh tịnh an lành, không chứng kiến cảnh bom rơi đạn nổ, không thấy xác người chết.

Trong nhà Phật gọi đây là “Biệt Nghiệp” trong “Cộng Nghiệp.”

TÙY HỖ

— Thấy người khác làm việc thiện, chúng ta vui vẻ tán thán sẽ tích được phước lớn. Chỉ có tâm tùy hỷ thôi cũng được thiện lạc rồi. Từ cái Nhân tùy hỷ khiến chúng ta sẽ làm được nhiều việc thiện tương tự. Ngược lại, nếu chúng ta khởi tâm đố kỵ việc lành thiện của người khác, sẽ chiêu nghiệp đáng kể, khó thành công các việc làm, biểu lộ gương mặt khó nhìn, tự chuốc lấy khổ đau chồng chất.

Cái Nhân thiện thành hình do chính mỗi chúng ta tự làm, hoặc khuyến khích bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm mà sanh tâm tùy hỷ. Bậc cha mẹ nếu không tự làm, nhưng đã khuyên bảo khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho con cái làm việc thiện thì cả nhà đều chung hưởng phước lớn.

— Thấy một người đang thọc huyết con thú, nhiều người khác chạy đến góp ý kiến trợ giúp tùy hỉ, thì sẽ bị quả báo cùng chung.

— Người hiểu biết Nhân Quả, khi nghe chuyện chiến tranh sát hại nên bỏ qua không hề khởi tâm thích thú vui mừng với phe thắng trận, cũng không oán hận giùm cho kẻ chiến bại, vì cái tâm đó sẽ dẫn ta vào đấu tranh.

— Không những thấy người tạo công đức ta tùy hỉ, mà thấy người thành công kết quả, ta cũng nên tùy hỉ. Không nên đổ kỵ ganh ghét đau khổ sẽ bị cảm quả báo khó thành công.

Tùy hỉ là đức hạnh của con người có tâm hồn bao dung quảng đại. Do có lòng bao dung quảng đại nên Phước của họ không nhỏ. Từ cái tâm tùy hỉ (thiện) cũng đã là một niềm hạnh phúc ngay hiện tại rồi.

Ở phần cuối của Kinh Hoa Nghiêm, trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Đức Phổ Hiền tuyên bố nơi hạnh Tùy Hỉ Công Đức như sau:

“Lại nữa, nầy thiện nam! Hạnh Tùy Hỉ Công Đức nghĩa là: Như có Chư Phật nhiều như số bụi rất nhỏ của tất cả cõi Phật Pháp Giới, khắp hư không giới, khắp mười phương, suốt ba đời chung góp lại, từ lúc mới phát tâm vì cầu nhất thiết trí nên siêng năng tu tập tích lũy phước lành, chẳng tiếc thân mạng. Trải qua số kiếp nhiều như số bụi rất nhỏ của tất cả vô lượng cõi Phật góp thành. Cũng nhiều như thế, các Ngài đã làm tất cả những khổ hạnh khó làm, được viên mãn các môn Ba La Mật, được chứng nhập các địa của trí tuệ Bồ Tát, được thành tựu Phật quả vô thượng Bồ Đề cho đến nhập Niết Bàn phân chia xá lợi. Tất cả những thiện căn ấy ta đều tùy hỉ vui theo.

Cả đến các loài trong sáu đường, sanh ra trong bốn cách ở khắp mười phương thế giới có được công đức dù nhỏ như hạt bụi, ta đều vui theo tùy hỉ.

Tất cả các vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, hàng hữu học hoặc vô học ở khắp mười phương

suốt cả 3 đời có công đức gì, ta đều vui theo tùy hỉ.

Tất cả Bồ Tát siêng tu vô lượng khổ hạnh khó làm, thiết tha cầu công đức quảng đại nơi vô thượng chánh đẳng Bồ Đề, ta đều tùy hỉ.

Như thế dù cho cõi hư không tận, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh diệt, phiền não chúng sanh không còn, mà hạnh tùy hỉ của ta vẫn không hề dứt.”

Chỗ cảm động nhất là Đức Phổ Hiền đã dạy chúng ta Tùy Hỉ, dù công đức có nhỏ như hạt bụi. Thường thì chúng ta dễ bỏ qua không để ý đến việc tốt của người khác, nhưng lại thấy rất rõ chỗ dở của họ. Đôi khi chúng ta tỏ vẻ tưởng tượng thêm dẹt thêm lỗi lầm của người mà không chịu tìm thấy cái hay cái tốt của họ để tùy hỉ. Thấy người giàu sang danh vọng, ta liền moi móc đời tư quá khứ. Thấy người trí tuệ thông minh tài giỏi, ta liền biếm nhẽ dòng họ gia thế. Trong khi đó ta nhất định không chịu tự mình soi xét lấy mình, bởi vì cái nghiệp đã quá nặng khiến không có chút can đảm nào để tự soi xét mình, ngõ hầu vươn lên! Nhân Quả liền bắt đầu từ chỗ tác ý đó. Cho nên muốn xa lìa Ác Nghiệp để tạo Thiện Duyên thì phải can đảm kiểm điểm hành vi tâm niệm kỹ lưỡng, phải dứt trừ tham lam, sân hận và si mê. Chính do tam độc Tham-Sân-Si đã là mãnh lực ghê gớm sai sử lời nói và hành vi tạo nên vô số Ác Nghiệp.

Dẫu cho chúng ta có hiểu biết Nhân Quả đến mấy đi nữa mà không nhiếp phục nổi Tham-Sân-Si chẳng chịt trong tâm, đến khi gặp việc khó khăn thì phiền não liền tức khắc nổi lên rất mạnh, hơn cả cuồng phong bão tố. Vì lợi ích cho chính mình, chúng ta phải đào xới nội tâm, phải xem kỹ bộ mặt thật của tham lam, sân hận và si mê.

Nhân Quả là một hiện tượng hằng hữu trong cuộc sống của chúng sanh. Tất cả hiện tượng sanh diệt, thịnh suy, vinh nhục, phước họa của kiếp nhân sanh không ngoài Nhân Quả.

Tô Canh Bù Ngọt

Huỳnh Trung Chánh

Suốt ngày phải quay cuồng “bù đầu nhưc óc” với việc nhà việc sở, vừa có chút rỗi rảnh thì máy truyền hình lại thu hút hết hồn vía, thành thử Đông chẳng còn chút thời giờ để sống riêng cho chính mình, hưởng hồ có thể nhàn nhã tưởng nhớ đến thân nhân bè bạn. Mãi đến khi phải ngồi bó gối hàng giờ trên chiếc phi cơ hành khách, không lãng xăng gì được, Đông mới mặc tình thả hồn trôi thật xa, về với chuỗi ngày ấu thơ êm ấm, tại căn nhà ngói ba gian, mặt tiền hướng ra rạch Cái Sơn, thuộc xã Hòa An, Cao Lãnh. Đông là con trai duy nhất, lại là út, nên được cả nhà chiều chuộng nâng niu. Các chị là gái thì lúc nào cũng phải giữ gìn ý tứ, đi đứng đoan trang, và chia xẻ công việc nhà với mẹ, chớ đâu có buông lung nhong nhong suốt ngày phá làng phá xóm, khi thì phóng xuống sông quậy bùn đục ngầu, lúc lại thượng lên cây mận, cây vú sữa, ngồi vắt vẻo vừa ăn, vừa lơ đãng ngắm trời xanh. Cùn chân cùn cẳng, chán chuyện phá phách ngoài đường thì về nhà chọc ghẹo ba bà chị cũng thú vị. Chọc ghẹo quá trốn “giỏi lắm” bị mắng “thằng quỉ,” “thằng “mắc dịch” là tốt cùng, còn như muốn trừng phạt thì “sức mấy” bà chị rượt kịp thằng nhỏ. Thật ra, chuyện chọc ghẹo bị đòn tuy hiếm hoi, nhưng đi đêm có ngày gặp ma, Đông cũng lâm nạn một lần khiến cái đầu lãnh cục u tròn như trái chanh. Giờ đây, bỗng nhiên nhớ lại chuyện xưa tích cũ này, Đông cảm thấy vui quá đổi là vui. Chàng tùm tùm cười, lầm thầm: “Ông bà già mình lắm rắm vậy mà hay ghê! phác họa kế hoạch sản

xuất bốn năm, rồi đúng theo tiêu chuẩn mà thi hành y chang, mới tài tình chớ!” Tuy là một nông dân chân chính, nhưng tài nghệ đặt kế hoạch sản xuất của ông già, được “hậu thế nhắc nhở” phải kể là chuyện sản xuất con. Bà già cứ tà tà sanh con năm một, ông già lại theo bốn mùa mà đặt tên con là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Hết tên đặt thì bà chấm dứt cái rụp, chớ không tồn ten kèm theo thằng Rán, thằng Thêm, con Thôi, con Nữa như người khác. Ông già rất hãnh diện về cái mục này, nên chỉ chờ đợi nhà có khách khứa thì gọi đám con ra, kể tên từng đứa để khoe khoang thành tích, vô tình khiến chị Ba tức tối đến điên người. Cũng giống như bất cứ cô gái mỹ miều nào, chị Ba thích trang điểm, làm dáng và dĩ nhiên rất mong được khoác một cái tên thơ mộng thanh tao. Điều éo le, là người đẹp hoa mỹ lại bị gán cho cái tên Hạ, lè tè thấp thỏi, thì sao chẳng đau lòng. Chẳng cần ai chỉ dẫn, vừa lên trung học, chị bèn lẳng lẳng khai tử tên Hạ, sửa khai sanh bằng cách bôi dấu nặng thêm dấu huyền thành chữ Hà, đồng thời, lúc trò chuyện với bạn bè lúc nào, cũng xưng tên “Kim Hà thế này, Kim Hà thế kia” rất ư là điệu hạnh. Thế nhưng trường trung học quận Cao Lãnh chẳng lớn, bạn bè năm trước có đứa cũng lên học chung, thành thử cái tên cứng cộm “con Ba Hạ” không thể dấu diếm ai được. Cái tên Hạ nhờm gớm, khó chịu dính cứng với chị Ba, giống như cục đàm kẹt cứng nơi cổ, khắc nhổ không xong, mà nuốt cũng chẳng trôi. Bực bội quá, có lần chị Ba lên tiếng cảm ràm:

— Ba à! miền Nam mình đâu có đủ bốn mùa. Ba đặt tên tụi con là Xuân Hạ Thu Đông, thiệt chẳng hợp tí nào!

Đông vọt miệng:

— Đúng rồi! miền Nam mình chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa. Vậy nếu Ba đặt tên đúng theo thời tiết, thì có lẽ chị Hai mang tên “Phơi Nắng”, còn tên chị là “Mắc Mưa” mới phải! Chị Ba! chị nghĩ sao chớ theo em thì cái

tên Ba Hạ bảnh tên hơn cái tên Ba Mắc Mưa nhiều lắm chị à!

Chị Ba háy thằng em một cái bén ngót rồi lên tiếng: “Xí! ai bàn chuyện với mày mà bày đặt ăn cơm hốt!” đoạn chị tiếp tục phân bua với ba:

— Con nghĩ chữ Việt có rất nhiều bộ bốn chữ hay ho như tứ quý, tứ đức, tứ phương... sao ba không chọn, nè chọn bốn mùa chi, nghe chẳng thanh chút nào!

Tánh nào tạt nấy, Đông lại nhanh nhẩu xía vào:

— Coi bộ đặt tên chị em mình theo bốn phương Đông Tây Nam Bắc hấp dẫn thiệt tình a! Chà! trường hợp này chị sẽ mang mỹ danh là Tây, gọi đầy đủ là cô Ba Tây mới đúng! Chị ơi! Ba Tây hay Má Tây gì cũng đâu có đẹp hơn cái tên Ba Hạ, chị Ba!

Thằng nhỏ ba hoa chích chèo không ngờ lời chọc ghẹo “ba Tây má Tây” lại khiến ông già nổi giận thành lình, ông cốc trên đầu thằng bé một cú đầu điếng, rồi gằn giọng mắng:

— Thằng ăn nói bá láp! cái miệng ăn mắm ăn muối độc địa nói tầm bậy rui... có gì... thì sao?

Lời nói quàng xiên của Đông chắc đã phát ra đúng giờ linh, nên giờ này thì chị Hai Phơi Nắng lại sinh sống tại vùng nắng cháy sa mạc Arizona, còn chị Ba Mắc Mưa thì mặc tình dầm mưa tại vùng bão lụt Mississippi. Nhưng chuyện “linh ứng” thật sự đã xảy ra chỉ vài năm sau đó tại Việt Nam, liên quan đến chuyện tình duyên gây cản của chị Ba. Vừa chuyển lên Saigon tiếp tục việc học, thoát khỏi bàn tay kềm kẹp của cha mẹ, chị Ba liền có ngay một nếp sống tình cảm khá tự do. Chị giao du rộng, có nhiều bạn trai, mà ai thì chị cũng đẩy đưa tình tứ, khuyến khích họ đeo đuổi. Với chị thì càng có nhiều người cạnh tranh trồng cây si thì càng có giá trị, nó thú vị như một thứ trò chơi, chớ chị đâu hề toan tính chuyện hôn nhân mà phải ra điều đứng

đắn. Ông bà biết tính bay bướm của con gái, ngày đêm thấp thỏm lo âu, chẳng biết “hủ mắm nêm” hiếm nghèo nổ tung lúc nào. Ông bà chỉ biết khuyên lơn năn nỉ con gái dứt khoát “ưng” một chàng nào cho xong, nhưng cô nàng cứ “phớt tỉnh Ảng Lê”, và cứ nhớn như đùa giỡn. Một hôm chị Ba đột ngột mang hộp bánh trung thu về làm quà thăm cha mẹ. Sau buổi cơm chiều, chọn lúc cha mẹ đang nhâm nhi trà bánh vui vẻ, chị mới thổ thề:

— Ba má à! vâng lời ba má, con đã dứt khoát chọn được người chồng tương lai cho con rồi!

Bà già đang ngồi ghé mừng quá nhồm dậm hỏi một hơi:

— Thiệt vậy hả con! thằng đó có đến nhà mình lần nào chưa? nó làm nghề ngỗng gì? mặt mày nó lịch sự không con?

Ông già cũng ôn tồn:

— Tánh tình nó ra sao? học hành tới cỡ nào vậy con?

— Ơ! ảnh làm Cố Vấn tại Bộ Xây Dựng Nông Thôn, cùng một cơ quan với con, ảnh cao ráo trắng trẻo đẹp trai lắm má ạ! Ơ! tánh ảnh hiền hậu dễ thương... làm sao á! ảnh đã tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ đó ba!

— Tốt lắm! thành phần du học thì sự nghiệp đương nhiên vững chãi, không có gì phải lo nữa! Còn gia đình nó như thế nào vậy con?

— Ơ... ơ! cha mẹ ảnh không có ở đây ba à!

-- Úa! như vậy té ra nó di cư vào Nam một mình à! điều đó cũng được đi, nhưng ít nhất thì nó cũng phải tìm ra chú bác cô dì hay anh chị để đứng làm chủ hôn chớ!

-- Ơ... ơ! ảnh “mình ên” ở xứ này... ảnh là người... Hoa Kỳ ba à!

Ông bà già sống quanh quẩn tại xứ Đồng Tháp quê mùa, đầu óc thủ cựu, nên có một quan niệm rất hẹp hòi về việc kết hôn với người nước ngoài. “Cực chẳng đã, mới gả con cho chệt” (1), gả con cho người Trung Hoa, cùng màu da, sống

chung đụng trong nước lâu đời mà còn bị khe khắt cho là chuyện cực chẳng đã, hướng chỉ gả con cho người da trắng, để bị mĩa mai là có con gái làm “me Mỹ, me Tây.” Do đó, vừa nghe thỉnh cầu “động trời” của chị Ba, ông già đỏ mặt tía tai, nổi giận bưng bưng, còn bà già thì tái xanh như gà bị cắt tiết, khuyu xuống ghế thở chẳng ra hơi.

— Mày nói cái gì? Cho mày lấy Mỹ đặng người ta cười thúí đầu tao hả? Ông già hét lên, rồi đứng yên thở hồng hộc chừng mười phút cho dịu cơn nóng giận, mới tiếp lời:

— Nó là người ngoại quốc làm sao tao biết gốc gác, biết cha mẹ họ hàng nó! Rồi không mai mối, không ai đứng chủ hôn đàng trai thì tao gả bán với ai đây? Tao nhứt định không là không! Thà chết chớ tao không gả con cho Tây cho Mỹ nghe chưa!

— Con à! sao con đại quá vậy! con ưng thằng Việt Nam nào ba má cũng chiều ý con, chớ người Mỹ họ khác với người mình quá mà! gia đình lễ giáo đâu có ai lấy chồng ngoại quốc, a con! Bà già lên tiếng vỗ về.

Chị Ba im lặng để mặc cho cha mẹ giảng “mo ran” đã đời, rồi mới lững khững nói:

— Con hiểu ba má chẳng ưa gì người Mỹ, nhưng con đã lỡ dại..., con đã có bầu với người ta rồi! Con biết phải làm sao bây giờ?

Ông bà đang ào ào giảng dạy con, bỗng nín khe không thốt thêm được một lời nào nữa. Bà nhìn ông, ông nhìn bà chua xót não nề. Phải lâu hàng giờ, ông già mới thở phào ra như quả bóng xì hơi, xuôi xì lên tiếng:

— Thôi được! con muốn chọn ai thì chọn!

Thế rồi, ông bà cấp tốc lên Saigon tổ chức một đám cưới giản dị cho cô con gái, đoạn quày quả về quê, gậm nhấm nỗi buồn khổ khôn nguôi. Chị Ba thì đâu cần đám cưới rình rang, cũng không có nhu cầu nở mặt nở mày với bà con xóm giềng. Chị lấy được người chồng chị thương, chị được xuất ngoại như mơ ước, và nhất

là được hợp pháp “xổ toẹt” cái tên cúng cơm, để mang tên họ hoàn toàn Mỹ: bà Sue Johnson, thì chị đã hả dạ tột cùng rồi. Bà già nghe chuyện con gái đổi tên họ lác đầu thở than: “Tưởng nó lựa chọn tên gì sang trọng, chớ tên Xu, tên Cắc thì hay hơn tên Hạ ở điểm nào?”

Năm 1975, khi gia đình Đông được đưa về tạm trú tại trại Fort Smith, chị Sue có đến thăm. Lần đó, Đông nhận thấy chị có vẻ xa cách, chị hà tiện từng lời nói, thường hay khinh khỉnh “à há, á à” thay câu đối đáp, nên Đông ngần ngại không đề cập đến chuyện nhờ vả chị lập hồ sơ bảo lãnh. Đông là người rất nặng tình gia đình, nên khi nếp sống tị nạn tạm ổn định, từ Houston chàng lần mò tìm đường viếng thăm chị Sue tại Jackson, Mississippi. Lần này, ngược lại chị Sue nói năng thật nhiều. Chị hãnh diện về kiểu cách sống rặc rờng Mỹ, chị khoe chồng con, khoe tài sản, sau cùng chị dành rất nhiều thời giờ để cười chê cái đám người Việt tị nạn quê mùa ngớ ngẩn để than phiền rằng sự hiện diện của họ ở xứ sở văn minh này chỉ làm tăng thêm phần lộn xộn, khiến chị mất mặt với bè bạn Hoa Kỳ mà thôi. Đông háo hức viếng chị hi vọng tìm lại những giây phút đậm đà tình ruột thịt ngày xưa, nhưng chị Sue đã vĩnh viễn cắt đứt quá khứ, đề tài mới mới mẻ về đời sống Mỹ của chị lại chẳng hấp dẫn chàng tí nào. Đông ngao ngán ra về, và từ đó, mối liên lạc chị em thưa dần. Người chị giàu tình cảm, có nếp sống giản dị, phù hợp với Đông nhất có lẽ là chị Tư Thu. Chị không lập gia đình, ở lại Việt Nam chăm sóc cha mẹ cho đến ngày ông bà mãn phần thì đi xuất gia. Từ đó, viết thư thăm hỏi phải hạn chế, ngôn từ sử dụng phải dè dặt để tránh khuấy động nếp sống thanh tịnh của kẻ tu hành. Bây giờ, dẫu Đông về nước thăm chị, thì hoàn cảnh kẻ tu người tục, Đông cũng khó tìm lại khối tình ruột thịt thắm thiết ngày xưa được. Do đó, bao nhiêu tình cảm gia đình, Đông dành hết cho người chị thứ hai ngụ tại Tucson, Arizona. Mặc dù vị trí thành phố này

nằm trọ đường, Đông phải đổi chuyến bay cực nhọc, nhưng mỗi khi có dịp đi Cali, chàng luôn tìm cách sắp xếp để ghé thăm chị đôi ngày. Về với chị cũng là về với quãng đời ấu thơ êm ấm ngày xưa tại quê hương yêu dấu.

*

Vừa bước ra khỏi cửa phi cơ, Đông đột ngột bị phủ chụp bởi một độ nóng kinh khủng như đang bị thiêu đốt trong một lò lửa vĩ đại, khiến chàng tối tăm mặt mũi muốn thối lui lại. Thế nhưng nhìn thiên hạ, Đông thấy ai cũng nhàn nhã không lộ chút khẩn trương, nên đành từ từ nối gót nhau đi vào bên trong phi trường. Đông đảo dác tìm thân nhân, thì nghe tiếng reo:

— Cậu Năm! Thưa cậu Năm!

— A! cháu Toàn! mới hai năm không gặp mà trông cháu trưởng thành và đẹp trai hẳn ra!

— Dạ cảm ơn cậu! Lần này cậu đến nhằm mùa hè nên khí hậu khá nóng phải không cậu?

— Nóng dễ sợ chớ khá khá cái gì nóng như vậy mà sao dân ở đây chịu đựng nổi? hay thiệt!

Thằng nhỏ cười hịch hạc đáp:

— Cái gì cũng quen dần cậu ạ! Cậu biết không! dân ở Arizona thường tiếu rằng “địa ngục còn mát hơn xứ này vài độ, nên sống được ở đây rồi, thì chẳng ai còn sợ bị đọa xuống địa ngục cả!”

— Ba má cháu mạnh khỏe?

— Dạ mạnh! Ba vẫn đi làm “ca hai” nên đến hơn một giờ khuya mới về, phần má con tuy muốn ra phi trường đón cậu lắm nhưng lại kẹt nồi mắm chưng đang nấu dở dang!

— Tội nghiệp chị Hai! cứ khổ công nấu với nướng!

— Hi! hi! cậu biết tánh má con mà! Bả lo lắng cả tuần lễ, bả chuẩn bị nấu nướng dàu vào đó từ ngày hôm qua lận, gồm toàn các món cậu ưa là bánh canh giò heo, tôm kho tàu, mực dồn thịt, gỏi sứa... Rồi hồi trưa này, trong khi đang lim dim nằm ngủ, chợt bả trỗi dậy nói: “Chèn đét ơi! xem chút nữa tao quên món mắm chưng

rồi! đây là món hấu nhứt của cậu út mây đó.” Thế rồi má con hối hả đi chợ để nấu liền cho kịp!

— Đúng là cậu thích những món đó! nhưng cậu chỉ lưu lại hai ngày mà má cháu nấu “ấp lăm” như vậy, bụng dạ nào cậu chịu nổi!

— Hi! hi! bởi tính má con như vậy nên thích thức ăn gì thì con ra tiệm ăn, tuyệt đối không hờ môi. Nếu lỡ dại để bả biết, bả sẽ nấu đầy ắp, nấu dài dài, rồi ép ăn trộn lên trộn xuống đến nổi vừa thấy đã rùng mình rợn óc mà chưa chắc bả chịu buông tha!

— Hề! hề! cháu là út mà! má cưng út quá nên mới ngóng tìm món nào út thích để nấu nướng cực khổ mà cung phụng út! Cháu sung sướng quá mà còn kêu rêu gì nữa?

— Thưa cậu! được thương dĩ nhiên là điều sung sướng, nhưng được thương quá mức đôi khi nó lại ngọt ngọt khó thở lắm cậu ạ!

Đông cũng là con út nên rất thông cảm cháu, vỗ về:

— Ngày xưa, ngoại cũng thương yêu lo lắng cho cậu tốt độ như vậy, tình thương của ngoại trở thành mù quáng và độc quyền, đến nỗi cậu cảm thấy tù túng khó chịu. Đây là chuyện “nổi lòng khó ngổ cùng ai” phải không cháu? mình hờ môi than thở thì bị lên án ngay là con bất hiếu, nên đành phải câm nín. Nổi khổ của người bị thương chưa chắc dễ thở hơn nổi khổ của



người bị ghét cháu ạ!

Câu chuyện đành bỏ dở dang khi hai cậu cháu bước ra ngoài trời đến chỗ đậu xe, và Đông lại phải gồng mình chống đỡ độ nóng kinh khủng của vùng sa mạc. Khi Toàn lái xe còn cách nhà mười thước, Đông đã thấy bà chị lấp ló bên cửa ngóng chờ mình. Càng về già chị Hai càng giống mẹ. Thoáng nhìn mái tóc bạc phơ, vẻ mặt phúc hậu, nụ cười dễ dãi của chị, Đông cảm thấy như mẹ đang hiện hữu, chàng xúc động run giọng lên tiếng:

— Chị Hai!

Chị cũng mừng rỡ ứa nước mắt:

— Em út!

— Chi Hai à! Chị giống má quá chừng hà! Cho chị quấn cái khăn rằn, miệng bồm bẻm nhai trầu, thì y chang má ngày xưa, chẳng khác tí nào!

— Hì! hì! Còn em hả! cái trán sỏi, khuyết sâu hai bên như hai cái ụ tàu của em cũng chẳng khác gì ba! cho em vận cái áo bành tô, chống cây ba toon... thì giống hệt ông già rồi!

Chỉ đối đáp đôi câu mà cả bầu trời thương nhớ với bao nhiêu kỷ niệm ấm êm hiện về tràn ngập tâm khảm hai chị em. Đông mừng tượng như mình còn là thằng bé con lẩn quẩn bên cha mẹ tại căn nhà ngói ven bờ rạch Cái Sơn, chàng đang tung tăng chạy nhảy quanh gốc xoài, gốc ổi, gốc mận trong vườn. Bất chợt, Đông bùi ngùi hỏi:

— Sau hè nhà mình có trồng rau đắng không chị Hai?

— Vườn nhà mình chẳng có rau đắng! Ơ... mấy thuở mà má nấu thứ rau này, sao em nhắc đến kìa?

— Vậy thì em lầm rồi! mỗi lần em nghe bản nhạc “Còn thương rau đắng mọc sau hè”, em lại cứ liên tưởng đến món canh rau ngọt ngọt nấu với chuối mà má thường cho mình ăn lúc nhỏ. Lớn lên, sao má không còn nấu món này nữa chị há?

— A! đó là canh rau bù ngọt! Em biết không? ở nhà quê đâu có phương tiện dự trữ thành thử thức ăn khi thừa thãi, có lúc khan hiếm chẳng có món gì, kể cả rau cải. Trong trường hợp này, để bổ túc với món khô sặc, má ra sau hè “quơ” mớ rau bù ngọt, chế ra món canh chuối, ngọt ngọt cho con cái dễ nuốt cơm. Về sau, thì con lộ trước nhà đã được xây đắp, chợ búa đi lại dễ dàng, nên món canh tạm bợ này không còn xuất hiện nữa! Lạ quá hén! tại sao bao thức ăn ngon lành em không nhớ, nhè nhớ món canh quê mùa này?

— Hì! hì! Em cũng chẳng hiểu tại sao em còn ghi nhận rõ ràng hương vị đậm đà của tô canh bù ngọt, cùng với chi tiết cảnh gia đình mình quây quần ăn bữa cơm chiều hôm đó. Có thể vì hôm đó em được món đồ chơi mới, một cái vòng làm bằng vành nĩa cũ, mà chị vừa buộc sửa lại cho em. Em chan món canh này lua một hơi, để tự do xách cái vòng phóng ra ngoài chơi. Em đánh vòng chạy loanh quanh trên con đường bờ sông thiệt là vui!

— Vui quá hén! vui quá đến nỗi lọt tuốt xuống sông, khiến cho bà già chửi chị một trận tới tả về cái tội bày đầu, bày đặt...

Trong khi hai chị em đang cười khúc khích thì Toàn ăn mặc chải chuốt bước ra phòng khác, lễ phép khoanh tay:

— Thưa má! thưa cậu! con đi dự sinh nhật bạn con!

— Con tẻ quá hà! lâu lâu cậu mới đến chơi một lần, đáng lẽ con nên ở nhà ăn cơm với cậu chớ!—Chị Hai cảm râm.

Thằng bé nhăn nhó như khi ăn ớt:

— Con hứa với thằng Thanh cả tháng trước! mà con cũng đã thưa với má hôm qua rồi mà!

— Thôi chị! đừng nhằn nó tội nghiệp! nó đã hứa với bạn thì phải giữ lời, vả chăng, ở nhà để nghe chị em mình kể chuyện đời xưa chán phèo thì chịu đời sao cho thấu!

Thằng bé vừa bước ra khỏi cửa, thì chị Hai

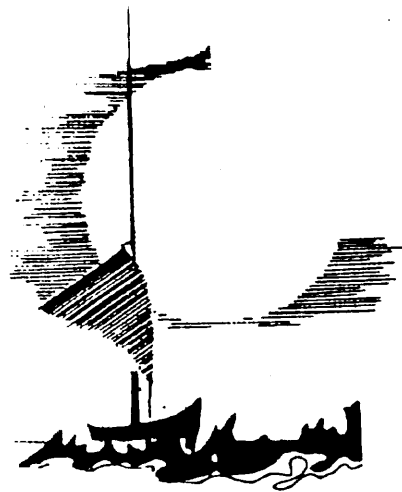
đã thở dài than thở:

— Thằng đó tệ lắm! nó chỉ biết bè bạn nó thôi, chớ chẳng nghĩ gì đến cha, đến mẹ!

— Chị nói sao chớ em nhận thấy thằng Toàn khá ngoan chớ!

— Không nhắc chi chuyện xa xôi, mới rành rành tuần trước đây nè! Hôm đó, nghe nó nhắc bún bò Huế, đi làm về mệt dữ, chị vẫn ráng bưng bả đi chợ, nấu ngay món này cho nó. Cơm nước xong, chờ đợi mỗi mồn đến chín giờ-rưỡi tối, mới thấy nó dẫn theo thằng Thanh về nhà. Chị vừa mừng vừa giận, xum xoe trách: “Sao còn về trễ vậy? con đi chơi với bạn sao không cho má hay, làm má lo lắng gần chết! má chờ cơm đói rã ruột vậy đó!” Chỉ có vậy mà mặt nó chù ụ, nó hậm hực trả lời: “Tụi con vào thư viện tra cứu sách vở, chớ đi chơi hồi nào đâu? Mà con nói với má nhiều lần rồi! con đã hai mươi bảy tuổi, đâu còn con nít nữa mà lo lắng mãi! má đã biết rằng con phải học bù đâu, lại còn trực nhà thương, giờ giấc bất thường, lúc nào con về thì con ăn! sao má cứ chờ đợi hoài, để rồi lên tiếng cần nhân?” Nó tệ như vậy đó em! có mặt bạn nó mà nó lớn tiếng với chị, nó không nghĩ gì đến tình thương bao la của người mẹ, suốt đời hi sinh tận tụy, chịu đủ điều gian khổ để chăm nom lo lắng cho con...

— Như vậy thì nó hư giống như cậu nó rồi! Chị Hai biết không có lần em về Cao Lãnh thăm má. Trong khi má lẳng xăng nấu nướng mừng con, em ra chợ chơi chợt nghe tin thằng Danh, bạn chí thiết của em lâm bệnh nặng. Em vội tìm nó, được biết nó bị bệnh ung thư gan không phương cứu chữa, mạng sống chỉ kéo dài tối đa sáu tháng. Nó rủ em ra quán cà phê rỉ rả tâm sự với nhau lần chót. Lẽ ra, em nên nhận lời, nhưng em biết má trông ngóng ở nhà, nên nài ép nó ăn cơm tại nhà mình. Vừa dẫn nó bước vào cửa, em chưa có cơ hội phân trần thì má đã trách móc tùm lum, em bực bội quá nên trả lời tương tự như thằng Toàn vậy đó. Chuyện này má không



nhắc với em nữa, nhưng bả lại than thở với mấy dì, khiến em buồn phiền không ít. Thật ra, thằng con trai nào cũng muốn chứng tỏ mình ngon lành, mình trưởng thành đối với bạn bè. Do đó, trước mặt bạn nó, nếu mình tỏ ra cứng lo thái quá thì thằng nhỏ đã bối rối thẹn thùng rồi, hướng chi, mình còn cần nhân nó, thì trách sao nó chẳng nổi cơn!

— Ô! thằng Thanh thì chị coi như con cháu trong nhà nên có gì phải úy kỵ!... Ô! nãy giờ chị em gặp nhau mừng quá quên cả việc cơm nước! chắc em đói lắm hả?

— Chưa đói đâu chị!

— Chị có làm món này đặc biệt cho em nè! đó em đó?

— Mắm chưng! đúng không? hì! hì! thằng Toàn báo cáo trước với em rồi! em đã thèm nhỏ dãi từ lúc ở phi trường lận! Trời đất! chị nấu gì mà tới sáu, bảy món đây khảm như vậy? làm sao ăn cho nổi? thôi! em chỉ xin ăn món mắm là đủ rồi!

— Ấy! dĩ nhiên ưu tiên là mắm chưng nhưng em cũng phải nếm các món khác chứ!

— Ô! chị Hai tài quá! ở xứ này mà chị tìm đâu đủ thứ rau thơm, lại còn có chuối chát và khế nữa!

— Ủa! thì đủ hết, nhưng so với quê mình thì vẫn còn thiếu đọt lựu, đọt chiết, đọt chùm ruột... em à!

Nghe nhắc đến chòm ruột, Đông bỗng rùng mình tưởng nhớ hình ảnh mẹ hiền ngày xưa. Có lần bà thần thờ nhìn nhánh chòm ruột sai oằn, rồi lẩm bẩm: “Má mong nhà mình giống như nhánh chòm ruột, con cháu cả đàn quần quít đeo san sát bên nhau, thì hạnh phúc biết chừng nào!” Chàng ứa nước mắt nhủ thầm: “Ước mơ thâm thiết của má vẫn rành rành trước mắt, mà nay má không còn nữa, con cháu tản lạc mỗi người một nơi, phần con thì biết chừng nào mới có thể về thăm lại mảnh đất quê nhà!” Để che dấu nỗi xúc động dâng tràn, Đông vội vã sôi cơm mời chị. Chàng gấp miếng mắm, cẩn thận kèm theo khế, chuối chát, rau thơm. Chàng nhai chậm chậm, để cho vị mắm mặn mà trộn lẫn với khế chua, chuối chát, cùng với rau thơm the the, biến thành đặc chất khoái khẩu đậm đà, chan chứa cả bầu trời thương nhớ quê hương.

Đông buột miệng khen:

— Chị nấu mắm chưng quá ư độc đáo! ngon ơi là ngon!

— Ngon như vậy đó, vậy mà con cái nó chê mới tức chớ! Chị Hai chếp miệng thở dài, rồi buồn hiu tiếp tục than thở:

— Con cái đời bây giờ không ngoan ngoãn với cha mẹ như mình ngày xưa đâu em. Chị em thằng Toàn đều như vậy hết. Con Hồng nhan sắc mặn mèi nên có bao chỗ xứng đáng đánh tiếng muốn làm suôi gia với chị. Chỗ nào nó cũng phản đối hết, để rồi đi ung một thằng học hành chẳng hơn gì nó. Tức chết đi được! Giờ thì tụi nó sinh sống ở Los Angeles, đâu có xa xôi gì, vậy mà năm đầu nó còn về thăm cha mẹ, sau đó biệt dạng luôn. Thằng Tú đang làm kỹ sư ở Phoenix cách đây một trăm dặm, tới lui gần gũi cũng tiện. Chị thấy nó giao thiệp toàn là gái Mỹ hơi lo ngại nên gạ dẫn nó đi Cali coi mắt con gái người bạn, thì nó cười ngất chê chuyện đó kỳ quá. Tới chừng chị nghe tin nó có con bồ gốc Mẽ, chị bực quá la cho nó một trận, rồi chị lại thường xuyên tới lui khuyên nhủ và kiểm soát

nó. Ngờ đâu, nó giận, nó âm thầm xin chuyển về hãng chánh ở Chicago, mà chẳng thèm hỏi ý kiến cha mẹ một tiếng. Còn thằng Toàn ở nhà thì cũng như không. Nó học bù đầu suốt tuần, mà hề có chút giờ rảnh thì chụp cái điện thoại hò hẹn bạn bè, chẳng thèm ngó ngang gì tới chị. Chị cảm tưởng như chúng bỏ rơi mình, chúng khinh thường mình như một thứ thừa thải, một kẻ dốt nát quê mùa, không xứng đáng để chúng bàn bạc, hỏi han ý kiến. Trước kia chị còn nhắc nhở chúng những chuyện vụn vặt như đội nón, che dù, mặc áo ấm, uống thuốc cảm... nhưng thấy chúng chỉ “dạ! dạ!” lấy lệ, rồi lơ là chẳng thèm nhớ nghĩ... nên đành câm họng! Ai cũng tưởng chị sung sướng có con cái ngoan giỏi, nhưng đâu có biết nỗi cô đơn, buồn tủi của chị đối với con cái như thế nào? Chắc chị chờ thêm một năm nữa cho thằng Toàn lấy xong mảnh bằng bác sĩ, chị sẽ vào chùa tu phứt cho rồi!

— Chị Hai à! sống ở xứ người thì ngay bọn người lớn cũng bị ảnh hưởng mà thay đổi ít nhiều, huống chi là bọn trẻ. Chúng phải học hành, tiếp xúc suốt ngày với nền văn hóa nước người, thì làm sao mình có thể đòi hỏi chúng hoàn toàn giữ trăm phần trăm chất Việt Nam trong người cho được! Em chỉ mong sao chúng nó còn biết dạ thưa, chào hỏi bằng tiếng mẹ đẻ là đã an ủi lắm rồi!

— Ừ! thì đành chịu như vậy chớ biết làm sao bây giờ!

— Thật ra dầu đám con cái của mình vẫn còn giữ nguyên chất Việt Nam, thì chắc chắn vẫn có lắm chuyện rắc rối khác xảy ra, và bậc làm cha mẹ cũng kêu rêu như thường. Nguyên nhân đích thực chính là quan niệm khác biệt giữa hai thế hệ, mà mâu thuẫn này thì ở nước nào, thời đại nào cũng xảy ra. Đây chính là mầm mống khổ đau không phải chỉ riêng giới cha mẹ gánh chịu, mà đám con cái cũng lãnh đủ nữa. Nói chi xa xôi, chị em mình ngày xưa cũng làm

khổ cho ba má đâu có ít phải không chị?

— Làm khổ ba má thì còn ai ngoài con Ba Hạ nữa!

— Chị Ba và em đều thuộc thành phần tội lỗi đây người, đâu đáng kể nữa. Ngoan hiền nhất như chị Tư Thu mà còn có chuyện cho ba má khổ nữa kìa. Chị xin xuất gia, ba má không thuận, chị cũng vâng lời. Rồi chị lại xin chuyển về quận nhà dạy học để săn sóc ba má lúc tuổi già. Thế nhưng mối quan tâm lớn nhất của bậc làm cha mẹ là mong con cái yên bề gia thất nên ba má cứ đôn đáo, tìm người mai mối để ép chị lấy chồng. Chị Tư không thuận, thì trách móc, giận hờn... khiến chị Tư cũng phiền muộn không kém...

— Hừ! Người ta nói “ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên”, vụ ba má ép con Tư lấy chồng cũng hơi quá đáng phải không út? về phần con Tư thì tánh nó cũng dị hợm quá chừng hà! chị thấy cái đám thằng kỹ sư Danh được quá chớ, vậy mà nó không ưng quách cho rồi, nếu được như vậy có phải nó làm cho ba má vui lòng không?

Có lẽ hứng chí với lời phê bình đặc sắc của mình, chị gật gù ra giọng kẻ cả, trịnh trọng phán:

— Ba đứa em còn nhỏ không gặn gũ ba má và hiểu ba má nhiều như chị, nên mới dễ làm cho ba má buồn phiền như vậy đó!



— Bộ chị tưởng... ơ... ơ... chị còn nhớ những chuyện sôi nổi về việc chị đòi uốn tóc, đòi quần áo son phấn thời trang không? À! còn cái vụ thằng con tiệm vàng Hữu Lợi cậy mai mối xin hỏi chị mới gay cần hấp dẫn từng hồi chớ!

Dù tuổi đã gần sáu mươi, khi nghe cậu em nhắc những chuyện bực bội xa xưa hằng bốn mươi năm, chị Hai vẫn cảm thấy nóng mặt. Chị ấm ức tuôn ra một hơi:

— Ông bà già mình hủ lậu hết chỗ nói! Cả nước người ta uốn tóc quần, người ta chùng diện theo thời trang mà ông bà cứ chủ trương con gái nhà lành thì phải kẹp tóc, quần đen áo trắng kín mít, may rộng thùng thình, mặt mày thì để mét chần chớ cấm kỵ thoa chút phấn son. Nội cái việc chị muốn mặc cái quần trắng thôi mà cũng lắm gian nan với ông bà rồi. Thuở đó, phong trào mặc quần trắng mới len về quận. Cái quần xa teng trắng mềm mại láng mượt ôm sát thân hình thật hấp dẫn khiến chị thêm thương vô cùng. Đúng lúc đó, ba cho tiền sắm một cái áo dài và cái quần mỹ a để dự tiệc cưới con đầu lòng của chú Bảy Dinh. Vải mỹ a rất mắc tiền, nhưng đi đứng nghe sột soạt khó chịu, nên với quan niệm của con gái thời đó thì nó quê mùa, chớ đâu hấp dẫn bằng cái quần xa teng rẻ tiền. Chị âm thầm may quần xa teng trắng và dấu kỹ cho đến ngày đám cưới mới lòi ra. Má vừa thấy quần đã nổi giận đùng đùng rầy la chị một trận tới bởi, rồi bà còn lấy kéo cắt quần ra từng mảnh, nát tan như chính cõi lòng của chị.

— Ủa! chuyện đó sao em chẳng nghe vậy kìa?

— Khổ sở thì chị khóc thầm thôi, chớ chị đâu dám đôi co lời qua tiếng lại với má, thì làm sao em hay biết được! Chị hiền thì ba má đối xử khắt khe như vậy đó. Đến khi con Ba Hạ ăn vận theo đợt sống mới, ông bà giận lắm nhưng vừa mới mở lời khuyên giải, thì nó đã nhảy dựng lên dọa bỏ nhà đi bụi đời, ông bà đâu dám hó hé gì nữa. Chuyện chồng con của nó cũng vậy, nó

muốn ngang nào được ngang nấy, chớ đâu bị hành hạ, “cà riêng cà tỏi” cần nhân tối ngày như chị vậy! Chường nhất là vụ thằng con chủ tiệm vàng Hữu Lợi xin hỏi chị! Em nghĩ coi, cái thằng tướng tá tròn vo như hột mít, lại vô duyên, bất tài... chỉ giỏi ngón nghề chạy chọt được giấy miễn dịch... vậy mà ba má khăng khăng cho rằng nó “thọ”, nó có tương lai... để rồi áp bức dầy vò chị dài dài để buộc chị ưng hẳn! Ngược lại, đến khi chị và anh Hai thương nhau xin tiến tới hôn nhân, thì ổng bả ngăn cản đủ mọi cách. Ổng bả chê anh Hai là người Trung, tính nết khó lường, tiếng nói khó nghe, suôi gia xa xôi khó thân thiết, đời quân ngũ hiếm nghèo, không chăm sóc được vợ con... thế rồi, để làm nản lòng anh chị, ổng bả kiểm chuyện bắt lỗi phải từng cử chỉ, từng lời nói... khiến anh chị phải điêu đứng gian nan cả năm trời cho đến ngày cử hành hôn lễ mới được yên thân...

— Chị Hai à! hành động nào của ba má cũng đều phát xuất từ tình thương vô bờ đối với con cái! Em nhắc nhở chuyện xưa không phải trách móc ba má, mà chỉ muốn chứng minh một điều là bậc làm cha mẹ, đôi khi thương yêu con mà thiếu hiểu biết, lại vô tình gây khổ đau cho con, đồng thời cũng tự làm khổ mình nữa. Đây là kinh nghiệm thời trẻ ai cũng đã trải qua, nhưng chẳng ai rút tĩa được bài học này hết! Khi trở thành cha mẹ, người ta sẽ cố chấp và thiếu hiểu biết đối với con cái y hệt như cha mẹ họ ngày xưa! Đây là đầu giãy mối nợ của bao bất hòa, của nỗi khổ đau xảy ra trong mọi gia đình! Chị Hai có đồng ý với em điều này không chị Hai?

Chị Hai trầm ngâm suy tư, rồi gục gặc gật đầu.

Chừng như đã chán ngán bàn chuyện con cái, hai chị em đổi đề tài sang chuyện cây xoài cây ổi, bánh phồng bánh tráng, tát đĩa bắt cá... toàn là chuyện tầm ruồng chẳng đầu chẳng đuôi, vậy mà vui vẻ tận cùng. Món mắm chưng



lại hợp khẩu nên Đông đã vui miệng nói, lại vừa vui miệng ăn “miếng đặng miếng được” đến khi no cóng mới ngừng. Thế nhưng chị Hai đâu chịu để yên. Chị nằn nì nài ép: “em ăn thêm miếng gỏi sứa cho chị vui!” “tôm càng kho tàu nấu y chang như má nè! em thử một miếng chứ!” “mực dồn thịt chị làm cực khổ lắm nghen! em không ăn thì phụ lòng chị đó!”... Đông nể chị, ăn thêm món này đến món kia, cho đến khi thở chẳng ra hơi, mới được bà chị buông tha. Đông có ý định chờ ông anh rể về để chào mừng, nhưng chưa quen giờ giấc miền Tây, chàng buồn ngủ híp mắt, không thể thức thêm được nữa. Nửa đêm, cái bụng căng phồng khó chịu quá, Đông phải làm xấu, dựng chị dậy, kêu gào mấy viên thuốc tiêu thì mới tạm yên. Sáng hôm sau thức dậy, bữa ăn sáng thịnh soạn đã dọn đầy bàn, nhưng rất may, Đông không bị ép ăn nữa. Chàng nhâm nhi cà phê, hàn huyên hào hứng đủ mọi đề tài vô thưởng vô phạt với ông anh rể, cho đến giờ anh chị đưa trở ra phi trường.

Trong giờ phút chia tay quyến luyến, chị Hai nắm tay em ân cần han hỏi:

— Cái bụng em đã đỡ chưa út?

— Đỡ nhiều rồi chị ạ!

Rồi với giọng nửa đùa nửa thật, Đông tiếp lời:

— Chị Hai thấy không? cái gì quá mức thì cũng nguy hiểm cả! được cho ăn quá mức thì bị trúng thực, còn được thương quá mức thì... ơ... ơ... nó cũng tù túng ngọt ngọt lắm chị Hai ạ!

— Hi! hi! té ra em chỉ giả vờ đau bụng để nhắc khéo chị điều đó phải không?

**

Đông trở về Houston quay cuồng kiếm sống, thỉnh thoảng chàng cũng điện thoại vắn tắt thăm chị, nhưng những mẫu chuyện tâm tình sôi động trong chuyến đi Tucson vừa qua, không ai buồn nhắc đến nữa. Bất ngờ, đúng ngày Tết âm lịch, Đông lại nhận được một bức thư dày cộm của chị. Lo sợ có điều bất tường, Đông hấp tấp mở ra xem:

Tucson, ngày 3 tháng 01, 1997.

Em út thương của chị,

Lui hui mà chỉ còn một tuần lễ nữa thì mình lại ăn thêm một cái Tết tha hương. Tết bên này sao tẻ lạnh quá út ạ! giờ này năm xưa ở bên nhà, không khí Tết rộn ràng lắm! ba đã tỉ mỉ chọn cành mai đơm đầy bông búp chưng lên bàn thờ, cân xứng với một cặp dưa hấu to, và bộ lư hương bằng đồng sáng giới. Má chuẩn bị bánh mứt, trái cây từ mấy tuần trước, dự trữ thật nhiều, hầu đến cận Tết rảnh tay nấu một nồi bánh ích và bánh tét đây ăm ắp sẵn sàng chờ đợi đám con cháu tề tựu về từng bưng ăn uống. Tình thương con cháu của má thật bao la, má gian nan cực khổ thế nào cũng được, miễn là thấy mặt đám con cháu đông đủ xum vầy quây quần trong ngôi nhà, thì bà mãn nguyện lắm rồi.

Tánh chị có lẽ chẳng khác gì má. Bao nhiêu tâm ý chị đều đặt tất cả vào các con: nhìn chúng ăn uống cười nói, chị hân hoan rộn rã; thấy chúng chợt dăm chiêu, lòng chị thẳng thốt bất an. Chị chỉ muốn con cái sống gần gũi trong tâm tay của mình, vắng đứa nào chị cũng nhớ thương ử rử, chúng về nhà trẻ thì ruột chị quặn thắt từng cơn. Đối với chị, đám con chị là nhất, quý giá không con cái ai sánh bằng, cho nên chị thấy có nhu cầu lo lắng bảo vệ chúng từng li từng tí, sợ chúng ốm đau, gặp tai nạn, sợ chúng bị bạn bè lợi dụng, sợ chúng lầm lạc chọn người không xứng đáng gây khổ đau suốt đời... Thế nhưng

chị càng lo lắng chăm sóc chúng thì chúng lại tỏ ra bất cần, chị muốn ôm chặt chúng trong vòng tay thì chúng càng vượt ra ngoài, than trách thì chúng tỏ vẻ bực bội tránh xa. Chị cảm thấy bị con cái bỏ rơi, chúng khinh thường, chúng bất cần mình. Chị cô đơn quá! chị hờn tủi và khổ sở cùng cực mà chỉ biết âm thầm chịu đựng, chớ tìm đâu được kẻ tâm giao để chia sẻ nỗi niềm. Chị dăm ra quạu quọ rắc rối, nhưng chỉ quạu quọ rắc rối với anh Hai, chớ với chúng thì vẫn mềm mỏng để chiều hồi.

May là trong chuyến thăm chị, em nhắc nhở chuyện ngày xưa, khiến chị lưu tâm suy tư cặn kẽ những mâu thuẫn của hai thế hệ. Từ đó chị nhận chân được một sự thật là: Ba má rất thương yêu con cái, nhưng thương yêu một cách mù quáng và không hiểu biết hoặc lưu ý gì đến tuổi trẻ, vì vậy mà ba má đã có cái nhìn cố chấp hẹp hòi, kết quả là ba má tự chuốc lấy khổ đau, mà đồng thời lại gây phiền lụy cho con cái nữa. Đó cũng là một khuyết điểm mà chị đã vấp phải. Chị đành đành rằng chỉ cần ôm “chính nghĩa thương con”, thì chẳng cần đếm xỉa điều gì khác nữa, cứ mặc tình “tự tung tự tác” muốn thương con cách nào cũng đúng, vì vậy mới gây ra bao lúng củng trong nhà. Do khám phá này, chị không còn oán trách con cái nữa, mà chỉ tự quán sát tìm hiểu những khuyết điểm của chính mình. Trước hết, chị nghĩ đến mối bất hòa giữa chị và đứa con gái đầu lòng. Thật ra thì thằng rể cũng hiền lành dễ thương, nhưng theo quan niệm “phi cao đẳng bất thành phu phụ”, chị cho rằng nó không xứng đáng nên ngăn cản tình yêu của chúng rất mãnh liệt, với thâm ý tách rời hai đứa hầu đem cháu Hồng gả cho con anh Tư Thời đang học Nha khoa.— Hồi nhỏ chị chủ trương tiền bạc và cấp bằng không đem lại hạnh phúc, chị chống đối ép duyên đến cùng, mà nay sao chị lại ép duyên con kia? — Ngăn cấm không kết quả, chị đành thuận cho chúng tiến hành hôn lễ, nhưng nỗi ảm ức tuôn tràn qua thái độ kém thân thiện

của chị đối với thằng rể. Có lẽ vì vậy mà chúng nó viện cớ tìm được việc làm tốt ở Los Angeles, rồi dọn đi mất. Nó đi xa, chị nhớ chị buồn, rồi chị lại cần nhân oán trách, chúng càng né tránh rồi trốn biệt luôn. Ôi! giờ này chị hiểu và thương chúng nó, kể ra cũng hơi muộn màng. Kinh nghiệm vụ con Hồng, chị canh giữ hai thằng con trai rất kỹ. Chị gợi ý thằng Tú đám nào, nó cũng chẳng màng để ý, mà hễ hai anh em nó giao thiệp với ai, chị lại thấy chẳng cô nào xứng đáng cả. (Chị mới nghiệm ra điều này em ạ! dường như trong máu của người đàn bà thương con đã ngầm chứa chút tị hiềm với con dâu nên bạn gái nào của nó mình cũng chê. Ngay nàng dâu do mình chọn rồi giới thiệu cho con, không bao lâu mình cũng sẽ khám phá ra vô số khuyết điểm của nó). Thời gian ngắn sau đó, chị hốt hoảng khám phá rằng thằng Tú dính líu với một cô gái gốc Mỹ. Hôn nhân là chuyện chúng nó, chủng tộc nào tùy nó, đâu chắc gì có vợ Việt thì hạnh phúc bền bỉ? Kể ra, ở bên này mà có vợ Mỹ thì cũng đâu có gì quá đáng hơn ngày xưa tại xứ Đông Tháp quê mùa mà chị nằng nặc đòi kết hôn với người Huế, nói tiếng gì mà cả xóm Cái Sơn chẳng ai hiểu một câu! Thế nhưng, lúc đó chị không nghĩ vậy, chị làm dữ với thằng Tú trước mặt con nhỏ đó, hi vọng con đó bỏ thằng Tú thì tốt biết bao nhiêu. Kết cuộc, như em biết đó, thằng Tú xin đổi lên Chicago. Từ chuyện tình duyên của con cái, chị quán sát cả đến những chuyện lật vật khác và chợt dạ thấy mình sao lắm cảm quá chừng đi. Em nghĩ coi, thằng Toàn đã 27 tuổi, học năm chót Y khoa, mà chị lại nhải bắt nó uống thuốc này thuốc nọ, phải mặc áo ấm, đội nón, che dù... lo như lo cho đứa con nít tiểu học, vậy mà nó lơ là thì chị lại hờn tủi mới chừng đời chớ! Đến như việc giao tế của nó, chị thường cảm râm rãng nó dành hết thời giờ cho bạn bè, nhưng thật ra thì nó học bù đầu, mỗi tuần được chừng vài giờ rảnh rỗi, liên lạc với bạn bè trang lứa kháo nhau chuyện tầm phào cho thoải mái,

mà chị đòi dành thời giờ đó cho chị, điều đó chắc hơi quá đáng phải không em?

Càng suy tư quán sát chị càng thông cảm hiểu biết con cái, chị không còn khổ sở, hờn giận gì nữa. Chúng nó, giống như chị ngày xưa, sẽ đến lúc trưởng thành, rồi có cuộc đời riêng. Con chim mẹ, phải tập nhìn bầu con của mình, tung cánh bay cao, với niềm hãnh diện hân hoan, chớ không phải với tâm trạng cô đơn hờn tủi.

Suy tư này vừa lóe trong tâm tư, chị liền cảm thấy niềm an lạc tràn ngập khắp cả châu thân. Chị vừa "ngộ" em ạ! Em đừng cười chị nhé! chị nói giỡn nhưng không hẳn là đại ngôn đâu! Cái nguyên lý "vô thường" mà mình nghe quý thầy giảng hoài, chị tưởng như đã nắm vững, nhưng thật ra, trước kia mình nghe như nước đổ lá môn, mà chưa bao giờ thâm nhập. Bây giờ thì chị ý thức rõ rệt nguyên lý vô thường như một kinh nghiệm thực tại, nó hòa nhịp trong đời sống của mình, diễn tiến tuần tự, thân nhiên và mẫu nhiệm: hợp rồi tan, tròn rồi khuyết. Có cái gì thành trụ mà chẳng đi đến giai đoạn hoại không? Tắm thân tứ đại cũ mèm này, rồi cũng sẽ đến lúc tan hoại rã rời.

Em út thương,

Nguyên lý vô thường dính liền với ý niệm sống chết. Đã sanh ra đời thì ai cũng sẽ có một lần chết. Đó là sự thật hiển nhiên, vậy mà bấy lâu nay cơ hồ chị quên mất điều đó. Chị hành động in tuồng như chị sẽ sống dai như "Bành tổ" để dùm bọc, lo lắng cho các con mãi mãi. Ca dao nước mình so sánh sự sinh nở nguy hiểm như là chuyến phiêu lưu ra biển khơi cô đơn:

Người ta đi biển có đôi

Còn tôi đi biển mồ cô một mình.

Ca dao trên không đúng với trường hợp của chị, vì khi sanh ba mụn con, lần nào chị cũng có chồng kề cận, được bác sĩ và hộ sinh săn sóc, nên cảnh cô đơn hiểm nghèo chưa thật sự trải qua. Thế nhưng, giờ đây câu ca dao đó bỗng hiện về ray rứt chị, khi chị nhận thấy rằng dường như

nó phản ảnh khá trung thực tâm trạng cô đơn hoảng hốt của con người trong chuyến đi cuối cùng của cuộc đời. Con người từ cõi sống bước vào cõi chết mù mịt bơ vơ, hoang mang chẳng biết trôi giạt về đâu thì có khác nào đi biển một mình trong đêm đen mịt mịt gió bão bùng. Chuyến đi kinh khủng đó không có phương cách trốn tránh được, vậy thì chỉ có một giải pháp duy nhất là chuẩn bị sẵn sàng để đối diện: nếu mình nắm vững phương hướng, và được hành trang bằng niềm tin và nghị lực thì chắc chắn nỗi hoang mang sợ hãi sẽ giảm thiểu! phải không út?

Anh chị đã may mắn quy y và học Phật Pháp với Hòa thượng Thiện Hòa trước năm 1975, nhưng khi sang Hoa Kỳ phải quay cuồng với nếp sống mới, rồi chị là “xà quân” với chuyện lo lắng, thương yêu, hờn giận con cái, mà xao lãng chuyện tu tập. Nay giạt mình tỉnh thức, nhận thấy tình trạng đã vô cùng cấp bách, không còn chần chờ gì nữa, chị dứt khoát tu tập theo pháp môn Niệm Phật tu tâm, cầu vãng sanh về thế giới Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Kinh sách hướng dẫn pháp môn Tịnh Độ nhiều lắm, nhưng chị thấy chỉ cần quyển Niệm Phật Thập Yếu của thầy Thích Thiện Tâm cũng đủ lắm rồi. Chị căn cứ theo đó mà lập thời dụng biểu cần mật để tha thiết niệm Phật cầu vãng sanh. Nếu “Hạnh, Nguyện, Lực” được vững vàng, thì chuyến đi cuối cùng mình đã rõ ràng phương hướng, đầy đủ tư lương nên không có gì phải hoang mang bối rối nữa! phải không em?

Từ ngày khởi sự tu tập, tâm chị dần dần thoải mái. Dĩ nhiên là chị vẫn chăm sóc và cơm nước cho hai cha con, nhưng chị không “ép ăn và ép thương” ai nữa. Chị không đòi hỏi con cái lúc nào cũng nghĩ tới chị, chị cũng không trách móc hờn tủi, cũng không bận bịu lo âu về những chuyện xa vời ngoài tầm tay mình nữa. Anh Hai cũng đỡ bị chị lăng nhăng cà khịa nên rất hài lòng.

Có lẽ tại nhỏ khéo với nhau rằng độ này chị

đễ dãi, nên mùa Giáng sinh vừa qua, đám con Hồng và thằng Tú rủ nhau về cho một nhà. Chị để chúng sống thoải mái tùy thích, không đòi hỏi ràng buộc gì cả. Chị cũng tươm tất nấu nướng cho chúng toàn là những thức ăn đặc biệt Việt Nam, để biết đâu chừng, một ngày xa xôi nào đó, bất chợt nhớ lại khung cảnh gia đình ngày xưa, thì hình ảnh con tôm kho tàu, trái khổ qua dồn thịt, tô mắm chưng... — giống như tô canh bủ ngót của cậu út— sẽ hiện về trong tâm khảm chúng như là một kỷ niệm ngọt ngào tình thương. Chúng nó tựu về thì vui, chúng đi chị khỏe, thời giờ tu tập đỡ bị xáo trộn.

Ồ! có chuyện này khá vui, sẵn dịp chị kể em nghe cười chơi. Nhân dịp có đủ hai thằng con trai, anh dặn dò:

— Ba má đã bàn nhau và đồng ý rằng hôn nhân của các con do các con tự quyết định, hạnh phúc thì các con nhờ, đau khổ các con chịu. Ba má không muốn xen vào chuyện của các con, mà chỉ muốn nhắc nhở các con một điều là vợ chồng cùng chung một nền văn hóa, cùng chung một tôn giáo, để xây dựng hạnh phúc hơn. Lúc trẻ mình không thấy tầm quan trọng của hai vấn đề này, nhưng khi về già, người ta thường sống trở lại với dĩ vãng và cần nương tựa vào một niềm tin, thì văn hóa và tôn giáo, trở thành yếu tố then chốt giữ vững tình nghĩa mặn nồng cho chuỗi ngày già.

Chị cũng góp ý:

— Hôn nhân là chuyện quan trọng ảnh hưởng suốt cả đời. Do đó, các con nhớ phải cần thận, lựa thật kỹ kẻo mang khổ nghe các con!

Tú cười ngất đáp:

— Má yên chí đi! Vụ này thì con kỹ lắm! Con phải sống chung với nhau vài năm, biết rõ hết mọi chuyện rồi mới nghĩ đến việc kết hôn má ạ!

Trời đất! em nghe thằng Tú nói như vậy em có lòng bùng nổ tai không út? Chị thấy nó chủ trương kỳ lạ muốn răn dạy nó, nhưng mình đã nguyện buông bỏ mọi việc để rảnh rang tu tập,

mà còn thắc mắc gì nữa, nên chị gượng cười cho xong.

Em út thương,

Chị biết em đã chứng kiến và hiểu biết nỗi đau khổ của chị, nên chị viết thơ này kể lể hết mọi chuyện để em được yên tâm. Bắt đầu tu tập thì cũng bắt đầu cảm thấy an lành thư thái em ạ! Kể ra, đợi gần đến sáu mươi mới lo tu niệm là quá trễ phải không em?

Ít hàng thăm hai em và các cháu. Chúc gia đình em một năm mới an khang thịnh vượng.

Chị Hai của em.

Đông xếp thơ chị lại trong niềm vui tràn ngập. Hình ảnh người chị thân thương thấp thoáng ẩn hiện trong tâm khảm chàng. Bóng dáng người chị tuổi lục tuần đó thoát tan biến rồi hóa thành cô gái tuổi trâm cài nhí nhánh, đang chăm chỉ sửa chiếc vòng làm bằng vành nia cho thằng em út. Cạnh đó, bên bàn ăn, một tô canh bù ngọt ngọt ngào vẫn còn nghi ngút khói...

Tháng 11-1996.

Ghi chú:

1. **Chệt:** thổ ngữ của người Tiều Châu có nghĩa là chú, như tiếng *xẩm* có nghĩa là thím. Dân miền Nam hiểu khách gọi người Tiều là “chú thím” bằng ngôn ngữ của họ là “chệt và xẩm”, có người gọi trùng dụng là *chú chệt, thím xẩm*.



Thơ THÚY TRÚC

Bài thơ Chúc Thọ

Bảy mươi còn ước mơ gì
Trăng thanh gió mát ta thì thông dong
Lặng xem hoa bướm vườn trong
Mai lan cúc trúc cánh hồng lung linh
Chuyên trì tiếng kệ lời kinh
Ăn chay niệm Phật nguyện mình lợi tha
Thương chi cái cõi Sa Bà
Kiếp sau xin chớ lân la chốn này
Sen vàng chín phẩm về ngay
Yến Oanh vui hót phương Tây đợi chờ
Có chim Cọng Mạng Tân Già
Đêm ngày sáu khắc hát ca từng bưng
Gió hiu hiu mát không ngừng
Thoảng qua cây ngọc như từng nhạc âm
Tai nghe Phật Pháp thậm thâm
Thiện căn tăng trưởng phát tâm Bồ Đề
Trang nghiêm Cực Lạc quay về
Bên kia bờ giác chẳng hề khổ đau
Có ao thất báu nhiệm mầu
Bát công đức thủy sạch lâu tuyết trong
Di Đà lục tự nằm lòng
Như Lai hội ngộ cầu mong toại nguyện.

Sáng Mùa Xuân

Sáng xuân nhìn ra cửa
Bướm đùa hăng dậu thừa
Hoa cười trên nắng sớm
An nhiên vông dong dưa.

Cõi Tịnh

DIỆU NGA

Người Việt mình sống trên đất Mỹ, mỗi lần mua một tờ lịch mới cho năm sắp đến thì ai cũng lật xem mông một Tết rơi vào ngày nào trong tuần. Điều này rất quan trọng vì nếu năm nào Tết trùng nhằm ngày giữa tuần thì kể như khỏi ăn Tết vì ai cũng phải đi làm. Sở làm ở Mỹ, công cũng như tư, họ đâu cho phép người mình nghỉ việc một vài ngày để lo Tết chút gì đâu.

Năm nay gia đình Khá có vẻ như muốn ăn Tết lớn. Nhưng muốn vậy, phải lo coi ngày trước đã. Cả tháng nay, Khá cứ canh chừng gọi đến Pháp Quang, tiệm bán hình tượng, Kinh sách và lịch Phật ở đối diện thương xá Phước Lộc Thọ để hỏi thăm có lịch mới chưa. Sư cô nói: “Thường thường đầu tháng 12 thì có.”

Thế là ngay ngày thứ bảy đầu tháng 12, sau khi gọi điện thoại hỏi lại lần nữa cho chắc chắn, Khá bảo con trai chở mình đi mua lịch. Hằng, vợ Khá, cũng đi theo để mua thức ăn gần đây. Cả nhà ba người lên chiếc xe Avalon màu đỏ rợp chất của Khương, chàng nha sĩ tốt nghiệp hơn một năm nay.

Khương là cái đình để các cô gái ở Los Angeles nhắm vào. Trẻ tuổi, đẹp trai, có bằng cấp, làm ra tiền, đó là tiêu chuẩn của các thiếu nữ nhan sắc, thời thượng, ở thành phố được mệnh danh là “Saigon nhỏ” này. Nhưng hình như chưa ai được Khương chú ý. Chẳng phải anh là người lãnh cảm vô tâm nhưng vì anh vốn chịu ảnh hưởng của cha mẹ, chú trọng quá nhiều vào

đời sống nội tâm đạo hạnh lại đặt nặng vấn đề hiếu thảo thành ra chàng và các cô cứ như là hai đường thẳng song song.

Những người ngấm nghe muốn làm suôi với vợ chồng Khá cứ tấm tắc khen thầm:

“Sao họ khéo sinh đứa con trai ngon lành đến thế!”

“Thật là tài đức song toàn!”

“Ai được làm dâu nhà ấy tha hồ hưởng phúc lộc. Ông bà ấy tu hành, hay bố thí giúp đỡ, con cháu thừa hưởng bao nhiêu là ân đức!”

Nhưng cũng lắm cô “cua” mãi chẳng được gì lại thậm thì phê phán:

“Con trai gì mà cù lần!”

“Ai lấy anh ta phải làm dâu cả đời!”

Có người chanh chua hơn:

“Tôi dám đoan chắc ai không biết tụng kinh niệm Phật thì khó lọt vào nhà ấy!”

Mặc ai nói gì thì nói, Khương không quan tâm. Chàng tự thấy mình là người may mắn được sinh ra trong một gia đình đạo hạnh. Không những cha mẹ chỉ lo săn sóc, trưởng dưỡng chàng mà còn dạy dỗ chàng phương cách sống thiện hảo, lợi mình lợi người và chỉ bày con đường hướng thượng giải thoát theo giáo lý Phật đà. Nhờ cùng chung lý tưởng với cha mẹ nên Khương không bao giờ cảm thấy cô đơn dù anh là con một và chưa có người yêu.

Từ nhà ra đến phố, thường ngày đi chừng 45 phút nhưng hôm nay mới sáng sớm đã kẹt xe nên cả tiếng đồng hồ rồi mà chưa tới đường Bolsa. Phải rồi, tháng này ai cũng lo chuẩn bị mừng Giáng Sinh, không những họ đổ xô đi mua sắm mà thôi, lắm người, nhất là các cô các cậu lại có dịp đi dạo, đem sự trẻ trung, yêu kiều của mình tô điểm cho phố phường thêm khởi sắc.

Khá ngồi trong xe, phóng tầm mắt nhìn ra xa. Hai bên đường đầy những cờ treo, hoa kết. Màu xanh lá cây sậm đi với màu đỏ của bông trạng nguyên và những ngôi sao kim tuyến, những bông tuyết trắng phau là màu sắc và hình

ảnh tiêu biểu của mùa lễ lớn này.

Bao giờ cũng vậy, mỗi khi đường phố, tiệm buôn bắt đầu nhộn nhịp, tưng bừng trong không khí và nhạc mừng Nô-en, Khá bồi hồi nhớ lại kỷ niệm đầu tiên khi gia đình chàng mới định cư tại Mỹ. Mười tám năm rồi còn gì! Hồi đó, Khương chỉ là một cậu bé bảy tuổi, ốm tong teo, nhút nhát và hay khóc; còn vợ chồng Khá tuy còn trẻ nhưng vốn liếng Anh văn thật là ít ỏi.

Nhà thờ Tin Lành bảo lãnh gia đình anh từ đảo Bidong đem về một khu vực ngoại ô của Los Angeles. Họ mượn sẵn cho Khá một chỗ ở tại chung cư Evergreen. Rồi thì mỗi người trong nhà thờ mang đến một món: từ cái giường, tấm nệm, cho đến nồi niêu chén bát, quần áo, khăn lông, bàn chải... Ông mục sư khệ nệ bưng đến một cái truyền hình cũ nhưng còn tốt và bảo cả nhà hãy cố gắng xem nghe tin tức mỗi ngày vì đó là cách học Anh ngữ tốt nhất.

Khá không ngờ từ một kẻ tay không ở đảo mới sang mà trong phút chốc, chàng có đủ mọi thứ cần thiết cho một gia đình. Bởi vậy, đối với anh, mùa Giáng Sinh ở đây thật ấm tình người. Những ngày đầu tiên trên vùng đất mới, con người có nhiều mặc cảm và bơ vơ, nếu có kẻ giúp đỡ đúng lúc, mình sẽ dễ dàng cảm thông được tình nhân loại. Trái tim của kẻ cho và người nhận cùng mở ra và nhờ đó tình người được truyền đạt một cách giản dị và trực tiếp, không cần qua ngôn ngữ, cũng không bị ngăn ngại vì màu da, địa vị hay tôn giáo. Khá nhận thấy rõ ràng như vậy.

Sự tương trợ này không phải chỉ có giá trị về vật chất, nó là một sự hỗ trợ mạnh mẽ về tinh thần, giúp vợ chồng Khá dẹp bỏ mặc cảm tự ti, cảm thấy phấn chấn, tin tưởng hơn trên bước đường lập nghiệp. Điều ấy thật quý báu vô cùng. Bởi vậy, vợ chồng Khá cùng tự nguyện sau này sẽ vận động lập ra một tổ chức giúp đỡ những người mới định cư, không phân biệt sắc tộc.

Hai năm sau, Khá từ già những người bạn

nhà thờ để dời nhà về đây cho tiện việc đi làm. Bảy giờ, họ đã có xe, hai vợ chồng cùng đi làm chung ở một hãng điện tử và Khương thì dọn dĩ hơn với những người bạn cùng lớp.

Khoảng thời gian 1978-1980, người mình vượt biên ồ ạt và tỵ nạn về Cali ngày một đông. Trong số những người đồng hương quen biết, vợ chồng Khá kết thân với vợ chồng Nguyên. Bác sĩ Nguyên thuộc hàng trí thức, đã từng đi du học tại Hoa Kỳ nên sang đây có thể hành nghề lại ngay; vợ ông là y tá. Họ mở phòng mạch tại Los Angeles, giúp ích cho người mình không nhỏ. Khá quen Nguyên nhân một buổi đi khám sức khỏe, bữa đó phòng mạch vắng người nên có dịp nói chuyện lâu và hai người đều vui mừng khi biết họ cùng chung gốc gác ở Cần Thơ.

Vợ chồng Nguyên tánh tình đơn giản, bình dân làm cho vợ chồng Khá không có mặc cảm khi giao tiếp, lâu dần trở nên thân. Bảy giờ, Khá có dịp bày tỏ ý nguyện giúp đỡ người mới định cư của mình.

Bác sĩ Nguyên nói:

— Tôi tán thành dự tính thiện nguyện của anh nhưng nếu công tác xã hội ấy mà được kết hợp cùng ý hướng phát triển Phật Pháp thì lại hay hơn. Người mình lia bỏ quê cha đất tổ, sống tha hương nơi đất khách nhiều khi không khỏi cảm thấy bơ vơ. Nếu cùng kêu gọi nhau qui về một hướng, chung lo tu học thì tinh thần của chúng ta sẽ được an ổn hơn. Xưa nay, đạo Phật vẫn gắn liền với quê hương và dân tộc, nay mình quay về nương tựa nơi Tam Bảo chẳng khác nào được sống trong lòng quê hương, lại còn được muôn vàn lợi lạc nhờ giáo lý Phật đà.

Tuyệt cũng chung chí hướng với chồng:

— Người mình qua đây được sung túc về vật chất, được sống trong một nước tự do, làm dân một cường quốc mạnh như thế giới nhưng thử hỏi lại xem, có ai cảm thấy hạnh phúc hoàn toàn đâu? Ai cũng có vấn đề riêng, ai cũng có nỗi khổ riêng, lắm kẻ còn đòi tự tử nữa. Đứ

Phật nói ‘tâm bình, thế giới bình’, bởi vậy cái tâm mới là phần chủ chốt, nếu mình không biết điều phục cái tâm thì có lẽ được lên cõi trời cũng không thấy sướng, hưởng hồ chi ở Mỹ quốc này.”

Vợ chồng Khá nghe vậy càng thêm phấn khởi. Thế là họ cùng hợp sức với vợ chồng bác sĩ Nguyễn, bắt đầu vận động thành lập “Hội Phật Học và Tương Tế.”

Thuở ấy, ở đây chưa có hàng quán như bây giờ nhưng thêm phở hay bún riêu, bún bò Huế, bún thịt nướng thì cũng có những chỗ bán chui, bán trong nhà và thực khách đều là người quen biết. Nhờ những nơi này, Khá có dịp gặp gỡ người đồng hương, kêu gọi họ tham gia vận động lập hội.

Phải thành thật nói rằng do tiếng tăm và uy tín của bác sĩ Nguyễn, hội Phật học được thành lập nhanh chóng và ngày càng có thanh thế. Nhờ những lớp giáo lý căn bản do bác sĩ Nguyễn và một số Phật tử thuần thành đảm trách, vợ chồng Khá—và cả Khương sau này—dần dần am hiểu Phật pháp, tuy chưa sâu nhưng vững về nền tảng.

Thời còn ở Việt Nam, Khá ít có dịp đi chùa nhưng tối nào anh hoặc vợ cũng thắp nhang bàn Phật. Trước khi ngủ, anh luôn niệm thầm “Nam mô A Di Đà Phật”. Đó là thói quen từ nhỏ.

Anh nhớ thuở còn thơ, mỗi kỳ nghỉ hè đều được về quê ngoại ở làng Rạch Miếu, tỉnh Mỹ Tho. Ban ngày chơi giỡn thì vui đáo để nhưng ban đêm anh rất sợ ma vì vườn cây rậm rạp tối om om, ở chung quanh nhà thỉnh thoảng có tiếng kẽo kẹt như vông đưa, lại thêm những tiếng các kè tặc lười, tiếng dứa rụng xa xa nghe phát sợ; vậy mà ác nghiệt thay, nhà vệ sinh lại xây ở sân sau. Bữa nào không nín nổi phải kêu dì út dẫn ra nhưng khi lớn hơn một chút, bị mấy anh em cô cậu, bạn dì chế diễu hoài vì tánh sợ ma của mình nên anh không kêu ai đưa đi và kết quả là

cứ “tại chỗ” hoài, ướm lên lảng cả.

Ông ngoại hiểu cơ sự, một hôm dẫn anh đến trước bàn thờ Phật, nói với anh:

“Con thấy không, nhà mình thờ Phật, không ma nào dám vô!”

Anh mếu máo:

“Nhưng ban đêm ma ở đây ngoài sân, con hồng dám ra ngoài!”

“Nếu con ra ngoài, con cứ niệm Phật, Phật đi theo con, ma không dám xuất hiện đâu. Con tin ngoại đi!”

Rồi ông chỉ hình Phật, nói:

“Đây là đức Phật A Di Đà, đây là Bồ tát Quán Thế Âm. Con đọc tên Phật lên thì bảo đảm không có ma nào dám phá con.”

Từ khi được “bùa hộ mạng” đó, mỗi khi cần đi ngoài vào ban đêm, Khá niệm Phật liên tục không ngắt, khi trở vào nhà cũng tiếp tục niệm cho đến khi ngủ mới yên chí. Riết rồi thành thói quen. Khá thầm cảm ơn ông ngoại và phục Phật quá, bởi vì từ đó trở đi, anh không còn sợ ma và không bị ai chọc ghẹo vì tánh nhát gan nữa.

Anh tin Phật từ đấy nhưng vốn liếng Phật học của anh chẳng có gì hết. Nếu không nhờ hội Phật học chắc cả đời anh cũng không hiểu được ba chữ Phật, Pháp, Tăng, nói chi là Kinh nhật tụng, những lý nghĩa về vô thường, khổ, không...

Mấy năm sau, nhờ có quý tăng ni ra hải ngoại nên chùa chiền lần lượt mọc lên. Vợ chồng Khá thường dẫn con trai đi chùa vào các kỳ lễ lớn để Khương có dịp kết duyên với Phật pháp. Gia đình anh được nghe quý thầy giảng dạy nhiều điều lợi ích nhưng không vì thế mà anh bỏ lớp giáo lý, các buổi pháp thoại tại trung tâm Phật học cũ vì ở đấy có không khí thân tình cởi mở và bài vở được các cư sĩ soạn thảo công phu.

Nhưng mấy năm gần đây, hội Phật học có sự chuyển biến về khuynh hướng. Người ta thích bàn luận về Thiên, nghiên cứu về Thiên học nhiều hơn là giáo pháp và tụng kinh. Các cư sĩ

trí thức hay nói về nghi tình và thích thú trong việc luận giải các công án! Khá mơ hồ cảm thấy những người bạn đạo của mình đang đi lệch đường và rơi vào tình trạng chấp lý bỏ sự. Nhưng anh không dám góp ý vì luôn luôn anh có mặc cảm là người ít văn hóa lại kém khuyết về kiến thức Phật học so với những đạo hữu ấy.

Gia đình anh âm thầm rút lui ra khỏi nhóm, chỉ còn hợp tác với họ về các công việc xã hội và cứu trợ thôi. Anh nhận thấy tuổi đời đã chồng chất, sức khỏe ngày một kém suy, nếu không quyết tâm chọn một pháp môn tu và hành trì cho đến nơi đến chốn thì sẽ luống uổng một kiếp người.

Anh muốn chuyên tu Tịnh Độ vì đó là pháp môn dễ thực hành và có thể trong một đời được giải thoát, nhưng anh chưa có đủ tín giải. Lòng tin của anh đối với pháp tu này, lúc nhỏ, do ông ngoại anh truyền lại và sau này, qua các buổi tụng kinh A Di Đà cầu siêu mà anh phát khởi lòng ham chuộng cảnh Cực Lạc Tây Phương, chỉ vậy thôi.

Tin mà không hiểu, theo anh, đó chưa phải là chánh tín. Khá chẳng thể phát khởi lòng tin chơn chất như những người dân quê ở làng Rạch Miếu—họ tin tưởng một cách thiết tha về lòng từ bi tiếp độ của đức Phật A Di Đà nên đem cả thân tâm mà giao phó cho ngài—vì Khá đã trót đi vào con đường lý giải cả chục năm nay. Nếu sự tu trì mà không kèm theo lý giải thì anh chẳng thể tinh tấn được.

Vì thế, anh phát nguyện dành ra 3 năm chuyên tâm nghiên cứu và hành trì pháp tu Tịnh Độ. Từ đó anh ăn chay trường, mỗi sáng dậy sớm lần tràng hạt trước khi đi làm và đêm đêm thì tụng kinh A Di Đà. Cuối tuần, ngày thứ bảy, nếu không bận các việc xã hội, từ thiện thì cả nhà anh đi chùa. Chùa cách xa hơn 2 giờ lái xe nhưng anh không ngại đường xa vì ở đó có vị sư trụ trì đang hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Anh mượn của thầy khá nhiều sách quý nên ngày

chủ nhật, Khá dành trọn 10 tiếng đồng hồ để nghiên ngẫm, đọc kỹ từng trang. Chỗ nào không thông thì ghi xuống chờ dịp hỏi thầy cho thấu đáo. Nhờ có thầy hết lòng hướng dẫn và nhờ sự quyết tâm của mình, lần lần Khá được chỗ tâm đắc.

Càng thông lý nghĩa, anh càng tin sâu, nguyện thiết và hành trì hết sức nghiêm mật. Cho đến gần đây, như được sự cảm ứng mẫu nhiệm từ hồng ân của đức từ phụ A Di Đà, anh biết mình phải làm gì.

Anh bày tỏ cùng vợ ý định muốn tổ chức một ngày pháp thoại với chủ đề “pháp môn Tịnh Độ” để có cơ hội thức tỉnh các đạo hữu trong hội Phật học vốn là thiện hữu tri thức của anh ngày trước.

Vợ con anh góp ý nên tổ chức vào ngày Tết vì đầu năm ai cũng hoan hỉ và hăng hái. Anh đồng ý. Hằng và Khương lúc sau này trở thành những người bạn đạo, chẳng những đã cùng anh tu học mà còn sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm, kiến thức, tư duy...

Khá đang thả hồn về dĩ vãng bỗng nghe Hằng nói gì đó, anh trở về với thực tại, xoay ra sau hỏi vợ:

— Em nói gì anh không nghe?

Hằng lặp lại:

— Em hỏi anh: bữa nay muốn ăn bánh hỏi với mì căn xào không?

Khương đáp thay cha:

- Dạ con muốn!

Hằng mắng yêu:

— Thằng khỉ! Tao hỏi ba mây mà! Ăn “chay đụng” (đụng gì ăn nấy) như mây thì món nào chẳng được.

Khá cười:

— Thì nó trả lời giùm tui đó!

Xe lăn bánh, từ từ đưa gia đình Khá vào phố chợ lao xao nhưng giữa cảnh tấp nập “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” Khá vẫn thấy lòng thanh thản, nhẹ nhàng như đóa sen tự soi bóng

mình trên mặt hồ êm ả: “tâm bình, thế giới bình.”

*
* *
*

Vợ chồng bác sĩ Nguyên rất vui khi được tin Khá mời tất cả đạo hữu đến họp mặt tại nhà anh vào mùng 2 Tết.

Tuyết nói với chồng:

— Ảnh chỉ mấy năm nay như lui về một góc, không giao tiếp chi với bạn bè; em cứ sợ mình vô tình làm điều gì phật ý anh chị ấy.

Nguyên tỏ vẻ hiểu biết:

— Cá nhân mình thì không làm gì anh ấy buồn nhưng có lẽ vì ảnh chọn lối tu riêng nên không lui tới đạo tràng, vậy thôi.

Tuyết chép miệng:

— Tu thì phải đến đạo tràng, phải nhờ thiện hữu tri thức chớ ở nhà tuyên bố “Phật tại tâm” thì bao giờ mới “ngộ” được ông Phật trong tâm, phải không mình?

— Em nói đúng. Nhưng trường hợp của anh Khá thì lại khác. Ảnh ở nhà lo tu dữ lắm. Ảnh tu pháp môn Tịnh Độ. Anh đoán có lẽ anh ấy đã có sở đắc nên muốn gặp các bạn để chia sẻ. Như vậy cũng tốt.

Tuyết cảm thấy phấn khởi:

— Thế thì hay biết mấy! Để em kêu gọi các đạo hữu tham gia cho đông đủ.

... Và họ cùng đến nhà Khá vào 9 giờ sáng ngày chủ nhật, mùng 2 Tết, theo lời mời của gia chủ, với một ít hoa quả, bánh mứt.

Vợ chồng Khá đón khách từ ngoài sân, nét mặt hân hoan rạng rỡ. Tết năm nay không lạnh lắm nên hoa hồng và thược dược nở đầy trước sân, khoe sắc màu tươi thắm trong nắng ấm vàng tươi.

Bên trong, phòng khách đã được dọn trống, ghế ngồi kê quanh tường. Hai chục cái ghế cũng vừa đủ cho khách và chủ. Trong lúc Khá và con trai lo tiếp khách, Hằng nhận hoa và trái cây,

trân trọng đặt lên bàn thờ Phật rồi bưng nước mời mọi người.

Sau những câu chúc tụng xã giao ngày đầu năm, Khá từ từ đứng lên, anh nói, giọng hơi run run vì cảm xúc:

— Tôi thành thật cảm ơn các đạo hữu đã đến đây thật đông đủ, điều đó nói lên đạo tình của chúng ta vốn rất thâm sâu và vững bền. Cũng vì đạo tình ấy, tôi mời quý bạn đến đây để cùng trao đổi và góp ý về pháp môn Tịnh Độ mà gia đình tôi đang tu tập. Những câu hỏi, cho đến những chất vấn của các đạo hữu sẽ giúp chúng tôi có dịp nghiệm xét kỹ hơn về pháp môn này.

Bác sĩ Nguyên thoải mái đề nghị:

— Tôi nghĩ chúng ta nên tạo không khí vui vẻ tự nhiên cho buổi pháp thoại này thì hay hơn vì như thế ai cũng có thể dễ dàng góp ý, nhất là những cô cậu sinh viên Phật tử sẽ không ngại ngùng vì câu “kính lão đắc thọ.”

Nhóm trẻ hoan nghinh, vỗ tay cười. Khá cũng bớt hồi hộp, anh ngồi xuống, trong tư thế sẵn sàng.

Tuyết nóng lòng hỏi ngay:

— Xin anh cho biết vì lý do nào anh tin tưởng vào pháp môn Tịnh Độ?

— Tôi có duyên với môn này từ nhỏ. Tôi nói sự thật này ra, ai muốn cười thì cứ cười nghe. Hồi nhỏ tôi sợ ma lắm, mà mỗi kỳ nghỉ hè đều thích về quê ngoại để cùng với mấy người con của dì, cậu tôi bơi xuống, trèo cây hái trái, chơi nhà chòi, hưởng thú nhà quê. Ban ngày vui đáo để nhưng về tối xuống là tôi sợ lắm vì nhà quê không có điện mà bóng tối lại đầy đặc trong các lùm cây. Thêm tiếng cóc nhái, ảnh ương kêu inh ỏi quanh nhà... Thấy tôi sợ hãi thái quá, ông ngoại tôi dạy tôi niệm Phật. Mỗi khi niệm Phật, tôi thấy lòng không còn sợ hãi. Hơn thế nữa, khi ra đời, gặp những chuyện phiền não khó nhằn, tôi liền khởi câu niệm Phật thì tự nhiên được an ổn. Về sau, tôi lại được chứng kiến cái chết êm

thấm, tươi tỉnh của ông ngoại tôi, của cậu tôi và được nghe kể về một số trường hợp vãng sanh của người trong làng Rạch Miễu, kể thì biết trước ngày chết, người ngồi chấp tay niệm Phật mà đi, người thì tự sắp đặt mọi chuyện hậu sự, từ già bà con lối xóm rồi nhắm mắt như ngủ, đi êm ru lúc nào không ai hay... Nhiều lắm! Quê ngoại tôi thuở ấy chưa có chùa, vậy mà người này dạy người kia niệm Phật rồi được Phật rước cả... Tôi tự xét mình tuổi ngày một lớn, phải lo tu gấp nên quyết định niệm Phật cầu về Tây phương. Tu theo những pháp môn khác, tôi e rằng không đủ sức vì tự biết mình nghiệp chướng sâu dày, nếu chỉ dùng tự lực chắc chắn không đảm đương nổi, phải nương nhờ Phật lực mới mong một đời liễu sanh thoát tử.

Bác sĩ Nguyễn có vẻ đắn đo suy nghĩ nhưng rồi ông quyết định, nói:

— Dù anh tu theo pháp môn nào trong đạo Phật, chúng ta cũng có chung một vị bổn sư là Thích Ca Mâu Ni Phật, phải không? Nếu tôi không lầm thì chính ngài đã dạy: “Hãy tự mình thấp đước lên mà đi, hãy là chỗ nương tựa của chính mình.” Vin vào lời dạy ấy, tôi nghĩ rằng chúng ta tu là để thanh tịnh tâm ý. Nếu tâm tịnh thì Phật độ tịnh, đó là Niết Bàn thiết thực tại thế mà chúng ta được hưởng ngay trong cuộc sống này, đâu đợi khi chết về Cực Lạc mới được an hưởng, mà biết chắc cõi Cực Lạc ấy có thực không hay chẳng qua đó chỉ là cảnh giả dụ, tượng trưng thôi?

Nhóm trẻ vốn chịu ảnh hưởng nhiều của khoa học thực nghiệm lại được học Thiền tại hội Phật học mấy năm nay nên gật gù có vẻ đồng ý với lập luận của bác hội trưởng. Tuy nhiên, Nghiêm thắc mắc, giơ tay hỏi:

— Cháu cũng nghĩ vậy, nhưng đối với những trường hợp vãng sanh có thật mà bác Khá kể đó thì nên hiểu như thế nào?

Nguyễn đáp không do dự:

— Niệm danh hiệu Phật cho đến mức thuần

thục, nhất tâm không loạn thì cũng như người tu thiền đạt đến chánh định. Có định thì sinh huệ; đắc huệ thì thấu rõ việc sinh tử nên chuyện thoát hóa không có gì trở ngại. Trong Thiền tông cũng rất nhiều vị biết trước ngày chết, làm kệ lưu lại đời sau. Trăm sông đều đổ về biển. Bao nhiêu pháp môn cũng dẫn đến một cứu cánh là giải thoát mà thôi. Nên tùy theo thời thế và căn cơ mà chọn lựa pháp cho xứng hợp thì sự tu học mới có kết quả.

Khá gật đầu:

— Tôi đồng ý với anh về vấn đề này nhưng khi nãy anh nói: “biết đâu cảnh Cực lạc chỉ là sự giả dụ hay tượng trưng.” Tôi cũng đã đọc nhiều sách giải thích kinh A Di Đà bằng lý, cho rằng Cực Lạc là trạng thái an vui của tự tâm; Tịnh Độ là trở về được với sự thanh tịnh của trí huệ và sự an lạc của lòng từ bi; Liên hoa hóa sinh là biết giữ thân tâm không nhiễm sự ô trọc như sen “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” thì mới hưởng được trạng thái láng láng thoát tục của tự tâm. Rồi từ đó, muốn tiến tu thêm, phải thường quán chiếu, thấy chung quanh mình, từ rừng cây, suối nước, tiếng chim kêu... đâu cũng là đạo mầu; lại phải tu Thất Bồ Đề phần (ao bảy báu) và thành tựu Bát chánh đạo (nước tám công đức) thì dần dần sẽ chứng quả vô sanh (hoa nở thấy Phật chứng vô sanh).

Xét về lý giải thì không có gì sai nhưng nếu giảng kinh như vậy là chấp lý bỏ sự. Đó là một sơ sót lớn nếu không nói là sai lầm. Tôi tin cảnh giới Cực lạc là cảnh thật, không phải là sự giả dụ đâu. Vì sao? Vì Phật, Tổ không bao giờ nói dối. Kinh A Di Đà tả rõ cảnh trí, đời sống cùng sự tự tại thảnh thơi của người dân nước Cực Lạc, nhiều vị sư trước khi viên tịch cũng nói lên cảnh vi diệu được Quán Âm, Thế Chí đến rước. Còn ngài Huệ Viễn là một thiền sư chứng ngộ mà lại ra công hoằng dương Tịnh Độ, khuyên người người niệm Phật cầu vãng sanh thì đó chẳng phải là lời nói suông.

Hơn nữa, nếu có chánh báo thì phải có y báo, như chánh báo của Phật Thích Ca là thân có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, y báo của ngài là cõi Ta Bà; còn y báo của Phật A Di Đà là cõi Cực Lạc. Hễ có chánh báo tất nhiên phải có nơi để quả báo ấy nương tựa, sinh ra và lớn lên. Người gieo nhen Tịnh Độ lẽ nào không được quả Tịnh Độ sao? Người chuyên tâm niệm Phật thì quyết định về xứ Phật, không đi nơi nào khác.

Ở thế gian, một vị tu sĩ còn có thể lập đạo tràng hóa độ chúng sanh, lẽ nào oai đức như chư Phật mà không có một cõi an lành để nhiếp hộ chúng sanh sao?

Tôi tin lòng từ bi và nguyện lực của đức Phật A Di Đà, người không bao giờ làm ngơ trước bất cứ ai hết lòng kêu cứu, mong thoát khỏi bể khổ sinh tử, cầu vãng sinh về cõi Tịnh của ngài.

Hằng xen vào, nhắc khéo chồng:

— Nãy giờ anh toàn nói về sự. Còn lý thì sao?

Khá thăm cảm'ơn vợ, anh tiếp:

— Là Phật tử hẳn chúng ta tin rằng ai cũng có Phật tánh nhưng sở dĩ chúng ta không hội nhập và không diệu dụng được như chư Phật, chư Bồ tát, bởi vì từ vô thủy đến nay, Phật tánh ấy bị vô minh che lấp. Nay nhờ Phật chỉ dạy, mình biết rõ nơi bản tâm có kho tàng vô giá liền tự quay về, bỏ trần hiệp giác. Không chạy theo trần cảnh mà biết quay về sống với Phật tánh chơn như bằng cách nhứt tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì chẳng khác nào đem giọt nước nhỏ bé của mình hòa vào biển pháp giới của Tàng thân A Di Đà Phật, giọt nước này cũng thành biển cả mênh mông mà sông ngòi ao rạch không thể nào sánh được.

Nếu không nhờ nguyện lực của đức Phật A Di Đà thì kẻ phạm phủ đầy nghiệp chướng khó thể trong một đời mà có thể giải quyết xong việc sinh tử. Như bậc Tu Đà Hoàn còn phải trải qua 7 lần sanh lên trời, 7 lần trở lại nhân gian mới tiêu hết hai món kiến hoặc, tư hoặc mà chứng

quả A La Hán. Người tu thiền dù một phen tỏ ngộ nhưng nếu không chứng đắc cũng khó lòng thoát ra khỏi vòng luân hồi.

Bỗng một giọng ô ô cất lên:

— Thưa, căn cứ vào đâu mà bác nói như vậy?

Khương có dịp thay thế cha trả lời cho người bạn trẻ:

— Ấn Quang đại sư đã nói: “Ngộ vẫn còn trong vòng ấy!”

Quý hỏi tiếp:

— Vậy ngộ và chứng khác nhau ra sao?

Khương từ tốn giải thích:

— Theo chỗ tôi học hỏi thì được biết như vậy: “ngộ cũng như người đang lạc trong rừng rậm mà tìm thấy được lối ra, còn chứng là đã vượt thoát ra khỏi nơi nguy hiểm tối tăm rồi, an ổn ngồi trong nhà một cách vô sự.

Khá gật đầu, tiếp:

— Trong thế gian này biết bao nhiêu người tu mà mấy ai đã “ngộ” đâu, nói gì là “chứng”. Còn những điều chúng ta học được qua kinh sách, qua các bài giảng chỉ là kiến giải thôi. Kiến giải, nếu không dùng nó như một phương tiện để sửa đổi tự tâm thì thật ra không ích lợi gì trong giây phút tứ đại phân ly. Lúc đó, tơ lòng trăm mối, nơi nào nặng thì sa, nghiệp mới nghiệp cũ níu kéo, nợ nào mạnh thì thắng. Nhưng nghiệp vốn không có tự tánh nên tâm có thể chủ động mà chuyển nghiệp. Nếu tâm chuyên chú cảnh Tây phương thì thần thức khi thoát ra cũng hưởng cảnh phương Tây như nam châm hút sắt và dĩ nhiên là với sự quyết tâm cầu vãng sanh như vậy của chúng sinh, đức Phật A Di Đà không từ bỏ ai, dù đó là kẻ đã trót gây tạo ác nghiệp nhưng biết ăn năn sám hối.

Hoàng thấy mình còn quá trẻ để nghe nói về sự chết, anh phát biểu:

— Cháu nhớ một thiền sư đã nói:

“Sống ngày nay, biết ngày nay

Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì.”

Sống thực sự trong giây phút hiện tại, không nghĩ về quá khứ, không sợ hãi tương lai vì tương lai là cái gì chưa đến. Như thế thì tâm mình được thanh thoi hơn. Đang còn sống mà ngày tối nghĩ tới cái chết hoài, cháu cảm thấy như mình tự hãm dọa mình và quên sống. Cuộc sống dù vô thường nhưng đẹp và đáng sống lắm chứ!

Khá thâm khen người bạn trẻ thông minh, anh lựa lời đáp:

— Với cậu thì tôi không lo nhưng nhóm trẻ hiện sinh mà vợ được hai câu thơ ấy của Thuyền Lão thiền sư thì ắt là họ mừng lắm vì tưởng rằng sống phóng túng buông thả, không cần lo cho tương lai là hợp với đạo Thiền. Nhưng thật sự không phải vậy. Bởi vì muốn có thể sống trọn vẹn cho giây phút hiện tiền, mình phải biết buông xả mọi vọng tưởng điên đảo. Niệm Phật là một phương cách buông bỏ dần những xao động lăng xăng để trở về Nhứt Tâm. Trở về Nhứt Tâm mới thật sự sống, còn sống như phàm phu chỉ là nửa tỉnh nửa say, thật là uổng phí tháng ngày. Sống với Nhứt Tâm rồi thì dù thân chưa về Cực Lạc mà tâm đã an ổn vô ưu rồi, đâu đợi đến khi chết mới hưởng thú vãng sanh!

Quyên, bác phó hội trưởng, bây giờ mới lên tiếng:

— Nước Cực Lạc trong kinh A Di Đà mô tả là cõi toàn vui không khổ, đầy đầy vàng bạc châu báu, không cần làm việc cũng có ăn; như vậy người dân nước đó chỉ lo vui hưởng thôi vì chẳng có điều chi phải lo lắng, phải đối phó. Vậy tôi xin lỗi: Cực Lạc Tây Phương khác cõi dục giới, sắc giới chỗ nào?

Hằng giờ tay xin đáp:

— Cực Lạc quốc sở dĩ được thành lập là do nguyện lực của đức Phật A Di Đà nhằm cứu độ chúng sanh theo phương cách của riêng ngài. Làm dân nước ấy không khác chi được vào học tại một đạo tràng vĩ đại, đẹp đẽ, trang nghiêm. Nơi đó, học chúng luôn luôn đơm nhuần Phật pháp vì từ tiếng chim hót, tiếng nước chảy cho

đến là cây khua động đều phát ra những pháp âm vi diệu không dứt khiến cho mọi người luôn luôn nhớ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Nhờ hoàn cảnh thanh tịnh tuyệt hảo, nhờ Phật lực và nhất là vì sự tu trì không gián đoạn nên dần dần hành giả dứt bỏ được tam độc tham sân si, phá trừ vô minh từ thô đến tế. Tiến trình tu chứng cứ tiếp tục mãi cho đến ngôi vị không còn thối chuyển rồi viên thành Phật đạo. Như vậy Tây phương Cực Lạc là cõi để tu hành đầu giống như các cõi trời chỉ biết vui chơi hưởng thụ. Chư thiên ở cõi trời hễ hưởng hết phước thì đọa còn dân nước Cực Lạc nhờ công đức tu tập chắc chắn không sợ sa rớt trở lại chốn luân hồi. Mỗi học viên của đạo tràng Cực lạc đều sẽ thành Phật cả, mau hay lâu tùy theo trình độ, căn cơ và sự nỗ lực của chính mình.

Thu Cúc, cô sinh viên Phật tử sắp tốt nghiệp Dược khoa, rất thích thú theo dõi câu chuyện. Cô có dịp góp lời:

— Cõi Cực Lạc đầy đầy vàng bạc, lưu ly, ngọc quý, lại không cần phải lo vấn đề ẩm thực, y phục, vật dụng... thì có lẽ người dân xứ ấy không khởi lòng tham muốn.

Hằng gật đầu đồng ý:

— Chẳng những không khởi lòng tham của cải tài vật mà theo tôi nghĩ, họ cũng không có cơ hội để khởi lòng ái dục vì dân xứ ấy từ liên hoa hóa sanh, mang thân đồng nam cả.

Tôi biết có người vào chùa tu mà chỉ nguyện kiếp sau được thân nam; nếu người ấy nguyện sinh về Cực Lạc thì đương nhiên cũng được thân nam rồi, lại còn thoát ra khỏi vòng sinh tử, có hoàn cảnh tiến tu mãi cho đến khi thành tựu đạo quả; thật lợi lạc muôn ngàn trăm ức lần hơn.

Bác sĩ Nguyên vẫn tiếp tục vấn nạn:

— Tôi được biết cõi Tịnh Độ có nhiều phẩm vị khác nhau nhưng riêng đối với những người đời nghiệp vãng sanh, tuy được về cõi Cực Lạc rồi nhưng nghiệp trần còn mạnh, tham sân si còn nhiều thì làm sao họ tránh khỏi sự đọa lạc trước

cảnh sung sướng đầy đủ, muốn gì được nấy?

Khá chẳng lúng túng, anh đáp ngay:

— Anh cũng biết hễ “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Được ở cõi Phật, một môi trường hoàn hảo, ngày ngày đều nghe pháp, được Phật lực gia hộ, được làm bạn cùng những bậc thánh thì lâu ngày nghiệp cũ cũng tiêu dần. Duy thức học có câu: “Bất khả tư nghì huân, bất khả tư nghì biến” mà. Sự tiêm nhiễm biến đổi con người một cách không thể tưởng tượng được, chính mình còn không biết nữa. Về Cực Lạc rồi thì dần dần chuyển phàm thành Thánh cả, làm sao có sự đọa lạc?

Bác Trần Kim đang nghiên cứu kinh điển Tiểu thừa, giờ có dịp hỏi:

— Sao tôi không thấy kinh sách Tiểu thừa nói đến pháp tu Tịnh Độ, vậy môn này có phải là do đời sau chế ra không?

Khá đã chuẩn bị cho câu hỏi này, anh đáp:

— Kinh điển Tiểu thừa không nói đến vì đây là một pháp môn Đại thừa, điều đó dễ hiểu thôi. Tông Tịnh Độ căn cứ trên ba kinh là Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Sơ Tổ là ngài Huệ Viễn ở Trung Hoa.

Đạo hữu Trần Kim hỏi vặn lại:

— Người tu Tịnh Độ tự cầu cho mình được vãng sanh, không cứu giúp được ai, đó là tinh thần của Đại thừa sao?

— Người niệm Phật cầu vãng sanh phải khởi lòng từ bi, hay bố thí giúp đỡ, khuyến khích người người cùng tu, như vậy mới có thể khéo hợp cùng tâm đại từ đại bi của đức Phật, hơn nữa, khi hồi hướng phát nguyện, hành giả luôn luôn nguyện cho mình và tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo, không chỉ nghĩ tới riêng mình. Đó là tinh thần của Đại thừa.

Trần Kim tiếp:

— Mục đích của đạo Phật là phá trừ ngã chấp, pháp chấp. Người tu Tịnh Độ tin cõi Tây phương Cực Lạc là thật có, vậy là pháp chấp; mong về đấy hưởng sự an vui, đó là ngã chấp.

Như thế có đúng với chánh pháp chăng?

Khá thích thú được chất vấn như vậy. Anh ôn tồn đáp:

— Quả thật trong giai đoạn đầu tiên, vì chưa chứng ngộ, ngã chấp và pháp chấp của phàm phu được vãng sanh vẫn còn y nguyên. Những người này phải nương vào búp sen mà tu trì, cho đến khi hoa nở mới được thấy đức Phật A Di Đà, được nghe Phật thuyết pháp. Đến khi chứng được quả vị vô sanh, ngã pháp đều buông bỏ, như trứng gà đã nở ra, gà con được tự tại đi đứng, không cần gà mẹ ấp cũng không cần cái vỏ bao bọc che chở nữa. Bấy giờ họ trở thành những vị Bồ tát không thối chuyển, tùy nghi phương tiện mà hóa độ chúng sanh.

Bác Quyền tiếp lời vấn nạn:

— Chỉ niệm Phật thôi mà được thoát ly sinh tử, việc đó nghe dễ dàng quá, đến nỗi thành khó tin.

Khá gật đầu:

— Thật vậy. Tịnh Độ là pháp khó tin. Những pháp môn khác phải tốn bao nhiêu là công sức mà chưa thấy chi còn người niệm Phật chẳng cần biết gì khác ngoài việc tin Phật, niệm Phật và cầu vãng sinh; dễ dàng mà kết quả lại lớn lao, vi diệu.

Nhưng nếu xét cho kỹ thì pháp tu Tịnh Độ cũng gần đủ Bát Chánh Đạo. Trước nhất, người nguyện sinh Cực Lạc phải là người có Chánh kiến, thấy rõ nỗi khổ sinh tử bức bách, thú vui dục lạc là chất độc hại người, tình cảm luyến ái là sợi dây ràng buộc. Lại thêm sự thôi thúc của nghiệp lực thường xui khiến mình làm điều quấy, việc ác nên chưa chắc kiếp sau được trở lại làm người. Vì vậy, họ hướng tâm về cõi Cực Lạc, quốc độ của đức Phật A Di Đà mà phát nguyện vãng sanh về đó để có thể xa lìa mọi khổ nạn và chấm dứt chuyện sinh tử luân hồi.

Họ tin rằng lời phát nguyện của đức Phật A Di Đà quyết không dối gạt chúng sinh nên thường nhớ Phật, kêu gọi ngài cứu độ bằng cách

trì danh hiệu của ngài hoặc quán tưởng hình ảnh của ngài. Đi, đứng, nằm, ngồi, một lòng chăm chú không xao lãng công phu, không quên hạnh nguyện, không nghĩ tưởng chuyện gì khác, đó là chánh niệm.

Khi được chánh niệm trong lúc hành trì, họ tự cảm thấy thân tâm thanh tịnh, an ổn nên càng siêng năng không biếng trễ, đó là chánh tinh tấn. Cho tới khi công phu đạt tới chỗ nhất tâm bất loạn thì toàn tâm là một khối vững vàng, không còn xao động vì ý thức phân biệt bên trong hay vì trần cảnh xoay chuyển bên ngoài, ấy không gọi là chánh định sao?

Đạt được chánh định rồi, niệm Phật với hành giả là một. Từ đấy, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm nên mọi ý hướng suy nghĩ đều hợp với chánh pháp (chánh tư duy) nên luôn luôn muốn làm những sự hòa vui, lợi lạc, thí xả cho người. Tư tưởng đã như thế thì những hành vi thể hiện ra bên ngoài từ lời ăn tiếng nói cho đến cách xử sự, nghề nghiệp sinh sống đâu lẽ nào không đầy đủ chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh hay sao?

Đấy là luận theo thành quả tu tập mà nói người tu pháp môn Tịnh Độ thực hiện đầy đủ Bát Chánh Đạo; còn đối với người sơ cơ thì như ở quê ngoại tôi, người ta dạy cho nhau rằng kẻ niệm Phật cầu sinh Cực Lạc mà muốn được Phật rước thì phải tu như tích đức. Người tu như tích đức ắt là phải có chánh ngữ rồi, họ lại không làm những điều trái với luân thường đạo lý, đó là chánh nghiệp và dĩ nhiên họ không sống bằng nghề đồ tể cũng không sát sanh hại vật để có món ăn ngon; đấy là chánh mệnh. Dùng giới mà tu định, từ định sinh huệ, thật cũng không khác với đạo Thiền, phải không?

Khá dùng một mũi tên bắn cùng lúc hai mục tiêu, vừa thỏa mãn Trần Kim vừa nhắm vừa lòng bác sĩ Nguyên, người chú trọng thiền học.

Quả nhiên, hai người ấy kín đáo nhìn nhau rồi gật gù, ngồi im.

Nhưng bác Quyền vẫn còn thắc mắc:

— Theo chỗ tôi biết, tu Tịnh Độ có bốn phương pháp, đó là trì danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật và thật tướng niệm Phật. Thật tướng niệm Phật thì cao siêu quá, ít ai hiểu tới nói gì là thực hành. Riêng với ba phương pháp đầu thì tôi e rằng trái với tinh thần của kinh *Kim Cang*. Vì sao? Kinh dạy rằng:

*“Nhuộc dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.”*

Dùng sắc, thanh mà cầu Phật là tà đạo vì chỉ chạy theo vọng tưởng, làm sao tỏ ngộ Chơn Như?

Khương nghe câu hỏi, lấy làm thích thú vì đó cũng là lời chất vấn của anh trước kia khi gặp thầy T.H. Khá hiểu ý con, dành cho Khương trả lời.

— Cháu xin phép nói. Về vấn đề này, bốn sư của cháu đã giảng khá kỹ càng, nay cháu xin lập lại một cách đại lược thôi.

Phàm sự vật gì cũng có thể, tướng và dụng. Thể là bản chất thực sự của các pháp nhưng Thể lại tùy theo duyên mà sinh ra tướng và dụng. Thí dụ như đất sét là cái thể chung mà lại từ đất sét có thể làm ra lu nước, bình bông, nồi niêu, chén đĩa, ly tách... mỗi thứ đều có hình dáng màu sắc khác nhau và tùy theo hình tướng ấy mà sự sử dụng cũng sai khác. Tuy vậy mà tướng và dụng ấy không tách rời khỏi thể vì ngay nơi tướng dụng lại là tánh thể.

Cũng vậy, ngay nơi tướng phàm phu là tánh thể Như Lai nên hành giả phải nhờ tướng mà nhập tánh như ngài Quán Thế Âm Bồ tát nhờ vào âm thanh mà trở về với tánh nghe thường hằng không đổi, đặc nhĩ căn viên thông; ngài Đại Thế Chí nhờ niệm Phật mà được lục căn viên thông. Đó là từ tướng mà nhập tánh cả.

Pháp môn Tịnh Độ tuy không dùng phương

pháp phần văn văn tự tánh như thế nhưng mà hằng ngày cứ niệm Phật, tưởng Phật thì dần dần cũng bội trần hiệp giác được. Buông bỏ cảnh trần để sống với giác tánh Như Lai thanh tịnh, đó là đúng với tinh thần phá tướng hiển tánh của kinh Kim Cang rồi, đâu có gì sai khác. Hiểu đúng theo tinh thần ấy thì không rơi vào lỗi lầm cố chấp nơi ngôn ngữ văn tự vậy.

Nhóm Phật tử trẻ thấy Khương luận thuyết lưu loát, lấy làm phục lắm. Thu Cúc nghe mấy người bạn của mình phê bình Khương: “Anh ta khờ khạo, nhút nhát, cù lằn lấm” thì cô cứ in trí như vậy nên có vẻ xem thường chàng nha sĩ này, nay biết sự thật trái ngược hẳn.

Nhưng Quyền không phải là người dễ thuyết phục. Ông tiếp tục theo ý ông:

— Người tu Thiền khi thấy cảnh lạ, hiện tượng lạ xuất hiện còn phải bác bỏ không tin vì hễ tin thì lọt vào lưới ma. Đẳng này, người theo phép quán tượng, quán tưởng niệm Phật lúc nào cũng tưởng tượng ra hình ảnh của Phật A Di Đà thì không khỏi có ngày gặp ma giả Phật, rồi đi sai đường, rơi vào tà đạo.

Khá công nhận:

— Anh nói đúng. Nhưng 2 pháp tu trên thường là người có lợi căn một chút mới dám theo. Khi dụng công hành trì quán tượng hay quán tưởng niệm Phật thì luôn luôn phải tâm niệm rằng “vạn pháp duy tâm”, nghĩa là biết rằng cảnh ấy không thật có, chỉ từ tâm tưởng của mình hiện ra thôi. Đề cao cảnh giác như vậy thì dù ma giả dạng hiện ra cũng phải tan biến đi. Trên thực tế thì đa số đều theo pháp trì danh niệm Phật vì dễ dàng hơn và có thể dụng công bất cứ lúc nào, khi đi đứng, lúc nằm ngồi; ngay cả khi làm việc mà không cần sự cố gắng chú tâm vào công việc, cũng niệm Phật được.

Hằng có dịp xen vào:

— Tôi nhớ có đọc trong một quyển sách mà tôi quên tựa rồi, kể lại bước đường hoằng pháp độ sanh của đức Phật Thích Ca. Một hôm ngài

đi ngang qua một lò rèn, thấy anh thợ rèn đang làm việc cạnh một lò lửa đỏ nóng hừng hực, mồ hôi đổ như tắm. Anh cầm cái búa thật to, cố dùng hết sức mạnh đập vào thanh sắt đã được nung đỏ để làm dụng cụ gì đó. Mỗi lần đập xuống một nhát búa, anh lại la lên như để lấy sức mạnh thành ra nơi ấy âm thanh chát chúa, chỏi tai khiến cho công việc của anh thêm nhọc nhằn. Phật khuyên anh mỗi lần hạ búa xuống, thay vì la hét như vậy, anh nên đọc hồng danh đức Phật, do công đức niệm Phật, anh sẽ được Phật rước về cõi Tịnh Độ.

Bà Tư vốn là người hàng xóm của vợ chồng Khá. Bà không đủ sức để hiểu hết những gì mọi người đang thảo luận nãy giờ nhưng nghe Khá trình bày, bà sinh lòng tin tưởng pháp môn niệm Phật. Bà rụt rè hỏi:

— Như tui đang làm ở xưởng may. May theo lối dây chuyền, tôi chỉ ráp có một đường thôi thành ra dễ lắm, vậy trong lúc may tôi niệm Phật được không?

Hằng sốt sắng:

— Dạ, dĩ nhiên là được rồi. Nhưng chắc là phải niệm thầm chớ mình niệm ra tiếng, những người Mỹ làm chung họ không biết mình muốn cái gì.

Nghe Hằng nói, ai cũng bật cười rần. Không khí nhờ thế không còn căng thẳng vì sự tranh luận.

Tuyết cũng có vẻ “chịu” môn Tịnh Độ rồi, hỏi thêm cho rõ:

— Niệm Phật phải liên tục không gián đoạn mới mau được thuần nhất. Như tôi, ở sở thì bận rộn tiếp xúc với khách, về nhà mới có thể niệm được nhưng mà về nhà thì phải nấu cơm, kho cá, phải quét dọn lau chùi, lại còn vấn đề vệ sinh cá nhân... Những lúc đó mình niệm Phật được không?

Hằng vui vẻ:

— Tôi được biết Ấn Quang đại sư rất kỹ lưỡng về chuyện này. Ngài nói: “Ngoài những

thời khóa ấn định để lễ Phật và lớn tiếng niệm hồng danh A Di Đà thì trong bất cứ công việc nào, mình cũng thâm thâm niệm Phật được cả. Niệm thâm thôi, vì thí dụ như đang ở trong nhà tắm mà mình cứ lớn tiếng niệm Phật thì như vậy thiếu sự cung kính, nghiêm trang. Niệm thâm cũng có công đức không thua gì niệm lớn.

Bà Tư hỏi thêm:

— Tôi thấy nhiều người khi niệm Phật thì lần chuỗi. Vậy tôi nên sắm một chuỗi không?

Hằng đáp một cách sốt sắng:

— Thầy tôi dạy rằng khi niệm Phật mà lần chuỗi thì dễ được “niệm chắc” và có thể ấn định số chuỗi hằng ngày không sợ biếng trễ. Còn niệm không, tâm dễ đi rong, sinh lười biếng hoặc được “niệm lép” thôi.

— Niệm chắc, niệm lép là sao?

— Cũng như lúa có hạt chắc hạt lép. Hạt chắc thì ích lợi nhiều vì có thể ăn hoặc làm giống gieo trồng tạo ra cây lúa; hạt lép chỉ toàn vỏ trấu, không nảy mầm thành cây được, cũng không ăn được. Niệm chắc là cả thân tâm đều qui hướng về hồng danh A Di Đà, hòa hợp cùng pháp thân thanh tịnh của Phật vốn sẵn đủ nơi tâm của mình. Niệm như vậy thì tâm khéo hội cùng chánh lý, không còn điên đảo phân biệt. Lúc lâm chung mà niệm được 10 câu chắc thật như vậy thì tức khắc vãng sanh Tịnh Độ.

Còn “niệm lép” hay tán tâm niệm Phật là miệng tuy niệm Phật mà tâm nghĩ tưởng buông lung không giữ nó lại một chỗ được. Mới niệm Phật thì đa số chúng ta đều “niệm lép” cả nên rất cần chuỗi nhưng mà lâu ngày dần dần trở nên thuần thục. Cho nên “niệm lép” cũng có ích lợi của nó, như lúa lép hay trấu có thể dùng để chụm đốt thay củi, chùng thành tro rồi còn dùng làm phân bón nữa. Lúc đầu dù tán tâm niệm Phật, cứ tiếp tục hành trì, đừng nên thối chí nản lòng.

Lần chuỗi là phương tiện để cột thân tâm

lại một chỗ, khi tâm thuần rồi thì chẳng nên dùng chuỗi nhiều vì lâu ngày gân tay bị động dễ sinh bệnh. Chỉ cần niệm niệm nối nhau không dứt là được.

Bác sĩ Nguyên còn ầm ức vì gốc thiền của ông rất mạnh. Ông lên tiếng:

— Nếu giữ cho niệm niệm nối nhau không dứt thì có khác chi người tu thiền tham thoại đầu. Một chữ “Vô” dán nơi trán hay một hồng danh Phật gắn liền trong tâm nào có khác gì nhau?

Khá xen vào, đáp:

— Khác chớ sao không? Tỉ như anh có chiếc xe, tôi cũng có chiếc xe, anh lên xe lái thẳng đến chỗ anh muốn đến, còn tôi cứ lái chạy hoài không biết rồi mình sẽ đi đâu. Tu Tịnh Độ quan trọng và khác Thiền ở chữ Nguyên. Tin Phật, niệm Phật và nguyện vãng sanh Cực Lạc, cứ nhắm đích đó mà đi tới, bao nhiêu công đức đều hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thì chắc chắn là được mãn nguyện.

Chương ngồi cạnh Nguyên nãy giờ chưa nói chi, giờ mới hỏi:

— Sao lạ vậy? Người niệm Phật liên tục như anh nói đó, nếu không nguyện sinh về Tây phương Tịnh Độ thì không được vãng sinh. Vậy lòng từ bi của đức Phật ở đâu? Anh căn cứ vào đâu mà nói như thế?

— Chẳng phải Phật không có lòng từ bi mà vì người ấy không muốn thì Phật đâu lôi kéo họ về Tây phương được. Nghiệp (hoặc nôm na nói là số phận) của chúng sanh đều do mình tự chiêu cảm, không ai có thể giúp được. Tôi nhớ, một người bạn đã hỏi bốn sư tôi như thế này: “Trong Kinh nói có hằng hà sa số Phật, mỗi đức Phật đều có quốc độ trang nghiêm thù thắng, sao chư Phật không đem hết chúng sanh về cõi nước của mình để không còn ai khổ nữa?”

Thầy tôi đáp: “Tỉ như có người đó ngày tối nhậu nhẹt say sưa, trộm cắp, cờ bạc, đến nỗi cứ vào tù ra khám hoài, thấy thương xót anh ta, tới kêu người ấy vào chùa ở với thầy thì được yên

vui, người đó chịu không? Chắc chắn là không rồi vì anh ta cho rằng ở chùa đâu vui về gì, tối ngày cứ nghe pháp tụng kinh hoài, chán chết. Anh ấy cứ chạy tìm thịt cây, rượu đế và các lá bài đen đỏ vì đối với anh, những thứ ấy đầy quyến rũ, chúng thu hút anh một cách mãnh liệt, thành ra đâu ai cứu anh được. Chừng nào anh thức tỉnh ăn năn, muốn cải tà qui chánh và nguyện tạo dựng một đời sống bình yên tươi sáng hơn thì thầy mới giúp anh được. Đức Phật cũng vậy, tuy ngài có lòng từ bi vô lượng mà chúng sanh cứ ngoảnh mặt làm ngơ hoặc là đôi khi cũng tu mà tu lấy lệ, tu qua loa thì nghiệp cũ của họ còn lầy lừng quá, họ lại không quyết tâm về Cực Lạc thì đâu Phật nào cứu họ được. Chỉ kẻ nào biết vận dụng ý chí, dùng tâm nguyện chiến thắng nghiệp lực thì khi ấy lòng từ bi của đức Phật mới có tác dụng và Phật mới cứu họ được.

Khương rót thêm nước cho mọi người, anh trở lại chỗ ngồi rồi tiếp lời cha:

— Phật chỉ độ được những người hữu duyên, cho nên xét trong 48 lời nguyện của Pháp Tạng tỳ kheo là tiền thân của đức Phật A Di Đà thì người tu pháp môn Tịnh Độ cần hội đủ ba yếu tố: tín, hạnh, nguyện. Tín là một lòng tin tưởng Phật A Di Đà và cõi Tịnh Độ của ngài, hạnh là hết lòng niệm Phật hoặc quán tưởng ngài, tức là tạo duyên thân cận với đức Phật và nguyện là phát tâm muốn được vãng sinh về cõi Cực Lạc phương Tây, dù cho công đức tu hành có thể được về cõi trời hay được trở lại chốn nhân gian làm vua cũng không ham. Tín sâu, hành vững, nguyện thiết thì thành tựu.

Thu Cúc nhìn Khương, hỏi:

— Tôi không hiểu tại sao phàm phu chúng ta nghiệp chướng sâu dày mà niệm Phật trong một thời gian ngắn cũng có thể vãng sanh, thoát ly sinh tử. Trong *Cao Tăng truyện*, các vị ấy đâu chỉ tu trong một đời mà đắc đạo...

Khương cười, sốt sắng giải thích:

— Một hạt cát nhỏ bỏ xuống nước thì chìm nhưng tảng đá to để trên thuyền vẫn có thể đem qua sông qua biển. Chiếc thuyền ví như lòng từ bi của chư Phật. Với lòng từ bi rộng lớn và nguyện lực thâm sâu, đức A Di Đà sẵn sàng tiếp dẫn những người tuy trót tạo nghiệp tội nhưng quyết tâm cải tà qui chánh, quyết lòng mong về cõi Tịnh Độ. Lên đó rồi thì được làm bạn cùng thánh chúng, an vui tu tập, dần dần cũng chuyển phàm thành thánh.

Thúy có vẻ như đã nghiêng hẳn về pháp môn Tịnh Độ, cô phát biểu:

— Được về cõi Tịnh Độ mà tu thì cứ đi lên mãi, không sợ sa rớt hay lui sụt. Ở trần gian này, dù làm một đại tăng cũng chưa bảo đảm, tại vì chung quanh có nhiều cám dỗ quá! Đến như quốc sư Ngô Đạt, đã mười kiếp tu hành thanh tịnh rồi, vậy mà khi ngồi trên pháp tòa làm bằng gỗ trầm trước sự cung kính của vua quan bỗng khởi một niệm cống cao ngã mạn làm hư cả sự nghiệp tu hành, thật là uổng.

Tuyết vừa gơ tay vừa hỏi:

— Sao tôi nghe nói pháp tu niệm Phật chỉ thích hợp với những ông già bà cả hoặc những người quê mùa không biết gì hết, chỉ nhờ lòng tin mà vào thôi?

Khá giải thích:

— Như nãy giờ chúng ta đã phân tích, pháp môn niệm Phật không phải là một pháp tu tầm thường đâu. Tại thấy dễ quá rồi ai cũng coi thường hoặc là không tin nổi.

Tổ thứ 13 của pháp môn Tịnh Độ, đại sư Ấn Quang nói rằng: “Người niệm Phật, như giữ được tâm niệm hợp với chánh lý thì trong một hạnh gồm đủ cả: Luật, Giáo, Tịnh, Thiên; vậy pháp này là Viên giáo. Lại tu Tịnh Độ thì mau lẹ, nhờ sức từ của đức Phật, một đời được vãng sanh, đó gọi là đốn.” Một pháp môn viên đốn, vi diệu như thế đâu phải chỉ dành riêng cho ông già bà cả. Chỉ vì người già hay theo Tịnh Độ nên người ta hiểu lầm như vậy. Còn những người

không biết gì hết, chỉ một lòng tin thôi, thì lại rất quý đối với pháp tu này vì họ niệm Phật với lòng thành kính thiết tha như con nhớ mẹ. Con nhớ mẹ mà mẹ lại mong con thì chắc chắn mẹ con sẽ sum họp một nhà. Còn những người thích kiến giải thì tâm trí hay suy lường, phân biệt, khó phát lòng tin chơn thiết nên ít thành công. Riêng đối với những bậc thượng căn đại trí thông suốt tam tạng kinh điển thì pháp môn này lại rất xứng hợp. Trong kinh *Lăng Nghiêm*, ngài Đại Thế Chí đã thưa cùng đức Phật Thích Ca rằng đã nhờ pháp “Niệm Phật Tam Muội” mà ngài được viên thông. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Thiện Tài sau khi lần lượt chứng Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và tiến lên các nấc thang trong Thập Địa rồi mà khi gặp Phổ Hiền Bồ tát, ngài cũng khuyên Thiện Tài nên hồi hương sinh về thế giới Cực Lạc để mau tròn quả Phật.

Tại nước Ấn Độ thuở xưa, ngài Thế Thân là Thiên tử thứ 21 đồng thời là một đại luận sư mà cũng nguyện vãng sanh Cực Lạc. Rồi đến đời Đông Tấn ở Trung Hoa, thiền sư Huệ Viễn, sau khi đắc chứng thiền cơ, trí huệ thông suốt thì lui về Lô Sơn lập ra Liên Xã, khuyên người người niệm Phật cầu vãng sanh vì thấy rõ thời mạt pháp, nếu không nhờ sức từ và nguyện lực của đức Phật A Di Đà tiếp dẫn thì vạn người tu khó được một người liễu sanh thoát tử. Ngài trở thành vị tổ đầu tiên của pháp môn Tịnh Độ của Trung Hoa. Sau đó, các vị đại đạo sư như Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích... đều dùng pháp tu Tịnh Độ mà tự lợi, lợi tha. Vì vậy, có thể nói Tịnh Độ là pháp môn hết sức vi diệu, không bỏ sót ai, là liều thuốc trị liệu chung cho vạn ức người.

Tín lại cất giọng ô ô “vịt đục” lên, vẫn nạn liền:

— Thưa bác, hồi nãy bác nói chánh báo ra sao thì y báo cũng xứng hợp như thế ấy nhưng

tại sao môn Tịnh Độ lại thu nhiếp từ bậc Đại Bồ tát đến đại đạo sư cho về ở chung một chỗ với những kẻ phàm phu mới vừa đời nghiệp vãng sanh?

Khương đáp thay cha:

— Như người trong cùng một quốc gia, tuy có chung cộng nghiệp nhưng vì biệt nghiệp khác nhau nên có kẻ giàu người nghèo, kẻ thông minh người ngu tối, kẻ đẹp người xấu, kẻ sang người hèn v.v...

Ở Tịnh Độ thì chia làm 4 khu vực riêng biệt:

* một là cõi thánh phàm cùng chung sống. Chúng sinh niệm Phật vãng sinh thường được tiếp dẫn về đây.

* hai là cõi phương tiện hữu dư: dành cho bậc nhị thừa, tuy đã đắc A La Hán, dứt kiến hoặc, tư hoặc rồi nhưng vẫn còn vi tế vô minh.

* ba là cõi thật báo vô chướng ngại: dành cho các vị Bồ tát từ Sơ địa đến Đẳng giác.

* bốn là cõi thường tịch quang: là cõi của bậc Diệu Giác đang tiến đến cứu cánh Phật.

Những bậc ở cõi trên thì qua lại thông thương với các cõi dưới được nhưng những vị ở cõi thấp thì không thể thấy biết về các cõi cao hơn vì vô minh còn làm chướng ngại.

Trong bốn cõi trên, mỗi cõi lại chia làm 9 phẩm, cao thấp chẳng đồng vì công đức tu hành sâu cạn khác nhau. Bởi thế, đại sư Ngẫu Ích có dạy rằng: “Chúng ta có được vãng sanh hay không, hoàn toàn do nơi chúng ta có lòng tin tưởng và phát nguyện hay không; còn phẩm vị cao thấp đều do nơi chúng ta thọ trì danh hiệu Phật sâu hay cạn.”

Bà Tư bây giờ đã hoàn toàn tin tưởng. Bà nhìn Khá với đôi mắt cảm phục và biết ơn. Bà cất tiếng hỏi:

— Ba tôi năm nay đã 76 tuổi, hai chân yếu không đi đứng gì được, nằm hoài một chỗ nên có lúc tỉnh, lúc mê. Như vậy tu Tịnh Độ cầu vãng sanh được không?

Hằng đáp, giọng quả quyết:

— Chắc chắn là được. Nhưng mà ông cụ phải có lòng tin tưởng và muốn cầu sanh Cực Lạc. Chờ khi nào ông cụ khỏe khoắn tươi tỉnh, chị nên thỉnh một vị chân tu đến thuyết pháp cho cụ nghe. Từng tuổi đó rồi, dễ thức tỉnh lắm. Lại mang tẩm thân bệnh hoạn, không còn quyển luyện ham thích gì nữa nên dễ buông bỏ thân tâm. Buông xuống hết rồi chí thành niệm Phật, cầu cứu đức A Di Đà, lẽ nào Phật không rước?

Bà Tư e ngại:

— Lúc tỉnh, có thể cụ còn thăm thăm niệm Phật được, lúc mê thì sao?

Khá:

— Theo tôi được biết, lúc mê, thần thức vẫn còn đó, tức là A Lại Gia thức vẫn tiếp tục hoạt động, chị cứ mở băng tụng kinh A Di Đà và băng niệm Phật cho cụ nghe, Bát thức của cụ sẽ thu nhiếp chủng tử Phật vào tâm. Chủng tử Phật nhiều thì trở thành cận duyên và nhờ đó cụ có tư lương để về nước Phật. Còn những khi cụ tỉnh táo, con cháu nên ngồi chung quanh niệm Phật lớn tiếng cho cụ niệm theo để tạo sự tinh tấn cho cụ.

Bà Tư buột miệng khen:

— Hay thiệt!

Bác sĩ Nguyên đến bây giờ mới mở lời tán thán:

— Anh Khá, ý quên, đạo hữu Minh Khai, thật khéo tu và khéo giúp người cùng tu. Tôi công nhận lý thiên cao siêu, thâm diệu nhưng sức chúng ta khó tu vì gia duyên ràng buộc và nghề nghiệp chiếm hết thì giờ, nghiệp chướng phàm phu thì quá mạnh. Nếu tu trọn đời này chưa chứng ngộ thì chưa biết kiếp sau nghiệp lực lôi cuốn mình về đâu, có chắc được thân người nữa chăng? Hay là nhờ chút dư phước được sinh lên cõi trời, lo say sưa hưởng thụ, đến khi hết phước lại đọa?

Thân người khó được, Phật pháp khó tìm, Tịnh Độ khó tin; nay nhờ đạo hữu, tôi phát khởi lòng tin nơi pháp môn Tịnh Độ. Nhưng vì tôi đã

trót gieo duyên với Thiên nên không bỏ được, tôi sẽ kết hợp Thiên Tịnh song tu. Ý anh nghĩ sao?

— Thật là tuyệt! Tịnh có Thiên như cọp thêm cánh, mười người tu, mười người được. Chư tổ đã nói vậy.

Thu Cúc lấy làm lạ, hỏi:

— Cháu vẫn nghe các thiền sư tuyên bố: “Gặp Phật giết Phật, gặp ma chém ma”, đó là thái độ phóng túng và phá chấp một cách tuyệt đối để giúp hành giả buông bỏ hết mọi sự đối đãi, phân biệt, nhị nguyên; còn người tu Tịnh thì phải lấy sự tôn trọng, cung kính, lễ bái làm đầu. Hai thái cực ấy làm sao có thể kết hợp lại được? Xin bác hội trưởng giảng cho.

Hằng nhìn đồng hồ, nhắc khéo:

— Muốn nói về Thiên Tịnh song tu chắc phải chờ một dịp khác vì bây giờ đã đúng Ngọ, ai cũng đói bụng cả rồi phải không? Nhất là ngày Tết nữa, nhiều món ăn ngon đang chờ.

Khương nhanh nhẩu đáp:

— Dạ phải!

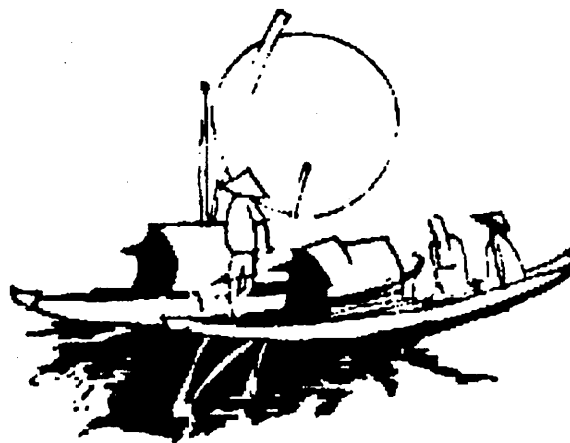
Thu Cúc nhìn anh, cười. Khương hồn nhiên bào chữa:



— Tôi xấu chứng đói lắm!


Trước khi bà con rã hàng ngũ để lo bữa ăn trưa, Trần Kim cất giọng ngân sang sáng:





“Lên đên cửa bể Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.”

9/96




Kính gửi
Tổng trưởng Bộ Ngoại
Viễn Á, nhân buổi
vở mừng chào đón
Cửu đân
Châu nguyên hành thân
Đệ tử dân Việt
Trần Hữu Sơn
 Đức Niệm

Hữu Sơn

Việt


 Ba giờ nữa dứt
 việc phải duyên
 của đời
 chuyên gọi phải liền

 thế sự như như
 sống như tu
 bất cứ hiện tại
 dứt ra liền

 Đức niệm
 Phật

 97



Chữ Sang
 Đem sang rồi đưa
 rồi đưa ra nước
 rồi đưa ra nước



Vũ Anh
 Chữ Đỉnh Sơn





Việt Nam

Quốc Mẹ ta ơi

Tong Tong nhịp chèo

đẩy chèo trên sông

Vũ Linh

Cánh Chim Mùa Bão

TRẦN TRUNG ĐẠO

Tôi sinh ra và lớn lên trong một làng nhỏ nằm dọc theo một nhánh sông của sông Thu Bồn. Làng tôi có cái tên gọi dễ thương là làng Châu Hiệp theo nghĩa trong câu “Châu về hợp phố” nhưng mọi người thường biết dưới một tên khác quen thuộc hơn là làng Mã Châu. Sở dĩ làng được nhiều người biết đến vì nơi này nổi tiếng về nghề ươm tơ dệt lụa. Làng không lớn lắm, chỉ chừng vài cây số vuông, chạy dài từ giếng Tứ Trụ đến Chùa Ba Phong. Theo nhà thơ Trung Nhân, thì dù cùng uống nước chung một giếng nhưng dân ở bên này đường nói giọng khác dân ở bên kia đường. Tôi vẫn dặn lòng mai này có dịp trở về sẽ tìm cách kiểm nghiệm lời anh Trung Nhân kể. Tuổi thơ của tôi gắn liền với màu áo lam hiền hòa của Gia Đình Phật Tử, với những bài hát dễ thương, những cái gút, những tiếng còi, tiếng ve, những trò chơi lớn, những đêm lửa trại và cả tiếng chuông chiều, kinh tối của chùa Ba Phong, trung tâm sinh hoạt tinh thần cho cả làng.

Tôi còn nhớ ngày đầu tiên tôi gia nhập Gia Đình Phật Tử, cha tôi may một bộ đồ đoàn sinh gồm một chiếc áo lam và một quần ngắn có hai chiếc dây quàng treo qua vai. Tính cha tôi hà tiện nên may phòng hờ khi tôi sẽ lớn hơn vẫn còn mặc được. Nhưng khổ nỗi ông lại quá lo xa nên bộ đồ đoàn sinh vừa rộng và vừa dài trông chẳng khác gì mặc đồ người lớn. Nhất là cái quần, quần ngắn mà trông chẳng khác gì quần dài trông thật chẳng giống ai. Tôi phản đối kịch

liệt nhưng cũng biết đời nào ông ta chịu đem đi tiệm sửa ngắn lại. Và cứ thế, giống như bao nhiêu đứa bé khác trong làng, thời thơ ấu của chúng tôi được che mát dưới mái chùa Ba Phong của làng Mã Châu tơ lụa.

Nhưng mái chùa cũng chẳng che chở được bao lâu thì chiến tranh tràn đến. Làng Mã Châu không còn những ngày tháng thanh bình như trước. Những trận đánh lẻ tẻ đã diễn ra. Tiếng súng đêm đêm đã vọng về từ bên phía kia sông. Trong làng đã có vài anh thanh niên chết trận. Màu hỏa châu soi bóng và đe dọa đã thay thế cho ánh trăng vàng thân thương quen thuộc. Nhiều đơn vị lính Mỹ từ Đà Nẵng đã đổ lên và thỉnh thoảng dừng lại ở làng Mã Châu vài hôm. Sự hiện diện của người Mỹ, ít nhiều, đã làm xao động nếp sống bình thường của dân chúng trong làng.

Họ thiện cảm với người Mỹ thì ít mà nghi ngờ thì nhiều. Điều đó chẳng có gì lạ, kinh nghiệm để lại từ suốt mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam, chưa hề có một ngoại bang nào đến để thật sự giúp đỡ, khai hóa, nâng cao dân sinh, dân trí. Tất cả chỉ nhằm đồng hóa, nô lệ và bóc lột dân tộc tôi mà thôi. Nếu thực dân Pháp, trước đây, có xây một chiếc cầu, đắp một con lộ chẳng qua là để họ dễ dàng chuyển quân, để họ nhanh chóng trấn áp những cuộc nổi dậy của ông bà tôi. Nếu họ có xây một trường học cũng chỉ để gieo rắc ảnh hưởng thực dân vào tâm hồn Việt Nam. Nếu họ có mở ra những phong trào thể thao thể dục như “Đua xe đạp vòng Đông Dương”, giải “Quần vợt Đông Dương”, giải “Túc cầu Đông Dương” chẳng qua nhằm ru ngủ dân tộc Việt Nam để ông bà tôi sống trên những hào quang giả tạo mà quên đi thân phận nô lệ của mình. Nếu có vị nào cho là quan điểm của tôi thuộc thành phần ái quốc cực đoan, hẹp hòi xin hãy suy nghĩ lại đi. Thực dân Pháp đổ xuống không biết bao nhiêu tiền của, máu xương từ một nơi xa xôi trên trái đất đến

để “nâng cao dân trí” cho một dân tộc nhỏ nhoi, nghèo nàn, một dân tộc mà suốt dòng lịch sử đã không ngừng tranh đấu để mưu tìm hai chữ bình an như dân tộc Việt Nam. Sự hiện diện của người Mỹ, do đó, dù có trăm miệng cũng không sao một sớm một chiều mà đánh tan những hoài nghi và định kiến đã bắt rễ sâu từ trong cây cổ thụ bảo thủ.

Trở lại câu chuyện tôi đang kể. Trong thời gian này du kích Cộng Sản thỉnh thoảng lên ra đặt bom trên con đường từ Nam Phước lên quận lỵ Duy Xuyên. Gia đình chị Bảy, chị họ tôi, đã bị mìn và chết tan xác trong lúc đang ngồi xe lam từ Cẩm Lệ về đám giỗ ông nội tôi. Chị và bé Phương, đứa con gái bốn tuổi, đã trở thành nạn nhân rất sớm cho cuộc chiến tranh gọi là “giải phóng dân tộc” của những người Cộng Sản Việt Nam. Xác hai mẹ con chị bị nổ tung ra thành những miếng nhỏ. Cha tôi và anh tôi phải đi nhặt quanh ruộng từng cánh tay, từng miếng thịt của chị Bảy và cháu Phương gom vào chiếc nong đặt trước sân nhà. Hình ảnh người anh họ tôi tìm được chiếc đầu đầy máu me của chị Bảy ôm về trở thành một trong những dấu ấn hãi hùng và phi lý của chiến tranh đã hằn sâu vào trong trí nhớ tôi và sẽ không bao giờ phai được. Ngày đó, tuy còn rất nhỏ nhưng tôi cũng đủ hiểu biết để thắc mắc rằng tại sao những người du kích Cộng Sản nỡ nhẫn tâm đặt mìn trên một con đường tấp nập nối liền hai cái chợ lớn nhất trong quận. Họ cũng phải biết để giết một người lính họ phải giết cả hàng ngàn người dân vô tội, thế nhưng họ đã và đang làm từng ngày, từng bữa. Tại sao và tại sao?

Trong Gia Đình Phật Tử chúng tôi, thì tôi và Hương là thân nhau nhất. Cô ta trạc tuổi tôi, cùng học một trường và cùng đi về chung một đường. Nói chung, ngoài khi ăn khi ngủ, chúng tôi chia xẻ nhau hết những thời gian còn lại. Chúng tôi đi chùa chung, học bài chung, tập hát chung. Hương thích nghe kể chuyện nhưng tôi

cũng chỉ là một cậu bé thì biết chuyện gì mà kể. Cũng may tính tôi từ khi biết nói đã thuộc loại “cà kê dê ngỗng” nên bịa ra trăm thứ chuyện chẳng đâu vào đâu nhưng cô ta vẫn chăm chú nghe ra bề thích thú. Ba tôi cũng dành cho cô bé một tình thương chân thành như tình thương dành cho người con. Có cái gì ngon ông cũng để dành cho cô bé một phần. Hương không có cha nên thường dùng những lời khuyên nhủ và sự săn sóc của ba tôi như một niềm an ủi tinh thần tự nhiên và cần thiết. Có lần tôi hỏi Hương có phải ba của cô ta đã chết thì Hương lại lắc đầu, quay đi và trả lời là không biết. Tôi hỏi dì Năm, mẹ Hương, thì dì Năm cũng không trả lời, chỉ âm ừ cho qua chuyện. Tôi về nhà hỏi ba tôi thì ba tôi cũng không trả lời. Tôi cảm nhận ra có một chuyện gì đó không ổn về số phận ba của Hương nhưng vẫn không tìm đâu ra một lời giải đáp thỏa đáng. Còn tôi thì không có em gái nên bao nhiêu tình thương tôi chỉ dành cho Hương, một tình thương tự nhiên và thánh thiện.

Chiến tranh cũng đã hạn chế rất nhiều sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử chúng tôi. Không còn những đêm trăng sáng quây quần bên lửa hồng. Không còn những buổi đóng trại ở lại suốt hai ba ngày đêm. Đến những năm 1966, 1967 thì phần cuối của làng, trong đó có chùa Ba



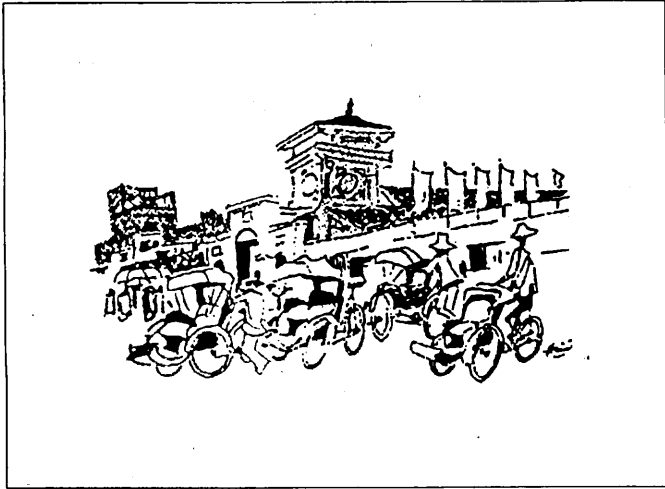
Phong, đã trở thành vùng tranh chấp. Chúng tôi vẫn đi chùa nhưng phải về nhà sớm hơn. Chúng tôi vẫn cắm trại vào những ngày lễ lớn nhưng trại thường bế mạc trước khi trời tối trong cùng ngày. Nhưng một chủ nhật nọ chúng tôi bị kẹt lại chùa vì chiến trận bùng nổ ác liệt giữa một đơn vị địa phương quân của quận Duy Xuyên và các đơn vị Cộng Sản từ bên kia sông tràn qua. Cả đoàn chúng tôi, ngoại trừ các anh huynh trưởng, đều phải ở lại chùa đêm đó.

Thật ra chúng tôi không ai dám ngủ, chỉ nằm sát dưới chánh điện, chờ cho trời sáng và ngưng tiếng súng để ra về. Có vài đoàn sinh sợ quá miệng không ngớt niệm hồng danh Đức Quán Thế Âm. Khoảng nửa đêm thì một toán du kích Cộng Sản đột nhập vào chùa. Ánh sáng của chiếc đèn dầu nhỏ trên bàn thờ Phật không sáng lắm nhưng cũng đủ để biết là có người đeo súng đi vào phía chánh điện. Toán du kích đi vào chùa từng người như những bóng ma trôi trong truyện kinh dị. Hai chị huynh trưởng biết có chuyện nên ngồi dậy và bước ra phía trước. Tôi không nghe hai chị nói gì với họ nhưng sau đó thì một chị bước về phía Hương và khế lay Hương dậy. Chị dắt Hương đi về phía người chỉ huy của toán. Người du kích già nầy để súng xuống và ngồi bên cạnh Hương. Ông ta đưa tay vuốt tóc cô bé một cách trìu mến. Họ nói chuyện với nhau chừng vài phút, rồi tôi nghe tiếng Hương vừa lắc đầu vừa khóc lớn. Thế là sự thắc mắc bấy lâu nay về số phận ba của Hương đã được giải tỏa. Một hồi sau người du kích già đứng dậy và lặng lẽ ra đi. Hương trở về chỗ ngủ. Sáng hôm sau chúng tôi trở về nhà nhưng Hương không còn vui vẻ, tươi tắn như hôm trước nữa. Cô bé dường như đang băng khuâng, lo sợ một điều gì.

Khi tôi lên mười bốn tuổi thì Hương cũng đã mười ba. Chúng tôi đã từ già trường tiểu học Xuyên Châu để cùng lên Trung Học Duy Xuyên vài năm trước đó. Tình bạn giữa chúng tôi mỗi

ngày cũng lớn lên cùng năm tháng. Nhưng mỗi tình tự nhiên, vô tư và thánh thiện của thời còn bé cũng vì thời gian mà mất dần đi ý nghĩa. Hương dưới mắt tôi không chỉ là một cô gái nhưng còn là một cô gái đẹp. Hương đẹp thật. Cô bé có đôi mắt thật tròn, mái tóc học trò đen lánh trong chiếc áo dài lụa màu trắng ngà. Những cái đụng chạm chân tay dù vô tình cũng đã bắt đầu gây cho tôi những cảm giác ngất ngây là lạ, và cũng là cho khuôn mặt trái xoan xinh xắn của cô bé đỏ như trái gấc một hồi lâu. Chúng tôi vẫn đi chung nhau một đường mỗi ngày hai buổi nhưng đã biết phải đi xa xa nhau một chút. Chúng tôi vẫn thường đi ra bờ sông coi bà con đào hến nhưng cũng đã bắt đầu thấy ngượng ngùng khi gặp một người khác có cái nhìn tò mò soi mói. Giống như tôi, Hương cũng đã bắt đầu biết ước ao, mơ mộng, xây dựng tương lai bằng những tháp ngà. Và chúng tôi cũng ý thức rằng bên kia khu vườn thơ mộng của tâm hồn hai đứa tôi là một bầu trời đầy mây đen và giông bão. Phải chăng chiến tranh đã làm tuổi thơ Việt Nam già nhanh hơn tuổi tác của mình. Ba của Hương thường viết thư về nhà do một người giao liên đem đến. Ông cần thuốc tây, cần tiền bạc, cần gạo mắm, cần đủ thứ trong lúc mẹ Hương phải buôn tảo gánh tần, ngày tất mạt tối để dành dụm từng đồng từng cắc. Nhưng bà để dành được đồng nào ông sai người về nhà lấy đi đồng đó. Ba tôi có ý định gửi tôi ra Đà Nẵng học và cũng đề nghị dì Năm dắt Hương đi Đà Nẵng ở luôn để tránh phiền hà, sách nhiễu và cũng để lo cho Hương ăn học an toàn nhưng bà ta không chịu. Mẹ Hương là một bà mẹ nhà quê truyền thống, khái niệm gọi là chọn lựa đường như không có trong suy nghĩ của bà.

Mùa Xuân năm 1968, mùa Xuân mãi mãi sẽ được ghi nhớ trong lịch sử dân tộc Việt Nam như là một trong những trang bi thảm, đau thương nhất. Mùa xuân mà mỗi câu, mỗi chữ trong bốn câu thơ của Hồ Chí Minh đã được



nhuộm bằng máu của hàng trăm, hàng ngàn thanh niên trong cả hai miền Nam Bắc. Cuộc tổng tấn công của Cộng Sản vào Tết Mậu Thân là một trong những cố gắng lớn nhất của họ nhưng lại hơi bất ngờ đối với quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều thành phố, quận lỵ, làng mạc miền Nam đã bị Cộng quân tràn ngập. Làng Mã Châu của tôi cũng nằm trong danh sách những nạn nhân mà Cộng Sản gọi là “tự nổi dậy”. Trước áp lực của Cộng quân, Quận trưởng quận Duy Xuyên đã di tản chiến thuật lên căn cứ quân sự Hòn Bàng ở gần Trà Kiệu. Quận lỵ từ đêm giao thừa đã hoàn toàn bỏ ngõ. Khi tôi thức dậy sáng mừng một Tết thì đã thấy vài du kích mặc áo đen và vài chính quy Cộng Sản mặc áo xanh lá cây đi nghênh ngang ngoài đường. Lần đầu tiên tôi nghe những bài hát chiến đấu được phát ra từ cái loa phóng thanh họ chiếm được của phòng thông tin quận. Tôi quen nghe những bài hát như Dây Thân Ái, Sen Trắng nhẹ nhàng, tha thiết nên không thể có cảm tình với những giọng hát cao the thé, khó nghe, được lặp đi lặp lại tối ngày. Ba tôi bắt tôi phải ngồi ngay miệng hầm để khi có tiếng súng thì nhảy xuống tránh đạn cho kịp vì ông ta tiên đoán thế nào quân đội Cộng Hòa cũng sẽ phản công.

Đúng vậy, mừng ba Tết quân đội Cộng Hòa từ Đà Nẵng đã bắt đầu mở những cuộc phản công tái chiếm quận lỵ quận Duy Xuyên. Súng

lớn súng nhỏ thi nhau nổ đình tai nhức óc. Chúng tôi nằm ngay giữa mặt trận và chịu đựng suốt bốn ngày đêm liên tiếp. Với tôi, đây là lần đầu tiên tôi xa Hương lâu nhất. Bốn ngày đối với tôi tưởng chừng như vô tận. Tôi chỉ mong trận chiến sớm tàn để còn đi gặp Hương. Ngồi trong góc hầm trú ẩn tôi thầm cầu nguyện cho Hương được bình an. Sau trận chiến này, tôi tự nói với mình, nhất định sẽ cố thuyết phục Hương cùng đi Đà Nẵng học với tôi như ba tôi đã hứa. Chúng tôi sẽ học thật giỏi và đỗ đạt thật cao. Một ngày thật đẹp trời chúng tôi sẽ trở về với thôn làng xinh xắn của chúng tôi, về với giòng sông Thu Bồn, với bến đò Chợ Vạn, với tình thương yêu của ba, của mẹ và của bà còn thân thuộc. Hương sẽ là một cô giáo như cô cô thường mơ ước và tôi sẽ là một kỹ sư xây dựng. Quê hương tôi sẽ không còn tiếng súng, không còn tiếng khóc, chúng tôi sẽ gây dựng lại quê hương, sẽ cùng vui tươi quanh bếp lửa hồng trong những đêm lửa trại.

Đến khoảng mừng sáu tháng giêng thì tiếng súng đã tạm yên. Loa phóng thanh từ phía quận lỵ không ngớt kêu gọi đồng bào bình tĩnh, chuẩn bị ra quận để nhận đồ cứu trợ nạn nhân chiến cuộc, quân đội đã hoàn toàn tái chiếm những lãnh thổ bị mất vào tay Cộng Sản vào dịp Tết vừa qua. Tôi chỉ mong có thể. Ba tôi dường như cũng thông cảm cho tình bạn chúng tôi nên gật đầu đồng ý cho tôi đi sang nhà Hương. Trên đường đi tôi nghĩ thế nào cô bé cũng mừng đến khóc khi gặp lại nhau. Cả tuần lễ rồi chứ ít oi gì. Chúng tôi chưa bao giờ xa nhau lâu như thế. Chưa bước chân vào nhà tôi đã cất tiếng gọi Hương ơi thật lớn. Cánh cửa mở, dì Năm bước ra nhưng không có Hương theo sau như mọi ngày. Cả bầu trời như tối sầm lại khi dì Năm kể tôi nghe chuyện ba của Hương, trong khi rút lui, đã bắt Hương theo bất chấp lời van xin cầu khẩn của dì Năm. Lúc đó tôi mới để ý thấy đôi mắt dì Năm đỏ hoe. Chắc dì đã khóc vì nhớ Hương

nhieu lắm. Bỏ mặc dì Năm đứng một mình trong sân, tôi chạy ra phía bờ sông. Dòng sông im vắng, không một bóng người. Tàn quân Cộng Sản đã rút đi từ lâu. Họ rút đi mang theo người bạn gái thân thương nhất của đời tôi. Tôi ngồi xuống bên bờ sông quen thuộc và ôm mặt khóc. Chỉ năm ngày mà quê hương tôi và cả cuộc đời tôi đã hoàn toàn đổi khác. Cuộc chiến đã biến ngôi làng Mã Châu đẹp tuyệt vời thành một nơi hoang tàn đổ cháy. Vắng bóng Hương, từ đó, dòng sông cũng trở nên cô độc.

Và tôi cũng ra đi. Ba tôi quyết định bỏ làng ra đi lánh nạn. Một buổi sáng mùa Xuân, sau khi giao nhà cửa lại cho một người bà con coi sóc, gia đình tôi đáp xe đi Đà Nẵng và sau đó thì vô Sài Gòn lập nghiệp. Thời hoa niên với mối tình, không hẳn nên gọi là tình yêu nhưng dĩ nhiên vượt xa ý nghĩa của tình bạn, của tôi và Hương đã bị cắt đứt trong một nốt nhạc buồn như thế.

Thời gian trôi qua, vết thương thời thơ ấu cũng nguôi ngoai dần. Cuộc sống mới và tuổi trưởng thành, dĩ nhiên, không ít thì nhiều cũng làm thay đổi những ước mơ của thời thơ ấu. Có điều là không thể nào quên Hương được vì cô bé là chiếc bóng không rời trong thời hoa niên nhiều kỷ niệm của chúng tôi. Sau ngày Cộng Sản chiếm trọn miền Nam, gia đình tôi quyết định ở lại Sài Gòn chứ không dọn về miền Trung. Qua tin tức từ một số người quen từ ngoài Trung vào cho biết thì ba của Hương đã trở thành bí thư Xã, quyền uy và sang trọng. Cái nhà ngói duy nhất trong làng của ông Cửu Phan đã bị tịch thu để làm nhà riêng cho ông bí thư. Ông Cửu Phan, một đảng viên Việt Quốc bị tố là phản động và bị đày đi vùng kinh tế mới trên tận Diêm Sơn. Nhiều người vào ra nhưng không hề nghe ai nói gì về Hương hay nghe Hương nhắc nhở gì đến tôi. Thời gian đồng nghĩa với lãng quên. Lòng người cũng đổi thay theo thời thế. Tôi viết cho cô ta vài lá thư nhưng vì tự ái nên

viết xong thì lại xé bỏ. Hương bây giờ hẳn nhiên không còn là Hương của bảy năm về trước, không còn là Hương của thời đuổi bướm dọc bờ sông. Nhìn mấy cô của các đoàn kịch Nam Bộ đóng vai du kích tôi tưởng tượng ra một nữ du kích tên Hương trong chiếc áo bà ba đen, cổ quần khăn rằn, vai đeo AK đi nghênh ngang trong làng. Thế nhưng còn đôi mắt, giọng nói, tiếng cười, vầng trán và nhất là tính tình nhu hòa đôn hậu của Hương thì sao? Ánh mắt và tính tình của Hương tôi tin rằng không ai có thể làm thay đổi được. Phía sau chiếc áo đen, chiếc khăn rằn ghê rợn kia là một thân thể Việt Nam hiền dịu, thiết tha. Suy nghĩ như vậy nên tôi quyết định về quê gặp Hương một lần. Thành thật mà nói một phần cũng vì thôi thúc của kỷ niệm nhưng một phần khác cũng chỉ vì tò mò muốn tận mắt nhìn thấy những đổi thay của một con người, đã một thời gần gũi nhất của mình.

Tôi không ghé nhà ba của Hương nhưng tìm về căn nhà cũ với hy vọng mẹ Hương vẫn còn lui tới. Định bụng là nhờ dì Năm nhắn cho Hương đến để tôi thăm. Quả đúng như vậy, căn nhà vẫn còn đó. Dì Năm bước ra mở cửa. Dì Năm già hơn nhiều và sưng sờ nhìn tôi một hồi như không thể nào tin là tôi còn có ngày trở lại nơi này. Dì im lặng mở cửa và ra dấu mời tôi vào nhà. Căn nhà khá tối nên dì phải thắp đèn dù trời chưa tối. Ngọn đèn vừa bật sáng cũng là lúc tôi cảm thấy mình vừa hụt chân rơi vào khoảng không vô tận. Một chiếc bàn thờ nhỏ đang thờ một cô gái chừng mười hai mười ba tuổi trong chiếc áo trắng học trò. Người đó không ai khác hơn là Hương. Tấm hình này Hương chụp ở một tiệm ảnh gần bến xe Nam Phước khi cô bé vừa lên lớp sáu. Hương cũng tặng tôi một tấm hình như thế nhưng chẳng may bị lạc mất trong những ngày chạy giặc. Hương chết thật rồi. Con chim họa mi nho nhỏ trong khu vườn thơ ấu của tôi đã chết. Theo lời dì Năm kể, ngày Hương bị ba cô ta bắt theo, và sau đó

thì gia đình tôi cũng từ bỏ xóm làng ra đi nhưng dì vẫn một mình ở lại chịu đựng bom đạn để chờ ngày Hương trở lại. Nhưng thời gian vẫn trôi và Hương vẫn mịt mù tin tức. Mãi cho đến tháng 4 năm 1975, ba Hương trở về với đoàn quân Cộng Sản chiến thắng. Ông ta không ghé về nhà nhưng đóng quân ngoài quận lỵ. Dì Năm khó khăn lắm mới tìm gặp ông ta để hỏi thăm tin tức của Hương thì ông ta chỉ trả lời vồn vện “Con Hương hy sinh rồi”. Bản thân ông ta cũng đã có vợ khác từ những ngày còn ở trong bụng. Dì Năm nguyên rủa ông ta thậm tệ vì hơn ai hết ông ta là kẻ chịu trách nhiệm trước cái chết của Hương. Quan hệ của họ từ đó chẳng còn gì với nhau nữa. Dì Năm một mình về sống trong căn nhà cũ dột nát với tuổi già bóng xế, với hương hồn của đứa con gái duy nhất của bà. Bà không khóc dù đang kể lại quãng đời bi thảm của một kiếp làm người. Đôi mắt dì Năm như một dòng suối khô mùa hạ, những giọt nước mắt cuối cùng đã nhỏ xuống cho đứa con và cho quãng đời khổ cực của mình.

Tôi từ già quê hương đau thương và khốn khổ của tôi để lần nữa đáp xe đò trở về Sài Gòn. Trong lúc đang cố ru giấc ngủ, vô tình một giọng ngâm thơ phát ra từ chiếc máy radio nhỏ của một người ngồi bên cạnh tài xế. Một giọng ngâm nữ đang ngâm bài “Quê Hương” của Giang Nam. Đối với tôi bài thơ biểu tượng một sự nhân danh bỉ ổi và đê tiện nhất của chủ nghĩa Cộng Sản, một chủ nghĩa đang cố biến những tâm hồn như bướm trắng trở về loài sâu bọ. Cô du kích trong thơ Giang Nam biết đâu cũng chỉ là một người con gái Việt Nam khác mang số phận như Hương. Và hàng triệu người con gái, con trai khác đã chết cho tham vọng của những tín đồ cuồng tín Cộng Sản. Giang Nam yêu quê hương “vì trong từng nắm đất, có một phần xương thịt em tôi”. Tôi thì không cảm thấy vậy. Một nhà văn Ý có lần đã viết “Muốn yêu quê hương thì trước hết quê hương phải đáng yêu”.

Ngày nào chế độ Cộng Sản còn ngự trị thì quê hương còn mất đi nhiều ý nghĩa. Trong đầu óc tôi lúc bấy giờ chỉ có ý niệm trốn chạy. Tôi phải trốn chạy ra khỏi quê hương trước, dù trốn chạy để rồi trở về. Khi chiếc xe chạy ngang cầu Cầu Lâu, tôi nhìn lần cuối qua phía bên kia bờ sông và thậm nói “Vĩnh biệt Hương”. ■

Tìm đọc:

**TƯ TƯỚNG PHẬT GIÁO
TRONG VĂN HỌC THỜI LÝ**
của Giáo sư Nguyễn Vĩnh Thượng

Tác phẩm được xuất bản bởi nhà Hiện Đại, dày 150 trang, đẹp trang nhã. Đây là biên khảo giá trị về tư tưởng Phật giáo thời nhà Lý — ảnh hưởng không những qua văn học mà còn qua nếp sống, phong tục, pháp luật của thời đại ấy. Tác phẩm được viết với văn phong tươi nhuận trong sáng, tư tưởng mạch lạc, rõ ràng, khiến người đọc hứng thú say mê, không thấy khô khan như đối với các tác phẩm biên khảo thông thường. Sau đây là một đoạn trích dẫn từ phần kết luận của tác giả:

“Trước đó, các vị vua kể từ thời Ngô, Đinh, Tiền Lê đã từng trọng dụng các vị sư, nhưng đỉnh cao của sự trọng dụng này có thể nói là vào thời Lý... Trong thực tế, dòng lịch sử Việt-nam nói chung và vận mệnh chính trị của triều Lý nói riêng rồi cũng trôi qua với thời gian: từ đó đến nay biết bao cảnh non sông thay ngôi đổi chủ, cảnh vật đổi sao dời, tuy nhiên văn học thời Lý vẫn còn những âm vang sâu đậm trong tâm thức của người Việt-nam...”

thơ

TRẦN TRUNG ĐẠO

Em Bé Việt Nam và Viên Sỏi

— Viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
Viên kẹo vuông này để lại cho Ba
Viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
Viên kẹo lớn này để lại cho em
Còn viên kẹo thật to này... là phần Bé đấy
Bên bờ biển Palawan
Có một em bé gái
Tuổi mới chững lên sáu lên năm
Đang ngồi đếm từng viên sỏi nhỏ
Và nói chuyện một mình
Như nói với xa xăm

— Em đến từ Việt Nam
Câu trả lời thường xuyên và duy nhất
Hai tiếng rất đơn sơ mà nhiều người quên mất
Chỉ hai tiếng này thôi
Em nhớ kỹ trong lòng
Em chỉ ra ngoài Đông hải minh mông
Cho tất cả những câu hỏi khác.
Mẹ em đâu?

— Ngủ ngoài biển cả
Em của em đâu?
— Sóng cuốn đi rồi
Chị của em đâu?
— Nghe chị thét trên mũi
Ba em đâu?
— Bé thức dậy thì chẳng còn ai nữa.

Chiếc ghe nhỏ vớt vào đây mấy bữa
Trên ghe sót lại chỉ dăm người
Lạ lùng thay một em bé mồ côi
Đã sống sót sau sáu tuần trên biển

Họ kể lại em từ đâu không biết
Cha mẹ em đã chết đói trên tàu
Chị của em hải tặc bắt đi đâu
Sóng cuốn mất người em trai một tuổi
Kể sống sót trong sáu tuần trôi nổi
Đã cắt thịt mình lấy máu thấm nuôi em
Ôi những giọt máu Việt Nam
Linh diệu vô cùng
Nuôi sống em một người con gái Việt
Mai em lớn dù phương nào cách biệt
Nhớ đừng bao giờ đổi máu Việt Nam
Máu thương yêu đã chảy bốn ngàn năm
Và sẽ chảy cho muôn đời còn lại
— Viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
Viên kẹo vuông này để lại cho Ba
Viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
Viên kẹo lớn này để lại cho em
Còn viên kẹo thật to này... là phần Bé đấy
Suốt tuần nay em vẫn ngồi
Một mình lẩm bẩm
Ngơ ngác nhìn ra phía biển xa xôi
Như chờ Mẹ đi chợ về
— Thật trẻ làm sao
Em tiếp tục thì thầm
Những câu nói vẫn vơ
Mẹ ngày xưa vẫn thường hay trách móc
Em cúi đầu nhưng không ai vượt tóc
Biển ngậm ngùi mang thương nhớ ra đi
Mai này ai hỏi Bé yêu chi
Em sẽ nói là em yêu biển
Nơi cha chết không tiếng kèn đưa tiễn
Nơi tiếng chị rên
Nghe buốt cả thịt da
Nơi Mẹ chẳng về dù đêm tối đi qua
Nơi em trai ở lại
Với muôn trùng sóng vỗ.

Bé thơ ơi cuộc đời em viên sỏi
Khóc một lần nước mắt chảy thiên thu.

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

ĐẠI HỘI KHOẢNG ĐẠI KỲ I CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ

Sau 4 năm nỗ lực thực hiện nhiều Phật sự của Giáo Hội trong nhiệm kỳ I, Đại Hội Khoảng Đại Kỳ I của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, được triệu tập và tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, Nam California, để vạch hướng đi mới cho Giáo Hội trong nhiệm kỳ II đồng thời bầu lại thành phần nhân sự lãnh đạo Giáo Hội.

Đại Hội diễn ra trong suốt 3 ngày từ thứ sáu 10 tháng 10 đến Chủ-Nhật 13 tháng 10 năm 1996 với sự tham dự của 99 phái đoàn Phật giáo, gần 300 đại biểu ở khắp nơi trên thế giới. Đại biểu tham dự đã cùng bàn thảo, nghị luận, thuyết trình trong suốt 7 phiên khoáng đại, và cuối cùng đã biểu quyết thông qua Quy-Chế của Giáo-Hội với 8 chương 38 điều, đồng thời vạch ra hướng đi và hành động thực tiễn của Giáo Hội gồm các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn có chủ hướng đầu tư nhân sự trong và ngoài nước, nuôi dưỡng phát triển thế hệ trẻ, vận động giải trừ Pháp-Nạn và Quốc- Nạn tại nước nhà.

Sau 3 ngày hội thảo trong hòa hợp, Đại Hội thành công mỹ mãn và được bế mạc vào chiều ngày 13 tháng 10 năm 1996 tại Phật Học Viện Quốc-Tế. Trong lễ Bế Mạc này, chư tôn đức Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni và chư cư sĩ Phật tử trong ban Điều-Hành, Giám-Sát, Giám-Luật, các Vụ, Ban, Ngành,

Phòng, trong nhiệm kỳ 1996-2000 đã tuyên thệ tận lực thực hiện những đề án và trọng trách được Đại Hội Giáo Hội giao phó trong nhiệm kỳ này.

Sau cùng Hòa-Thượng Thích-Chánh-Lạc, Phó-Chủ-Tịch Điều-Hành đã đọc Tuyên-Ngôn Quyết-Nghị của Đại-Hội.

Bản Quyết-Nghị gồm 5 điều như sau :

1.- GHPGVNTNHN tại Hoa-Kỳ - Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo đặt trọng tâm vào cuộc Vận-Động Quốc-Tế giải trừ Pháp-Nạn và Quốc-Nạn. Xem đây như phương thức trị liệu từ gốc để khai thông sự suy thoái, khủng hoảng và bế tắc của đất nước trên các lãnh vực Đạo-Lý, Văn-Hóa, Xã-Hội, Kinh-Tế, Chánh-Trị, Công-Nghệ. Cuộc Vận-Động này nhắm chỉ vào các Trung-Tâm-Quyền-Lực và Quốc-Hội Âu, Mỹ, Úc, Cơ-Quan Liên-Hiệp-Quốc, các Tổ-Chức Nhân-Quyền, các Công-Đoàn Quốc-Tế cũng như các tổ chức Nhân-Bản và Tôn-Giáo trong Thế-Giới.

2.- Song song với Sách-Lược Tâm-Công Quốc-Tế nói trên, GHPGVNTNHN tại Hoa-Kỳ - Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo, thiết lập tại các Châu những Học-Viện đào tạo Tăng tài, chuẩn bị cho cuộc Phật-Hóa Thế- Kỷ 21. Thiết lập những Trung-Tâm Văn-Hóa làm nơi sinh hoạt học Văn, học Phật nhằm đạo luyện thế hệ trẻ song toàn giữa Kiến-Văn và Giới-Hạnh để khai mở kỷ nguyên khoan dung, tương ái và cộng sinh, thiết lập mối liên hệ hữu cơ với các Tông-Phái Phật-Giáo trong thế giới. Chuẩn bị cho sự ra đời một nền văn minh tổng hợp mang tính độ

sanh và giải thoát.

3.- Mở cuộc Vận-Động Giải-Giới Thế-Quyền và ảnh hưởng chính trị bề phái mạnh động đang làm ung thối nội tâm nền Phật-Giáo Dân-Tộc để trang nghiêm Đất-Nước và Pháp-Giới. Kêu gọi chư Tôn-Đức Tăng, Ni trong Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam hãy lánh xa với bất cứ thế lực chánh trị nào xây dựng trên các chủ thuyết Duy-Ngã, Duy-Lợi, Duy-Kỷ đi ngược với nỗ lực ban đầu của đức Phật sau khi Ngài thành đạo.

4.- Thông qua áp lực Quốc-Tế hoặc bằng những phương tiện thâm diệu Phật-giáo lay tỉnh sự hôn mê độc tài của nhà đương quyền Cộng-Sản để thực hiện 5 yêu sách sau đây.

— Yêu sách thứ nhất : Trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Hòa-Thượng Thích-Huyền-Quang, Hòa-Thượng Thích-Quảng-Độ, hai vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN đang bị cầm tù. Đòi hỏi cho nhị vị được trở về nơi thường trú ở Sài Gòn trước khi bị bắt và đầy ải không lý do. Để cho nhị vị được tự do hành đạo.

— Yêu sách thứ hai : Trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các tôn-giáo, các tù nhân chánh trị, các tù nhân lương tâm và chư Tăng, Ni, Phật-tử bị bắt giam, bị kết án vì lý do hoạt động tôn-giáo, tín ngưỡng hay nhân quyền từ năm 1955 tại miền Bắc và từ năm 1975 tại miền Nam. Điển hình là trường hợp của các Thượng-Tọa, Đại-Đức : Tuệ-Sĩ, Trí-Siêu, Hải-Tạng, Trí-Tự, Không-Tánh, Nhật-Ban, Trí-Lực, Phước-Viên, Tâm-Căn, Huệ-Đăng, Nguyễn-Ngọc-Đạt, cư-sĩ Nhật-Thường v.v...

— Yêu sách thứ ba : Phục hồi quyền Tự-Do Sinh-Hoạt Tôn-giáo của GHPGVNTN cũng như hồi trả các cơ sở cùng tài sản của Giáo-Hội bị cưỡng chiếm từ sau năm 1975.

— Yêu sách thứ tư : Cho GHPGVNTN hiện tại có quyền lập nhà xuất bản riêng thay vì phải đưa in kinh sách Phật-Giáo qua hệ thống kiểm duyệt của các nhà in của đảng Cộng-Sản. Và

— Yêu sách thứ năm : Chấm dứt tức khắc sự xen lấn của Nhà-Nước và Đảng vào sinh hoạt nội bộ Phật-Giáo Việt-Nam bất kể hệ phái nào.

Sau đây là hai bài diễn văn của Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội và Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo. (Các chi tiết quan trọng khác của Đại Hội, xin tìm xem *Kỷ Yếu Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của GHPGVNTNHN-HK — Văn Phòng II Viện Hóa Đạo* và cuộn băng video do Ban Tổ Chức thực hiện gồm 2 tập ghi lại những nét cương yếu của Đại Hội).

DIỄN VĂN KHAI MẠC của TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC ĐẠI-HỘI KHOÁNG-ĐẠI KỲ I GHPGVNTNHN-HK

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị quan khách,

Kính thưa quý vị đại biểu,

Kính thưa toàn thể Phật tử,

Thay mặt toàn thể Tăng Ni và Phật tử tại miền Nam California, chúng tôi hân hoan chào mừng chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni, quý vị quan khách, quý vị đại biểu đại hội và toàn thể Phật tử đã quang lâm tham dự lễ Khai-Mạc Đại-Hội Giáo-Hội Kỳ I hôm nay.

Được giao phó trách nhiệm tổ chức Đại-Hội Giáo-Hội Kỳ I trong một hoàn cảnh khó khăn về nhân sự và tài chánh, nhưng chúng tôi rất vui mừng khi nghĩ rằng đây là dịp được cung nghinh chư Tôn Đức, tiếp đón quý vị thiện-tri-thức cư-sĩ và đóng góp phần nào cho sự thành công của Đại-Hội.

Kể từ sau Đại-Hội Thống-Nhất thành lập Giáo-Hội tại San Jose cách nay bốn năm, đây là Đại-Hội Giáo-Hội Khoáng-Đại đầu tiên của

chúng ta. Theo Quy-Chế, Đại-Hội Giáo-Hội là cơ quan quyết nghị cao nhất thẩm định đường hướng, ngân sách, nhân sự và sinh hoạt của Giáo-Hội. Làm thế nào để Giáo-Hội có được một cơ cấu tổ chức hữu hiệu, nhân sự lãnh đạo tài đức, hướng đi phù hợp với tinh thần đạo giáo, dân tộc và thời đại, qua những chương trình sinh hoạt thực tiễn thích hợp với mọi tầng lớp và lứa tuổi Phật tử, đó là trách nhiệm chung của tất cả quý vị đại biểu Đại-Hội.

Trong nhiệm kỳ bốn năm đầu tiên vừa qua, trên nền tảng được xây dựng từ giáo chỉ của Cố Đại-Lão Hòa-Thượng Chánh-Thư-Ký kiêm Xử-Lý Viện-Tăng-Thống, tâm thư của chư Tôn Hòa-Thượng Quyền-Viện-Trưởng và Tổng-Thư-Ký Viện-Hóa-Đạo cùng với tâm nguyện thiết tha của Tăng Ni, Phật tử hải ngoại, Giáo-Hội chúng ta đã duy trì và củng cố được sự đoàn kết hòa hợp của chư Tôn Đức Tăng Ni trên căn bản giới luật ; đã củng cố và phát triển được mối quan hệ thống nhất trong phạm vi quốc gia cũng như khắp các Châu ; đã nỗ lực vận động dư luận thế giới hậu thuẫn công cuộc giải trừ Pháp nạn tại quê nhà. Nói chung, Giáo-Hội chúng ta đã thực hiện được những bước đầu tốt đẹp cho một nền thống nhất Phật-Giáo Việt-Nam hải ngoại mà hầu hết chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử hằng tha thiết mong đợi. Dĩ nhiên, xây dựng Giáo-Hội đã là một điều khó ; nhưng duy trì và phát triển Giáo-Hội cũng khó không kém và nhiều lúc còn khó hơn, đặc biệt là tại những quốc gia mà văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, xã hội, kinh tế hoàn toàn khác biệt và con người có khuynh hướng theo đuổi chủ nghĩa tự do cá nhân và bị đời sống vật chất cám dỗ.

Do đó, từ những thành quả đạt được trong nhiệm kỳ đầu tiên vừa qua, Giáo-Hội chúng ta cũng thấy được những thử thách phát xuất từ khả năng ứng cơ hạn chế của tổ chức Giáo-Hội bao gồm cơ chế, đường hướng, nhân sự và sinh hoạt.

Hướng về nhiệm kỳ bốn năm sắp đến,

nhiệm kỳ có đặc điểm là nằm vào “những năm Giao-Thừa” giữa hai thế kỷ, do vậy, bên cạnh trách nhiệm kiện toàn cơ chế Giáo-Hội, tiếp tục những nỗ lực đoàn kết nội bộ, thống nhất tổ chức, sứ mệnh của Đại-Hội Giáo-Hội Kỳ I là chuẩn bị những năng lực cần thiết, tinh thần cũng như vật chất, để Giáo-Hội có thể mở ra cánh cửa mới cho lịch sử Dân-Tộc và Đạo-Pháp khi bước vào thế kỷ 21.

Chúng ta đang ở vào những năm tháng cuối cùng của thế kỷ thứ 20, thế kỷ của những thành tựu vĩ đại cũng như của những thảm họa khốc liệt của nhân loại. Điều đáng nói là những thành tựu vĩ đại và những thảm họa khốc liệt ấy đều chứng minh tính siêu việt của giáo lý đức Phật. Những thành tựu về khoa học và không gian đã chứng nghiệm những chân lý vũ trụ đã được thuyết minh từ hơn hai ngàn năm trước trong vũ trụ quan của Phật-giáo, đến nỗi một nhà vật lý học lừng danh được giải thưởng Nobel như Albert Einstein đã phải nhận định về Phật-giáo như sau : *“Nếu có một tôn giáo nào vượt qua được những đòi hỏi của khoa học hiện đại thì đó là Phật-giáo. Phật-giáo không cần phải xét lại để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật-giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để thích nghi với khoa học, vì Phật-giáo bao trùm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học”*. Trong khi đó, những thảm họa khốc liệt của thế kỷ 20, thế kỷ bao gồm hai cuộc thế chiến và nhiều cuộc chiến tranh hủy diệt, thế kỷ đã chứng kiến sự phát triển như vũ bão và sự tàn rụi nhanh như chớp của chủ nghĩa quốc tế Cộng-sản vốn được xây dựng trên căm thù và bạo lực, đã để lại một bài học đặc giá là : Chiến tranh, hận thù, bạo lực không thể tồn tại lâu dài và không mang lại tự do, hạnh phúc và thịnh vượng cho nhân loại.

Chính bài học đó đã làm sáng tỏ tinh thần Từ-Bi, chủ trương Hóa-Giải của Phật-giáo, một tôn giáo mà suốt chiều dài lịch sử 25 thế kỷ phát

triển đã không làm đổ một giọt máu nào. Cũng chính bài học đó đã giúp nhân loại đến gần với Phật-giáo và xem đây như là lương tâm của nhân loại trong ước vọng chung về một nền hòa bình của thế giới trong thế kỷ 21. Đặc biệt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Dân-Tộc, chính tinh thần Từ-Bi, chủ trương Hóa-Giải của Phật-giáo đã dung hòa những khác biệt và đối nghịch của Khổng-giáo và Lão-giáo để tạo thành một nền văn hóa khai phóng đặc thù của Việt-Nam, xây dựng một tiềm lực tâm linh thuần nhất, vững mạnh cho dân tộc, làm nền tảng cho những cuộc chiến thắng chống ngoại xâm, nhất là tránh được âm mưu đồng hóa của phương Bắc sau gần một ngàn năm Bắc thuộc.

Hướng về nhiệm kỳ mới của Giáo-Hội là hướng về những nhu cầu mới mà nhân loại và dân tộc đang kỳ vọng nơi giáo lý của đức Phật sau sự thất bại sụp đổ của những chủ nghĩa và ý thức hệ được xây dựng trên độc tài, bạo lực, hận thù và bất công. Vấn đề được đặt ra là các tổ chức Phật-giáo, trong đó có Giáo-Hội của chúng ta, có đủ nội lực và khả năng ứng cơ hay không để đáp ứng sự kỳ vọng đó. Nội lực phát xuất từ đạo hạnh, đức độ và đời sống tâm linh vững mạnh của toàn thể Tăng, Ni, Phật tử; khả năng ứng cơ phát xuất từ cơ chế, đường hướng và hoạt động của Giáo-Hội thể hiện được bản chất của Phật-giáo, đáp ứng được nhu cầu của thời đại. Kinh nghiệm của hơn nửa thế kỷ qua từ những nỗ lực chấn hưng Phật-giáo trong các thập niên 30 và 40 cho đến những công cuộc vận động trong thập niên 60 và mãi đến sau này, cho thấy, Phật-giáo Việt-Nam có những thành tựu nhưng cũng có những đổ vỡ, có những chỗ mạnh và những chỗ yếu, nhưng nói chung, cái được cũng như cái mất đều lớn lao.

Kính bạch chư Tôn Giáo-Phẩm, chư Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,
Kính thư Quý vị quan khách,
Kính thưa Quý vị thiện-tri-thức cư-sĩ đại-

biểu,

Kính thưa toàn thể Phật tử,

Với chủ đề của Đại-Hội Giáo-Hội kỳ này là Hóa-Giải và Xây-Dựng, với nội dung bao gồm Đề xuất hướng đi, Tu-Chính Quy-Chế và thiết lập chương trình hoạt động, với hoài bão và quyết tâm mở ra một cánh cửa mới cho lịch sử Dân-Tộc và Đạo-Pháp, hy vọng Đại-Hội sẽ giải quyết được vấn đề nội lực và khả năng ứng cơ của Giáo-Hội để hoàn thành sứ mệnh trong nhiệm kỳ mới.

Đại-Hội Giáo-Hội Khoáng-Đại kỳ này sẽ kế thừa và phát huy tinh thần của Đại-Hội Thống-Nhất cách nay 4 năm được thành tựu từ những lời di huấn và cũng là giáo chỉ của Cố Đại-Lão Hòa-Thượng Chánh-Thư-Ký kiêm Xử-Lý Viện-Tăng-Thống : *“Phát huy hơn nữa bản thể của Tăng-già mà đoàn kết hòa hiệp ; hãy cùng nhau thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật dạy ... Hãy vì sự tồn tại của Giáo-Hội, vì sự quang vinh của Đạo-Pháp và Dân-Tộc mà gạt bỏ những quan điểm dị biệt để cùng nhau hoằng dương chánh pháp”*.

Trong tinh thần đó, nhân danh Trưởng-Ban Tổ-Chức Đại-Hội, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại-Hội Giáo-Hội Kỳ I bắt đầu từ hôm nay và cầu nguyện Phật lực gia hộ Đại-Hội thành công viên mãn.

Nam-mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

■

DIỄN VĂN CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH GHPGVNTNHN-HK

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa toàn thể quý đại biểu,
Đã bốn năm qua kể từ khi Giáo Hội Phật

Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ thành lập. Từ nguyện vọng thiết tha của chư tôn giáo phẩm ở quê nhà đến bao tâm huyết của chư Tăng Ni Phật tử hải ngoại, Giáo Hội được hình thành. Với địa dư rộng lớn và tình hình chung của Phật giáo ở xứ người, Giáo Hội đã làm được nhiều điều mà chưa một tổ chức Phật Giáo nào từ trước đến nay thực hiện được đặc biệt là trong lãnh vực giải trừ pháp nạn, vận động cho nhân quyền, và liên kết các thành phần, các tổ chức Phật giáo. Chính những đau thương hoạn nạn mà đất nước và Giáo hội mẹ đang gánh chịu là động lực lớn nhất để chúng ta dẫn thân. Nhìn lại bốn năm chúng ta đã đi qua là một chặng đường dài. Trong giai đoạn đó quả thật có nhiều thành tựu mà cũng lắm thử thách và chắc chắn có bao việc trước mắt cần làm.

Kính thưa quý vị,

Cho đến giây phút này Giáo Hội tại quê nhà vẫn luôn tiếp tục gánh chịu sự đàn áp nặng nề của nhà cầm quyền Việt Nam. Chư Tôn giáo phẩm Tăng Ni Phật tử vẫn bị quản thúc tù đầy vì vận động cho sự phục hoạt của Giáo Hội. Với tuổi cao chồng chất trong vòng lao lý cay nghiệt của chư vị Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ thật là những hình ảnh não lòng cho tất cả chúng ta. Đất nước Việt Nam vẫn lẩn quẩn trong tương lai mơ hồ dưới chế độ độc tài đảng trị. Càng lúc người ta càng nhận ra rằng sự cởi mở ở mức độ nào đó chỉ là giai đoạn. Đa số dân chúng Việt Nam vẫn nghèo khổ, tài nguyên đất nước bị lãng phí và tuổi trẻ mất dần căn bản lương thiện của một xã hội lành mạnh. Chư Tôn giáo phẩm Tăng Ni Phật tử tại quê nhà đã thể hiện tinh thần vô úy dẫn thân trong một giai đoạn vô cùng gay go khốc liệt. Sự hi sinh của chư vị ấy không phải chỉ là những điểm son của lịch sử đạo Phật Việt Nam mà chính là chất keo sơn gắn liền giữa tất cả chúng ta ở hải ngoại.

Có lẽ vì dân tộc Việt Nam đau khổ quá lâu nên ngày nay khi nói về bị kịch đất nước hình

như quá quen thuộc đến độ bình thường. Nhưng chúng ta không thể giải quyết nỗi khổ đau của cuộc đời bằng thái độ buông trôi quên lãng. Kể từ khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ ra đời, Giáo Hội không ngừng đánh động lương tâm và công luận thế giới về những khổ đau mà đất nước và đạo Phật Việt Nam gánh chịu. Thật không đơn giản khi nói đến nhân quyền trong thời hậu chiến, tranh lạnh cũng như nói đến pháp nạn trong giai đoạn hiện tại. Giai đoạn mà báo chí nước ngoài khi đề cập đến Việt Nam thì nhận định rằng đa số người Việt Nam hôm nay chỉ muốn quên đi thể chế cầm quyền bằng sự đầu tư thì giờ, tâm trí vào việc xây dựng đời sống cá nhân.

Ở quê nhà là vậy. Còn ở hải ngoại cũng có nhiều trở lực phải đương đầu. Từ tình hình chung của các cộng đồng người Việt tị nạn cho đến sự thay đổi nhanh chóng trong nếp sống văn hóa phù hợp với bối cảnh địa phương, tạo nên một hình ảnh muôn màu muôn mặt mà chúng ta phải liên tục thích ứng.

Kính thưa quý vị,

Bốn năm trước đây, khi Giáo Hội thành lập chúng ta nói nhiều về tương lai. Hôm nay trong đại hội khoáng đại này chúng ta đã có một quá trình để nhìn lại. Việc quan trọng trước nhất là tái xác định chỗ đứng và tôn chỉ của Giáo Hội. Trước nhất Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phải có khả năng dung hợp mọi sự dị biệt tông phái địa phương, giáo hệ. Đặc tính này không phải chỉ là sắc thái độc đáo của Đạo Phật Việt Nam mà chính là nền tảng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Mỗi thành viên của Giáo Hội phải ý thức trọn vẹn về tôn chỉ này trong mọi hành xử mang danh nghĩa Giáo Hội. Thứ hai, chúng ta phải tin tưởng vào cơ cấu tổ chức. Giáo Hội không thể đặt trên vai một cá nhân nào. Điều này có nghĩa là cơ cấu tổ chức Giáo Hội phải có khả năng thay thế nhân sự mà không ảnh hưởng đến sự tồn tại lâu

dài. Thứ ba, bất kỳ trong giai đoạn hay hoàn cảnh nào Giáo Hội luôn luôn đóng vai trò lãnh đạo tinh thần thiêng liêng của Phật Giáo đồ đứng ngoài mọi hệ lụy thế tục.

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý vị,

Thật không dễ dàng để con thuyền Giáo Hội luôn luôn thuận buồm xuôi gió trong sứ mệnh hoằng hóa Phật Pháp, phụng sự chúng sanh. Nhưng nếu chúng ta ý thức sáng suốt về thực trạng của đạo Phật Việt và lấy Giáo lý Phật Đà làm phương châm hành hoạt phụng sự thì chắc chắn không phải chỉ có tồn tại mà còn góp phần to lớn cho sự phú cường mai hậu của dân tộc. Ý thức sáng suốt đó bắt đầu từ quan điểm sự hưng thịnh của Đạo Phật Việt Nam tại Hải ngoại, góp phần đáng kể cho công cuộc giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn.

Sự nỗ lực đơn thuần cho công cuộc vận động giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn và phục hoạt Giáo Hội thường làm cho chúng ta ngã cách thì sự tu học là mấu chốt chung mang chúng ta lại với nhau. Làn sóng người tị nạn cộng sản từ Á châu đã thổi một luồng sinh khí đạo Phật vào xã hội Âu Mỹ. Trong lúc Phật Giáo Tây Tạng, với số người khiêm tốn đã xây dựng những cơ sở tu học, hoằng pháp đáng kể tại xứ người. Riêng chúng ta về con số các chùa, hội Phật giáo tuy lớn nhưng chỉ có số ít là có khả năng hoằng hóa cho người địa phương. Thiếu khả năng truyền đạt Phật Pháp cho người bản xứ cũng có nghĩa là không đáp ứng được nhu cầu giáo dục Phật Pháp cho thế hệ trẻ.

Nói đến tương lai không thể không nói đến một cạm bẫy nguy hiểm. Thế giới đang bị đe dọa bởi những phần tử cực đoan. Trong lúc phải chấp nhận sống gần nhau thì người ta lại đào những hố sâu niềm hận sâu hơn. Dân tộc Việt và Đạo Phật Việt đã là nạn nhân của bao mâu thuẫn nội tại nên bởi các thế lực cầm quyền từ bao thời đại đặc biệt là dưới chế độ cộng sản

hiện nay. Thái độ lắng nghe, tìm hiểu, thận trọng, tự chế trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Thể hiện tinh thần dung nhiếp, đầu tư thật nhiều vào lãnh vực tu học của cả hai giới xuất gia và tại gia, tiếp tục nỗ lực cho công cuộc phục hoạt Giáo Hội mẹ bên quê nhà là sự đóng góp thiết thực của chúng ta không những cho công cuộc giải trừ Pháp nạn mà cho cả sự hưng thịnh lâu dài của dân tộc, đạo pháp.

Tin tưởng vào Phật lực nhiệm mầu, vào tấm lòng sắt son của toàn thể Tăng Ni Phật tử và sự dẫn thân cao quý của những thành viên Giáo hội, chúng tôi tin tưởng vào tương lai tươi sáng của Giáo hội. Xin thành tâm nguyện cầu Phật Pháp trường tồn, thế giới hòa bình, pháp nạn và quốc nạn tại Việt Nam sớm chấm dứt và tất cả chúng sinh an lành tinh tiến trong thiện pháp. Nguyện cầu tất cả chúng ta có đầy đủ tình thương, trí tuệ và tinh thần phục vụ để đóng góp thiết thực cho đại hội. Kính chúc quý ngài, quý vị vô lượng an lạc.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

■

NHÀ NƯỚC CỘNG SẢN VIỆT NAM SAN PHẪNG CHÙA LONG THỌ, TỈNH LÂM ĐỒNG — HT TỪ MÃN VÀ TT TÂM THANH TỬ CHÚC ĐỂ PHẢN ĐỐI

Cuối tháng 10 năm 1996, Nhà nước Cộng Sản Việt Nam bắt giam Đại Đức Thích Minh Đạo (thế danh Trương Thành Tâm) cùng 34 Tăng Ni, để chuẩn bị san phẳng 15 căn nhà thuộc Tịnh thất Long Thọ ở phường 10, cách trung tâm Đà Lạt 6 cây số. Nhà nước cũng ép buộc Hòa Thượng Thích Từ Mãn—Trưởng Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo (Nhà nước) tỉnh Lâm Đồng kiêm Hiệu trưởng Trường Cơ bản Phật học Lâm Đồng—viết văn thư số 59/BC-BTS

ngày 24-10-1996 tổ cáo Đại Đức Minh Đạo và Tịnh thất Long Thọ “từ trước đến nay chưa bao giờ tham gia bất cứ một sinh hoạt nào của Giáo hội (Nhà nước) địa phương” và yêu cầu “Nhà nước xử lý theo pháp luật”.

Để phản đối sự đàn áp và xâm nhập vào nội bộ Phật giáo của nhà cầm quyền cộng sản, Hòa Thượng Thích Từ Mãn và Thượng Tọa Thích Tâm Thanh—Phó trưởng ban Trị sự Tỉnh hội kiêm Ủy viên Hoàng Pháp, Giám luật, Giáo sư và Phó Giám hiệu trường Cơ bản Phật học Lâm Đồng—đã viết “Đơn từ nhiệm” gửi Ban Dân vận, Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc, Ủy Ban Tôn Giáo tỉnh Lâm Đồng, cùng Văn Phòng Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo và Văn Phòng Ban Đại diện Phật giáo Thành phố tỉnh Lâm Đồng, xin từ chức và rút tên ra khỏi mọi chức vụ thuộc hệ thống Giáo hội Nhà nước.

(lược trích *Thông Cáo Báo Chí* ngày 8-1-1997 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

THƯỢNG TỌA THÍCH HẠNH ĐỨC VÀ ĐẠI ĐỨC THÍCH HẢI TẠNG ĐƯỢC TRẢ TỰ DO

Ngày 5-12-1996 vừa qua, nhà cầm quyền Cộng sản đã trả tự do cho Đại Đức Thích Hải Tạng, người đã tham dự cuộc biểu tình 40,000 Phật tử ở Huế ngày 24-5-1993 và bị bắt ngày 5-6-1993. Phiên tòa trá hình ngày 15-11-1993 đã xử bốn Đại đức cùng 5 Phật tử từ 3 đến 4 năm tù vì tội “phá rối trật tự công cộng”. Ba người đã được tự do là các Đại Đức Hải Chánh (30-4-1995), Hải Thịnh (5-3-1996) và Hải Tạng. Đại Đức Thích Trí Tự hiện còn bị giam giữ. Chưa biết Đại Đức Hải Tạng có được trả về chùa Linh Mục ở Huế hoặc chùa Long An ở Quảng Trị, hay là cũng lâm cảnh tương tự như hai Đại Đức Hải Thịnh và Hải Chánh trước đây: bị bắt cởi áo tu, hoàn tục và đưa về quản thúc tại nguyên quán!

Hầu hết các tu sĩ Phật giáo bị Nhà nước Cộng sản cầm tù, khi được trả tự do, đều bị buộc cởi áo tăng, hoàn tục, trở về với gia đình thế tục của vị ấy. Đây là chính sách thâm độc của nhà cầm quyền nhằm loại bỏ càng nhiều càng tốt các nhân sự trung kiên ủng hộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trường hợp Thượng Tọa Thích Hạnh Đức, giám tự chùa Sơn Linh ở xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là một trường hợp điển hình khác:

Thượng Tọa Hạnh Đức (thế danh Võ hạnh Đức), là giám tự một ngôi chùa vốn bị đặt vào hệ thống kiểm soát của Giáo Hội Nhà nước. Nhưng năm 1992, Thượng Tọa Hạnh Đức ra Huế tham dự tang lễ Cố Đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và đã hỗ trợ cuộc đấu tranh đòi phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN do HT Thích Huyền Quang lãnh đạo, nên bị nhà cầm quyền Bà Rịa Vũng Tàu ra lệnh đuổi khỏi chùa Sơn Linh. Ngày 9-7-93, trước sức kháng cự của 2,000 Phật tử bảo vệ chùa Sơn Linh, công an cơ động hợp đồng với bộ đội, dùng xe thiết giáp tấn công chùa, bắt Thượng Tọa Hạnh Đức, 25 tăng sĩ và 100 Phật tử. Tháng giêng 1994, Thượng Tọa Hạnh Đức bị phiên tòa giả trá ở Bà Rịa xử 3 năm vì tội “tổ chức chống người thi hành công vụ.” Thượng Tọa bị giam tại trại Phước Cơ ở Bà Rịa, sau chuyển lên trại Gia Trung ở Gia Lai, Tây Nguyên.

Sau tháng 7 năm 1996, Thượng Tọa Hạnh Đức mãn hạn tù về lại nơi hộ khẩu thường trú trước kia, tức chùa Sơn Linh Bà Rịa, thì bị công an xã cưỡng bức không cho cư ngụ. Gần đây, Thượng Tọa đã viết “Đơn Khiếu Nại” đồng gửi Thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông Bộ Trưởng Bộ Nội vụ, và ông Mười Thu, cơ quan T.78 TP Hồ Chí Minh. Các điểm chính của nội dung đơn khiếu nại như sau:

“... Ngôi chùa này chính tôi và đệ tử xuất gia của tôi chắt chiu dành dụm từng đồng bởi sức

lao động của mình làm ra, cộng với sự cúng dường của thập phương bá tính góp phần kẻ ít người nhiều, chứ không phải ngôi chùa này do chính quyền hay Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước) xây dựng rồi tôi đến sau xin ở để giữ chùa.

“Như vậy không biết lý do gì, hay căn cứ vào Nghị định, Nghị quyết nào, mà chính quyền sở tại đã hành hung và bắt buộc tôi phải rời khỏi chùa Sơn Linh (xã Xuân Sơn) là nơi tôi đã tạm trú từ trên 10 năm nay. Theo Nghị định 52 và 64 của Thủ tướng chính phủ ban hành thì những công dân sống trên đất nước CHXHCNVN, có chỉ thị 01 và 08 đều được định cư sau khi được chính quyền sở tại cho tạm trú từ 5 năm đến 10 năm trở lên, thì sẽ được cho làm thủ tục; làm giấy Chứng minh Nhân dân và hộ khẩu.

“Trường hợp của tôi khi các cấp chính quyền đến bắt, hoàn toàn không có lý do chính đáng và không có lệnh bắt đúng theo Bộ luật Tố tụng Hình sự: “Không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát. Việc bắt và giam giữ người phải đúng qui định của Bộ luật này.” (Chương I, điều 5).

“Khi bắt giam tôi, chính quyền sở tại đã tịch thu toàn bộ tài sản, kinh sách trị giá cả 100 triệu đồng, mà Bộ Luật Tố tụng Hình sự đã ghi rõ: “Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân đều bị xử lý theo pháp luật” (Chương I, điều 6).

“Khi đến trại Gia Trung, ông Giám thị trưởng Nguyễn Văn Thử và cán bộ Thanh, Trưởng bộ môn Giáo dục K1 đã hứa với tôi là: Nếu trong thời gian ở trại không vi phạm gì nghiêm trọng thì sẽ được giảm án như các trại sinh khác đúng theo luật. Thế nhưng, suốt thời gian ở trại, mặc dù tôi không vi phạm điều gì, song cũng không được giảm ngày nào. Như thế có phải chăng là những người có bốn phạm thì hành pháp luật thì có quyền đứng trên Pháp luật

hay không?

“Về tội danh ‘tổ chức chống người thi hành công vụ’ là hoàn toàn không có căn cứ, cũng như việc bí mật xét xử tôi là hoàn toàn trái với điều 19 chương I của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Toàn bộ sự việc từ bắt giam, xét xử và giam giữ, chính quyền đều không theo pháp luật của nước CHXHCNVN.

“Chúng tôi kiến nghị với quý ông:

“1. Can thiệp với chính quyền địa phương để tôi được ở ngôi chùa của tôi (chùa Sơn Linh, xã Xuân Sơn) vì không có một công dân nào trên đất nước Việt Nam sau khi ở tù về thì phải mất nhà;

“2. Can thiệp với chính quyền địa phương cho tôi nhận lại toàn bộ tài sản của chùa. Nếu vì lý do nào đó tài vật, kinh sách không bồi thường đầy đủ, thì phải bồi thường theo giá trị hiện kim, cũng như Phòng phát hành Kinh sách (có giấy phép của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, mà chính quyền đình chỉ hoạt động không lý do chính đáng. Bởi vì không có một công dân nào trên đất nước Việt Nam sau khi ở tù về thì phải mất hết tài sản.”

Bản sao “Đơn Khiếu nại” trên đây đồng lúc được gửi đến ông Đỗ Mười, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Lê Đức Anh, Chủ tịch nước CHXHCNVN, ông Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội, ông Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Trung Ương, ông Bộ trưởng Tư Pháp, ông Trưởng ban Tôn Giáo Chính phủ, Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, có trụ sở đặt ở Paris để nhờ đưa sự vụ ra Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève.

(lược trích Thông Cáo Báo Chí ngày 8-1-1997 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)



HÌNH ẢNH SINH HOẠT



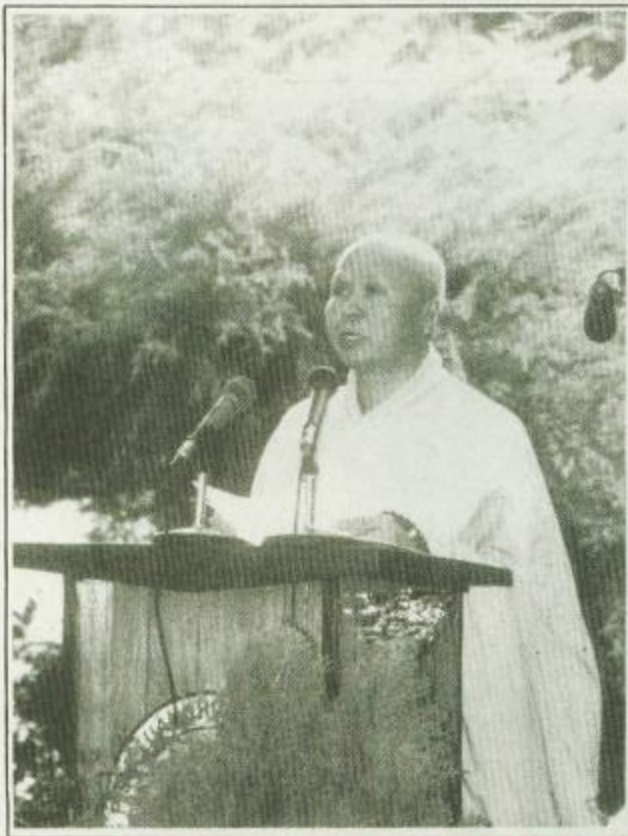
Lễ đài khai mạc Đại-Hội Khoáng-Đại kỳ 1



Chư Tôn Giáo Phẩm thành tâm dâng hương cúng Phật.



Chư Tăng Ni, Đại-Biểu và đồng bào Phật tử tham dự đại lễ khai mạc Đại-Hội Khoáng-Đại.



Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm Trưởng-Ban tổ chức Đại-Hội đọc diễn văn khai mạc.



Hòa-Thượng Thích-Hộ-Giác Chủ-Tịch Điều-Hành đọc diễn văn của Hội-Đồng Giáo-Hội.



Góc độ của hội trường hội nghị.



Quang cảnh của hội trường



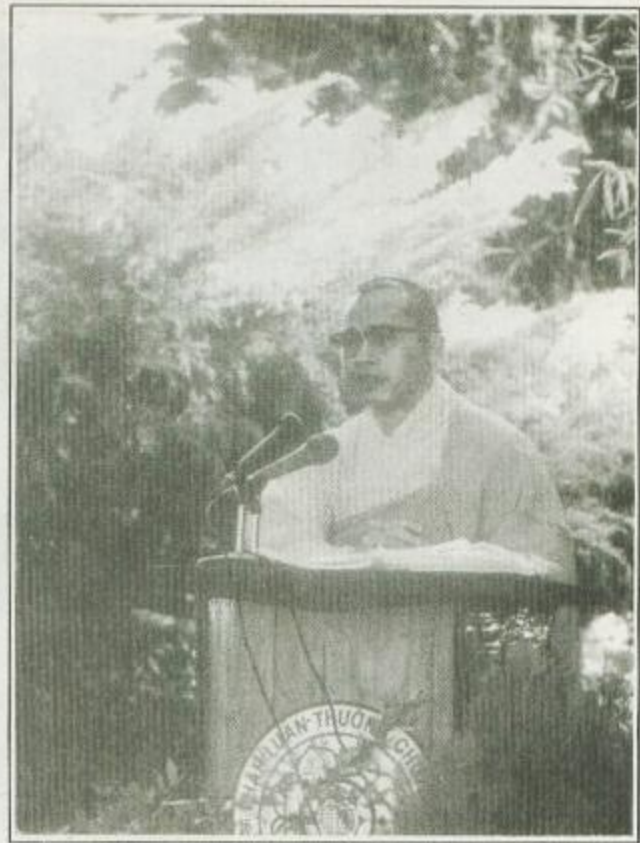
Ban Tu-Chỉnh Quy-Chế thuyết trình trước đại hội.



Thuyết-Trình-Viên thuyết trình Phật-Giáo và Văn-Hóa Giáo-Dục.



Hòa-Thượng Thích-Thắng-Hoan Phó-Chủ-Tịch
Đặc-Trách các Châu nói về ý nghĩa lễ Hiệp-Ky.



Thượng-Tọa Thích-Viên-Lý Tổng-Thư-Ký
tổng kết thành quả ba ngày Đại-Hội.



Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý Đại-biểu và đồng bào Phật tử thành tâm hướng về Phật đài
cử hành đại lễ Hiệp-Ky Chư Liệt Vị Tiên Bối Tổ Sư và Chư Thánh-tử-đạo.



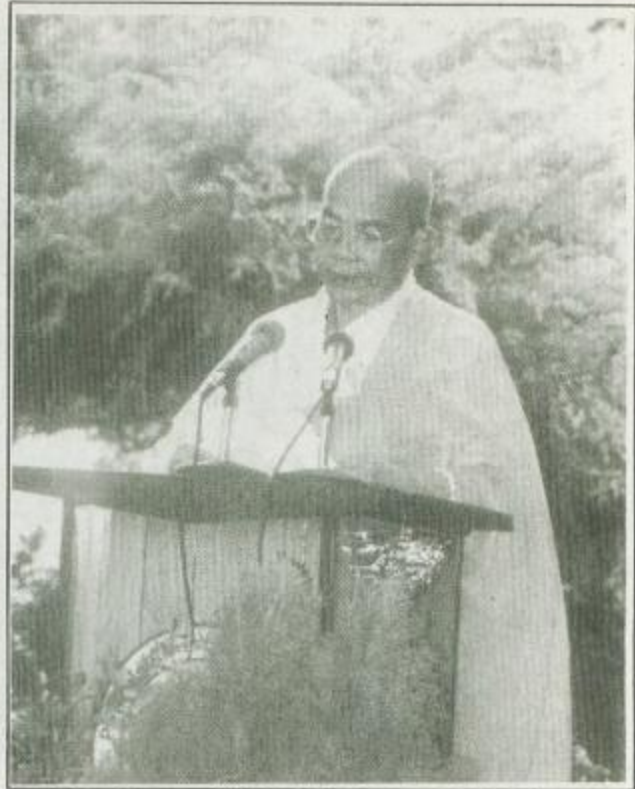
*Chư Tôn Đức Tăng Ni Việt-Nam và ngoại quốc cùng đồng bào Phật tử
tham dự lễ bế mạc Đại-Hội.*



*Thượng-Tọa Thích-Thiện-Trì Chủ-Tịch Hội-Đồng Giám-Luật,
thân bệnh tuy chưa hoàn toàn bình phục vẫn khắc phục ngồi xe lăn
với tinh thần dũng mãnh vì đạo pháp tham dự suốt 3 ngày Đại-Hội, phát biểu ý kiến.*



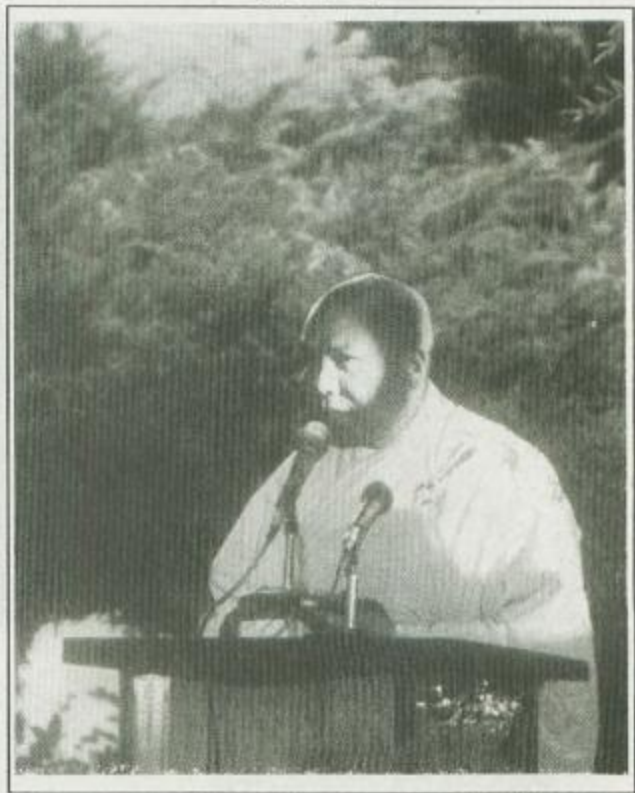
Hòa-Thượng Thích-Hộ-Giác Chủ-Tịch Hội-Đồng
Điều-Hành đọc lời tâm niệm của Đại-Hội.



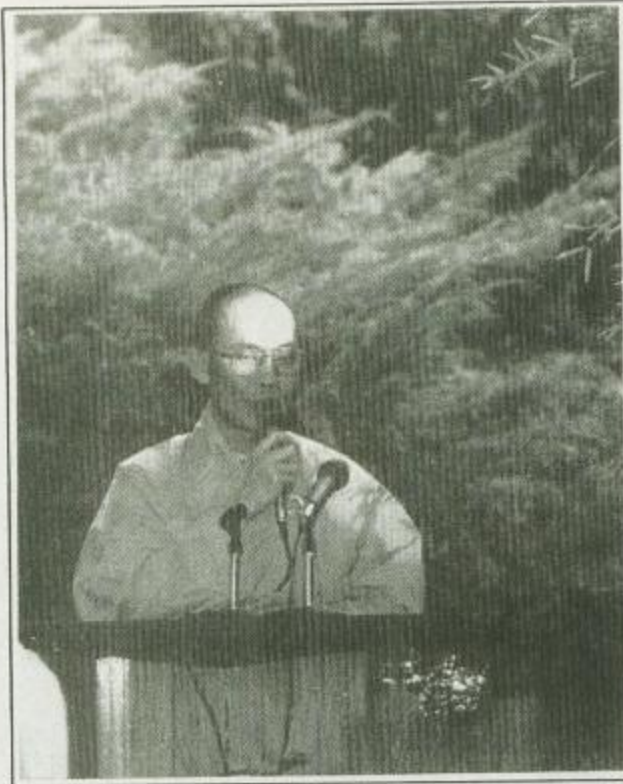
Hòa-Thượng Thích-Chánh-Lạc Phó Chủ-Tịch
Nội-Vụ Hội-Đồng Điều-Hành tuyên đọc quyết
nghị Đại-Hội.



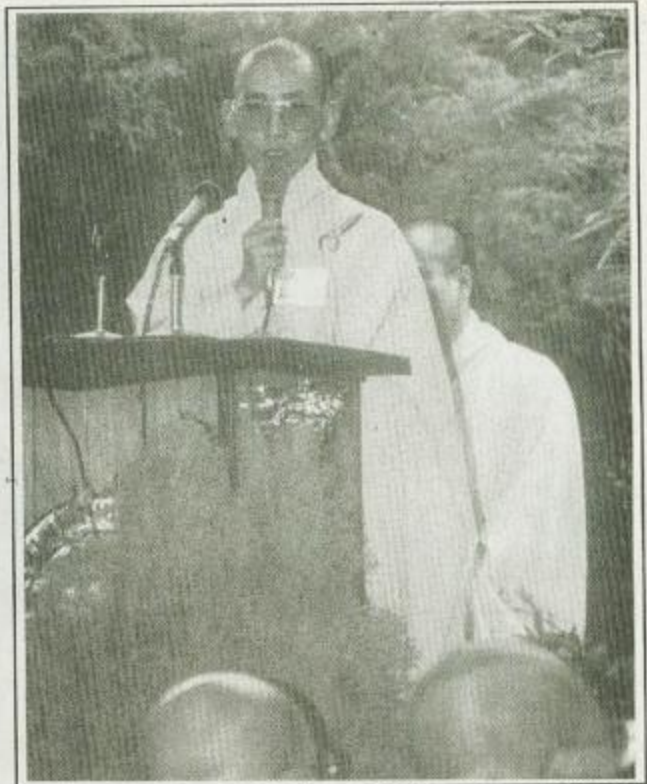
Thượng-Tọa Thích-Quảng-Bình đại diện Giáo-Hội
Phật-Giáo Âu-Châu phát biểu cảm tưởng trong
dịp lễ bế mạc Đại-Hội.



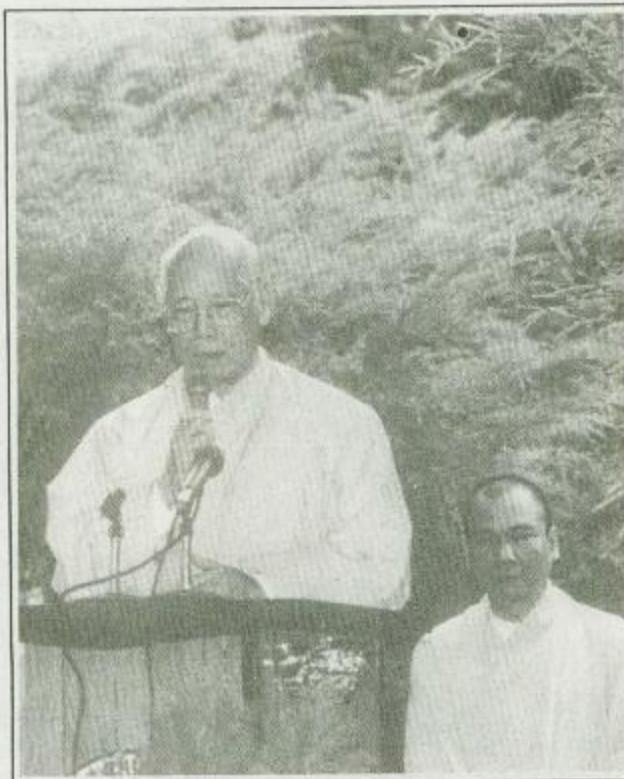
Thượng-Tọa Thích-Quảng-Ba Phật-Giáo Úc-Châu
phát biểu nguyện chung vai sát cánh với
Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo".



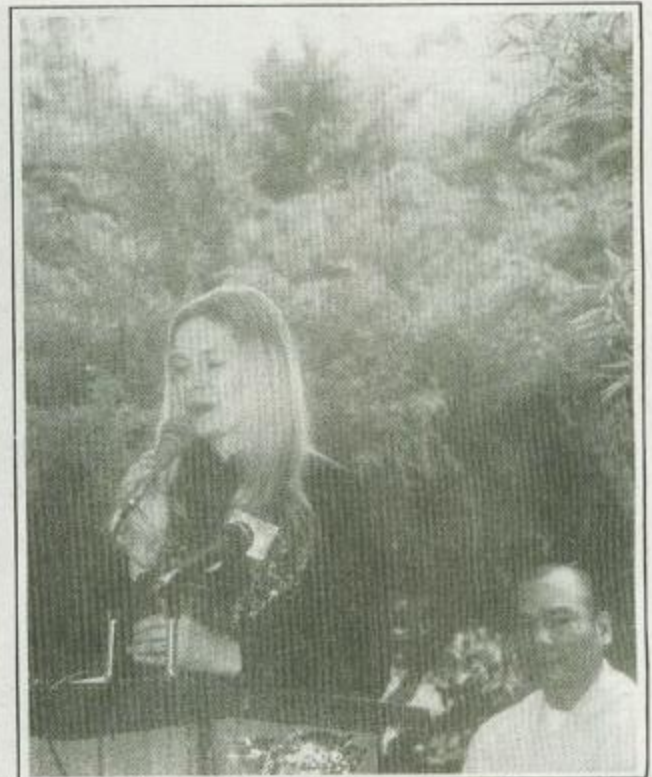
Thượng-Tọa Thích-Thiện-Tâm Chủ-Tịch Hội-Đồng Điều-Hành Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại Canada phát biểu một lòng tuân hành theo sự lãnh đạo Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo.



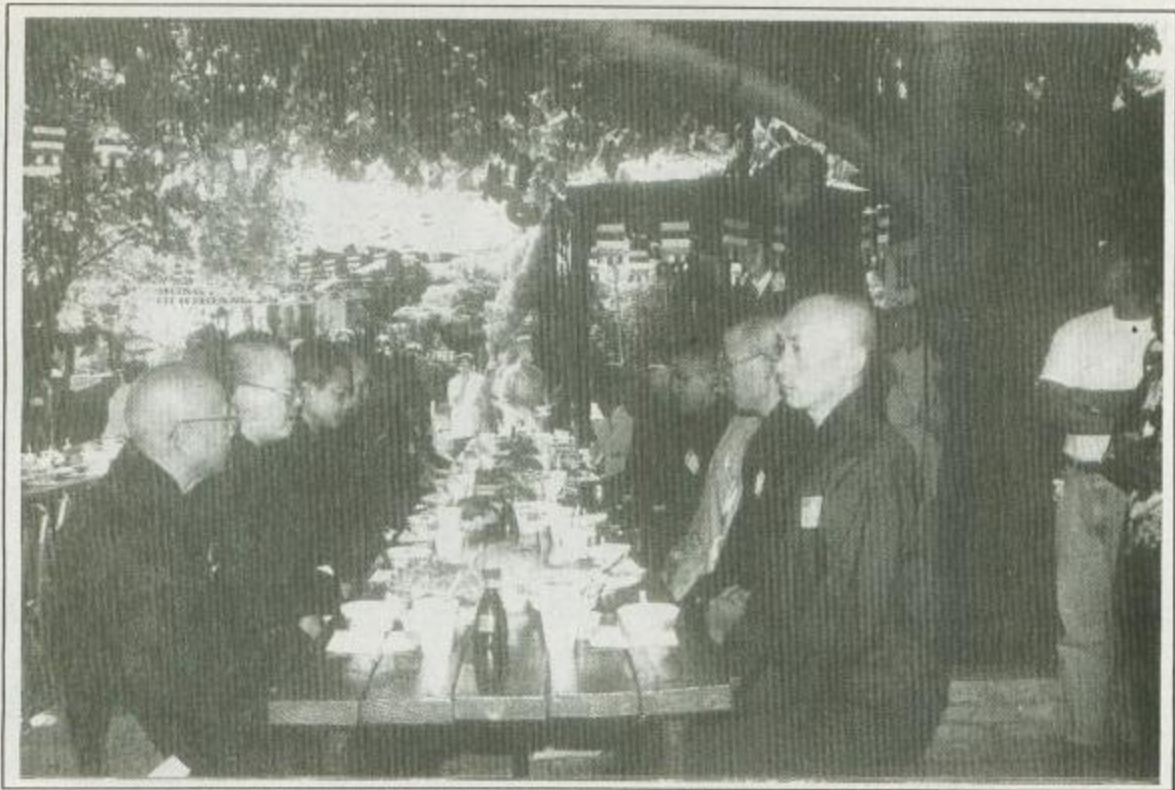
Thượng-Tọa Thích-Chơn-Lễ Hội-Trưởng Phật-Giáo Việt-Nam tại Nhật-Bản phát biểu: Luôn luôn hướng về sự lãnh đạo của Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo.



Giáo-Sư Ngô-Trọng-Anh đại diện các đại biểu phát biểu: Giáo-Hội đã đáp ứng nguyện vọng của Phật-giáo-đồ trong tinh thần cứu đạo độ đời.



Cô Ý-Lan, thiếu nữ người Anh-quốc, ngoại vụ phòng thông tin Phật-giáo Quốc-tế phát biểu: Tôi ước mong Việt-Nam sớm có tự do dân chủ, lúc đó tôi sẽ về thăm với tâm trí thanh thản.



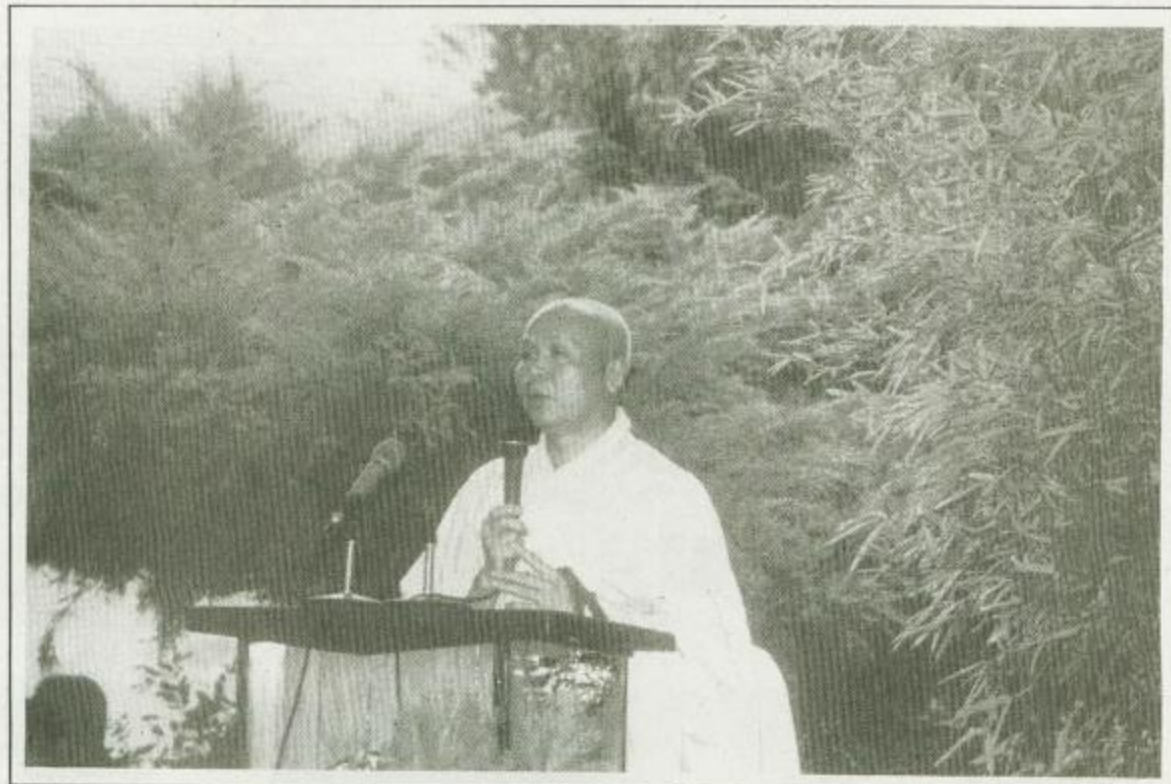
*Chư Tăng Ni thọ trai dưới gốc cây cổ thụ trong khuôn viên
Phật-Học-Viện Quốc-Tế.*



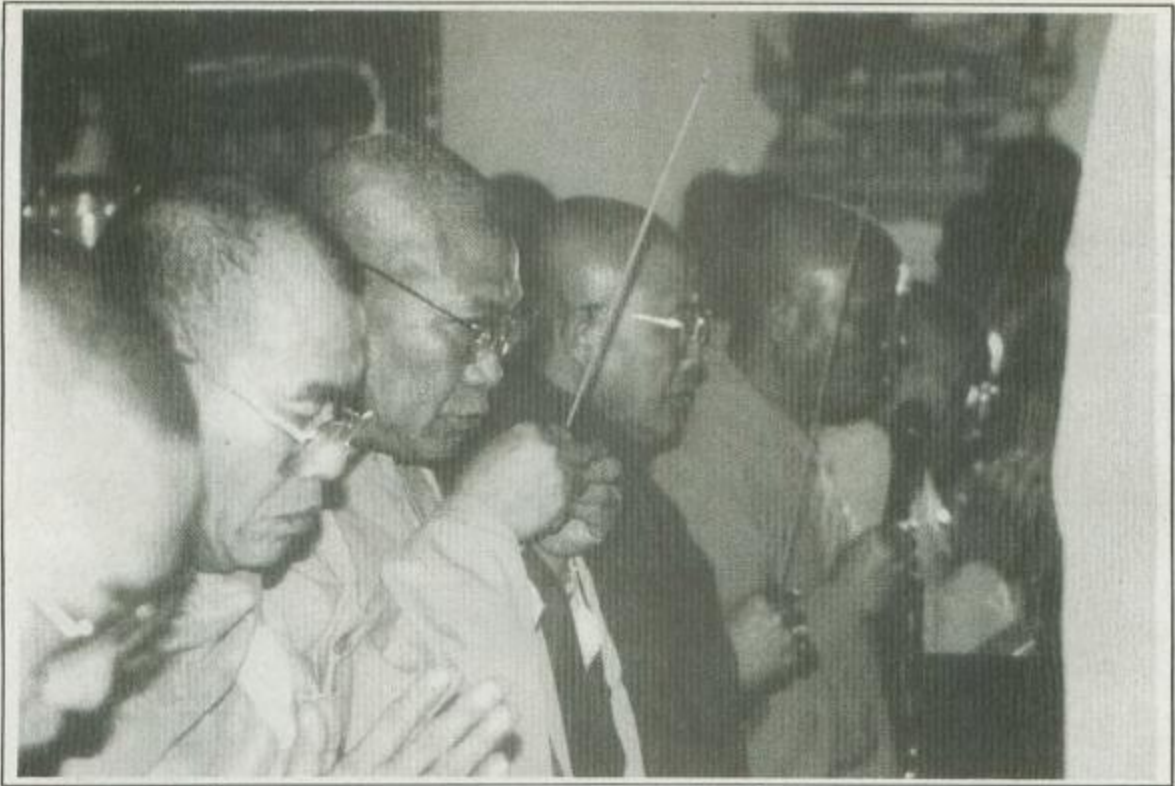
*Các Đại-biểu tịnh tâm mặc niệm trước khi thọ trai trong khuôn viên
Phật-Học-Viện Quốc-Tế.*



Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Đại-biểu lưu ảnii kỷ niệm sau hơn ba ngày Đại-Hội.



Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm Trưởng-Ban Tổ Chức Đại-Hội ngỏ lời cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý Đại-Biểu và đồng bào Phật tử đã thể hiện tinh thần vì đạo, mà bao dung độ lượng, đồng tâm nỗ lực đóng góp công sức tài đức đưa Đại-Hội đến thành công huy hoàng.



Chiều ngày Chủ Nhật 19-01-97, tại Phật-Học-Viện Quốc-Tế, Chư Tôn Đức Tăng Ni Giáo-Hội Phật-Giáo VNTNHN-Hoa-Kỳ thành tâm dâng hương cúng dường Tam-Bảo cử hành lễ siêu độ Hòa-Thượng Thích-Pháp-Tri Phó Viện-Trưởng Viện-Hóa-Đạo vừa viên tịch ngày Rằm tháng 10 Bính Tý tại Việt-Nam.



Đồng đạo đồng bào Phật tử vân tập về Phật-Học-Viện tham dự lễ siêu độ Hòa-Thượng Thích-Pháp-Tri.



Chùa Từ-Đàm Hải-Ngoại ở Dallas do Thượng-Tọa Thích-Tín-Nghĩa khổ công xây cất chùa xong, nên đông đảo đồng bào Phật tử tham dự lễ Vu-Lan phải đứng ngoài sân. Rất mong sự giúp đỡ của thập phương bá tánh để cho ngôi Tam-Bảo nầy sớm được hoàn thành sẽ xứng đáng là nơi tu học và hoằng pháp lợi sanh. Địa chỉ **TỪ ĐÀM: 615 Gilbert Rd., Irving, TX 75061 - Tel. (214) 986-1019**



Chùa Cổ-Lâm ở Seattle do Thượng-Tọa Thích-Nguyên-An đứng ra xây dựng chỉ mới được hình thức bên ngoài. Bên trong chùa xong, công trình xây cất mới được một nửa. Rất mong bốn phương Phật tử và Đồng hương phát tâm ủng hộ để cho ngôi Tam-Bảo sớm được hoàn thành để có nơi tu học cho Tăng Ni. Địa chỉ **CỔ LÂM : 3503 S. Graham St., Seattle, WA 98118 ; Tel. (206) 723-4741**

TRÍ - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Giác-Nhiên	\$100.00	Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$50.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyên-Thanh	\$100.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Ni-Sư Thích-Nữ Diệu-Từ	\$200.00
T.T. Thích-Thiện-Trì	\$200.00		
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$100.00	Chùa Phật Ân	\$100.00
Chùa Quang Minh	\$200.00	Chùa Liên Hoa Canada	\$100.00
Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00	Chùa Từ Ân Canada	\$50.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Dung Nguyễn Pd. Diệu Túy	\$100.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Bác Sĩ Ấn Danh	\$100.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Nguyễn-Mậu-Hung	\$50.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Lê-Văn-Hải	\$50.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền...	\$30.00	Pt. Nguyen-Quang-Dan & Diệu Nguyệt..	\$50.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Võ-Văn-Lộc (Jackson)	\$50.00
Pt. Trần-Ngọc-Anh	\$200.00	Pt. Nguyễn-Thu-Lan (Jackson)	\$20.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$100.00	Pt. Thâu Hua	\$20.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Khương	\$100.00	Pt. Nguyệt T. Hua	\$25.00
Pt. Thanh Thiện & Minh Giới	\$150.00	Pt. Phan-Ngọc-Diên Pd. Diệu Giác Lam.	\$30.00
Pt. Đạt Tôn	\$100.00	Pt. Tường Vi	\$30.00
Pt. Ông Bà Lê-Văn-Ba	\$100.00	Pt. Quảng Thúc & Đông Nguyễn	\$20.00
Pt. Khanh Đồng và gia đình	\$70.00	Pt. Tiêu-Thị-Xuyến Pd. Diệu Kim	\$30.00
Pt. Quảng Hòa & Diệu Định	\$50.00	Pt. Phạm-Kim-Ngọc	\$15.00
Pt. Phó-Thị-Minh-Hạnh & Nguyễn-Văn-Hòa	\$50.00	Pt. Nguyễn Xê	\$10.00
Pt. Thanh T. Vũ	\$50.00	Pt. Vỹ H.	\$30.00
Pt. Nguyễn-Hữu-Sử & Nguyễn-T-Thận ..	\$50.00	Pt. Đức Hương Hồ Thanh	\$20.00
Pt. Thu Nguyệt Pd. Quảng Thuận	\$50.00	Pt. Phạm-Văn-Mộc Pd. Thiện Lâm	\$20.00
Pt. Thanh Hiến	\$60.00	Thùy Phạm	\$10.00
Pt. Thanh Liên	\$20.00	Pt. Chơn Quán	\$20.00
Pt. Phước Bình	\$20.00	Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ..	\$10.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Diệu Chơn	\$20.00
		Pt. Hoa Thiện	\$20.00

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niêm ân tạ ơn tinh thần hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hầy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muôn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA - SOẠN PHẬT - GIÁO HẢI - NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

➔ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) 15MK một năm.

➔ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) 20MK một năm.

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

☒ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

☒ **Thư từ mua báo** hoặc **ủng hộ báo** xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 02-1997

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhứt Tụng	(Tụng Niệm hằng ngày)	\$11.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm(đủ loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Và Quán Vô Lượng Thọ	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh A Di Đà Sơ Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích Nữ Như Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng)...	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại-Bì-Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp)...	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Tâm-Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)...	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang	\$7.00
Kinh Hiền Ngụ	Thích Trung Quán	\$9.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Giảng Lục	Thái Hư Đại Sư	\$5.00
Kinh Lăng Già Tâm An	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$12.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Âm Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh)	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Trường A Hàm	Thích Thiện Siêu	\$8.00
Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Xá Luận Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh - Việt)	Thích Trí Chơn	\$7.00
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở	Diệu Nga	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi).....	\$3.00

Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đại Thừa Khởi Tín Luận	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Đạt Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Đế Hiếu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh An dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh An dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hải & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ	\$7.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang	\$8.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán mỗi quyển	\$8.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ dịch	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán mỗi quyển	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nền Tảng Của Đạo Phật (Anh-Việt)	Thích Tâm Quang dịch	\$10.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường & Thể Quán	\$3.00
Ngụ Ngôn	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh An	\$10.00
Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Mùa Vu Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiện Tâm	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đạo Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chúng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00
Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam 1963	Quốc Tuệ	\$15.00

Phật Giáo Việt Nam Và Hương Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Ngũ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tế Điền Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiền Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Tư Tưởng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý	Nguyễn Vĩnh Thượng	\$9.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu \... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh) ...	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vết Nhạn Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
* Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95
* Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 21 x 39) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp		\$96.00

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Áo tràng lễ màu lam (dù cỡ lớn nhỏ, gọn đẹp, trang nghiêm)	\$36.00		
Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trầm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 ... ⊗⊗⊗ ... Chuỗi đeo tay	\$4.50		
Chuông Mõ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì			
Chuông-Mõ cỡ lớn 5 inches ... \$86.00	>>> Chuông-Mõ cỡ nhỏ 3 inches	\$70.00	
Băng Thuyết Pháp	\$1.50	>>> Khánh Dẫn Lễ	\$40.00
Tượng Phật & Tượng các vị Bồ-Tát mạ vàng (đứng 7 inches - ngồi 6 inches)	\$86.00		
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại thường)	\$46.00		
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại Hoa Sen)	\$95.00		

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích trên, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tị nạn và gởi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật-Giáo hay Cộng-Đồng Phật tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuận chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trải rộng tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng Ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh lục hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bó-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng Chủ Nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử khắp bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám Hồng-Danh với sự hướng dẫn của chư Tăng, tiếp theo nghe Thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều Chủ Nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, sau đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Đặc biệt, bộ tranh lịch sử Phật gồm 32 tấm từ dẫn sanh đến nhập niết-bàn, khổ lớn (21 x 39) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh có chú thích ý nghĩa bằng Anh-Việt rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp và ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sưu tầm nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp đầu tiên trong lịch sử Phật-Giáo vậy.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách Thánh Hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật sẽ thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bất nhị cầu cảm thông với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật để làm phương tiện khai triển trí huệ xây dựng hạnh phúc, thánh thiện đời mình và con cháu. Tiền bạc sẽ không còn mãi. Kinh sách chan chứa lời Thánh Hiền, đạo đức sẽ còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, để lòng được tỉnh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/ Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm hành thiện.
- 2/ Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/ Phật-Học-Viện in kinh sách đều có sự chọn lọc kỹ lưỡng và chỉ có khả năng in một lần mà thôi.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **Phật-Học-Viện Quốc-Tế**

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827

HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317

LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy Free-way 5 South, - EXIT OS-BORN quẹo mặt - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) lấy Fwy 405 S. - EXIT NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy Free-way 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

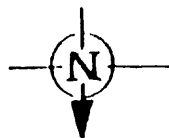
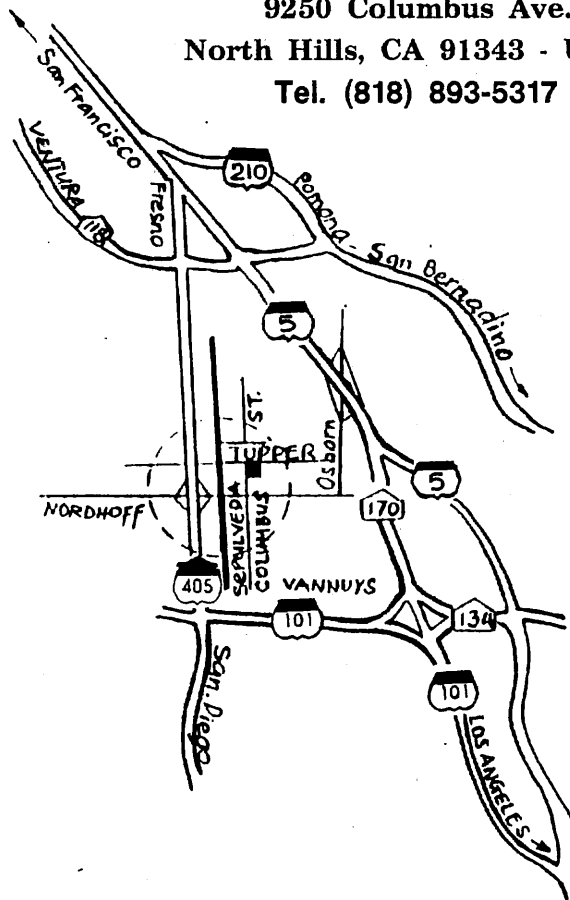
Lấy Free-way 101 West - đổi 5 North Sacramento - EXIT OSBORN quẹo trái - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) Fwy 101 W. đổi 101 N. đổi 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SANTA ANA:

Lấy Free-way 5 North Sacramento - EXIT OSBORN (theo lộ trình chỉ dẫn từ Downtown Los Angeles) • (hoặc) Lấy Fwy 405 N. Sacramento - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SIMI VALLEY:

Lấy Fwy 118 East đổi 405 South EXIT NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V.Q.T. ngay góc đường Tupper và Columbus.





**TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG
THỂ THIẾU :**

**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC DO
THÍCH TÂM QUANG SOẠN DỊCH :**

- 1. LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY VÀ MỤC ĐÍCH CỦA
CUỘC ĐỜI - \$5.00 + 1.50 C.P. (SONG NGŨ-ANH VIỆT)**
- 2. LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HÃI VÀ LO LẮNG
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 3. PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC
\$\$5.00+ \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 4. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 5. 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI
\$8.00 +\$1.50 C.P.**
- 6. NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI
\$9.00 + \$ 1.50 C.P.**
- 7. HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI
(SONG NGŨ-ANH VIỆT)
#5.00 + \$1.50 C.P.**
- 8. NỀN TẢNG CỦA PHẬT GIÁO
(SONG NGŨ-ANH VIỆT)
Dày 360 Trang - giá \$10.00**

**NƠI PHÁT HÀNH :
CHÙA TAM BẢO P.O. BOX 1903 FRESNO CA 93701
Đ.T.: 209-264-2728**

PHVQT, 9250 COUMBUS AVENUE NORTH HILLS, CA 91343

Đ.T.: 818-893-5317

BASTIAN & PERROTT

- MORTUARY -

18728 PARTHENIA STREET., NORTHRIDGE, CA 91324

TEL. (818) 886-8600 ; FAX. (818) 886-8656

Paul R. Neville

Manager

Nhà quản chúng tôi tiếp đãi quý vị niềm nở trọng hậu.

Đáp ứng sự yêu cầu của quý gia chủ.

Thuận theo nghi lễ phong tục của quý cộng đồng dân tộc.

Thủ tục đơn giản và sẵn sàng giúp đỡ quý vị.

GATES, KINGSLEY & GATES

- MORTUARY -

6909 CANOGA AVENUE., CANOGA PARK, CA 91303-3183

TEL. (818) 348-3354 ; FAX. (818) 348-2957

Robert A. Franke

Manager

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu tẩm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều tầng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đó gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trưng-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIẾU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây mộ cho hợp với thế đất...\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cẩm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng LƯU-KIM-CUÔNG (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngô Triệt trước miên

Ra đi gặp giặc mình liền tan thay!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đại phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viện-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Ty của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thạch-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá BÀU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Ty của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng DƯƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài ĐỖ-VĂN-LÝ khen là "Cố năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÃN nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Có bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi đứng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Nguyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Ty nầy rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Nguyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHAI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười: "Chồng ở mô mà sẵn rứa?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/. ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chi số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/. Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIỂU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu: Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.
Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ: Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PDM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi dẫu-số và thầy địa-lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rui ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cũng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi dẫu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ: = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đấy tháng

dem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trưởng Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

Nữ Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 Sherman Way, # 104 - Reseda, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172

☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.

☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.

☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.

☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG CHO
NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

NHẬN BẢO HIỂM HMO :

AETNA

BLUE CROSS

BLUE SHIELD

CIGNA

CARE AMERICAN

HMO CALIFORNIA

FHP FOUNDATION

HEALTH NET

MAXICARE

PACIFIC CARE

TAKE CARE

ONE HEALTH PLAN

- **THẦN KINH:** Nhức đầu, chóng mặt, động kinh, phòng ngừa tai biến mạch máu não.
- **TIM MẠCH:** Cao máu, suy tim, hồi hộp, tức ngực, khó thở.
- **HỒ HẤP:** Suyễn, viêm phổi, ho lao.
- **TIÊU HÓA:** Viêm loét bao tử, ăn không tiêu, đi cầu ra máu.
- **BỆNH VẾ MÁU:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **TUYẾN NỘI TIẾT:** Tiểu đường, bướu cổ
- **THẬN:** Nhiễm trùng đường tiểu, viêm thận, tiểu ra máu.
- **DỊ ỨNG:** Viêm mũi, ngứa.
- **BỆNH HOA LIỄU:** Giang mai, lậu, AIDS.
- **CÁC BỆNH PHỤ NỮ:** Huyết trắng, đau bụng khi hành kinh, rối loạn kinh nguyệt và thử PAP'S SMEAR.
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp, sưng khớp.
- **BỆNH NGOÀI DA:** Các loại mụn, ghẻ ngứa.
- **TRUY TẮM UNG THƯ:** Ruột già, vú, tử cung, niệu hệ tuyến.
- **THỬ MÁU:** Tiền hôn nhân.
- **CHÍCH NGŪA:** Trước khi du lịch.

Xin vui lòng gọi lấy hẹn trước

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00AM - 6:00PM

THỨ BẢY: 9:00AM - 3:00PM

CHỦ NHẬT: Khám bệnh theo hẹn

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ

- ♦ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ♦ Truy tầm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)
- ♦ Thử thai miễn phí và cấp thẻ Medical tạm (nếu hội đủ điều kiện)

NHẬN MEDICAL — MEDICARE — BẢO HIỂM — HMO

Giá đặc biệt cho những người trả tiền mặt.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

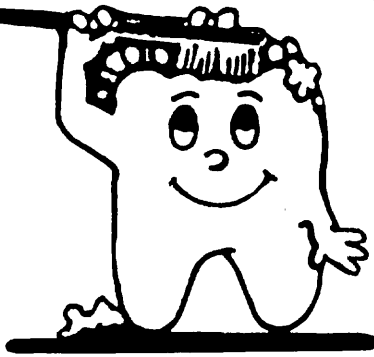
BÙI VĂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Saticoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- => Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- => Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.
Tẩy răng trắng.
Làm răng giả các loại.
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.
Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

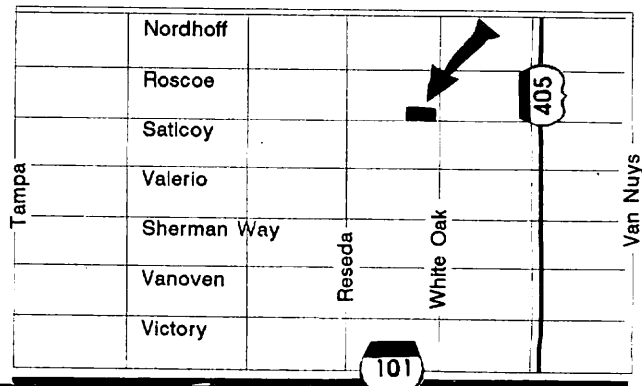
9:00am = 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am = 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am = 4:00pm

NGHỈ : CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM



USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chung Tôi Nhân :

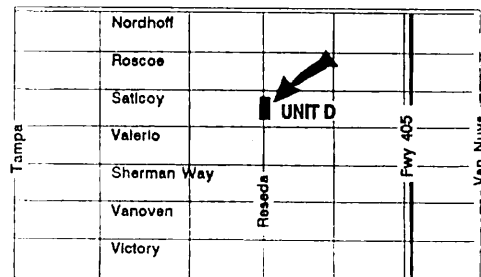
--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận **VISA, MASTERCARD**



REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUYỀN TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

T & K

Realty & Mortgage

18546 Sherman Way Suite 100A, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 344-5660 Fax: (818) 344-5877

LUYẾN TRẦN

Broker/Owner
Pager: (818) 372-5358

HẢI NGUYỄN

R.E. Broker/Sr. Loan Officer
Pager: (818) 217-9461

JOE CHÂU NGUYỄN

Realtor Associate
Pager: 1-800-607-1839

CHUNG TRỊNH

Realtor Associate
Tel: (818) 718-8651

TU TRƯƠNG

Realtor Associate
Tel: (805) 492-3380

PETER TỊNH NGUYỄN

Realtor Associate
Pager: (818) 372-6510

- MUA BÁN NHÀ
- VAY TIỀN
- REFINANCE
- LỆ PHÍ RẼ
- TIỀN LỜI THẤP

Đến với

T & K Realty & Mortgage

Quý vị sẽ an tâm

INCOME TAX

*Khai thuế lợi tức cá nhân và thương mại
mại nhiều năm kinh nghiệm*

- LẤY VỀ TỐI ĐA
- HỢP PHÁP
- KÍN ĐÁO
- TẬN TÂM

Luyện Trần

Pager: (818) 372-5358

Hải Nguyễn

Pager: (818) 217-9461

LỆ PHÍ \$20. CHO SHORT FORM

Hằng ngày văn phòng chúng tôi có danh sách nhiều nhà mới đăng bán.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO

PHÒNG MẠCH - CHÂM CỨU - THUỐC BẮC - TRẬT ĐÃ TOÀN KHOA

*"Tìm đâu chữa hết bệnh này
Khỏi lo đau đớn lòng đây bằng phương
Thiện Y diệu thủ hồi xuân
Đồng bào khen tặng, công huân cứu người"*

Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

838 N. Broadway, Suite A, Los Angeles, CA 90012

(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

Tel. (213) 680-0888

Bác sĩ Thiện-Y đã chữa bệnh tại Việt-Nam, chữa cho các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood, bệnh viện Mullikin, La Palma Hospital Hoa-Kỳ. Đã được rất nhiều người viết thư cảm tạ, báo chí khen ngợi và được đồng bào vùng Los Angeles khen tặng danh hiệu "Diệu Thủ Hồi Xuân". Đến với Bác-sĩ Nguyễn- Thiện-Y để được chẩn mạch chính xác, chữa trị hữu hiệu. Chỉ 1 hay 2 lần sẽ thấy kết quả và hết bệnh. Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, chữa bệnh lâu năm.

**CHUYÊN TRỊ: NAM PHỤ LÃO ẤU, CÁC BỆNH ĐAU NHỨC, NAN Y, NỘI THƯƠNG, NGOẠI CẢM,
BAN SỎI TRẺ EM, BONG GÂN, TRẬT KHỚP XƯƠNG, BẰNG CHÂM CỨU,
TRẬT ĐÃ, ĐÃ THÔNG HUYẾT MẠCH VÀ THUỐC BẮC.**

* Đau lưng, đau cổ, nhức đầu kinh niên, nhức mỏi, phong thấp, cảm cúm, đau khớp xương, đau nhức toàn thân, mỡ trong máu, thiếu máu, sốt rét, dễ bị cảm, ớn lạnh quanh năm, viêm mũi, dị ứng (allergy). Da mặt nám, mụn bọc, lang ben, lở miệng, bị dị ỉn, ngón tay khó co võ hay mở ra, vộp bẻ tay chân.

* Đàn ông di tinh, yếu sinh lý, xuất tinh sớm, các bệnh về thận. Đàn bà kinh nguyệt không đều, không có kinh, kinh ra lâu ngày không dứt, hành kinh đau bụng, bạch đới, đau dây chằng, bấu tử cung, thần kinh suy nhược, buồn phiền (stress), mất ngủ, rụng tóc, sạn thận, hiếm muộn.

* Đau tim hồi hộp, yếu tim, nghẹt van tim, đau gan, vi trùng gan (hepatitis), vàng da, khó thở, áp huyết cao, áp huyết thấp, hen suyễn, ho ra máu, đau bao tử, loét bao tử. Các trường hợp trúng gió méo miệng, tay chân tê bại, run rẩy tay chân (Parkinson's disease)

* Phong ngứa, ghẻ độc (psoriasis), giang mai, tiểu đường, tiêu chảy, táo bón, trĩ nội ngoại, sa con trê, sa tử cung, điếc tai, tai có mủ, ù tai. Cai thuốc lá (Stop smoking), lên cân và xuống cân (weight control), ra mồ hôi tay chân.

* Các chứng bong gân, cụp xương sống, trật khớp xương tay chân do thể thao, té ngã, võ thuật, trượt ski v.v... được chỉnh bằng phương pháp chỉnh xương Thiếu Lâm gia truyền.

Đặc biệt: Thuốc rượu và thuốc viên gia truyền, cường dương bổ thận, kết hợp trên 1.000 toa đáp ứng theo ý muốn của bệnh nhân, kết quả bảo đảm. Có thuốc thần dược trị hết bệnh siêu vi trùng gan, kết quả thử máu sẽ minh chứng. Có thuốc trị bệnh tiểu đường, rất nhiều người đã hết bệnh, kết quả rất mỹ mãn. Phòng ngừa và trị các bệnh ung thư. Dùng kim mới cho mỗi lần châm. Trang bị các máy tối tân không dùng kim. Đủ các loại thuốc viên, thuốc tễ, thuốc rượu, thuốc thang thượng hạng... Nhận gửi thuốc đi các tiểu bang Hoa-Kỳ và ngoại quốc.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Chủ Nhật - 10AM - 6PM = Nghỉ Thứ Sáu

Parking miễn phí, tiện lợi an toàn, quý khách, vui lòng đậu xe kế bên phải phòng mạch.

NHẬN MEDICAL, VISA, MASTER CARD



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cẩm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận MEDICAL và CÁC LOẠI BẢO HIỂM

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM
NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẹ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd., Northridge, CA 91324

Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- > Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- > Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- > Bán các loại thiệp, quà tặng.
- > Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- > Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)
- > Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ
Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

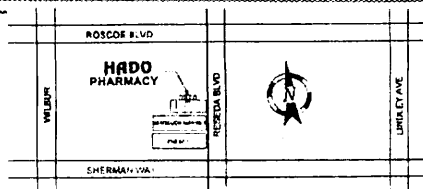
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:50 AM - 6:50 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM



BÁC SĨ NHA KHOA

LÊ THÀNH HÒA



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

ALHAMBRA

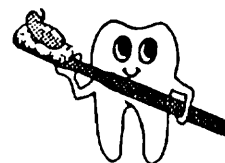
407 W. MAIN STREET
ALHAMBRA, CA 91801
Tel. (818) 281-6642

GIỜ LÀM VIỆC:

**THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:
9AM - 6PM**

BÁC SĨ NHA KHOA

THÁI QUỲNH QUANG



VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
VAN NUYS, CA 91405
Tel. (818) 904-0224

(cùng Building với Phan's Pharmacy)

GIỜ LÀM VIỆC:

**THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM
THỨ BẢY: 9AM - 5PM**

DAVICO INC. ĐẠI VIỆT CÔNG TY

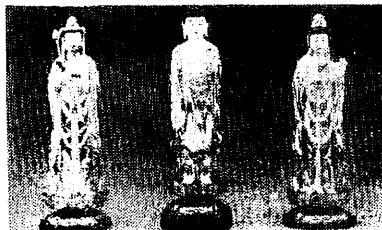
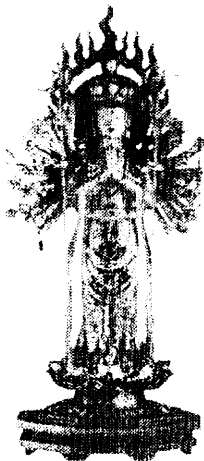
Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries

The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



- * Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ gỗ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.
- * Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiểng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, AN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

- ☺ Nha Khoa Gia Đình.
- ☺ Khám Răng Định Kỳ.
- ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

- ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
- ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.
- ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm
Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
9:00am = 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM ST., LONG BEACH, CA 90804

Tel. (310) 439-7227 • 24hrs.

-> American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

-> Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

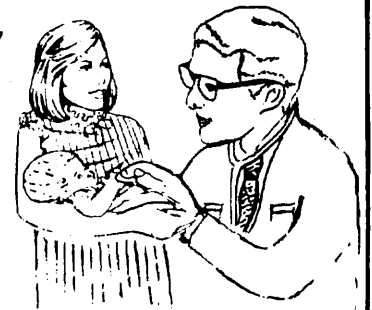
CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

-> *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ **Cộng tác chương trình băng sữa WIC**

⇒ **Đích thân săn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.**



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa
Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota
từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202

WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhe Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*

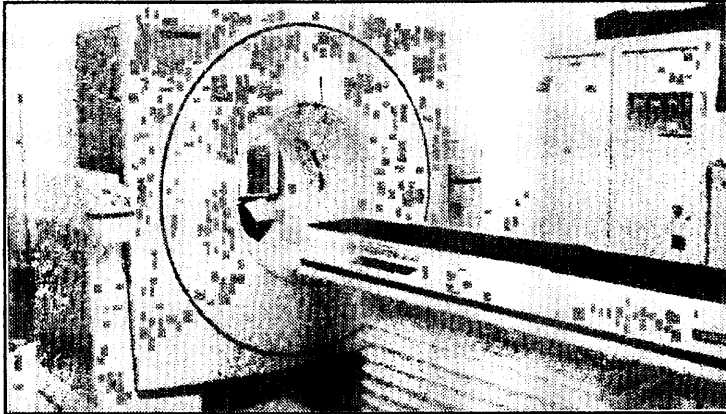
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**

GIỜ MỞ CỬA:

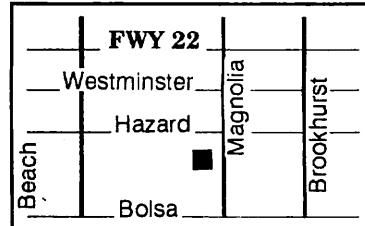
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM



DISCOUNT
*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ
Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

**14044 Magnolia * Suite 128
Westminster, CA 92683
(corner Westminster Blvd.)**

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443



VISA
MASTER CARD



NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chính xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplomate National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator

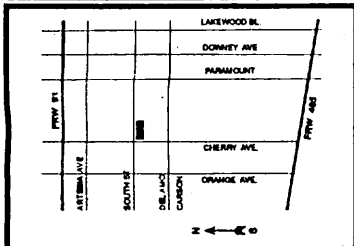


CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, sụp xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mỏi mệt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt

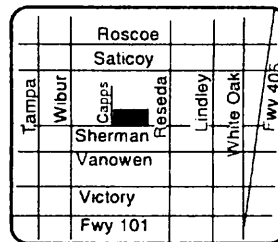
NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.



TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đầy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.



LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

2150 S. South St., Suite 104

Long Beach, CA 90805

Tel. (310) 790-8209

(góc đường Cherry + South, đối diện Food 4 Less)

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way., Suite 109. Reseda, CA 91335

(Trong khu Plaza Calco cạnh bành mị Ba-Le)

Tel. (818) 345-0999

Y-Khoa chỉnh xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

LƯU Ý: Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM



Trường Thẩm Mỹ

THÁI BÌNH DƯƠNG

PACIFIC BEAUTY COLLEGE

15436 Brookhurst St., Westminster, CA 92683

(góc Mc Fadden)

TEL. (714) 839-1276

Đào tạo chuyên viên làm TÓC và NAIL đi khắp 50 Tiểu bang và có chương trình huấn luyện cho quý đồng bào ở ngoài nước Mỹ.

NAIL CARE CĂN BẢN: 400 GIỜ
 NAIL CARE CAO CẤP: 200 GIỜ
 COSMETOLOGY: 1600 GIỜ

CÓ CHƯƠNG TRÌNH UYỂN CHUYỂN THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

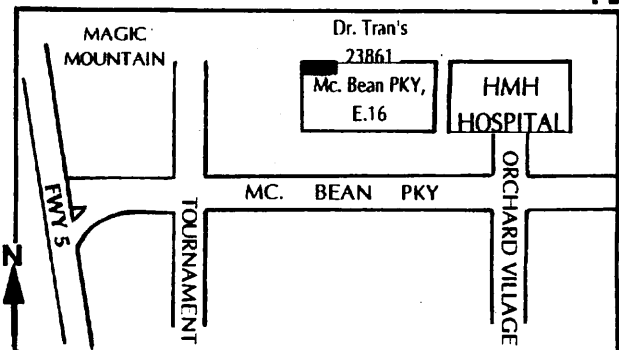
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- * Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinal Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- * Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- * Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- => *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- => *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- => *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- => *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*
 - Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...*
- => *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- => *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
- => *Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
- => *Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
- => *Tẩy các vết sẹo*
- => *Tái tạo các chức phận của bàn tay, gây thần kinh, gân và xương.*

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

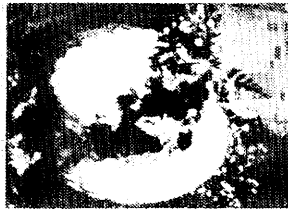
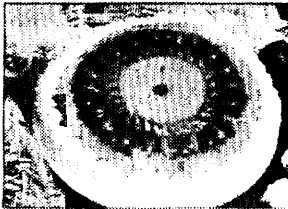
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật long lẫy
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

Ana Funding

Ana Real Estate

10900 WESTMINSTER AVENUE, SUITE 10 - GARDEN GROVE, CA 92643

(714) 636-2299 / 1-800-675-7786

- Hơn 10 năm phục vụ cộng đồng.
- Thành tín và tận tâm.
- Là một văn phòng mà quý vị có thể tin tưởng trong các dịch vụ về Địa ốc và Tài Trợ Địa ốc.
- Nhiều kinh nghiệm để giải quyết những trường hợp khó khăn khi mượn tiền.



AN NGUYỄN
Broker

- Mua bán nhà
- Apartments
- Shopping center
- Các cơ sở thương mại
- Leasing
- Property management
- Chuyên mua bán nhà của nhà băng và của HUD
- Mượn tiền mua nhà và refinance
- Mượn Equity loan để làm business, trả nợ credit card, mua xe...
- Thủ tục dễ dàng và nhanh chóng
- Lệ phí nhẹ

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



Tài liệu Nha-Khoa do Bác-Sĩ Phương-Lan
biên soạn, miễn tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

Chữa bệnh nướu răng, răng bị
chảy máu, đánh răng trắng, lấy
gân máu, nhổ răng, làm răng giả
các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

Vá răng sút mẻ, làm khít răng
thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi
màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

Phòng ngừa sâu răng, chữa răng
mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em
từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER và các khu lân cận

(714) 893-6768

14044 Magnolia St., # 125

Westminster, CA 92683

(góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY

(310) 491-5529

906 E. Anaheim St.,

Long Beach, CA 90813

(đối diện Phố 79)

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

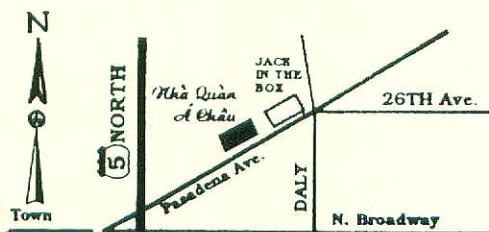
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỖ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường kang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dài Dào,
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cũ,
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,
Xin Đừng Ngần Ngại, Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cạp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**

NORTH
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 *** (310) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN-PHƯƠNG-TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

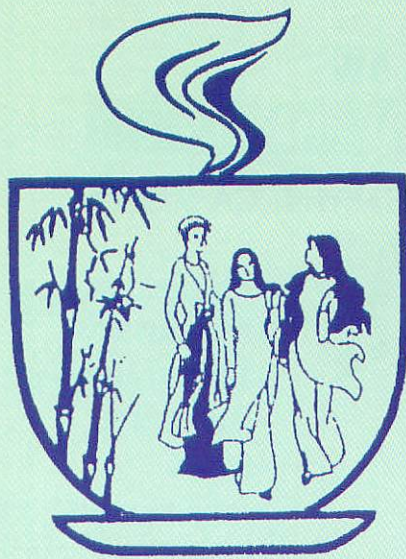
**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI**
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



NHÀ HÀNG

SAIGON EXPRESS

ORIENTAL CUISINE

18515 Roscoe Blvd., Northridge, CA 91324

(Góc đường Reseda sau lưng El Pollo Roco)

Tel. (818) 882-3028

Fax (818) 882-3875



🔔 Stir Fried Tender Beef
In Oyster Sauce



🔔 Deluxe Stir Fried Vegetarian



🔔 Deep Fried Shrimps

AND MANY MANY MORE !!!!!

We provide catering for all occasions arrangement can be made for after hour KARAOKE PARTY

Các bạn sẽ được thưởng thức những món ăn thuần túy Việt-Nam như:

- Cơm Hến Đông Ba, Phở Bắc, Bún Bò Huế, Bún Măng Vịt
- Bánh Xèo, Chạo Tôm, Nem Nướng, Bánh Hời
- Bò Nướng Lá Nho (nước chấm đặc biệt của Saigon Express)
- Càng Cua Bách Hoa

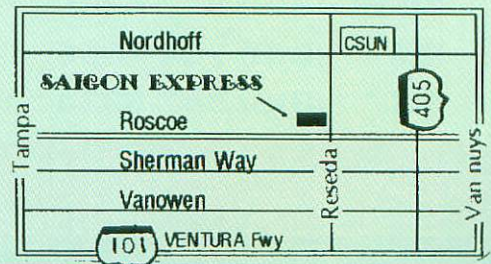
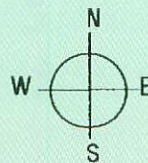
SAIGON EXPRESS

Kính Mời



MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai đến Chủ Nhật:
9 giờ sáng đến 9 giờ đêm



Nhà hàng sẽ nhận đặt tiệc,
nhóm bạn, tổ chức sinh nhật,
và Karaoke Party.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

ERIC K. CHEN OMD. JD.

ATTORNEY AT LAW

CHUYÊN LO CÁC DỊCH VỤ PHÁP LÝ

1040 S. San Gabriel Blvd., San Gabriel, CA 91776

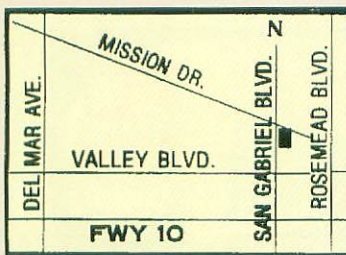


THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN

- TAI NẠN XE CỘ
- THƯƠNG VONG
- CHÓ CẢN
- TRƯỢT TẾ
- KHUYẾT ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM



- TRỊ LIỆU BẤT CẦN
- TRỢ CẤP SSI
- THÀNH LẬP CÔNG TY
- LUẬT DI TRƯ
- ĐỊA ỐC
- THỪA KẾ (LIVING TRUST)
- NHẬP TỊCH



TONY KONSTANTINE KWAN

TEL. (818) 286-3648

Pager: (818) 418-9888 ; Fax: (818) 286-6084

Đặc biệt giúp đỡ cho những vị lớn tuổi thi vào QUỐC-TỊCH SOCIAL SERVICE REFERRALS

OFFICE HOUR:

MON - FRIDAY:

➤ 9: AM - 5:30 PM

SATURDAY:

➤ 10: AM - 3:00 PM



SAM S. NGUYEN

TEL. (818) 347-1222
 PAGER. (818) 372-4961
 RES. (818) 704-7056
 FAX. (818) 347-3924

NATIONWIDE REALTY

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC

CHUYÊN MÔN

- Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.
- Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.
- Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.

NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ ĐỒ-ĐỀ

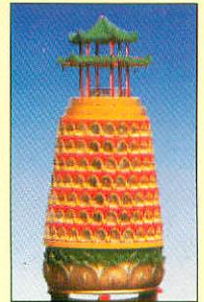
BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DELMAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỠ HÀNG KHẤP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dục-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kinh sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v...



Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.

☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Việt) **CÔ PHÓNG** - Tel (818) 280-2598

(Tiếng Anh) **MR. WU** - Tel. (818) 280-7813 ; Fax. (818) 280-4752

NEWPORT INSTITUTE OF COSMETIC SURGERY &

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn



Mrs. Dương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. GIAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. ©

Bà Dương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẼ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92600

TEL: (714) 759-8276 - Res. 898-6514

1-800-367-9671